**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 8/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 71 2](#_Toc420784368)

[Tập 72 22](#_Toc420784369)

[Tập 73 42](#_Toc420784370)

[Tập 74 62](#_Toc420784371)

[Tập 75 80](#_Toc420784372)

[Tập 76 101](#_Toc420784373)

[Tập 77 120](#_Toc420784374)

[Tập 78 140](#_Toc420784375)

[Tập 79 157](#_Toc420784376)

[Tập 80 180](#_Toc420784377)

# Tập 71

Chuyển ngữ: Tử Hà  
Biên tập: Bình Minh  
Giảng ngày: 06 tháng 07 năm 2010  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang sáu mươi mốt, hàng thứ tư.

**7. Bộ Loại Sai Biệt**

Đoạn cuối của mục thứ sáu nói về phân giáo. Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, đưa ra lời dạy của chư vị tổ sư để dẫn chứng. Ý nghĩa này vô cùng thâm sâu. Khi chưa giác ngộ, chúng ta thấy có tướng sai biệt trong bình đẳng. Ai thấy như vậy? Hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, đều không ngoại lệ. Sau khi giác ngộ, trong tướng sai biệt sẽ thấy được tướng bình đẳng. Hai câu này trong kinh đức Phật có nói. Trong kinh Kim Cang nói rằng: “thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ”. Thị pháp là tất cả pháp. Tất cả pháp thật sự là bình đẳng. Là thể bình đẳng, thể tự tánh thanh tịnh viên minh, hiện ra. Tướng cũng bình đẳng, dụng cũng bình đẳng. Thấy được tướng bình đẳng trong muôn ngàn sai biệt. Giống như những điều Bồ Tát Di Lặc nói, ngài nói về tất cả hiện tượng. Một khảy móng tay có ba mươi hai ức bá thiên niệm, niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức.

Từ đây cho thấy, nếu quí vị nhìn mỗi niệm, nó sinh ra hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, hầu như là sinh diệt đồng thời, hầu như đều là sanh diệt đồng thời. Nói cách khác, giống như kinh Kim Cang nói: “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, cho nên thể-tướng-dụng đều bất khả đắc, bất khả đắc ở đây là bình đẳng.

Suốt 49 năm đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp, trong đó có 22 năm đức Phật nói về Bát Nhã, 22 năm. Bát Nhã là gì? Là trí huệ chân thật vốn sẵn có trong tự tánh. Nói thiệt, đó là vĩnh hằng, bất sanh bất diệt mới là chân thật. Có hiện tượng sanh diệt thì không phải là chân thật. Trí huệ bát nhã và đức tướng trong tự tánh, bát nhã chính là trí huệ. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy, tất cả chúng sanh đều có đầy đủ, không ngoại lệ, hữu tình chúng sanh có đầy đủ, vô tình chúng sanh cũng có đầy đủ. Hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, hiện tượng của đại tự nhiên, không có gì là chẳng đầy đủ. Đây là chư pháp thật tướng, nghĩa là chân tướng của các pháp. Đức Phật đã nói điều này một cách rõ ràng.

Chư vị tổ sư phân giáo, bộ Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh này, trong tứ giáo tạng- thông- biệt- viên của tông Thiên Thai, chư vị tổ sư phân nó thuộc viên giáo. Trong ngũ giáo tiểu- thỉ-chung- đốn- viên của tông Hiền Thủ, cũng phân là viên giáo. Chẳng những là viên giáo mà còn là đốn giáo. Vì sao là đốn giáo? Bởi một đời thành tựu, không cần chờ đến kiếp thứ hai, trong một đời có thể chứng được cứu cánh viên mãn. Đây là pháp môn không thể nghĩ bàn.

Chúng ta xem đoạn thứ bảy- bộ loại sai biệt. Đầu tiên giới thiệu sơ lược qua, vì sao có đoạn này. Lý do chính là vì thâm cứu bổn kinh. Nếu muốn nỗ lực nghiên cứu, để hiểu rõ về bộ kinh này, thì cần nên biết, đồng bộ, đồng loại kinh luận.

Tất cả kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, những bộ kinh nào đồng bộ với kinh này, những bộ kinh nào đồng loại với kinh này. Và những điển tích đới thuyết về tịnh độ, để tiện cho việc tham cứu.

Trong đại thừa giáo thường gọi là tham cứu. Nghiên nghĩa là nghiên cứu, trên thực tế ha chứ này có thể thông dụng, nói tham cứu cũng được, nói tham nghiên cũng được, cùng một ý nghĩa thôi.

Người đời, nếu thâm nhập nghiên cứu một học thuật, một môn học, thông thường đều là nghiên cứu. Dùng phương pháp nào để nghiên cứu? Dĩ nhiên phải dụng tâm rồi. Tâm ở đây là tâm ý thức, thông thường gọi tâm này là phân biệt chấp trước. Phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy, gọi là tâm thức. Trong giáo pháp đại thừa nói tâm thức không phải là chân tâm, nhưng công năng của nó rất lớn, dùng tâm thức. Tâm sở của thức thứ sáu, trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói, có 51 tâm sở, thức thứ sáu đều tương ưng hết. Hầu như không có pháp nào chẳng nằm trong phạm vi nghiên cứu của nó. Nó có năng lực hiểu rõ ràng minh bạch.

Chúng ta thấy các nhà khoa học, triết học trên thế giới hiện nay, phạm vi và kết quả nghiên cứu của họ, có thành tích tương đối khả quan. Nhưng nghiên cứu thì không thể duyên đến tự tánh. Bản thể mà triết học nói, không thể duyên đến, cho nên rốt cuộc bản thể là gì, đến nay vẫn là một vấn đề lớn.

Phật pháp có cách nghiên cứu đến bản thể, vì sao? Vì Phật Pháp dùng chân tâm chứ không dùng vọng tâm. Chân tâm gọi là tham, tham nghiên. Tham cứu và nghiên cứu khác biệt nhau chỗ nào? Vừa rồi nói, nghiên cứu không rời tâm ý thức. A lại da là tâm, mạt na là ý, thức thứ sáu là thức, họ đã dùng tâm- ý -thức này. Tham cứu thì không dùng tâm ý thức. Phương pháp hoàn toàn không giống nhau. Không dùng thức thứ sáu nghĩa là không phân biệt, không dùng tâm phân biệt. Không dùng thức thứ bảy nghĩa là không dùng tâm chấp trước. Không dùng A lại da nghĩa là không khởi tâm không động niệm. Quí vị nghĩ thử xem, không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước. Tất cả đều buông bỏ hết, khi đó chân tâm hiện tiền, đạo Phật nói chân như bổn tánh hiện tiền. Nếu dùng tâm ý thức thì tự tánh sẽ không hiện tiền. Đạo Phật gọi là ẩn hiện, tự tánh ẩn đi, vũ trụ hiện tiền.

Các nhà khoa học thời cận đại nói: năng lượng, vật chất, thông tin, đều hiện tiền. Vũ trụ này vô cùng phức tạp, đến cuối cùng quy nạp lại không ngoài ba thứ này- năng lượng, vật chất, thông tin.

Năng lượng chính là nghiệp tướng của a lại da.Vật chất là cảnh giới tướng của a lại da.Thông tin là chuyển tướng của a lại da, cũng chính là kiến phần của a lại da. Vật chất là tướng phần, đây là hiện tượng tinh thần. Cho nên giữa tham cứu và nghiên cứu khác nhau rất nhiều.

Trong Phật pháp, chư vị tổ sư thường nhắc nhở mọi người: “lìa tâm ý thức mà tham”, gọi là tham cứu. Nhất định không được dùng tâm ý thức. Từ đó cho thấy, từ xưa tới nay, trên thế giới này, có rất nhiều nhà khoa học và triết học, họ có lìa tâm ý thức chăng? Không, tất cả dùng tâm ý thức. Phát hiện được những bí mật trong vũ trụ. Khoa học ngày nay đang phát triển theo hai phương diện, họ đều phát hiện những bí mật trong vũ trụ. Thế giới hồng quan, nói về vũ trụ là lớn vô hạn. Phương diện ngược lại, họ nghiên cứu về thế giới vi quan, vũ trụ vi quan là lượng tử lực học. Nghiên cứu về cái nhỏ nhất như nguyên tử, điện tử, lạp tử. Lượng tử lực học ngày nay còn nói quang tử , đại khái là vật nhỏ nhất.

Những hiện tượng này từ đâu mà có? Chúng ta cũng chẳng thể không thán phục các nhà khoa học, những điều họ nói hoàn toàn giống trong kinh Phật. Là hiện tượng dao động. Dao động là năng lượng. Sự dao động cực kỳ yếu ớt nhưng rất nhanh, trong Phật pháp gọi là một niệm bất giác. Bất giác là động, giác tâm bất động. Điều này quí vị cần nên biết. Giác là bất động, động là bất giác. Một niệm bất giác, thì a lại da xuất hiện.

Đạo Giáo nói: “đạo sanh nhất, nhất sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật”. Đạo Phật nói nhất niệm bất giác mà có vô minh. Nhất niệm bất giác là nhất. Nhất biến thành nhị, nhị chính là âm dương. Âm dương biến thành tứ tượng. Tứ tượng sanh bát quái. Bát quái sanh vạn vật. Đạo giáo nói như vậy. Đạo Phật nói nhất niệm bất giác, từ tự tánh biến ra một thứ gọi là a lại da. Tam tế tướng của a lại da nghĩa là vũ trụ xuất hiện.

Quí vị quan sát kỹ từ những điều này, bình đẳng sai biệt, sai biệt bình đẳng, là một chẳng phải hai. Cho nên phải thâm nhập một bộ kinh lớn, thật sự thâm nhập rồi, sẽ thấy rằng trong tất cả kinh đều cùng một nguyên lý. Làu thông một bộ kinh sẽ làu thông được tất cả kinh, phải là người thật sự khai ngộ mới làm được như vậy. Nếu chưa thật sự khai ngộ sẽ thấy có khác biệt. Sự khác biệt này, nghiên cứu càng thâm nhập thì sự khác biệt càng nhỏ. Đến cuối cùng, đến đỉnh điểm cuối cùng là một. Giống như đi đến điểm giữa của hình tròn vậy, chỉ có một điểm giữa, chưa đến điểm giữa thấy còn khác biệt, càng tiếp cận điểm giữa của hình tròn thì sự khác biệt càng nhỏ. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng sự thật này rồi, thì tánh đức viên mãn của quí vị sẽ hiển lộ.

Trục tâm của tánh đức, từ trước đến nay chư vị cổ đức, đều nói cho chúng ta biết rằng, trục tâm đó chính là tình thương. Trong Ngũ Luân nói phụ tử hữu thân, thân ở đây chính là tình thương. Đó là trục tâm của tánh đức, tất cả chúng sanh đều có, con người có, động vật có, thực vật có, khoáng vật có, sơn hà đại địa cũng có. Quí vị dùng chân tâm yêu thương nó, nó sẽ dùng chân tâm đáp lại quí vị. Điều này không tồi! Nhưng nếu con người có tâm tự tư, thì tình thương sẽ không còn nữa. Tình thương bình đẳng, tình thương chân thành, tình thương thanh tịnh sẽ không còn nữa. Vì sao? Bởi mê lầm. Ý niệm mê đầu tiên, là chấp trước có ta. Mê từ đâu? Mê từ chỗ có ta, cho rằng ngã là thật có, ngã chính là ta, đó là sai lầm. Đức Phật dạy chúng ta có chân ngã, nhưng chân ngã không phải thân này, chân ngã cũng không phải là vọng tưởng. Chân ngã là gì? Chân ngã là chân tâm, chân tâm là chân ngã.

Chân tâm là gì? Trong Phật pháp gọi chân tâm là pháp tánh, đôi khi chúng ta gọi là tự tánh, đó là thật. Nó là bản thể của muôn sự muôn vật, vạn vật đều do nó biến hiện ra, nó năng sanh năng hiện. A lại da năng biến. A lại da là vọng tâm, vọng tâm thì năng biến. Còn chân tâm năng hiện năng sanh. Vậy chân ngã là gì? Chân ngã là pháp thân.

Đạo Phật nói, đức Phật có ba thân. Thứ nhất là pháp thân, pháp thân là chân ngã. Báo thân và ứng hóa thân không phải chân ngã, chân ngã là pháp thân.

Thiền tông có câu: bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh. Đó là chân ngã. Đạo Phật có nói đến chân ngã. Tứ tịnh đức –thường lạc ngã tịnh. Trong tự tánh sẵn có thường lạc ngã tịnh. Ngã ở đây có nghĩa là gì? Có rất nhiều ý nghĩa nhưng chủ yếu có hai: là chủ tể và tự tại. Năng hiện năng sanh là chủ tể. Năng ẩn năng hiện là tự tại. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm với ta là một thể, đây là chân ngã.

Ai thừa nhận? Pháp thân Bồ Tát thừa nhận, vì sao? Bởi họ đã chứng được. Vì sao họ chứng được? Bởi lục căn đối với lục trần khởi tác dụng, các ngài buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, nên các ngài chứng được. Nếu chưa buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, là lục đạo phàm phu, hoàn toàn mê muội.

Trong kinh điển đại thừa đức Phật dạy, buông bỏ chấp trước, nhưng còn khởi tâm động niệm, còn phân biệt, chỉ không chấp trước thôi. Không còn chấp trước tất cả pháp của thế và xuất thế gian, người này gọi là A La Hán, họ đã giác ngộ. Nhưng có sự khác biệt, bởi họ giác ngộ ít, thật sự giác ngộ. Giác ngộ rồi thì không còn lục đạo nữa. Bởi lục đạo là giả, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, giống như quí vị nằm mộng, trong mộng có lục đạo, khi tỉnh dậy không thấy có lục đạo nữa. Tuy không có lục đạo, nhưng quí vị thấy được gì? Thấy được pháp giới tứ thánh- Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cảnh giới này hiện tiền. Như thế nghĩa là vẫn chưa thật sự tỉnh dậy, vẫn còn trong mộng. Nói cách khác, lục đạo là mộng trong mộng. Tỉnh dậy, pháp giới tứ thánh hiện tiền.

Sao có pháp giới tứ thánh? Vẫn còn mê. Từ sự khởi tâm động niệm phân biệt mà có. Khởi tâm động niệm là vô minh. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là vọng tưởng. Nếu buông bỏ được điều này, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, thì tứ thánh cũng không còn. Tỉnh ngộ từ pháp giới tứ thánh. Khi tỉnh ngộ rồi đó là pháp giới gì? Là nhất chân pháp giới. Đây là chân chứ không phải giả.

Định nghĩa chân giả trong đạo Phật, có biến hóa thì chẳng phải là chân, không còn thấy biến hóa nữa, ví dụ thân người, thân người này miên viễn không già, đây là chân, nếu mỗi năm một già đi, đó là giả chẳng phải chân. Lá cây này miên viên xanh, vĩnh viễn thường xanh, đây là chân. Có thế giới như vậy chăng? Có! Cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Bồ Tát, là như vậy. Con người ở cõi đó vĩnh viễn không già nua, hoa cỏ cây cối nơi đó vĩnh viễn thường xanh, không hề thay đổi. Vì sao? Bởi đó là tự tánh sở sanh sở hiện, không có a lại da. A lại da sẽ biến đổi, nơi đó không có a lại da nên nó bất biến. Thế giới đó thật sự vô lượng thọ chứ không giả đâu. Con người vô lượng thọ, hoa cỏ cây cối vô lượng thọ, sơn hà đại địa cũng vô lượng thọ, vĩnh viễn không bao giờ biến đổi. Cho nên chúng ta gọi nơi đó là nhất chân pháp giới.

Ai chứng được cảnh giới này? Như vừa nói, người buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước chứng được.

Mười pháp giới là thế giới có biến hóa, bởi nó có a lại da. A lại da là năng biến. Thân thể này và môi trường chúng ta sống đều đang thay đổi, thay đổi trong từng sát na. Buông bỏ được vọng tưởng phân biệt chấp trước rồi, sẽ sanh về thế giới tự tánh năng sanh năng hiện, không có sự thay đổi. Thế giới đó rất đẹp. Thế giới đó là gì? Kinh Hoa Nghiêm gọi là Hoa Tạng thế giới. Kinh Vô Lượng Thọ gọi là thế giới cực lạc, nơi đó vĩnh hằng bất biến.

Nhiều tôn giáo trên thế gian này, họ nói đến thiên đường. Hồi giáo gọi là thiên viên, gần giống nhất chân pháp giới mà Phật giáo nói. Vì sao? Họ nói người ở thế giới đó là vĩnh sanh. Vĩnh sanh nghĩa là bất sanh bất diệt, họ biết được điều này. Nhưng có vào được đó hay không, thì phải xem cách tu tập của mỗi người. Trong việc tu tập quan trọng nhất là định công. Phật pháp nói Tam muội phải có định công, cũng có nghĩa là phải có tâm thanh tịnh, có tâm bình đẳng, cuối cùng quan trọng nhất là tâm giác, giác mà không mê. Trên đề kinh này nói Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Thanh tịnh bình đẳng đến một trình độ nhất định nào đó, tự nhiên khai ngộ, sẽ vào được cảnh giới này. Sau đó chúng ta mới biết được, thì ra nhiều tôn giáo cao cấp, mục đích cuối cùng là tương đồng. Chỉ là chúng ta gọi là cõi thật báo trang nghiêm, còn họ gọi là thiên đường, thiên viên, nhưng cùng một nơi, không hề khác biệt. Cho nên việc thâm nhập kinh tạng giúp cho chúng ta, những kinh giáo khác thật sự có thể giúp chúng ta. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói đồng bộ, đồng loại. Nếu chúng ta không ngừng đem lời dạy của đức Phật quảng bá rộng rãi, quí vị sẽ biết được, tất cả tôn giáo, tất cả triết học và khoa học, không phải đồng bộ với ta thì cũng là đồng loại. Thật sự thâm nhập rồi mới triệt để hiểu rõ, đối với muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới, Phật pháp nói duy nhất là dùng tâm đại từ đại bi. Tinh bi chính là tình thường, tình thương vô điều kiện, dùng tâm như thế đối với muôn sự muôn vật trong vũ trụ, vì sao? Bởi nó cùng một cội rễ.

Lão tử nói: “Trời đất đồng căn với ta, vạn vật đồng thể với ta.” Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, cũng là cảnh giới của kinh Vô Lượng Thọ. Khi Lão tử nói ra hai câu này, thì Phật pháp chưa truyền vào TQ, nhưng những điều ông nói hoàn toàn tương đồng với kinh Phật. Cái hay của kinh Phật là nói tỷ mỉ, nói rốt ráo.

Thâm cứu cần phải có tham nghiên thì mới có thể thâm nhập được.

Dưới đây trước tiên nói về đồng bộ.

Bổn kinh và tiểu bổn Kinh Di Đà là đồng bộ. Bổn kinh này bản dịch vào đời Ngô. Nước Ngô vào thời Tam Quốc, là đông Ngô. Thời Đông Ngô có vị cư sỹ tên là Chi Khiêm, bổn này do ông phiên dịch.

*Tằng dị danh A Di Đà kinh.* Ngài phiên dịch kinh Vô Lượng Thọ. Ở TQ, kinh Vô Lượng Thọ có 12 bản dịch. Ngài dùng kinh Di Đà làm đề kinh này. Trùng tên với tiểu bổn được ngài La Thập dịch vào đời Tần. Đời Diêu Tần, Pháp sư Cưu Ma La Thập phiên dịch tiểu bổn kinh A Di Đà, Ngài Chi Khiêm dịch Kinh Vô Lượng Thọ, cũng mang tên là kinh A Di Đà, tên gọi tương đồng. Cho nên gọi kinh này là đại bổn, kinh A Di Đà dịch vào đời nhà Tần gọi là tiểu bổn.

Sớ Sao nói, Sớ Sao ở đây là Kinh Di Đà Sớ Sao của đại sư Liên Trì. Trong đó nói rằng: “đại tiểu nhị bổn, văn hữu phồn giản, nghĩa vô thắng liệt, phán thuộc đồng bộ.”

Thật sự hai bộ kinh này đều nói về một sự việc. Một bộ nói tỉ mỉ, kinh Vô Lượng Thọ nói tỉ mỉ, kinh Di Đà nói lược. Hoàn toàn tương đồng, cùng một bộ.

Tiểu bổn kinh Di Đà hiện nay có ba loại. Kinh A Di Đà hiện nay, đời Diêu Tần tam tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch. Thứ hai là Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ, đời Đường tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch. Thứ ba là Kinh A Di Đà hội tập bổn hai bản dịch vào đời Diêu và đời Đường, đây là hội tập của cư sỹ Bồ Tát giới Hạ Liên Cư hiện nay. Hạ lão cư sỹ, đã hội tập kinh Vô Lượng Thọ, đồng thời cũng hội tập luôn kinh A Di Đà. Hai bổn này ông đều hội tập hết. Đây là nói về đồng bộ

Dưới đây giới thiệu sơ lược. *Tần Đường lưỡng dịch, đại thể tương đồng.* Đoạn này giới thiệu cho chúng ta kinh Phật Thuyết A Di Đà, là tiểu bổn kinh, do ngài La Thập phiên dịch. Đời Đường đại sư Huyền Trang phiên dịch. Hai bổn này đều có trong đại tạng kinh.

*Đại thể tương đồng* *sảo hữu xuất nhập.* Nghĩa là phương pháp dịch không giống nhau.

*Tần dịch tinh yếu lưu sướng, chúng sở tông hướng.* Bản dịch của ngài La Thập, thật sự là tinh tế vắn tắt, văn tự lưu loát, đọc rất dễ chịu, cho nên lưu thông rộng rãi. Người tu theo pháp môn tịnh độ chẳng ai không đọc qua bộ kinh này, đặt nó làm thời công phu tối.

Bổn dịch của pháp sự Huyền Trang đời Đường, không có ai đọc, không phải người nghiên cứu kinh giáo thì hầu như chẳng ai đọc bổn này. Ngài dịch rất hay. *Đường dịch tắc chuẩn xác tượng bị, lực bảo nguyên diện.* Nghĩa là bản lai diện mục của nó- phạm văn.

Ngài La Thập dịch là ý dịch, chứ không phải trực dịch, hoàn toàn nương vào ý nghĩa trong kinh, dùng khẩu ngữ địa phương dịch ra. Cho nên người TQ đọc họ cảm thấy như đọc văn chương của mình vậy.

Huyền Trang đại sư phiên dịch hoàn toàn là phạm văn, ngài trực dịch từ phạm văn, vẫn duy trì những thứ vốn sẵn có, nhưng chúng ta đọc sẽ thấy không suông, đó là văn pháp nước ngoài, đọc thấy không suông. Ngài dịch rất hay, chính xác, không sai tí nào. Đáng tiếc đó là văn pháp nước ngoài, chúng ta không dễ gì tiếp nhận. Cho nên đại đa số đều đọc bản dịch của ngài La Thập. Nguyên nhân là ở chỗ này.

*Tiên sư hội tập lưỡng dịch, hiệt kỳ tinh yếu.* “Tiên sư”, Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ chú giải. Thầy của ông là cư sỹ Hạ Liên Cư. Hội tập hai bản dịch, nghĩa là của ngài La Thập và ngài Huyền Trang. Đem hai bản dịch này hội thành một bản.

*Hiệt kỳ tinh yếu, cánh cứ lục triều thạch kinh, bổ túc Tần dịch sở dịch chi nhị thập nhất tự.*

“Lục triều”, ở đây nói sơ lược cho chúng ta về niên đại. Niên đại này bắt đầu từ thời Tam Quốc. Đông Ngô thời Tam Quốc, lập kinh đô ở Nam Kinh ngày nay. Sau này là thủ đô của Đông Tấn. Về sau đời Tống Tề Lương Trần, thành đô của bốn đời này đều ở Nam Kinh. Cho nên gọi Nam Kinh là kinh sư của sáu triều đại.

“Lục triều” ở đây, vào khoảng thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 6 công nguyên. Chúng tôi nói công nguyên, khái niệm này sẽ rõ ràng hơn một chút. Hiện nay là công nguyên năm 2010. Chắc công nguyên năm 300 đến năm 600. Hơn 300 năm này ở TQ là thời Nam Bắc triều. Sáu triều đại của Nam triều, đều xây dựng thành đô ở Nam Kinh, cho nên gọi là lục triều. Ý nghĩa lục triều ở đây là nói về thời đại.

“Thạch kinh”, dưới đây nói rằng: “*án tương dương thạch kinh”,* ở Tương Dương. Kinh ở đây là kinh A Di Đà, được khắc ở trên đá. Chữ này do ai viết? Người Lục triều viết, ai là người viết thì không biết được, họ không lưu tên, nên chẳng biết được, chỉ biết được vào thời đó mà thôi. Khắc trên đá, gọi là “thạch kinh”.

Người dùng tay khắc lên đá đây, nhất tâm bất loạn, nhưng vẫn còn 21 chữ. Kinh hiện nay không có, nhưng kinh A Di Đà khắc trên đá, nhiều hơn 21 chữ. 21 chữ này rất quan trọng, ở đây viết ra cho chúng ta xem.

Có ở chỗ nhất tâm bất loạn*. Chuyên trì danh hiệu, dĩ xưng danh cố, chư tội tiêu diệt. Tức thị đa thiện căn phước đức nhân duyên.* Chính là 21 chữ này. 21 chữ này thật sự vô cùng quan trọng. Trong kinh Di Đà hiện nay không có 21 chữ này. Nhưng trong bản hội tập của cư sỹ Hạ Liên Cư có, ông đã thêm 21 chữ này vào trong đó.

Nếu chúng ta hỏi rằng: nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu được chăng? Diệt tội được chăng? Cổ đức từng nói, một câu Phật hiệu, niệm Phật một tiếng, có thể diệt được trọng tội sanh tử trong 80 ức kiếp. Tôi nghĩ, hàng đệ tử Phật học theo tông tịnh độ đều có nghe qua câu này. Đây là lời tổ sư dạy, là thật không giả đâu. Chúng ta suy nghĩ thử xem, nó có sức mạnh lớn như vậy sao? Đọc đoạn văn này rồi, trong đây có phương pháp. Vì sao? Một tiếng niệm Phật đó phải niệm như thế nào? Nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu, sẽ có sức mạnh lớn như vậy.

Ngày nay chúng ta niệm Phật rất nhiều vọng tâm, xem tạp vọng niệm thì công lực của chúng ta bị phá hoại mất rồi. Khi niệm Phật nếu niệm thành tâm thành ý, không có một vọng niệm nào, sức mạnh đó giống như trong đoạn này nói vậy- “chư tội tiêu diệt”. Vì sao? Trong kinh đức Phật thường dạy, ngài đã nói lên một nguyên lý nguyên tắc: “tất cả pháp tùng tâm tưởng sanh”. Chúng ta tạo tội là ý niệm bất thiện, ngày nay niệm một danh hiệu Phật là thiện niệm. Hơn nữa câu Phật hiệu này, từ tánh đức viên mãn lưu xuất ra, thì tội gì không diệt được? Ngày xưa chúng ta không hiểu được đạo lý này, ta niệm Phật hiệu sức mạnh đó rất yếu ớt. vì sao? Bởi đối với câu Phật hiệu này chúng ta có nhiều nghi vấn, hoài nghi. Sự hoài nghi này đã phá hoại công đức niệm Phật.

Cho nên Đại Thế Chí Bồ tát dạy ta niệm Phật: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”, có đạo lý của nó. Công đức niệm một tiếng Phật không thể nghĩ bàn. “Đô nhiếp lục căn”, mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng, thức thứ sáu ở chỗ lục căn duyên ra ngoài, “đô nhiếp” nghĩa là kéo nó trở lại. Kéo cách nào? Mắt thấy sắc không động tâm, không khởi tâm không động niệm. Tai nghe âm thanh không khởi tâm không động niệm. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, đều làm được đến chỗ không khởi tâm không động niệm, đó gọi là đô nhiếp lục căn. Người như thế quá giỏi! Đó là bậc thánh nhân chứ không phải hàng phàm phu. Hàng phàm phu làm sao có thể khống chế được? Tâm của họ luôn hướng ra ngoài. Ngày nay chúng ta dùng tâm gì? Dùng tâm tán loạn niệm Phật. Nếu chúng ta nhất tâm niệm Phật, thì quá giỏi rồi. Niệm Phật giống nhau, nhưng dụng tâm không giống, cho nên hiệu quả bất tương đồng. Chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Chúng ta học giáo lý nhiều năm như thế, hiểu điều này, không còn hoài nghi nữa. Công đức của nhất tâm niệm Phật thật sự rất lớn. Cho nên nói “nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, tương ưng mà. Tương ưng với ai? Tương ưng với tự tánh, tương ưng với tánh đức. Tương ưng với tánh đức chính là tương ưng với Phật A Di Đà. Tương ưng cách nào? Đồng tâm, đồng đức, đồng nguyện, đồng hạnh với đức Phật A Di Đà. Làm được đến chỗ bốn điều đồng này, thì ta và đức Phật A Di Đà là một thể. Quí vị nghĩ xem tội gì không diệt được?

Xưng danh ở đây, ngày nay chúng ta gọi là chấp trì danh hiệu. Chúng ta niệm câu nam mô A Di Đà Phật, hoặc niệm A Di Đà Phật. Đứng về hành môn mà nói, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tứ hoằng thệ nguyện nói: “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”. Trong vô lượng vô biên vô tận pháp môn, thì niệm Phật là đức thứ nhất.

Danh hiệu của đức Phật A Di Đà, là đức hiệu của chân như tự tánh, chứ không phải điều gì khác. Niệm Phật A Di Đà là niệm tự tánh của ta.

Danh hiệu này có thể dịch thành tiếng Hán. Không dịch là vì tôn trọng. Dịch ra có nghĩa là gì? A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Vô Lượng Giác. Vô lượng giác là tự tánh, là tánh đức. Ngạn ngữ có câu: “vô sở bất tri vô sở bất năng”, có nghĩa là như vậy, danh hiệu này có nghĩa là như vậy. Tự tánh mới được tôn xưng như vậy- vô sở bất tri vô sở bất năng.

Ngày nào chúng ta cũng niệm, niệm niệm không ngừng, lâu ngày chày tháng thì minh tâm kiến tánh. Quí vị nghĩ xem công đức lợi ích này có lớn không, bất giác kiến tánh. Đến khi nào thì kiến tánh? Chuyên trì danh hiệu nhất tâm bất loạn thì kiến tánh. Ngày nay chúng ta niệm Phật hiệu quả không nhiều, là do chúng ta không nhất tâm, mà là tạp tâm niệm Phật, loạn tâm niệm Phật chứ không phải nhất tâm. Vấn đề là ở chỗ này. Chẳng phải Phật hiệu không linh, mà do chúng ta không biết dụng tâm.

Nghiệp chướng của chúng ta rất nặng. Không cần nói đến quá khứ, nghiệp do đời này tạo, chúng ta dùng phương pháp nào để tiêu trừ? Đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp, không biết tạo bao nhiêu nghiệp tội. Chắc chắn tạo thiện nghiệp ít, tạo ác nghiệp nhiều. Vì sao? Quí vị thấy hiện tượng này, dụng tâm tư duy quan sát sẽ thấy, con người học điều hay khó, học điều xấu rất dễ dàng. Từ đó quí vị có thể nhận ra, vô lượng kiếp, chúng ta tạo thiện nghiệp nhiều hay ác nghiệp nhiều? Chắc chắn là ác nghiệp nhiều.

Trong kinh đức Phật nói cho ta biết một sự thật. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói, A lại da của chúng ta tương ưng với thiện, thiện tâm sở có 11, ác tâm sở có 26. Nhiều hơn quá một nửa, cho nên khởi tâm động niệm, dĩ nhiên sức mạnh của ý niệm rất lớn, sức mạnh của thiện yếu ớt, không mạnh như ác niệm. Huống nữa là môi trường bên ngoài, cám dỗ chúng ta.

Học thánh hiền, học Phật Bồ tát, nhân duyên này rất thù thắng. Bởi đây là môi trường rất tốt, có thể dẫn khởi thiện tâm sở của quí vị. Rời điện Phật, đi vào xã hội, sự nhiễm ô của xã hội sẽ dẫn khởi ác tâm sở của quí vị. Ác tâm sở có 26. Nên biết rằng thiện tâm sở chỉ có 11. Sức mạnh nào lớn?

Người học Phật ở trong điện Phật cũng không tồi, đến nghe kinh hai tiếng đồng hồ. Nhưng ra ngoài 2-3 phút, thì hiệu quả của hai tiếng đồng hồ sẽ không còn nữa. Cho nên những sự và lý này, chúng ta cần nên hiểu rõ ràng minh bạch. Sau đó mới thật sự tin tưởng không nghi ngờ nữa. Thật sự tin tưởng công đức niệm Phật thù thắng không gì sánh bằng.

Người xưa có câu: “đọc kinh không bằng đọc chú, đọc chú không bằng niệm Phật”. Có lý đấy! Vì sao đọc kinh không bằng đọc chú? Bởi kinh dài, chú ngắn, chú ngắn nên dễ nhiếp tâm. Đọc chú không bằng niệm Phật, bởi chú vẫn dài. Một câu Phật hiệu chỉ có bốn chữ, không có gì ngắn hơn nữa. Càng ngắn càng dễ nhiếp tâm.

Đức Phật dạy chúng ta tịnh niệm tương kế, đặc biệt là lâm mạng chung mười niệm ắt vãng sanh. Một ý niệm tiếp một ý niệm, cứ như thế 10 niệm. Thời gian 10 niệm rất ngắn, thời gian khoảng 1 phút là đủ rồi. A Di Đà Phật A Di Đà Phật, một phút là đủ rồi. Trong đó thật sự không có một tạp niệm. Từ phương diện này, quí vị dụng tâm quan sát, lãnh hội. Quí vị sẽ biết được sự thù thắng của pháp môn niệm Phật. Vì sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni đặc biệt giới thiệu cho chúng ta, trong đời nhiều lần ngài tuyên giảng bộ kinh này. Ngài thật sự từ bi đến tột cùng. Khiến cho chúng ta chư tội tiêu diệt, thành tựu đa thiện căn phước đức nhân duyên. Đây là điều kiện tối quan trọng để vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc.

*Tống đại Nguyên Chiếu sư tải nhập Linh Chi Sớ.* Pháp sư Nguyên Chiếu có chú giải kinh A Di Đà, có trong đại tạng kinh, tên là Linh Chi Sớ. Trong cuốn sớ đó có 21 chữ này.

*Minh triều Cừ Am pháp sư diệc thôi sùng thạch bổn.* Chính là thạch kinh, đều chỉ về 21 chữ này.

*U Khê đại sư ư Viên Trung Sao.* Đây là một trong ba bản chú giải quan trọng về kinh Di Đà. Chư vị cổ đức chú giải kinh Di Đà. Một là Sớ Sao của đại sư Liên Trì. Hai là Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. Thứ ba là Viên Trung Sao của đại sư U Khê. Học kinh Di Đà chẳng thể không đọc những tác phẩm này- ba bộ cổ chú.

Trong Viên Trung Sao nói: “*Kim truyền ngoa thuyết, phàm độc tập giả, ưng y cổ bổn, nhi tăng chánh chi.”* Ngài kiến nghị như thế, nghĩa là nói ngày nay chúng ta học tập, bổn kinh Di Đà của ngài Cưu Ma La Thập, trong đó thiếu 21 chữ, cần nên thêm 21 chữ này vào. Có nghĩa là như vậy.

*Hội bổn y tiên đức ý bổ nhập thử nhị thập nhất tự.* Hội bổn này của cư sỹ Hạ Liên Cư, hội tập bổn kinh A Di Đà, thêm vào đó 21 chữ này.

*Ư thị hội bổn ký bị lưỡng dịch chi trường, phục bổ Tần dịch chi dật thánh ý bị hiển, dị khải chánh giải.*

Mấy câu này là Niệm lão tán thán thầy mình. Hội bổn của thầy mình, vẫn giữ nguyên những ưu điểm của hai bản dịch. Còn thêm vào đó 21 chữ trong thạch kinh của lục triều.

“Thánh ý bị hiển”, thánh ý ở đây chỉ cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Thánh là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này, là viên mãn, đều hiển thị ra. Khiến cho hàng hậu học chúng ta, dễ dàng đạt được sự lý giải chính xác.

*Ư thị Tần dịch nguyên văn.* Đây là điều Niệm lão nhắc nhỏ chúng ta. Nguyên văn của kinh Di Đà hiện nay, phải là “nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu”. Ông đặc biệt chú giải, tám chữ này phải đọc một hơi, “nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu”.

*Chánh đồng ư Đường dịch chi hệ niệm bất loạn. “*Hệ niệm bất loạn”, ngài La Thập dịch là “nhất tâm bất loạn. Ngài Huyền Trang dịch là “hệ niệm bất loạn”. Hai câu này có sự khác biệt rất lớn. Không dễ đạt được nhất tâm bất loạn. Cho nên nhiều người mới học, đọc trong kinh Di Đà câu này, liền nghĩ rằng mình làm không được. Niềm tin không còn nữa.

Nếu thấy được bản dịch của ngài Huyền Trang, là nguyên bản tiếng Phạn. Nguyên bản tiếng Phạn không phải là “nhất tâm” mà là “hệ niệm”. Hệ niệm bất loạn, chúng ta suy nghĩ nếu nỗ lực một chút thì còn có thể làm được. Thật sự giúp cho hàng sơ học xây dựng được niềm tin.

*Diệc phục dữ bổn kinh chi nhất hướng chuyên niệm đồng chỉ.* Trong kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật không nói là “nhất tâm bất loạn”, mà nói “nhất hướng chuyên niệm”. Ý nghĩa của “nhất hướng chuyên niệm”, gần giống “hệ niệm bất loạn”. Một phương hướng, chuyên niệm Phật A Di Đà. Nhất định phải có niềm tin, không được thường xuyên thay đổi, thường thay đổi sẽ bị mất hết công phu.

*Di hiển trì danh diệu pháp, tùng quả khởi tu, quả giác nhân tâm. Tha lực minh gia bất khả tư nghì.*

Mấy câu này hay quá. Phương pháp chấp trì danh hiệu vi diệu quá, từ quả khởi tu. Quả là gì? Là xưng tánh, quả là tự tánh. A Di Đà Phật là danh hiệu của tánh đức, cho nên không phải từ nhân, mà dùng quả làm nhân. Trực tiếp từ chân tâm bổn tánh. Quốc sư Hiền Thủ nói: “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”. Danh hiệu Phật A Di Đà là “tự tánh thanh tịnh viên minh thể.”

“Quả giác nhân tâm”, lấy quả giác làm nhân tâm để chúng ta tu tập. Nhân quả là một thể, chứ không phải là hai. Không giống với những phương pháp tu tập khác, những phương pháp khác là tu nhân chứng quả, ở đây nhân quả là một. Thật sự thù thắng không gì sánh bằng.

Đạt được “tha lực minh gia”. Thực tế mà nói tha lực ở đây chính là tánh đức.

Mấy năm gần đây, một số học trò của tịnh tông làm kỳ siêu bạt độ, chúng tôi đề xướng tam thời hệ niệm, do thiền sư Trung Phong viết vào thời đại triều Nguyên. Pháp sự hệ niệm này, trong bài khai thị của thiền sư Trung Phong đã nói rất rõ ràng: “ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm. Thử phương tức tịnh độ, tịnh độ tức thử phương.” Hai câu này nương vào những điều đức Phật nói trong kinh: “Duy tâm tịnh độ, tự tánh Di Đà.” Nhân quả đồng thời, nhân quả không hai. Pháp môn thù thắng như vậy tìm ở đâu? Tìm không ra!

Cho nên niệm danh hiệu Phật này, chẳng những đức được Phật A Di Đà gia hộ, mà tất cả chư Phật Như Lai cũng gia hộ cho quí vị.

Việc gia hộ này, giới khoa học ngày nay đã chứng minh cho chúng ta thấy. Khoa học lượng tử thời cận đại phát hiện ra. Họ phát hiện ý niệm của chúng ta, gọi là tâm thái, ý niệm. Bất luận là thiện niệm hay ác niệm, bất luận là vô tình hay cố ý, ý niệm vừa động là chu biến pháp giới. Sự dao động của nó lập tức biến khắp vũ trụ. Giống như làn điện lưới vậy, thông được hết. Các nhà khoa học đã chứng minh. Cho nên chúng ta khởi tâm động niệm, phải hết sức cẩn thận. Hy vọng rằng tất cả đều là thiện niệm, không nên có ác niệm.

Đừng tưởng rằng chúng ta khởi ý niệm không ai biết. Như thế là sai lầm! Ta vừa khởi ý niệm, biến pháp giới hư không giới đều biết hết. Chỉ có một số chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, tuy tiếp xúc đến, tiếp xúc đến nhưng họ không cảm nhận được, chẳng phải không tiếp xúc đến. Nhưng những người tâm địa thanh tịnh, họ hoàn toàn hiểu rõ. Có thể nói rằng, từ bậc A La Hán trở lên, chẳng ai là không biết. Hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa cũng đều biết hết.

Giống như quốc sư Hiền Thủ nói ba loại chu biến, trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Thứ nhất là chu biến pháp giới. Ý niệm đó, khởi lên ý niệm là chu biến pháp giới. Xuất sanh vô tận, hàm dung không hữu.

Khoa học lượng tử ngày nay đã phát hiện được ba loại chu biến này. Họ nói đó là sự thật chứ không phải giả.

Chúng ta với pháp giới hư không, với chư Phật Như Lai, với bất đồng không gian duy thứ. Thông tin chúng ta phát đi, vì sao không phát thông tin thiện? Thân này khởi tâm động niệm, là đài phóng xạ, đồng thời cũng tiếp nhận. Chẳng những có thể phóng đi, mà còn có thể tiếp nhận thông tin của biến pháp giới hư không giới. Chúng ta có năng lực tiếp nhận. Bởi tiếp nhận nhiều, nên đã làm phá hoại từ trường của chính mình, làm loạn hết.

Phương pháp giữ gìn từ trường của chính mình, đó chính là chánh niệm. Niệm Phật A Di Đà thù thắng hơn bất cứ điều gì khác. Nếu công phu niệm Phật A Di Đà đắc lực, từ trường bất thiện trong mười phương thế giới, chúng ta sẽ không bị ảnh hưởng. Từ trường thiện chúng ta đều có thể tiếp nhận. Từ trường bất thiện ta không bị ảnh hưởng. Đây chính là công phu của chư Phật Bồ Tát. Lý luận tu tập của đạo Phật, có thể dùng khoa học thời cận đại để chứng minh. Không hề giả tí nào.

Ở đây nói về oai thần gia hộ của chư Phật Bồ tát- tha lực minh gia. Việc này khoa học ngày nay đã chứng minh rồi, nó không phải giả đâu.   
 Thế giới hiện nay, người ta thường nói quả địa cầu bị bệnh, bị bệnh rất nặng, sợ nó sụp đổ mất. Nhiều người đưa ra câu hỏi làm thể nào để cứu quả địa cầu? Làm thế nào phục hồi lại nếp sống xã hội? Đây là vấn đề lớn chứ không phải vấn đề nhỏ đâu.

Ở phương tây nhiều tôn giáo dùng phương pháp cầu nguyện. Cầu nguyện- ý thức tập thể, có thể sinh ra một sức mạnh rất lớn. Sự việc này cũng được các nhà khoa học khẳng định, họ chứng minh cho chúng ta thấy đây là sự thật chứ không phải giả.

Chúng ta thấy tôn giáo lớn nhất trên thế giới, thứ nhất là đạo cơ đốc, đạo cơ đốc bao gồm cả đạo thiên chúa. Tín đồ của họ trên thế giới, có khoảng gần 20 ức người, đông như thế đó. Tôn giáo lớn thứ hai là Hồi giáo, tín đồ của họ có khoảng 15 ức người. Phật giáo trên toàn thế giới, có khoảng hơn 6 ức người, chưa đến 7 ức, xếp vào hàng thứ ba. Tín đồ của những tôn giáo này. Hồi giáo mỗi ngày cầu nguyện 5 lần.

Đầu tháng sáu, tôi đến tham vấn Phạm Đế Cương, giáo chủ của đạo thiên chúa. Họ phát động tín đồ trên toàn thế giới, hàng ngày cầu nguyện vì thế giới hòa bình. Việc này tốt đấy!

Trong đạo Phật chúng ta, tụng kinh bái sám, làm pháp hội, bao gồm cả tam thời hệ niệm của chúng ta. Đều thuộc về hình thức cầu nguyện. Có hiệu quả chẳng? có hiệu quả! Tâm địa càng chân thành thì hiệu quả càng lớn. Thật sự có thể hóa giải thiên tai. Thiên tai lớn hóa thành thiên tai nhỏ, thiên tai nhỏ hóa thành không còn thiên tai.

Cho nên những nhà dự ngôn trên thế giới nói, quả địa cầu của chúng ta sẽ có đại thiên tai. Điều này có chính xác chăng? Chúng tôi có thể nói rằng họ nói rất chính xác. Tương lai có xảy ra như những điều họ nói chăng? Không nhất định! Vì sao không nhất định? Bởi tất cả pháp tùng tâm tưởng sanh. Nếu tâm chúng ta hiện nay, chỉ nghĩ về điều thiện, không nghĩ về điều ác, thì dự ngôn của họ sẽ không còn linh nghiệm nữa. Chẳng phải dự ngôn không linh nghiệm, mà chúng ta thay đổi nó. Phải hiểu đạo lý này.

Vận mệnh của một con người cũng như vậy, có thể thay đổi được vận mệnh. Thế mệnh cũng có thể thay đổi được. Gia vận của quí vị cũng có thể thay đổi được. Chẳng có điều gì là không thay đổi được. Thay đổi từ đâu? Thay đổi từ tâm hành. Hiểu được đạo lý này rồi, sẽ thấy không khó thay đổi. Đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện là thay đổi rồi đó. Việc xấu sẽ biến thành việc tốt. Nếu không có nhiều người thiện tâm, thật sự cầu sám hối, thật sự đoạn ác tu thiện, thì kết quả sẽ giống như những nhà dự ngôn nói.

Nhưng chúng ta bình tâm quan sát, người có thiện tâm trên thế gian này không ít. Rất nhiều người biết được sự việc này nghiêm trọng. Mọi người đều thành tâm cầu sám hối. Việc tốt! Chúng tôi nhìn thấy vô cùng hoan hỷ.

Tôi qua lại với họ rất mật thiết . Chúng tôi cũng đề cập đến nền văn hóa truyền thống xưa, và những điều Phật pháp đại thừa nói. Cầu nguyện là việc làm rất tốt, đáng được tán thán, nhưng nó là trị ngọn chứ không phải trị gốc. Vì sao? Nếu như ba tháng, nửa năm ngừng không cầu nguyện nữa, phiền phức lại xuất hiện ngay. Bởi nó không trị gốc, chỉ trị ngọn thôi.

Trị gốc là gì? Trị gốc là giáo dục. Lão tổ tông của chúng ta dạy, đây hoàn toàn là trị gốc - “kiến quốc quan dân, giáo học vi tiên.” Quí vị thấy dạy một con người. Ngày nay thì sao? Ngày nay không dạy nữa.   
 Ngày xưa đứa trẻ vừa chào đời, cha mẹ có trách nhiệm phải dạy nó. Đây là giáo dục.

Người xưa có câu: “dạy con từ thửa còn thơ, dạy vợ từ thửa bơ vơ mới về”. Quí vị cưới vợ về, bước vào cửa là phải dạy cô ấy rồi, mới về mà. Dạy con cái phải dạy khi còn nhỏ, vừa chào đời là dạy rồi. Quí vị không được xem thường. Đứa trẻ chào đời, mở mắt ra nó đã thấy, lỗ tai biết nghe, nó bắt đầu bắt chước theo đấy. Cho nên cha mẹ, người lớn ở trước mặt đứa trẻ, nhất cử nhất động đều phải có quy củ, để đứa trẻ học được những điều hay. 1000 ngày từ khi chào đời cho đến năm 3 tuổi, gọi là cội rễ giáo dục, quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Ngạn ngữ có câu: “tam tuế khán bát thập”, có lý đấy! 1000 ngày này, những điều thấy, những điều nghe, những điều tiếp xúc được đều là thiện. Những điều nó học được, đến năm 80 tuổi cũng không thay đổi. Cội rễ vững chắc.

Người thời nay không hiểu đạo lý này nên đã bỏ qua. Không dạy cho đứa trẻ, cho nên trẻ con bây giờ rất khó dạy. Quí vị xem 1000 ngày này là thời khắc quan trọng nhất. Bây giờ ai dạy nó? Ti vi dạy nó. Ngày nào cũng xem ti vi, trên ti vi diễn gì? Bạo lực sắc tình, sát đạo dâm vọng. Nó học được hết. Quí vị phải làm sao đây? Đó chẳng phải là thiên tánh, mà là tập tánh. Người lớn đã bỏ qua.

Chúng ta học tập nền giáo dục của thánh hiền, tốt hơn được một chút, hàng ngày đọc sách thánh hiền. Tuy lúc nhỏ bị bỏ qua, bây giờ từ từ bù đắp lại. Vẫn còn có thể quay đầu.

Chúng ta nghĩ đến, những người không có duyên tiếp nhận sự dạy dỗ của thánh hiền. Họ trở nên tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm tổn người lợi mình. Những tư tưởng và hành vi sai lầm này, tuyệt đối không được trách họ, họ không có lỗi. Nhân tố này vô cùng phức tạp. Nếu chúng ta trách họ, đó là hành vi vô đạo đức. Trong đạo Phật nói, chư Phật Bồ tát thương xót họ, chứ không trách họ đâu, các ngài chỉ sanh lòng thương xót. Vì sao? Bởi họ tạo nghiệp này, tương lai họ sẽ phải chịu quả báo. Nghiệp nhân quả báo không ai trốn khỏi.

Muốn giúp người khác phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ bản thân mình. Trước mình phải làm tốt, thì mới có thể ảnh hưởng đến người khác. Bản thân mình không làm tốt, mà đi khuyên người khác, thì người khác sẽ không tin.

Xã hội ngày nay, việc tốt nhiều trở ngại, người tốt khó làm. Làm người tốt thật sự nơi nào cũng bị trở ngại. Làm việc xấu có người giúp, có người đồng tình, làm việc tốt rất nhiều chướng ngại. Nhưng nhiều chướng ngại cũng phải làm. Tín tâm kiên cố. Sống một ngày làm một ngày. Làm vì ai? Vì để nâng cao cảnh giới của chính mình. Như thế là đúng! Đời này làm người, đời sau không bị đọa lạc xuống dưới mà hướng thượng vươn lên, như thế là đúng.

Thân tâm thanh tịnh, thân cận chư Phật Bồ tát. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, phải thực hành những lời dạy của chư Phật bồ tát và thánh hiền. Thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong cách đối nhân xử thế tiếp vật. Thì “tha lực minh gia” sẽ gia hộ cho quí vị. Điều này không thể nghĩ bàn.

*Yếu Giải vân: Nhược chấp trì danh hiệu, vị đoạn kiến tư, tùy kỳ hoặc tán hoặc định, ư đồng cư độ phân tam bối cửu phẩm.*

Đây là lời dạy của ngài Ngẫu Ích. Chúng ta niệm Phật, chấp trì danh hiệu niệm Phật. Chưa đoạn phiền não kiến tư hoặc. Khi niệm Phật hoặc tán niệm, hoặc là định niệm. Định là công phu sáng tối, công phu cố định. Tán là bình thường, có thời gian là niệm Phật, đây gọi là tán niệm. Nhưng chưa đoạn phiền não kiến tư hoặc. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi phiền não kiến tư hoặc là chấp trước. Trong cuộc sống sinh hoạt, chúng ta đối với ngươi, với việc, với vật, vẫn còn chấp trước. Chưa buông bỏ chấp trước. Công phu niệm Phật như thế, vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc, ở cõi phàm thánh đồng cư. Tùy theo công phu niệm Phật của quí vị sâu hay cạn, và chấp trước buông được nhiều hay ít, mà phân thành tam bối cửu phẩm.

Chúng ta hiểu được đạo lý này, nghiêm chỉnh thực hành, nâng cao chính mình, cái này là mang theo được. Quí vị nên biết, danh văn lợi dưỡng của thế gian không mang theo được. Giàu có bao nhiêu, khi chết cũng chẳng mang theo được đồng nào, địa vị cao cũng không mang theo được, người thân của mình cũng không mang theo được. Người xưa có câu: “mọi thứ mang không được, chỉ có nghiệp theo mình”. Công phu niệm Phật của chúng ta có thể mang theo được, nó giúp cho chúng ta nâng cao phẩm vị ở thế giới cực lạc. Cái mang theo được chúng ta làm nhiều một chút, nghiêm chỉnh làm, những thứ không mang theo được thì đừng làm.

Mấy hôm nay tôi đi tham vấn Ni Tây Á ở Ấn độ, tham dự luận đàm thế giới tôn giáo hòa bình. Tôi báo cáo với mọi người, và cùng khuyên mọi người nhất định phải làm thật sự.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm bậc mô phạm cho chúng ta. Ở Indonesia, tôi có gặp một số vị xuất gia của đạo Phật. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp. Điều này quí vị phải nên biết.

Khi đức Phật còn tại thế ngày nào ngài cũng giảng kinh thuyết pháp, nhưng không có sách. Điều này quí vị đều biết mà. Kinh điển từ đâu mà có? Sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni niết bàn, học trò của ngài tập hợp lại, trong ký ức của mỗi người, nhớ lại và viết ra những điều đức khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế giảng dạy, lưu lại, gọi đó là kinh điển. Một đời đức Phật dạy chúng ta những gì? Kinh điển ngày nay chính là lời dạy của ngài. Cho nên không phải bảo quí vị đọc kinh, mà dạy quí vị sống như thế nào, làm người như thế nào, làm việc như thế nào Ngài dạy quí vị những điều này, chứ không bảo quí vị nghiên cứu nó, chẳng có gì để nghiên cứu cả.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, ngài xuất thân từ bậc vương tử, nếu không xuất gia ngài sẽ làm quốc vương. Ngài xả bỏ vương vị, theo công việc giảng dạy. Khi đức Thế Tôn còn tại thế chức vụ của ngài là thầy giáo, suốt đời dạy học. Năm 30 tuổi khai ngộ, ngài bắt đầu dạy học. Năm 79 tuổi ngài niết bàn, dạy học suốt 49 năm. Thời đó không ghi chép lại, đức Phật không soạn bài giảng, cũng không ghi chép, học trò cũng không ghi chép.

Tôn giả A Nan kiết tập kinh tạng. Tôn giả A Nan là vị thị giả của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hàng ngày theo hầu bên đức Phật. Cho nên tất cả kinh điển đức Phật giảng ngài đều được nghe. Ngài có trí nhớ rất tốt, nghe qua một lần là không bao giờ quên. Cho nên kiết tập kinh tạng để lưu truyền cho đời sau, tôn giả A Nan đã phụ trách việc này. Ngài giảng lại, mọi người cùng nghe, nghe rồi không ai phản đối gì nên ghi chép lại, có một người phản đối thì câu đó được bỏ đi. Làm niềm tin cho đời sau.

Kinh điển ngày nay chúng ta thấy, là những lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu khi còn tại thế, ngài dạy cho mọi người, đó chính là tài liệu giảng dạy. Chúng ta nương vào kinh điển học tập là đúng, nương vào kinh điển tu tập, thì sẽ không khác gì khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế!

Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni không xây dựng một đạo tràng nào. Ngài nhập niết bàn ở trong rừng, chứ không phải ở trong nhà. Vì sao? Ngài muốn xây dựng đạo tràng cũng chẳng khó khăn, dòng họ ngài là đế vương. Xây dựng đạo tràng chẳng phải là việc dễ dàng sao? Trong khoảng thời gian ngài dạy học, Ấn độ bấy giớ có 16 đại quốc vương, họ đều là học trò của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học vô cùng hoạt bát, ngài không hề cố chấp. Cho nên một số quốc vương đại thần, họ có biệt thự, có hoa viên. Họ mời đức Phật dẫn theo đệ tử ngài, những người này phát tâm cúng dường, đức Phật tiếp nhận.

Như bộ kinh này được giảng ở rừng Kỳ Đà vườn Cấp Cô Độc. Là do thái tử Kỳ Đà và trưởng giả Tu Đạt Đa, đây là vị đại phú trưởng giả. Hai vị đó cúng dường khu vườn này, đức Phật đã tiếp nhận. Tiếp nhận ở đây như lời người thời nay nói, đức Phật tiếp nhận quyền sử dụng, chứ không tiếp nhận quyền sở hữu. Quí vị nói con có khu vườn này cúng dường cho Phật, Phật sẽ không nhận đâu. Đức Phật có thể ở đó mấy năm, ở đó dạy học mấy năm, sau đó ngài ra đi, vật trả lại chủ, trả lại cho quí vị. Vì sao? Bởi không tranh chấp. Chỉ cần có tài sản sẽ khiến cho con người khởi ác niệm. Họ muốn chiếm lấy, muốn khống chế số tài sản này. Đó là tạo nghiệp tội. Sao đức Phật có thể khiến cho người khác tạo nghiệp được? Cho nên một đời đức Phật không cần tài sản, ngài không có gì hết. Ngài ở đâu? ở dưới gốc cây. Ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây. Ngài đã sống một đời như thế. Không tranh với người, không tranh với đời. Tự tại biết bao!

Ngài làm bậc mô phạm cho chúng ta, là điển hình viên mãn nhất, là tấm gương hay nhất. Phải như thế chúng ta mới thật sự học được, cái hay của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nếu như có tài sản, sẽ không học được gì, sẽ học sai lệch, chắc chắn tạo nghiệp.

Phật giáo truyền vào TQ, đạo tràng ở TQ do ai xây dựng? Đầu tiên là do đế vương xây dựng, tài sản này thuộc về quốc gia, chứ không thuộc về tư nhân. Sau này đại phú trưởng giả hộ trì Phật pháp, họ xây dựng tự viện am đường, gọi là thập phương đạo tràng, chứ không phải của riêng ai. Họ cúng dường cho người xuất gia, có nơi tu học để thành tựu đạo nghiệp, gọi là thập phương tòng lâm.

Người xuất gia không có của riêng. Ngày nay bị biến chất rồi. Người xuất gia thời nay, xuất ra khỏi nhà mình, nhập vào căn nhà khác, căn nhà này còn lớn hơn nhà của mình nữa. Trong môi trường như vậy, làm sao tu tâm thanh tinh? Làm sao tu tâm bình đẳng?

Tôi từ La Mã trở về, thấy được một hiện tượng, đây cũng là sự thật, chân tướng sự thật trước mắt. Trên thế giới, người tín ngưỡng tôn giáo càng ngày càng ít. Người không tín ngưỡng tôn giáo ngày càng đông. Tôi suy nghĩ, nếu cứ tiếp tục như thế, 30 năm sau, trên thế gian này còn tôn giáo hay không? Người trẻ không tin, người trẻ họ tin khoa học, họ nói tôn giáo là mê tín. Có đúng là như vậy chăng? Đúng là như vậy, tôn giáo đúng là mê tín. Chẳng phải bản thân tôn giáo mê tín, mà hiện này những người chịu trách nhiệm về tôn giáo mê tín, chứ bản thân tôn giáo không mê tín. Nếu nó mê tín thì làm sao có thể truyền đến ngày nay?

Quí vị xem kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng. Năm xưa ngày nào ngài cũng giảng, chẳng lẽ là mê tín sao? Người mê tín có thể nói được đạo lý hay như vậy sao? Điều này đã cho tôi sự nhắc nhỏ rất lớn. Nếu tôn giáo không trở về với việc giáo dục, thì khoảng 30 năm nữa tôn giáo sẽ không còn.

Tôi đến Indonesia tham dự hội nghị lần này, chủ yếu tôi nói về một vấn đề, “giáo dục tôn giáo cứu quả địa cầu”. Tôi đã nói về chuyên đề này. Hy vọng tôn giáo có thể giống như những người khai sáng ra nó. Những người đó nếu dùng cách nói ngày nay thì phải gọi họ là nhà giáo dục xã hội.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học suốt 49 năm. Mô-ha-mét dạy học 27 năm. Chúa Giê-su dạy học 3 năm, bị người ta hại chết. Quí vị nghĩ xem, ai trong số họ là người không dạy học? Kinh điển đều do những vị này giảng dạy khi đó. Cho nên người ngưỡng mộ nhiều, người theo đuổi nhiều, người theo học với họ cũng nhiều. Đời đời kiếp kiếp truyền đến ngày nay.

Ngày nay chúng ta cầm cuốn kinh biết đọc, chứ không biết giảng. Không hiểu ý nghĩa của kinh, đó chính là mê tín. Không đem đạo lý trong kinh, biến thành tư duy chính xác của chính mình - chánh tri chánh kiến. Không lấy những lời dạy trong kinh, để sửa đổi hành vi sai lầm của chúng ta. Việc này không liên quan gì đến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Chúa Giê-su, cũng không liên quan đến kinh điển được lưu truyền lại. Chính bản thân chúng ta đã làm sai. Do bản thân tông giáo đồ chúng ta, nhất là những người làm công việc truyền giáo, chúng ta đã làm sai.

Nhất là danh văn lợi dưỡng thời nay, điều này thật đáng sợ! Trong tôn giáo tranh danh trục lợi. Những hành vi này không khác gì người thế gian. Người thế gian nói, chỉ có hơn chứ không có kém. Tôn giáo như thế còn có thể tồn tại được chăng?

Cho nên lần này tôi đặc biệt nhắc nhở mọi người, trở về với việc giáo dục, mỗi tôn giáo đều là nhà giáo dục xã hội. Giáo dục tôn giáo dạy điều gì? Dạy luân lý, đạo đức, nhân quả. Đúng lúc giáo dục xã hội hiện nay thiếu những điều này. Giáo dục tôn giáo bù đắp lại, thì xã hội này có thể phục hồi trở lại an định, thế giới phục hồi hòa bình. Đó là tôn giáo cống hiến cho xã hội. Ngoài việc này ra, tôn giáo đối với xã hội, đối với nhân loại có lợi ích gì?

Hàng ngày bảo mọi người cầu nguyện, việc cầu nguyện người thường không biết, họ cho rằng đó là hành vi mê tín. Cũng may khoa học ngay nay đã chứng minh, việc cầu nguyện thật sự có lợi ích, họ đã chứng minh cho ta thấy. Nhưng đại đa số con người vẫn chưa tin. Nhất định phải dạy học, phải phục hồi nền giáo dục, giáo dục tôn giáo. Những năm gần đây chúng tôi làm việc giáo dục tôn giáo.

Tôi xuất gia rất may mắn được Chương Gia đại sư hướng dẫn, học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Suốt đời tôi đi theo con đường này, học tập theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm. năm 30 tuổi ngài bắt đầu giảng dạy. Còn tôi 33 tuổi xuất gia, vừa xuất gia là đi dạy ở phật học viện, bắt đầu giảng kinh. Giảng đến nay là 52 năm rồi. Học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không có đạo tràng, hai bàn tay trắng.

Đạo tràng nhỏ này, do một số cư sỹ ở Hongkong, phát tâm xây dựng, do hội quản trị quản lý. Khi chúng tôi ở Hongkong thì mượn nơi này làm chỗ giảng kinh. Tôi ở Bào Mã Địa, do lão cư sỹ Trần, cũng là người ở đây phát tâm. Đạo tràng 11 tầng này do ông ấy mua và cúng dường, tôi ở phòng của ông ấy. Ông ấy cho tôi mượn, tôi có quyền sử dụng, ông ấy có quyền sở hữu. Tôi không ở nữa thì trả lại cho ông ấy, rất tự tại.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có trí huệ, chúng ta học với ngài cũng là hưởng phước rồi. Tôi ở phòng của ông ấy, ông đưa cho tôi chiếc chìa khóa, tất cả mọi chi phí đều do ông quản lý, tôi không phải lo. Tôi cũng không biết mỗi tháng chi tiêu hết bao nhiêu tiền điện nước, tôi không biết gì hết, tốt! Đi ra khóa cửa, khi về mở cửa, quí vị nghĩ xem tự tại biết bao!

Nếu ông ấy tặng cho tôi căn nhà này tôi có nhận không? Không! Vì sao? Mệt lắm! Có nhà rồi có cần chi tiêu chăng? Phiền phước biết bao! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tối ngủ dưới gốc cây. Sáng suốt cực kỳ!

Cho nên nhất định không được lụy vào thế duyên, như thế là sai lầm. Phải nhảy ra khỏi hầm lửa này. Bản thân mình phải nhảy ra khỏi, không bị nó làm phiền. Tâm chúng ta an định ở kinh giáo. Hàng ngày học tập, hàng ngày chia sẻ cùng các bạn học. Điều này năm xưa thầy Phương Đông Mỹ có nói với tôi, là sự hưởng thụ tối cao của con người.

Chúng ta đọc tiếp mấy câu dưới.

*Khả kiến chúng sanh đản năng tín nguyện trì danh, quyết khả vãng sanh bỉ quốc phàm thánh đồng cư độ, thật bất đãi trì chí sự nhất tâm bất loạn, hoặc lý nhất tâm bất loạn.*

Mấy câu này rất quan trọng. Sự nhất tâm bất loạn, nghĩa là đoạn được kiến tư phiền não. Lý nhất tâm bất loạn là đoạn được vô minh phiền não. Không dễ dàng đâu. Chỉ cần chúng ta đạt đến cõi phàm thánh đồng cư. Những điều chúng ta làm ngày nay chắc chắn có thể đạt được, tín nguyện trì danh. Chúng ta thật tin, thật sự phát nguyện cầu sanh về thế giới cực lạc, chắc chắn được vãng sanh.

*Trì danh pháp môn diệu dụng, hòa bàn thác xuất, túc chứng hội bổn thật đại hữu công ư thánh giáo dã.*

Thánh giáo là lời chỉ dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Hội bổn có hai hội bổn. Cư sỹ Hạ Liên Cư đã cống hiến cho chúng ta rất lớn. Tiểu bổn hội bổn và hội bổn đại bổn kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta nương vào hai bổn này để học tập, tu hành. Tu hành nghĩa là sửa đổi quan niệm sai lầm của chúng ta, sửa đổi ngôn ngữ hành vi sai lầm của chúng ta, thì đời này chắc chắn chúng ta được vãng sanh.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 71**

# Tập 72

Chuyễn ngữ: Nguyên Thanh  
Biên tập: Bình Minh  
Giảng ngày:7 tháng 7 năm 2010  
Địa Điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_Hong Kong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem "Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải" hai hàng cuối cùng trang 62.

*Ât. Đồng loại, phàm xướng đạo ức niệm Di Đà nguyện sanh Cực Lạc chi kinh điển quân thuộc đồng loại, kỳ trung diệc hữu thân sơ, dĩ trì danh niệm phật vi thân, kỳ tha vi sơ.*

Trước nói rõ, cùng một bản kinh ngoài đồng bộ ra còn có đồng loại. Dưới đây Hoàng lão cư sĩ nêu ra cho chúng ta thấy.

Bộ thứ nhất trong đồng loại "*Phật thuyết quán Vô Lượng Thọ Kinh",* kinh này cùng với 2 kinh Đại bản, Tiểu bản ở trên gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh, là kinh điển quan trọng nhất của Tịnh Độ tông, gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh.

*“Nãi Tịnh Tông cơ bản kinh điển cụ đàm thập lục diệu môn”.* tức là 16 pháp quán, “*khuyến đạo quán tưởng niệm Phật dữ trì danh niệm Phật”.* ‘Thập Lục Quán kinh’ là 1 bộ kinh quan trọng nhất của Tịnh Độ tông, chúng ta có thể nhận định như vậy.

“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh” là khái luận Tịnh Độ tông, từ các phương diện đến giới thiệu pháp môn này, kinh A Di Đà là bản kinh nhỏ, rất tiện để thọ trì, cho nên hơn 1000 năm nay, người tu Tịnh Độ đều đem bản kinh này làm thành khóa tụng buổi sáng và tối, vô cùng giản đơn, đây là từ bi vô lượng của đức Thế Tôn, đích thực cho chúng ta 1 pháp môn, 1 phương pháp rất dễ tu học.

‘Thập Lục Quán kinh’ tức là Vô Lượng Thọ Phật kinh, trong kinh giảng về 16 loại quán pháp, trong đó có quán tưởng niệm Phật, có quán tượng niệm Phật, có trì danh niệm Phật. Cuối cùng quán thứ 16 là trì danh niệm Phật, càng ở sau cùng, pháp môn này càng quan trọng. Thời xưa Trung Quốc và Ấn Độ đều có quan điểm này, cái tốt nhất, cái thù thắng nhất là đặt ở sau cùng. Trong biểu diễn văn nghệ như tuồng hát, vở kịch hay nhất thường xếp ở sau cùng, khiến khán giả càng xem càng có hứng thú. Nếu như vở kịch hay nhất diễn trước, xem xong rồi, vở sau không bằng vở trước thì mọi người không xem mà bỏ đi, cái hay nhất nên xếp ở sau cùng.

Vậy chúng ta hiểu rằng trong 16 quán, đem trì danh niệm Phật xếp ở sau cùng, như thế biết được phương pháp tu học của Tịnh Độ tông, trên thực tế trì danh thù thắng hơn quán tưởng và quán tượng. Vì sao vậy? những kinh này trước đây tôi đã giảng qua rồi. Khi tôi học quán kinh, đã từng hỏi thầy Lý, hỏi ông ấy về quán tưởng, quán tượng trong 16 quán, còn thật tướng niệm Phật thì chưa đề cập đến.

Quán tưởng có 14 loại, Trí Giả đại sư đời nhà Đường tu quán tưởng Niệm Phật mà được vãng sanh, cho nên pháp môn này cũng được truyền đến Hàn quốc và Nhật Bản. Ở Trung Quốc tu pháp môn quán tưởng không nhiều, tôi hỏi Thầy tại sao như vậy? Thầy nói với tôi rằng, vì quán tưởng không dễ thành tựu! ví dụ quán thứ nhất, quán tưởng mặt trời, cái gì gọi là thành tựu? bạn mở mắt nhìn buổi hoàng hôn mặt trời xuống núi, vậy thì mặt trời ở trước mặt quí vị, quí vị thật sự nhìn thấy được, khi nhắm mắt lại, cảnh tượng này cũng ở trước mặt bạn, thử xem đến lúc nào bạn mới quán thành được? thật sự quán thành rồi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc Tây Phương, thì phải đem các thứ này bỏ đi, không đem nó bỏ đi, không đem nó bỏ đi thì ta chấp tướng rồi “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” quí vị phải bỏ nó đi, bỏ các thứ này đi thành tựu hơn quán tưởng, khỏi phải mất công, khỏi phải khó khăn.

Thầy nói, niệm Phật tốt, niệm Phật chỉ cần 1 câu danh hiệu, muốn buông bỏ thì rất đơn giản, buông bỏ dễ hơn quán tưởng nhiều.Thiết nghĩ cũng có lý, cho nên cần ghi nhớ, câu nói này trong kinh là nguyên tắc chung, cương lãnh chung, phàm sở hửu tướng giai thị hư vọng.

Tại sao bảo ta phải tu quán? Nghĩa là bảo ta phải đem các tạp niệm khác trừ bỏ đi, giống như chúng ta nhứt tâm xưng niệm, nhứt tâm này mới có thể vãng sanh, nhưng không phải nói là nhứt tâm bất loạn, nhứt tâm bất loạn đương nhiên là phẩm vị cao rồi. Sự nhất tâm bất loạn sanh Phương Tiện Độ, lý nhứt tâm bất loạn sanh Thật Báo Độ. Chúng ta ngày nay là người mới học đạo, có thể sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ đã là thành công rồi, cho nên đại sư Ngẩu Ích ở trong Yếu Giải khuyên chúng ta, đại sư lấy bản thân mình làm ví dụ: tôi một đời cầu sanh Tịnh Độ chỉ hi vọng được vãng sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm thì tôi đã rất hài lòng rồi, đây là Ngài thị hiện cho chúng ta xem, vãng sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm không khó. Đại sư Thiện Đạo nói “vạn tu vạn nhân khứ”, một người cũng không rớt lại.

Niệm pháp như thế nào? Vẫn là cần nhứt tâm xưng niệm, điều này cũng rất quan trọng, tức là khi niệm Phật không để vọng tưởng xen lẩn, không thể có vọng niệm, đây gọi là nhứt tâm, khi đạt được nhứt tâm, không nghi ngờ, không xen lẩn, gọi là nhứt tâm. Cho nên thật sự muốn cầu sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, chúng ta nhất định phải biết thế giới này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà khuyên chúng ta, tất cả chư Phật trong 10 phương 3 đời đều dị khẩu đồng âm khuyên chúng ta, nếu không phải hết sức thù thắng, thì Phật có khuyên chúng ta không? Cơ hội khó gặp! chúng sanh ngu si cho rằng pháp môn này đơn giản, đại khái không cao siêu lắm, cần cầu pháp môn khác, cho rằng pháp môn khác cao siêu hơn pháp môn này, vậy là sai rồi, càng thù thắng càng đơn giản, cổ kim trong ngoài đều không ngoại lệ, đơn giản nhất là tối thắng nhất.

Ở trước trong phần khái yếu đã giảng tường tận rồi. Trì danh niệm Phật là xưng tánh khởi tu. Lấy quả địa giác của Như Lai làm nhân địa tâm của chúng ta, nhân quả không hai, điều này quá thù thắng . Chúng ta nhất tâm hướng đến thì có thể buông bỏ thế gian, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần trong thế gian này, như người xưa đã nói, đây là mùi vị của thế gian, thông thường mọi người tham luyến, vị thế gian không đậm bằng pháp vị ! đậm nhất trong vị pháp là trì danh niệm Phật. Tại sao bạn niệm không được? trì danh mà không thưởng thức được mùi vị của pháp, không thưởng thức được mùi vị, vì thế quí vị thoái tâm. Tại sao không thưởng thức được mùi vị của pháp? Vì khi niệm Phật có nghi ngờ có xen tạp, nghi ngờ pháp môn này có phải là thù thắng nhất hay không? Pháp môn này có thật hay không? Tôi có thật được vãng sanh không? Thật có thế giới Cực Lạc không? do nghi ngờ, hoài nghi.

Điều thứ hai là tham luyến danh văn lợi dưỡng của thế gian không bỏ được. Cho nên quí vị siêng năng niệm Phật, nếu niệm bao nhiêu năm mà không đạt được pháp hỷ, mà không nếm được pháp vị, thì nguyên nhân ở chổ này.

Đề kinh của“Vô Lượng Thọ kinh” hay, nửa đoạn trên là nói về quả báo, nửa đoạn dưới nói về tu nhân. Ta tu như thế nào? Tu nhân nói đến 5 chữ “thanh tịnh bình đẳng giác”, người học Phật chúng ta tu gì? Tu thanh tịnh tâm. Dùng phương pháp nào? 8 vạn 4 ngàn pháp môn đều là tu thanh tịnh tâm, đều là tu bình đẵng tâm, đều là tu giác. Đạt được thanh tịnh tâm thì quí vị chứng được quả vị A La Hán. Đạt được bình đẳng tâm là thành Bồ Tát rồi. Đại triệt đại ngộ, đó tức là giác, nghĩa là đã thành Phật. Quí vị tu nhân, quả báo đạt được là gì? Đại thừa, đại thừa là trí huệ. “Hoa Nghiêm kinh” nói: ‘tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai’. Đại thừa là trí huệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng, ta hoàn toàn đạt được. Đạt được thanh tịnh tâm, vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc là ở Phương Tiện Hữu Dư độ, thanh tịnh tâm không dễ gì đạt được, đạt được bình đẳng tâm thì phá được 1 màn vô minh, chứng được 1 phần pháp thân, sanh về thế giới Cực Lạc Thật Báo Trang Nghiêm độ. Trong Hoa Nghiêm kinh, Bồ Tát Sơ Trụ trở lên, pháp thân đại sĩ, giống như thành Phật rồi, điều này khó, đây đều cần phải niệm đến nhất tâm bất loạn.

Sự thù thắng nhất của Tịnh Độ tông là Phàm Thánh Đồng Cư độ, vô cùng thù thắng. Nếu chúng ta thật sự muốn cầu vãng sanh đến Phàm Thánh Đồng Cư Độ, thì mỗi người quyết định đều có thể đạt được, thù thắng nhất là chổ này.

Thế giới Cực Lạc và các thế giới khác không giống nhau, thật giống Hoa Nghiêm kinh nói “nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”, sanh đến Đồng Cư độ đồng thời cũng giống như sanh đến Phương Tiện độ và Thật Báo độ. Vì sao? Vì ở nơi ấy không có không gian duy thứ, không giống các quốc độ của chư Phật khác, các quốc độ của của chư Phật khác thực sự có không gian duy thứ, không đồng không gian duy thứ thì quí vị nhìn không thấy, thế giới Cực Lạc không có. Cho nên mặc dù chúng ta sanh đến Đồng Cư độ, hạ hạ phẩm vãng sanh đến thế giới Cực lạc, ta cũng có thể nhìn thấy Bồ Tát Quan Âm và Bồ Tát Thế Chí, ta cũng có thể nhìn thấy Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền. Các vị ấy ở đâu? Họ ở Thật Báo độ, các vị đại Bồ Tát này ở Thật Báo độ cùng với Phàm thánh Đồng Cư độ hạ hạ phẩm, cũng luôn luôn ở chung 1 chổ, nhân duyên này khó có được lắm! ta thường thân cận các Ngài, thường nghe các Ngài dạy bảo thì tiến bộ rất nhanh, sẽ không thối lui, không có nguyên nhân thối lui, chỉ có hướng lên cao thêm mà thôi. Chư Phật Như Lai là Thầy giáo, chư đại Bồ Tát là học trò, quí vị đi đâu tìm cho ra môi trường tu học như thế này được?

Sanh đến thế giới Cực lạc quyết định 1 đời thành Phật, thọ mạng dài- vô lương thọ, quí vị nghĩ xem nhân duyên này thù thắng quá, không gặp được là không có phương pháp, sau khi gặp rồi mà ta còn luyến tiếc thế gian này thì sai rồi. Ở thế gian này chỉ cần một việc không buông bỏ thôi thì cơ duyên một đời này luống qua vô ích. Cho nên chúng ta phải triệt để buông xã, một mảy may cũng không luyến tiếc.

Chúng ta sống ở thế gian này, điều quan trọng nhất là cầu được vãng sanh, trước khi chết, thân thể vẫn chổ này. Cần học Bồ Tát, cố gắng cố gắng khuyên bảo người khác. Phật độ người có duyên, quí vị khuyên người, họ chịu tin tưởng, chịu phát nguyện, thì người này được độ rồi, quí vị đã giúp họ thành Phật . Quí vị đã thành tựu cũng giúp được người khác thành tựu, quí vị giúp người khác càng nhiều càng tốt. Bồ tát Đại Từ dạy chúng ta rằng: ta có thể thật sự khuyên được 2 người vãng sanh, mạnh hơn tự mình niệm Phật. Nếu quí vị có thể khuyên 10 người, 20 người,bạn đến thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà cần lời nói của người nhân gian chúng ta, nhất định khen ngợi quí vị. Mang theo càng nhiều càng tốt, đây là trong kinh Phật nói không giả chút nào.

Ngoài việc tự mình niệm Phật cầu vãng sanh ra, hãy cố gắng giúp người khác, khuyên bảo người khác, khuyên như thế nào? Phải hiện thân thuyết pháp, khi chết không bệnh hoạn, biết trước giờ chết, không bị đau đớn, mình vãng sanh như vậy, mọi người nhìn thấy, đây là thật chứ không phải giả.

Hồi trẻ trước khi tôi còn chưa đến Đài Loan, Ở Hong kong mẫu thân của Hà Thế Lễ, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Phụ thân tước sĩ Hà Đông ở Hong kong rất có địa vị, toàn bộ gia đình họ là tín đồ Cơ Đốc giáo thuần thành, dẫu sao họ còn chịu ảnh hưởng nền văn hóa truyền thống xưa, cho nên đối với mẫu thân rất hiếu thảo. Trong nhà có lập bàn Phật, người nào tu người đó, người mẹ hằng ngày niệm Phật, họ thì ngày chủ nhật đến giáo đường, gia đình này rất hòa thuận, có sự giáo dục của truyền thống xưa, khiến họ sống với nhau hòa thuận vui vẽ, khi người mẹ qua đời, liền mở 1 đại hội vãng sanh, bà lão biết trước giờ chết, khi chết bà chết trong tư thế ngồi, báo cho giới báo chí Hong kong những tin tức này, ngày bà chết, ai cũng đến xem, thật đã chết rồi, cho nên các đài phát thanh đều phát tin, thời đó chưa có ti vi như bây giờ, đó là hơn 30 năm về trước. bà ấy chết đi, cả gia đình Hà Thế Lễ niệm Phật. Quí vị thấy đó, không cần nói năng biểu diễn cho họ xem, quí vị thấy đây là thật chứ không phải giả, sau đó họ đem nhà cửa của mình hiến dâng, tức là Đông Liên Giác Uyển ngày nay, Đông Liên Giác Uyển là nhà của tước sĩ Hà Đông hiến cúng làm đạo tràng Phật giáo. Cả đời bà lão không giảng kinh thuyết pháp, nhưng lần biểu diễn này độ được bao nhiêu người! khiến cho bao nhiều người niệm Phật nhìn thấy sanh khởi lòng tin, không giả chút nào. Giống như loại phương pháp này, tự mình thành tựu cũng thành tựu người khác, đâu đâu cũng như vậy.

Đây là khoảng hơn 40 năm trước, tôi dạy học ở Phật Quang Sơn, Ở đó có một công nhân, công trình của họ là kết thúc trong 1 năm không gián đoạn, công nhân làm việc ở Phật Quang Sơn là người bản xứ. Một hôm buổi tối chúng tôi dẫn theo mấy học trò, ánh trăng rất đẹp, chúng tôi ngồi trên bãi cỏ thảo luận Phật pháp, người công nhân này đến chổ chúng tôi, cũng đến nghe pháp, nghe một lúc anh ta nói với chúng tôi, khuyên chúng tôi niệm Phật, anh ta nói niệm Phật là thật, không giả chút nào, anh ta đã tận mắt nhìn thấy láng giềng của anh ta, là 1 bà lão niệm Phật 3 năm, vãng sanh trong tư thế đứng, người bà lão rất từ bi, có lòng quan tâm, vui vẻ giúp đở người khác, bà ấy không đi học, không biết chữ, bà lạy Phật, lạy Bồ Tát, cũng lạy thần, bà lạy hết cả, thường thường đi miếu hội. 3 năm trước bà cưới về đứa con dâu, người con dâu này có hiểu đôi chút Phật pháp liền khuyên mẹ chồng chuyên tâm niệm A Di Đà Phật, không cần đi đâu lễ lạy cả, bà mẹ chồng có thiện căn, bà nghe theo lời khuyên của con dâu, liền thiết lập bàn Phật ở trong nhà, mỗi ngày đều niệm A Di Đà Phật. Niệm “A Di Đà Phật”, không tham gia các miếu hội nữa, chuyên tu Tịnh Độ 3 năm. Bà mất vào buổi tối, khi ăn cơm bà lão nói với những trong nhà nói rằng, các con ăn cơm trước, đừng đợi mẹ nghe, rồi bà đi tắm, bà thật sự đã đi tắm, nhưng con trai và con dâu rất hiếu thuận nên vẫn đợi bà, đợi rất lâu mà không thấy bà ra liền đi vào xem sao, thấy mẹ đã tắm xong rồi, gọi thì không nghe tiếng trả lời nên đi tìm bà, cuối cùng thấy bà đứng trước bàn Phật, mặc áo tràng ngay ngắn, trên tay cầm tràng hạt, mặt đối trước tượng Phật, gọi bà không trả lời liền đến bên cạnh nhìn kỷ, bà đã mất. người công nhân này nói với chúng tôi là tận mắt nhìn thấy, không chút giả dối, khuyên chúng tôi phải niệm Phật, phải cầu sanh Tịnh Độ.

Ở Đài Nam, người ở làng Tướng Quân , bây giờ chúng tôi nhắc đến sự việc này, vẫn còn rất nhiều người biết, còn nhớ rất rỏ ràng. Cho nên tự mình làm là cảm hóa người khác, quyết định không để bỏ lở cơ hội. Trì danh niệm Phật là quán cuối cùng trong Thâp Lục Quán kinh. Thứ 16 là trì danh niệm Phật, khuyên chúng ta trì danh niệm Phật, cho nên thù thắng hơn quán tưởng và quán tượng niệm Phật. dễ dàng mà vẫn thù thắng.

Thứ 2 *A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni kinh*, *khuyến đạo trì danh*. trong kinh cũng dạy người trì chú, chú này là chú vãng sanh, có người học. Lúc trẻ tôi giảng kinh ở Đài Bắc, có 1 lão cư sĩ, tuổi trẻ đã học Phật, lúc đó tôi ra giảng kinh là khoảng trên 30 chưa đến 40 tuổi, lão cư sĩ này khoảng hơn 15 tuổi, cậu ta nhìn thấy trong kinh giảng đọc đủ 30 vạn biến chú vãng sanh là có thể thấy được Phật A Di Đà, cậu ta làm thật, mất một khoảng thời gian rất dài, đọc đủ 30 vạn biến, cậu ta đến nói với tôi rẳng, Pháp sư Tịnh Không, trong kinh nói đọc 30 vạn biến thì có thể nhìn thấy Phật A Di Đà, tôi đọc đủ 30 vạn biến rồi sao vẫn chưa thấy Phật? cậu ta đã khởi sanh vấn đề, phương pháp đcọ 30 vạn biến như thế nào. Điểm này quí vị phải chú ý , niệm Phật, đcọ chú , đcọ kinh đều là 1 tiêu chuẩn.

Chí Bồ Đại Thế Tát nói “ đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tướng đoạn”, đây gọi là niệm Phật, ta niệm 30 vạn biến chú vãng sanh, khi niệm chú vẫn còn vọng tưởng, khi niệm chú còn nghĩ xem có linh hay không linh, như vậy là có vấn đề rồi, làm hỏng hết công phu niệm chú của quí vị rồi, cho nên người xưa nói: đcọ kinh không bằng đcọ chú, đọc chú không bằng niệm Phật. vì sao? Càng đơn giản càng dễ nhiếp tâm. Kinh văn rất dài, niệm 1 biến từ đầu đến cuối có thể không khởi vọng niệm được không? thật sự không khởi vọng niệm mới gọi là công phu. Trong khi đọc bộ kinh này có rất nhiều tạp niệm trong đó, làm hỏng hết công đức của quí vị, không phải hoàn toàn không có giảm từ từ, cho nên lời chú ngắn, dễ dàng nhiếp tâm, nhưng danh hiệu Phật ngắn nhất, chỉ 4 chữ A Di Đà Phật, hy vọng trong 4 chữ này không có tạp niệm, cái này dễ hơn chú vãng sanh nhiều, chú vãng sanh khó hơn niệm Phật. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, nhất định phải yêu cầu chính mình, thời khóa sáng chiều cũng tốt, ngày thường tán niệm cũng cần chú ý không xen tạp, phải chú ý điều này.

Khi suy nghĩ vấn đề gì nên dừng niệm Phật, sau khi suy nghĩ xong rồi thì niệm danh hiệu Phật trở lại, không thể vừa niệm Phật vừa nghĩ đến sự việc, vừa niệm Phật vừa làm việc, nếu công việc đó không cần trí óc thì được, không trở ngại gì, nếu phải suy nghĩ thì ảnh hưởng đến việc niệm Phật, điều này chẳng thể không biết được.

Tuyệt đối không được nói: pháp môn có vấn đề, kinh chú có vấn đề, cái đó không có vấn đề, mà là chính chúng ta dụng tâm không đúng, vấn đề phát sanh là ở chổ này. Đây là nói đến trì chú, trên thực tế người xưa nói rất hay, 4 chữ A Di Đà Phật này là tiếng Phạn, không có dịch ra, giống như chú vậy! đạo lí này không thể không biết được.

Thứ 3 *“Hoa Nghiêm kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm”,* *thập đại nguyện vương, đạo quy cực lạc*, cho nên người hậu sanh này là Ngụy Nguyên, tức là Ngụy Mặc Thâm đem quyển Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm -quyển cuối cùng, rút ra từ “Hoa Nghiêm kinh” phụ ở phía sau Tịnh Độ Tam kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ kinh. Nếu như sau này quý vị ở đâu đó thấy Tịnh Độ Tứ kinh thì biết rằng vì sao có thêm 1 kinh, có thêm Hạnh Nguyện phẩm. Thời đại Hàm Phong cư sĩ Ngụy Mặc Thâm thêm vào trong đó.

Thứ 4 *“Hậu Xuất A Di Đà Phật Kệ kinh”,* bộ này toàn bộ là kệ tụng, gồm có 56 câu, trong ấy có hai câu thế này: *Phát nguyện dụ chư Phật, thệ nhị thập tứ chương.* Phát nguyện này là Phật A Di Đà Phát nguyện. Dụ tức là nói với tất cả chư Phật Như lai, trên thực tế tức là hôm nay chúng ta nói Ngài làm báo cáo, báo cáo với chư Phật. ngài phát nguyện lớn, 24 nguyện. *Dữ bản kinh Hán Ngô lưỡng dịch trung, A Di Đà nhị thập tứ nguyện tương đồng.*

Thứ 5 *“Thủ Lăng Nghiêm Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông chương”* *khuyến đạo chúng sanh ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai tất định kiến Phật, dĩ niệm Phật tâm, nhập vô sanh nhẫn.*  Ngài dạy chúng ta phương pháp niệm Phật “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đều là trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thôngdạy.

Thứ 6 *“Bát Châu Tam Muội kinh”* *hậu Hán Nhụct Chi tam tạng Chi Lâu Ca Sấm dịch*, kinh này còn có 1 tên khác gọi là *“Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ kinh”* đây là bộ kinh dị dịch, cũng là đồng 1 bản tiếng Phạn nhưng không đồng bản dịch.

*Kinh chủ* *cửu thập nhật vi nhất kỳ, bất tọa bất ngọa, tu Phật lập Tam muội*. Pháp môn này không dễ tu, vì sao vậy? một kỳ là 90 ngày tức là 3 tháng. 3 tháng không ngủ, không được ngồi, chỉ đi, nhiểu Phật, được đi , được đứng , không ngồi, không nằm . Tu pháp môn này phải có sức khỏe tốt, trẻ tuổi có thể được, tuổi lớn rồi thì rất khó khăn, khoảng dưới 40 tuổi thì được. 40 tuổi trở lên thể lực không tốt, quí vị sẽ không tu được.

Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham vấn, tham vấn, vị thứ nhất là tỳ kheo Cát Tường Vân, Ngài tu là pháp môn này, gọi là “Phật lập tam muội”, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh tây Phương Tịnh Độ. Cho nên xem 53 lần tham vấn này dụng ý rất sâu! Trung Quốc và Ấn Độ đều có khái niệm như vậy, vào trước là chủ. Thiện tài trong hội Văn Thù Bồ Tát thành tựu trí tuệ căn bản, thành tựu trí tuệ căn bản như thế nào? chấp trước được buông xã, đắc tâm thanh tịnh. Phân biệt được buông xã, đắc tâm bình đẳng, vọng tưởng được buông xã, khởi tâm động niệm được buông xã, thành vô thượng chánh đẳng giác. Trên đề kinh này, ngài đạt đã được thanh tịnh bình đẳng giác. Người xưa nói: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong hội Hoa Nghiêm đây là sơ trụ Bồ Tát, pháp thân đại sĩ. Thiện Tài Đồng Tử trong hội Bồ Tát Văn Thù chứng được quả vị này, là Sơ trụ của Viên Giáo, cho nên thầy giáo biểu Ông đi tham học, quí vị phải biết, điều kiện chân chánh tham học là chổ này, chưa kiến tánh thì không có tư cách để tham học, minh tâm kiến tánh mới có tư cách tham học.

Dụng ý tham học ở chổ nào? Tham học là phá trừ tập khí vô minh, vô minh được phá rồi, khởi tâm động niệm được buông xã rồi, vẫn còn tập khí, tập khí phải làm sao? Trong tham học phải đoạn trừ tập khí, cho nên tham học gọi là trải sự luyện tâm, lúc đó phải chịu được sự khảo nghiệm. không kể thuận cảnh hay nghịch cảnh, thầy giáo khích lệ quí vị đi tiếp xúc, cảnh giới bên ngoài không ảnh hưởng bạn. Ở trong tất cả cảnh giới, có thể đem tập khí vô thỉ vô minh của quí vị tự nhiên loại bỏ đi. Thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn. Cho nên 53 lần tham vấn, 53 vị đó đều là Bồ Tát, là Phật cả. Vậy thiện tri thức không phải 1 người bình thường, là chư Phật Như Lai hóa thân đến. Hóa thân thế nào? Nam nữ lớn nhỏ, các ngành các nghề. Trong đó có thiện có ác. Trên thực tế thì xã hội ngày nay, chúng ta bước vào xã hội, từ sáng đến tối tiếp xúc với những người này, đó là 53 lần tham vấn. Mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng có thể không động tâm chăng? Nếu có thể không động tâm, không khởi tâm, không động niệm thì mới có tư cách tham học. nếu một khi khởi tâm động niệm lúc đó bị cảnh giới chuyển rồi. Cho nên tham học không phải là chuyện đơn giản. Tham học thành tựu hậu đắc trí, căn bản trí là bát nhã vô trí, đó là gì? Đó là định công, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, căn bản trí. Tham học thì sao? Tham học là hậu đắc trí, vô sở bất tri. Có phải học vô sở bất tri ở trong cảnh giới hay không? không phải vậy, cảnh giới hiện tiền, trí tuệ ta sanh khởi, không có cảnh giói, tâm địa trong sạch, một chút suy nghĩ cũng không có, không phải học từ bên ngoài, không phải vậy, cái này không được nghĩ sai. Khi đối diện với tất cả các cảnh giới, tự nhiên ta phát sanh trí huệ để đối ứng nó, Quyết định không sanh phiền não. Phiền não là gì? Là thất tình ngũ dục, thuận cảnh sanh tham ái, ngịch cảnh sanh oán hận, không sanh cái này, nó sanh trí tuệ, chúng ta không thể không biết những đạo lý này.

Ngày nay chúng ta có tham học chăng? không có, chúng ta tùy duyên tùy biến. Thiện Tài Đồng Tử tức là trong “Hoàn Nguyên Quán”, trong tứ đức nói tùy duyêndiệu dụng, diệu dụng là sanh trí huệ, quyết định không sanh phiền não. Cho nên lần cuối cùng trong 53 tham vấn là đạo sư Cực Lạc, thập đại nguyện vương Bồ Tát Phổ Hiền, chúng ta xem biểu pháp của Ngài- thỉ chung, đây nói rõ ,Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn gì? Từ đầu đến cuối tu pháp môn niệm Phật, giống như thầy giáo niệm A Di Đà Phật cầu sanh tịnh Độ, nói cho chúng ta sự việc như vậy. tiếp xúc với tất cả thế giới Ngài mới có thể rộng độ chúng sanh, không có pháp môn nào mà Ngài không biết, chỉ cần tiếp xúc là hiểu rõ. Sanh trí huệ không sanh phiền não.

*“ Thiên Thai xưng chi vi thường hành tam muội*”, đây là lời Trí Giả đại sư xưng tán họ. “ xướng danh quán niệm”, xướng danh tức là niệm Phật, quán niệm Phật A Di Đà.

Thứ 7, *Vãng Sanh Luận, Bồ Tát Thiên Thân tạo, xướng Ngũ Niệm pháp môn, cầu sanh Tịnh Độ, Tịnh Độ tông Tam kinh nhất luận*, Nhất luận là bộ này, đây là kinh điển cơ bản của Tịnh độ tông.

Trong “Vãng Sanh luận” nói rằng: *tu ngũ niệm môn, thành tựu giả tất cánh đắc sanh An Lạc quốc độ*, Quốc độ An Lạc này tức là thế giới Cực lạc. *“kiến bỉ a Di Đà Phật”.*

Ngũ niệm là gì?

Thứ nhất là *“lễ bái”,* lễ bái là tu tâm cung kính, cho nên phải biết rằng cung kính tâm là tánh đức. Cùng 1 ý nghĩa với lễ kính chư Phật trong thập đại nguyện vương Bồ Tát Phổ Hiền. Trong lễ kính chư Phật giảng tam thế, Phật quá khứ, Phật hiện tại và Phật vị lai. Phật quá khứ, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu cho chúng ta. Có “ Quá khứ Thiên Phật Danh kinh”. Phật hiện tại, như Phật Lô Xá Na. Trong “ Hoa Nghiêm Kinh” nói, A Di Đà Phật của thế giới Cực lạc là Phật hiện tại. Thế Tôn cũng giới thiệu cho chúng ta Tam Thiên Tôn Phật danh, Phật hiện tại, Phật vị lai. Những vị nào là Phật vị lai? Tất cả chúng sanh đều là Phật vị lai, chúng ta phải dùng thái độ như thế nào để đối đãi với tất cả chúng sanh? chúng ta dùng thái độ như thế nào để đối với Phật A Di Đà thì nên dùng tâm thái đó đối đãi với tất cả chúng sanh, đây gọi là lễ kính chư Phật. Chúng ta nhìn người này không thuận mắt, nhìn người khác thấy ghét, thì nhìn thấy Phật chúng ta thấy ghét. Nhất định phải biết họ vốn là Phật, hiện tại thì sao? Hiện tại họ vẫn là Phật, chẵng qua họ còn điên đảo mê hoặc mà thôi. Chúng ta không nên nhìn cái mê hoặc điên đảo của họ, phải nhìn tự tánh của họ, họ vốn là Phật, điểm này vô cùng quan trọng, làm cho cái tâm cung kính này của chúng ta sanh khởi, tâm cung kính là tánh đức, chúng ta mê thất tự tánh cho nên mới phân các loại sai biệt, giác ngộ rồi là bình đẳng.

Thứ hai là *“xưng tán”,* quý vị xem giống với Hoa Nghiêm kinh Thập Đại Nguyện Vương. Xưng tán Như Lai, lễ kính không phân biệt, cúng kính tất cả. Tán thán thì khác, tương ưng với tánh đức thì tán thán, không tương ưng với tánh đức thì không tán thán. Cho nên trong 53 lần tham vấn của Thiện Tài, có vài vị thiện hữu hành vi không tốt, tham sân si, quí vị xem Thiện Tài cung kính, có cúng dường nhưng không tán thán. Thiện pháp tương ưng với tánh đức, ông có lễ kính, có tán thán, có cúng dường, khác biệt nhau ở chổ này, vì vậy chúng ta phải tu tập.

Người này là người xấu, người xấu làm việc tốt, việc là việc tốt thì nên tán thán họ, tán thán họ 1 công việc. Họ làm là việc xấu, không tán thán, không nói, không phê bình, nếp sống xã hội mới có thể đoan chánh. Người làm những việc bất thiện này, họ sẽ hổ thẹn, bạn xem tôi làm chút việc tốt, mọi người tán thán tôi, nhưng khi làm việc xấu thì họ không nói gì cả, họ đều có thể bao dung, có thể tha thứ cho tôi, thì họ sẽ quay đầu.

Nhất định phải có thiện tâm thiện nguyện, giúp đở người khác, quay đầu là bờ, không nên chỉ trích, khi chỉ trích họ sẽ khởi ác cảm. Chẳng những không thể tiếp nhận mà càng sanh khởi tâm oán hận, việc đó phiền phức rồi , mình đã gây oán kết với họ, sau này ở trong lục đạo oan oan tương báo không bao giờ dứt. Tuyệt đối không được gây oán kêt với người khác, nếu bị hại, bị hại cũng không oan kết. Hai ngày trước tôi ở in-do-nê-xi-a, có mội vị đồng học hỏi tôi, đại khái là có người lừa gạt anh ta, đã gạt anh ta không ít tiền, anh ta muốn tìm luật sư tố cáo để đòi tiền lại, anh ta hỏi tôi : Con làm như vậy đúng không? tôi nhìn anh ta, anh ta là một nhà xí nghiệp rất giàu có, tôi nói chút tiền đó đối với anh thì không là bao, anh sử dụng hay họ sử dụng đều như nhau cả, hà tất phải tính toán? Đây mới gọi là học Phật. Nếu thật sự anh không có tiền mà bị người ta lừa gạt, có chút ảnh hưởng đến cuộc sống của anh, tôi thấy anh không giống vậy, anh là trưởng giả đại phú, gạt anh vài trăm vạn không bao nhiêu cả, thôi đi, đừng truy cứu nữa, nếu thật sự anh không bỏ được thì kiếp sau họ cũng sẽ trả lại cho anh. Cho nên chân chánh hiểu được nghiệp nhân quả báo, tâm của mình sẽ buông bỏ hết. Người thế gian có chịu thiệt thòi không? không có, một cái thiệt thòi cũng không có, Có bị lợi dụng không? một người cũng không lợi dụng được. Không bị lợi dụng cũng không bị thiệt thòi. Đời này mình lợi dụng họ, đời sau phải trả lại cho họ, phải trả thêm lợi tức nữa. làm gì có bị lợi dụng! hiểu rỏ đạo lý này thì tâm anh sẽ định, không bị ảnh hưởng cảnh giới bên ngoài, anh sẽ vui sống vẽ hạnh phúc. Khi nhìn thấy họ, anh hỏi họ dạo này có khỏe không, việc lừa gạt số tiền đó, một câu cũng không nhắc đến giống như không có chuyện gì cả, là anh đã có chút trí huệ. Nhìn thấy liền nổi giận, là anh chưa bỏ được phân biệt chấp trước. cảnh giới này đang khảo nghiệm công phu của anh, anh không đạt tiêu chuẩn, anh còn nhớ mái cái chuyện này, không đạt tiêu chuẩn.

Thứ ba là *“phát nguyện”* phát nguyên sanh về thế giới Cực Lạc.

Thứ tư là *“quán sát”*

Thứ năm là *“hồi hướng”.*

Ngũ niệm môn. Quan sát tức là tác quán trong chỉ quán, cũng là thông thường chúng ta nói, chúng ta đã hiểu rõ sự thật chân tướng rồi, hết thảy nhân, hết thảy sự, hêt thảy vật, tánh tướng lý sự nhân quả, đều rỏ ràng, đều tường tận. đây gọi là đã khai mở trí huệ, đem công đức sở tu của mình, hồi hướng cho tất cả chúng sanh, hôm nay đặc biệt hồi hướng các chúng sanh khổ nạn trên toàn thế giới, hóa giải thiên tai, bất luận tín ngưỡng tôn giáo nào cũng tốt, pháp môn bình đẵng không có cao thấp, nên đem tích lũy công đức tu hành của mình hồi hướng, cầu nguyện. Trong tôn giáo nói cầu nguyện, cầu nguyện thế giới hòa bình, cầu nguyện hóa giải thiên tai.

Thứ 8 *“Vãng Sanh Luận Chú”*, đây là cổ chú*.* Bắc Ngụy sau thời Nam Bắc triều, Đàm Loan đại sư thời Bắc Ngụy viết . Hiện tại đều thu thập trong sách Tịnh Độ Tông, học Vãng Sanh Luận, chú này tham khảo vô cùng quan trọng. Trước kia tôi giảng vãng sanh Luận cũng xem bộ chú giải này.

Thứ 9 *” Du Tâm an Lạc Tập”*, đây cũng là *Đường triều Đạo Xước đại sư đại đích trước tác,* cũng đồng loại với bộ kinh này của chúng ta.

Dưới đây là giảng *“Đới Thuyết Tịnh Độ Kinh Luận”* đây là bổ sung thêm, đây thì nhiều quá, có khoảng hơn 100 loại, ở đây lão cư sĩ lược ra 20 loại, luận này nổi tiếng hơn, cũng là các đại đức tổ sư của Tịnh Độ tông, thường trích dẫn khi giảng kinh thuyết pháp.

*Phục hữu chư kinh luận, tuy bất chuyên luận Tịnh Độ* *, đãn diệc đới nhiếp xưng tán Cực lạc, khuyến đạo vãng sanh, kỳ trung chiếu trước giả, minh hiển đích*, *chúng sở châu tri, giá lược cữ kỷ chủng* Ở đây lược cử vài loại, *như “Pháp Hoa kinh”. “Bi Hoa Kinh”, “Tùy Nguyện Vãng Sanh kinh”, “Văn Thù Thuyết Bát Nhã Kinh”, “Mục Liên Sở Vấn kinh”, “Thập Vãng Sanh kinh”, “Quán Phật Tam Muội Kinh”,* *Phật ký Văn Thù đương sanh Cực lạc, “ Văn Thù Phát Nguyện Kinh” cầu sanh Cực Lạc thế giới,* *“Nhập Lăng Nghiêm kinh”, Phật ký Long Thọ, sanh Cực lạc quốc*. Long Thọ Bồ Tát cũng vãng sanh thế giới Cực lạc. *“Tỳ Bà Sa luận”* là tác phẩm của Long Thọ đại sư, *“Đại Trí Độ luận”* cũng là Bồ Tát Long Thọ trước tác. *“Đại Thừa Khởi Tín Luận” Mã Minh Bồ Tát tát* vân vân.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết quyển chú giải này, trích dẫn kinh có 83 loại, luận trước có 110 loại, tổng cộng là 193 bộ, trong chú giải này, cho nên chúng ta học chú giải này, lần này phát tâm học chú giải này, cũng bằng học 193 loại kinh luận, không dễ chút nào! Lão cư sĩ viết bộ chú giải này, được làm tài liệu tham khảo rất nhiều. Tôi nghĩ đó cũng là nhờ Phật Bồ Tát gia trì, quá khó quá khó! Cần phải có rất nhiều người sưu tập tài liệu tham khảo khắp nơi tặng cho ông ta, tôi đến nhà của ông ta, nhìn vào trong phòng sách nhỏ, thấy chất đầy sách, rất nhiều sách đều là sách cổ xưa, tôi nói ông từ đâu đến ông ta cũng không biết, thật là Tam bảo gia trì.

*“Tịnh Độ Kinh Luận Ước bách số thập bộ”* ở đây ông ta trích dẫn là 193.

*“Dĩ thượng tựu bổn kinh bộ loại”,* đồng loại, đồng bộ. “*dữ đới thuyết Tịnh tông kinh luận lược cử kỳ yếu*, *chí ư mật bộ hữu quan tịnh tông chi điển tịch, vi sô thượng đa, quân vị liệt nhập”*. lão cư sĩ Hoàng là Kim Cang thượng sư của mật tông, trong Mật tông có tu tịnh Độ, ở đây không trích dẫn.

Đoạn thứ tám dưới đây “*Dịch hội hiệu thích”* , trong này nói 4 việc. ‘Dịch’ là phiên dịch “chỉ cho bản dịch gốc ”. ‘Hội hiệu’, hội là hội tập, “chỉ cho các bản do căn cứ các bản dịch góc mà hội tập”, đây gọi là bản hội tập. Hiệu là hiệu đính, có 1 loại là của cư sĩ Bành Tế Thanh. “Thích” là giải thích, tức là chú giải, chỉ cho các bản chú thích của kinh này, tức là chú giải.

Đoạn thứ nhất dưới đây, *“Giáp, bản kinh dịch bản”* bản phiên dịch. “ *kinh nãi ngã Phật lũ thuyết*. *chư sư cạnh dịch, đông lai tối tảo, dịch bản độc đa”*. Bốn câu này là cư sĩ Mai Quang Hi nói trong lời tựa. Phật Thích Ca Mâu Ni không phải một lần mà nhiều lần tuyên giảng, sau đây giới thiệu cho chúng ta, nhiều lần tuyên giảng. Sau khi lưu truyền đến Trung Quốc, pháp sư dịch các kinh này nhìn thấy đều rất hoan hỉ, đều làm công việc này, cho nên từ nhà Hán đến nhà Tống 8 triều đại, cũng khoảng 800 năm, gồm có 20 loại phiên dịch, có thể nói phiên dịch Vô Lượng Thọ kinh nhiều nhất, có 20 loại gọi là ‘đông lai tối tảo’, truyền đến Trung Quốc vào triều đại nhà Hán. ‘Dịch bản độc đa’ là riêng mình nó có rất nhiều bản dịch. Có thể nói Vô Lượng Thọ kinh là thứ nhất.

“*Tự Hán ngật Tống, phàm thập nhị dịch, Tống nguyên nhi giáng, cẩn tồn ngũ chủng”* cũng tức là nói, trong 20 loại đó có 7 loại bị thất truyền. Người xưa biên dịch bộ Đại Tạng kinh, bắt đầu từ triều Tống mới thu thập lại 1 chổ. Trước đó không có thu thập, cho nên rất dễ thất lạc, bởi vì quá ít bản. Lúc đó kinh bản toàn là sao chép bằng tay, không có máy in.

Dưới đây là giới thiệu bản dịch này. Loại thứ nhất, đây là giảng trước cái hiện còn, *“ ‘Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh’.* *Hậu Hán Nhục Chi”*, Nhục Chi là tên của 1 nước, là Tân Cương bây giờ. *“Sa môn”* là người xuất gia, *Chi Lâu Ca Sấm dịch* *ư Lạc Dương, dĩ hạ giản xưng* “*Hán dịch”,* bộ kinh này bây giờ có trong Đại tạng kinh, bảo tồn có 5 loại, dựa theo triều đại trước sau mà xếp theo thứ tự.

Thứ nhất là, “Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh”.

Thứ 2 “ ‘*Phật thuyết A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lầu Phật đàn Quá Độ Nhân Đạo kinh’. Nhất danh ‘Vô Lượng Thọ kinh’. Nhất danh ‘A Di Đà kinh’”*. “*Ngô”*, nước Ngô là thời Tam quốc Ngụy Thục Ngô. Nước Ngô thời Tam quốc, cũng là 1 cư sĩ tại gia, ưu bà tắc là cư sĩ, ông là người Nhục Chi, là Tây Vức *“ ‘Chi Khiêm Tự Cung Minh’ phiên dịch.* *Dĩ hạ giản xưng ‘Ngô dịch’”*. Đề kinh của bộ kinh này, đều là dùng Phạn văn âm dịch.

‘Phật thuyết Chư Phật A Di Đà’ A Di Đà Phật trên tất cả chư Phật, đây là có ý nghĩa. Vì sao? ‘*A Di Đà thị nhất thiết Phật đích tổng danh hiệu’*. quý vị nghĩ xem, A Di Đà không phải không thể dịch, có thể dịch được. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là giác, Vô Lượng Giác. Quí vị nói xem có vị Phật nào không phải là Vô Lượng Giác chăng? Hiểu rõ rồi niệm 1 câu A Di Đà Phật này, là niệm đầy đủ đến hết thảy chư Phật, một vị cũng không sót , không những Phật quá khứ mà Phật hiện tại và cũng ở vị lai Phật. Thập phương tam thế nhất thiết chư Phật Như Lai là tổng danh xưng, lại là tự tánh danh xưng.

‘Tam Da Tam Phật Tát Lầu Phật Đàn’ đây là 1 trong 10 hiệu của Như Lai*,* 10 hiệu nay phần sau trong kinh văn sẽ giảng đến, trong 10 hiệu có Chánh biến tri, dịch thành chữ Hán là chánh biến tri. Chánh là chánh giác, không sai chút nào. Biến là biến tri, như chúng ta nói, hậu đắc trí trong trí huệ, bát nhã vô tri, vô sở bất tri, đây là ý nghĩa vô sở bất tri.

‘*Dã hữu đẳng giác chánh địch ý tư’*, chánh đẳng giác này, trên thực tế chúng ta thường nói. Vô thượng chánh đẳng chánh giác, có ý nghĩa này ở trong đây.

Hai chữ ‘quá độ’ dưới đây, là ý nghĩa tự độ độ tha. Mình tự độ mình rồi cần phải độ người. Cho nên nói ‘Quá độ Nhân đạo kinh’. Nói cách khác. Kinh này là một bộ kinh điển nói về A Di Đà Như lai tế độ. Cứu tế, độ hóa chúng sanh, đây là đại ý đề kinh.

Loại thứ ba gọi là *“Vô Lượng Thọ kinh”.* “*Tào Ngụy”,* đây cũng là thời Tam Quốc, thời Tam quốc nước Ngụy , “*Ấn Độ sa môn Khương Tăng Khải dịch ư Lạc Dương Bạch Mã tự*, *dĩ hạ giản xưng ‘Ngụy dịch’,* *hiện tồn ngũ chủng nguyên dịch bản”*, bản này lưu thông rộng nhất, ông dịch rất tốt.

Loại thứ tư *“ ‘Vô Lượng Thọ Như Lai Hội’*, *Đường triều nam Ấn Độ tam tạng pháp sư Bồ Đề Lưu Chí phiên dịch”*, bản này trích từ “Bảo Tích kinh*”*, cho nên một hội trong Bảo Tích kinh, là Vô Lượng Thọ Như Lai. “*dĩ hạ giản xưng* ‘*Đường dịch*’ ”. ở sau giảng đến Đường dịch đều là nói bộ này.

Loại thứ năm *“ ‘Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh’* *Tống triều thời hâu Tây Vức sa Môn Pháp Hiền dịch, dĩ hạ giản xưng ‘Tống dịch’ ”*, đây là “*hiện tồn ngũ chủng”*. chúng ta có thể thấy được 5 loại bản dịch góc “Vô Lượng Thọ Kinh”.

“*Chí ư dật chi thất chi thất chủng. cứ ‘Khai nguyên thích giáo lục*’ ”,‘Khai nguyên thích giáo lục’*,* ‘thích’ là Thích Ca Mâu Ni, ‘Thích giáo’ tức là Phật Giáo, là mục lục của kinh tạng. Đây là mục lục kinh tạng sớm nhất. Trong mục lục có nhưng sách không có, không tìm thấy sách, cho nên trong mục lục thu lại vẫn còn 7 loại. Dưới đây liệt kê ra.

Loại thứ nhất gọi là *“ ‘Vô Lượng Thọ Kinh*’ *nhị quyển*. *Hán triều An Tức quốc sa môn An Thế Cao dịch”,* bộ kinh này thất truyền thật đáng tiếc. vì sao? An Thế Cao dịch rất tuyệt vời! thời kỳ đầu khi dịch kinh, Ngài thật là giỏi nhất, dịch rất hay. Người ngoại quốc đem kinh Phật dịch thành chữ Hán, khiến ngươi Trung Quốc thấy vô cùng hoan hỉ, trước kia là An Thế cao. Sau này là Cưu Ma La Thập. Kinh này mất đi thật đáng tiếc.

Loại thứ hai là*: “ ‘Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh’* *nhị quyển”*. đây cũng là “*Tào Ngụy”* *Tam Quốc thời đại*. thời đại Tam Quốc, Tào Ngụy. *“sa môn”* người xuất gia này, *“Bạch Diên dịch ư Lạc Dương Bạch Mã Tự”.*

Loại thứ ba là *“ ‘Vô Lượng Thọ Kinh’* *nhị quyển*, *Tấn triều, sa môn Trúc Đàm Ma La Đa”,* Tấn ngôn, tiếng Trung quốc gọi là Pháp Hộ, là ngài dịch vậy.

Loại thứ tư *“ ‘Vô Lượng Thọ Chí Chơn Đăng Chánh Giác Kinh’* *nhị quyển”*. có tên gọi khác là *“Lạc Phật Độ lạc Kinh”. “ Nhất danh ‘Cực Lạc Phật Độ Kinh’. Đông Tấn Tây Vức sa môn Trúc Pháp Lực dịch”.*

Loại thứ năm *“ ‘Tân Vô Lượng Thọ Kinh’hai quyển, Đông Tấn Ca La Vệ La* *quốc”*, đây là người Ấn Độ, “*sa môn Phật Đà Bạt Đà La,* *Tấn ngôn Giác Hiền dịch ư Đạo Tràng tự”.* Các vị pháp sư này ở Trung Quốc dịch rất nhiều kinh, nhưng Vô Lượng Thọ kinh đã bị thất truyền.

Loại thứ 6 cũng là“ ‘ *Tân Vô Lượng Thọ Kinh’ lưỡng quyển,* *Tống Lương Châu sa môn Bảo Đàm dịch ư Đạo Tràng tự”.*

Loại thứ bảy cũng là *“ ‘Tân Vô Lượng Thọ Kinh’ nhị quyển”* cũng là *“Tống Kế Tân quốc”* tức là Tân Cương ngày nay. Chổ này là Tân Cương ngày nay, Đây là người xuất gia *“ Đàm Ma la Mật Đa*”. Pháp Tú dịch thành chữ Hán, là ngài dịch vậy. *“dĩ Thượng khuyết thất giả thất”*, đây là 7 loại bản dịch.

*Liên tiền tồn thế dĩ ngũ*, *thế xương thập nhị đại dịch, thật tắc bát đại*, là 8 triều đại 20 loại phiên dịch.

Phía dưới ngài nói, “*kế Hán đại , hậu Hán nhị chủng*. thời Tam Quốc, *Ngô hữu nhất chủng, Ngụy* *hữu nhị chủng, Tây Tấn hữu nhất chủng, Đông hữu nhị chủng, Lưu Tống nhị chủng. Đường Triều nhất chủng, Triệu Tống hữu nhất chủng*. *cái dịch thời, phân tại bát đại, dịch bản tắc vi thập nhị chủng”*, Đây là đem bản dịch Vô Lượng Thọ kinh, giới thiệu sơ lược.

*“ ‘Chân Giải’ vân”,* “ Chân Giải” là pháp sư Đạo Ẩn người Nhật Bản , làm chú giải “Vô Lượng Thọ kinh”, tên là “Chân Giải”, trong đây có mấy câu như thế này, “*Phàm ư chư kinh trung truyền dịch thạnh vô như kim kinh, tư nãi dĩ xuất thế chánh ý, lợi ích vô biên cố dã”*. Các vị pháp sư người Nhật này, họ dùng kinh bản Vô Lượng Thọ kinh, phần lớn đều là bản của Khương Tăng Khải , cho nên Ngài nói ‘kim kinh’, đều là chỉ bản dịch của Khương Tăng Khải, Ở Nhật bản rất thịnh hành. Hai câu trong này vô cùng quan trọng *“ xuất thế chánh ý, lợi ích vô biên”*, đây là nói pháp môn Tịnh Độ hết sức thù thắng.

*“ ‘Hội Sơ’ dã thuyết”,* ‘Hội Sơ’ cũng là pháp sư Tuấn Đế người Nhật Bản , chú giải của Ngài, “*Phàm ư chư kinh trung truyền dịch thạnh nhiên vô như kim kinh, tư nãi đạo lý u thúy lợi ích tối thượng cố dã*. *‘ lưỡng sơ đồng nhất trác kiến’ ”*, câu nói này là lời bình của Thầy Hoàng Niệm Tổ. Nhật Bản 2 loại chú giải có cùng một nhận định ‘Lợi ích tối thượng, lợi ích vô biên’ .

*“Tồn thế ngũ chủng, sai dị giảo trước”* tức là hiện tại trong đại Tạng kinh, có 5 loại bản dịch gốc, nội dung sai biệt rất rõ.

“ *Bất tợ A Di Đà kinh chi lưỡng dịch dữ Kim Cang kinh chi lục dịch*, *kỳ văn chi tường lược tuy sao hữu dị nhi nội dung thật thị tương đồng”.* Lấy ví dụ,,Kinh Kim Cang ở trong Đại tạng kinh có 6 bản dịch, 6 bản phiên dịch, hiện tại lưu thông rất rộng rãi , mọi người rất hoan hỉ đọc là của Đại sư Cưu Ma La Thập dịch, La Thập dịch rất hay, ý dịch, Ngài không phải trực tiếp chiếu theo văn tự dịch, lấy ý nghĩa của kinh văn dùng ngôn ngữ của mình, cũng chính là dùng ngữ khí của người bổn địa để dịch. Cho nên chúng ta xem đặc biệt lưu loát, không khác gì văn của mình viết vậy.

*“kim kinh ngũ dịch”* tức là 5 loại bản dịch này, “*bất đản văn tự tường lược sai biệt huyền thù, thả nội dung thâm quảng diệc phục hữu dị* *. liệt như Di Đà Nhân Địa Đại Nguyện”*. đây là điều vô cùng vô cùng quan trọng.

“*Hán Ngô lưỡng dịch nhị thập tứ nguyện. Tống dịch vi tam thập lục,nguyện. Ngụy Đường lưỡng dịch thì vi tứ thập bát nguyên”*. sai biệt lớn như vậy.

*“Thả* *nguyện chi nội dung, các dịch diệc phục bất đồng, khả kiến xuất nhập chi cự”.* cự là to lớn.

*“hiện thế lưu truyền, Ngụy dịch giảo quảng”* bản này của Khương Tăng Khải lưu rất rộng rãi.

“ ‘*Chân Giải’ chỉ xuất*, *dĩ Hán Ngô lưỡng dịch, đối hiệu Ngụy bản, thô cử đại giả, kế hữu bát dị”* tức là chổ bất đồng, rõ ràng 8 điểm không giống nhau.

*“Như dữ Dường bản đối kiệm lược hữu thất dị, kim bất tường lục”*, đây tức là nói rõ trong 5 loại bản dịch gốc sai biệt rất lớn.

“*chí ư Tống dịch, dữ chư dịch sai dị cách đại”*. Đây là vấn đề lớn, nếu như bản gốc tiếng Phạn là một loại, người phiên dịch phải là đại thể tương đồng, không khác nhau nhiều. Có khác nhau nhiều, vấn đề này ở đâu? *“chư dịch hà dĩ bất* *đồng”,* ‘chư dịch’ này là nói 5 loại bản dịch hiện còn của chúng ta, vì sao không đồng.

“*Thanh Trầm Thiện Đăng cư sĩ ‘Báo Ân luận’ viết”,* ông trước tác 1 bộ sách “Báo Ân luận”, bây giờ giảng là luận văn, luận văn học Phật của ông. Trong đó có một đoạn như thế này: “*kỳ sở dĩ bất đồng chi cố, lược khảo chư kinh, ước hữu tam đoan”*. Khảo là khảo sát 5 bản kinh này, chúng ta gọi là khảo cứ, 5 bản kinh này, ít nhất có 3 nguyên có thể nói rõ:

Thứ nhất *“dịch thủ xảo chuyết bất đồng ”* đây là nói người phiên dịch.

Thư hai *“Phạn bản truyền tả bất đồng”*, đó tức là không phải một bản tiếng Phạn.

Thứ ba là *“bản sư tiền hậu đa thứ tuyên thuyết bất đồng”,* điều này vô cùng quan trọng*. Bổn sư tam bách dư hội pháp, ký đa chỉ quy Tịnh Độ, tắc tự nhiên lũ thuyết bất nhất thuyết*. *nhi diệc tùy thời tùy cơ, khai thong đại ý, y nghĩa bất y ngữ, hiển nhiên khả tri cố tri Vô Lượng Thọ kinh nãi Phật đa thứ tuyên thuyết, Phạn bản bất nhất, dịch giả sở cứ bất đồng, thả dịch bút chi xảo chuyết hữu sai, ư thị dịch văn tự nhiên sai dị dã.* Đây là quan điểm của cư sĩ Trầm Thiện Đăng, trong này ông nói điểm thứ 3 vô cùng quan trọng, là người phiên dịch căn cứ bản gốc tiếng Phạn khác nhau, cho nên mới có sai lầm lớn như vậy, nếu như là 1 bản tiếng Phạn, thì có lẽ không có hiện tượng này.

Phía trước nêu kinh Kim Cang có 6 loại phiên dịch, bản gốc là 1 loại, quí vịxem hiện tại 6 loại phiên dịch nội dung đại thể tương đồng, không có sai khác lớn như thế. 4 bảnVô Lượng Thọ kinh này, trong đó khác nhau rất nhiều, cho nên phán đoán ít nhất ba bản không giống nhau.

Đây là nói khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, giảng kinh thuyết pháp đều là giảng 1 lần, không có giảng lại lần thứ hai, chỉ riêng bộ kinh này, bây giờ xem như vậy ít nhất giảng qua 3 lần, mất rồi vẫn còn 7 loại. Nếu như bây giờ còn 7 loại đó, có thể còn có sai khác. Đây là nói rằng Phật Thích Ca Mâu Ni nói ít nhất 3 lần trở lên. Đó biểu thị tánh quan trọng của bộ kinh này, có thể phổ độ hết thảy chúng sanh. đệ nhất pháp trong tất cả pháp pháp môn, hết sức thù thắng, cho nên thường nói, mỗi một lần giảng không thể hoàn toàn tương đồng, giống như chúng ta học Vô Lượng Thọ kinh, tôi học bản này tức là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, tôi dùng bản này giảng bộ kinh này. Trước đây đã giảng qua mười lần, mỗi một lần không giống nhau. Cho nên có học trò đến nói với tôi, cần đem những điều trước đây tôi giảng viết thành giảng ký, tôi nói được, tốt nhất là hội tập, đem 10 loại bản của tôi trước đây, mọi người đều xem xem, chổ không giống nhau đều trích ra , vậy thì viên mãn hơn, lần này là lần thứ 11, lần thứ 11 chúng tôi thay đổi phương pháp, giảng chú giải, giảng chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cũng là kỷ niệm trước đây ngày chúng tôi quen nhau, rất không dễ dàng. Khi đó, ở trong nước giảng bản này chỉ một mình ông, không có người thứ hai. Ở hải ngoại giảng bản hội tập này chỉ có một mình tôi, cũng không có người thứ hai, chúng tôi gặp mặt nhau vô lượng hoan hỉ. Chúng tôi trao đổi tâm đắc về tu học, giảng thuật, tôi biết ông khổ cực chú giải bộ kinh này, thân mang trọng bệnh ngày đêm không nghỉ, đem bộ kinh này chú giải hoàn thành, sau khi hoàn thành không bao lâu thì ông mất, ở trong hoàn cảnh như thế quả thật không dễ, đây là oai thần Tam bảo gia trì.

Bản Hội Tập này, bộ chú giải này, khẳng định lưu thông đến cùng khi Phật pháp trên thế gian này mất hẳn.

Ở trong kinh Pháp Diệt Tận Phật bảo chúng ta, pháp vận của Phật một vạn hai ngàn năm, tính từ ngày Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, một vạn hai ngàn năm. Chiếu theo sự ghi chép của người Trung Quốc đại đức ngày xưa, Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến năm nay là 3 ngàn 37 năm, với người ngoại quốc nói không giống nhau, người ngoại quốc nói là hơn 2 ngàn 5 trăm năm, 2 ngàn 5 trăm năm mươi mấy năm. Năm 2006 là 50 năm, ngày nay phải là 54 năm, 2 ngàn 5 trăm 54 năm, chư tổ sư của chúng ta ghi lại là 3 ngàn 37 năm, trong này khác nhau xấp xĩ 5 đến 6 trăm năm, những cái này chúng ta không cần đi khảo chứng, việc này ai cũng nói không rõ ràng, trừ khi tìm lại Phật Thích ca Mâu Ni, người khác nói là không rõ ràng, đều có căn cứ.

Chúng ta nghĩ đến truyền thừa của pháp môn này, lợi ích vô biên. Từ thời đại hiện nay về sau, chân chánh học Phật có thể đắc độ, tiêu chuẩn đắc độ này, vượt qua luân hồi lục đạo, vượt qua thập pháp giới, chỉ có pháp môn này, nói cách khác chỉ có bộ kinh này, chú giải này, những kinh luận khác tuy nhiều, pháp môn tuy nhiều, không đoạn được phiền não, đây là sự thật, không cần nói phiền não vi tế, phiên não thô trọng nhất, 88 phẩm kiến hoặc, bạn có thể đoạn trừ được không? Có thể đoạn 88 phẩm kiến hoặc mới chứng quả Tu Đà Hoàn, chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, nhưng quyết định không đọa vào ba ác đạo. Tu Đà Hoàn, bảy lần trở lai thiên thượng nhân gian. Đây nói tu hành phải trãi qua thời gian dài như vậy. Chứng quả A La Hán mới được vượt qua lục đạo, còn chưa được vượt qua thập pháp giới. Vượt qua Thập pháp giới thì còn phải thời gian rất dài.

Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm, tiểu thừa Tu Đà Hoàn đoạn phiền não, tầng này với trong kinh Hoa Nghiêm, bằng Thập Tín vị Bồ Tát Sơ Tín đoạn chứng, quí vị thấy đó không dễ dàng đâu. Cái đầu tiên trong kiến hoặc là thân kiến. Thân kiến lấy gì làm tượng trưng? nói rất đơn giản, tự tư tự lợi, có người nào có thể đoạn được cái này? Không chấp trước thân này là ta nữa.

Thứ hai, đoạn biên kiến. Biên kiến là gì? Đối lập, cái này mọi người dễ hiểu, quí vị có thể không đối lập với ngươi , không đối lập với việc , không đối lập với tất cả vạn vật .

Thứ 3 là thành kiến, hôm nay chúng ta giảng chủ quan quán niệm, không có rồi, đã buông bỏ. Có thể hằng thuận chúng sanh , không đơn giản! một điều cũng rất khó.

Cho nên lão Hoàng Niệm nói với tôi, tu thiền khó khai ngộ, cũng khó đạt được thiền định. Trước đây còn có thể đạt thiền định, thời nay thiền định khó đạt được. Tu Mật, tam Mật không thể tương ưng, chỉ có Tịnh Độ, cho nên ông đã tham thiền qua, Thầy của ông là là Hư Vân lão hòa thượng. Học qua Mật, thượng sư Mật tông- thầy của ông là Cống Cát lão nhân. Cuối cùng ông niệm A Di đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nói với tôi, một ngày 14 vạn tiếng danh hiệu Phật, vạn duyên buông bỏ, ngày đêm không nghỉ, mệt quá rồi thì chợp mắt ngủ một tý, tĩnh dậy thì tiếp tục danh hiệu Phật, 1 ngày 4 vạn tiếng, nghe lời của thầy! Thầy của ông la Hạ Liên Cư. Khi Thầy Hạ qua đời cũng là niệm Phật vãng sanh, lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng là thông tông thông giáo, Hiển Mật viên dung. Đến cuối cùng toàn bộ đều chọn Tây Phương Tịnh Độ. Cho nên lần này tôi chọn giảng chú giải này, kỷ niệm lão cư sĩ, ông vất cả cực nhọc, chú giải này cần phải truyền đi, giảng kỹ 1 lần thì có thể truyền đi rồi. cho nên chúng ta đặt tên đề mục là “Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa”, tôi đặt tên đề mục này.

Câu nói này của cư sĩ Trầm Thiện Đăng, chúng ta xem qua rồi. Xem ông nói dưới đây “ *trầm thị phục minh Phạn bản dị ngộ chi nhân viết”*, trong bản tiếng Phạn này dễ xuất sai lạc. nguyên nhân gì*? “ Cái phạn giáp giai tả bản, dị chí thoát ngộ”*, Ấn Độ truyền qua là bản gốc tiếng Phạn, tại Cố Cung Bác Vật viện có bảo tồn, có cơ hội quý vị nên xem. Nó được viết ở lá cây Bối Đa La, đem lá cây này, loại lá cây ấy giống như cây chuối tiêu của chúng ta, đem nó cắt từng miếng từng miếng lớn giống nhau, hai bên khoét cái lổ, dùng sợi dây xâu lại, đại khái 1 mặt có thể viết được 5 hàng, viết thêm trên đỉnh được 6 hàng, hai bên đều viết, cho nên dùng dây xâu lại, rất dễ dàng, dây đứt thì nó rãi ra, rất dễ mất đi. Đây là dễ sai sót.

*“Như* *Hán dịch Đại bản kinh, nãi nhĩ kiếp thời hạ, thoát ngộ số thập tự, hán nghĩa bất quán”,* văn nghĩa này liên kết không được, đây nêu ví dụ, tình hình này rất nhiều.

“ *Hựu Tứ Thập Nhi chương tạng bản, tựu thị Tứ Thâp Nhị Chương kinh”.* Đây là bộ kinh điển thứ nhất dịch tại Trung Quốc, phiên dịch sớm nhất, là từ các kinh trích ra, nó không phải là một bộ kinh, rất nhiều kinh, những điều quan trọng Phật nói, từng điều từng điều ghi chép lại, gồm có 42 đoạn. Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, ban sơ họ đến trung Quốc phiên dịch ra. Bản này đều viết bằng tay.

“*Dữ Thạch Khắc Triệu Văn Mẫn tả bản cập tạng ngoại lưu thông các bản, chương tiết tiền hậu đa quả các các bất đồng”*.Cái này sai biệt quá lớn rồi. Chúng ta thấy rất nhiều “Tứ Thập Nhị Chương kinh”, cầm xem nội dung không giống nhau. Lúc bấy giờ lưu truyền lại , rất nhiều người sao chép, có người chép sót đi, có người chép nhiều thêm mấy chữ, đây cũng là việc thường có. Cho nên Phạn văn lúc bấy giờ truyền đến Trung Quốc, cũng có tình trạng này, không phải một người viết dài như vậy, một người viết một chút, rất nhiều người viết, có khi có thể liên kết lại với nhau, có khi không liên kết được, nếu trong đó nó mất đi một trang, thì ta không liên kết được rồi.

“*Sở dĩ* *‘Tứ Thập Nhị Chương kinh’ nhi dữ Pháp Uyển Châu Lâm sở dẫn hựu bất đồng”.* Pháp Uyễn Châu Lâm là trước kia thông thường người đọc sách không có thời gian xem kinh Phật, nhất định xem bộ sách này. Đây bằng như nói là Phật Giáo Bách Khoa Toàn Thư, trong đó phân thành 100 loại. Ở trong mỗi kinh luận thì sao chép lại các thứ. Quí vị cần trích dẫn vô cùng tiện lợi, chúng ta tự tra kinh rất khó, người tra được đều là người biên tập triều Đường, đây thuộc về sách loại.

“*Thả hữu ‘Nhất Thiêt Kinh Âm Nghĩa’ sở trích tự, nhi chư bản giai vô giả, đại để thông tâp đa, tắc truyền tả đa, nhi đắc thất dị đồng diệc đa”.* Đây là nói rõ nguyên nhân, nhiều người sao chép. Đồng một bản gốc, chúng ta 2 người sao chép, chúng ta đem bản sao đối chiếu, thì của hai người có thể không giống nhau, bản gốc giống nhau, sao thì không giống nhau. Sao sót mất, làm không cẩn thận, hoặc là khi sao chép, âm đọc chúng ta viết chữ khác, cho nên sai chữ, việc này khó tránh được. Đây cũng là nghiên cứu vì sao có những sai lầm lớn như vậy.

“*Hựu viết ‘Chân Giải’ vân, dĩ thẩm chư dịch, thị Phạn bản quảng đa, chí sử truyền dịch văn nghĩa, tồn một tường lược bất đông nhỉ”.* Đây là “Chân Giải” ông ta cũng cảm thấy đại khái nguyên bản Phạn văn truyền đến Trung Quốc, không chỉ 1 loại. cho nên mới phát sanh tình trạng này.

*“Tổng minh bản kinh vi Phật đa thú tuyên thuyết,”* là suy đoán từ kinh điển phiên dịch lưu lại hiện nay, khẳng định kinh này, Phật không chỉ giảng 1 lần.

*“thả tụng tập giả đa”* là nhiều người đọc tụng, học tập.

“*Phạn bản truyền tả giả đa, Phạn bản hữu đa chủng, tồn một tường lược hữu bất đồng, Phạn giáp ta bản hựu dị thoát lạc, cố kim chư dịch bản thậm hữu sai dị”.* Trong này có một câu chúng ta cần đặc biệt lưu ý-‘ tụng tập’, thời đại hiện tại này, Phật giáo suy yếu, suy đến mức độ nào? Phật giáo đã biến thành tôn giáo, chúng ta hậu thế đệ tử Phật, không kể tại gia hay xuất gia đều có tội!

Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, 37 tuổi khai ngộ liền dạy học, day suốt một đời mãi đến khi già chết, không bỏ qua một ngày nào. Ngài dạy học lúc đó dạy học không có văn tự, không có sách vở, các kinh điển này là sau khi Phật điệt độ, chúng đệ tử mọi người cùng đề cử tôn giả A Nan, đem kinh mà Phật còn tại thế đã giảng, đọc lại một lần. Trí nhớ của A Nan rất tốt lại nghe hết toàn vẹn, thị giả của Phật Thích Ca Mâu Ni không rời xa một ngày, phụng dưỡng Phật Đà. Thỉnh Ngài đọc lại, 500 đồng học làm chứng, nghe A Nan đọc mọi người đều gật đầu, đích thực là Phật có nói như vậy, ghi chép lại. Nếu có một người đề xuất ý kiến, hình như không phải như vậy, thì câu nói này không dùng nữa, làm niềm tin cho đời sau. Cho nên kinh điển là gì? Là Phật thích Ca Mâu Ni lúc bấy giờ giáo huấn cho đại chúng. Nghe xong lời Phật dạy phải y giáo phụng hành, y giáo phụng hành là tập, học là lúc thực hành nó, chúng ta mới chân chánh đạt được lợi ích, cho nên kinh không phải để cho chúng ta đọc, đọc là một phương tiện để ghi nhớ nó.

Quan trọng là ở tập, Tập là gì? Biến nó làm thành hành vi sinh hoạt của chính chúng ta, làm thành kiến giải, tư tưởng của chính chúng ta, cái này quan trọng, mọi người chúng ta ngày nay xem Phật như Thần. Sai rồi! Phật không phải Thần, Phật là người, ở trên cách xưng hô rất rõ ràng, chúng ta xưng Phật Thích Ca Mâu Ni là bổn sư, thầy giáo căn bản. Chúng ta tự xưng mình là đệ tử, chúng ta với Phật Thích ca Mâu Ni có quan hệ như thế nào? Quan hệ thầy trò. Trong tôn giáo không có quan hệ thầy trò, Đạo Phật không phải tôn giáo. Học trò bất tài chúng ta đã biến nó thành tôn giáo. Có lỗi với Ngài, như vậy thì có tội lỗi. Ở Trung Quốc lịch sử Phật giáo biến thành tôn giáo rất ngắn. Thầy Lý đã từng nói với tôi, không vượt qua 300 năm, trong lịch sử ghi lại, thời đại Càn Long. Gia Khánh vẫn chưa thay đổi. Tất cả các đạo tràng tự viện am đường này của Phật giáo đều dạy học, đều lên lớp. Cho nên tự viện am đường là trường học, nó với tự viện không liên can. Cho nên nhà Phật gọi là chùa, chùa không phải là miếu, trong miếu là tôn giáo, đó là cúng Thần, Phật không gọi miếu, Phật gọi là chùa. Chùa là gì? Chùa là cơ quan làm việc của chính phủ, cơ cấu này trực tiếp thuộc về vua quản lý gọi là chùa, bây giờ nếu có cơ hội quý vị đến Bắc Kinh đến Cố Cung xem, sẽ thấy trong Cố Cung rất nhiều cơ cấu làm việc, treo cái bảng đó cũng là dùng chữ chùa. Cho nên Phật giáo gọi chùa, trực tiếp thuộc về vua quản lý. Giáo dục Phật Đà, từ Hán Minh Đế về sau, Trung Quốc là hai thể hệ giáo dục, một là giáo dục của nhà Nho, thuộc tể tướng quản lý, cơ cấu này gọi là bộ lễ, lễ bộ là bộ giáo dục, lễ bộ thượng thư tức là trưởng bộ giáo dục. Chùa là giáo dục Phật giáo. Thời đó ngôi chùa thứ nhất là chùa Bạch Mã. Nhớ công của bạch mã, bạch mã chở tượng Phật, có công chở kinh sách, người xưa hiền lành, với súc sanh cũng không quên, nó có công với Phật, cho nên lấy tên của nó đặt là chùa Bạch mã. Đây là giáo dục của đức Phật. Giáo dục của Phật thuộc vua quản lý, không thuộc tể tưởng quản, quí vị xem thể lệ này mãi đến giai đoạn đầu triều nhà Thanh, Khang Hi, Ung Chính, Càn Long đến Gia Khánh, họ đối với Nho Thích Đạo đều thật sự bỏ nhiều công sức. Trong cung đình những tài liệu giảng kinh này, đều ở trong “Tứ khố”. Tôi thấy Tứ khố, thường thường đem các thứ này lật lại xem coi lúc bấy giờ trong cung đình nói như thế nào, đều tồn tại, giảng nghĩa đều tồn tại, đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng, cho nên Phật giáo giảng nghĩa không ở Tứ khố, tại “Đại tạng kinh”, đặc biệt biên soạn một bộ “đại tạng kinh”.

Của Đạo giáo thì ở “Tứ khố”, Nho và Đạo đều ở trong “Tứ khố”, chỉ có Phật giáo là ngoại lệ, đây đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng. Ngày nay chúng ta có sứ mạng, chân chính làm đệ tử Phật phải đem nền giáo dục Phật giáo khôi phục, cho nên chúng ta gọi là giáo dục của đức Phật. Gọi Phật giáo, mọi người sẽ nhầm sẽ nói Phật giáo là tôn giáo, thêm hai chữ, đây là bất đắc dĩ , giáo dục Phật Đà. Chúng ta ngày ngày cùng nhau học tập, đây không phải mê tín. Bây giờ trở thành như thế nào? Người học tập quá ít. Người mang danh nghĩa Phật giáo buôn bán nhiều quá rồi, cái này chúng ta cũng không cần nói nữa, không cần nhắc lại nữa, tự mình siêng năng nỗ lực làm là được. Nhất định phải tìm người cùng chung chí hướng làm hi sinh phụng hiến, làm đệ tử chân thật của Như Lai, sứ mạng công đức này không thể nghĩ bàn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

# Tập 73

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 08.07.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”,* bắt đầu xem từ hàng thứ hai trang 86. Đoạn văn này là Hoàng lão cư sĩ đem năm bản dịch gốc kinh Vô Lượng Thọ, trong năm loại sách này sai biệt rất lớn. Nói cách khác, khi phiên dịch chắc chắn không phải dùng đồng một nguyên bản phạn văn, mới xuất hiện tình hình này.

Căn cứ khảo chứng của chư vị cổ đức ngày xưa, nguyên bản phạn văn chí ít có ba loại không đồng nhau. Tại sao có ba loại? Đương nhiên có khả năng nhất là lúc Đức Thế Tôn còn tại thế giảng qua ba lần, thậm chí trên ba lần. Vì sao? Bởi cuốn sách này đã thất truyền bảy bản phiên dịch. Nên bộ kinh này truyền đến Trung Quốc rất sớm. Thời nhà Hán nó đã có bản dịch của An Thế Cao, chúng ta cũng biết niên đại đó rất sớm. Thời kỳ sớm đã đến Trung quốc.

Cho đến Nam Tống tám triều đại, cũng gần 800 trăm năm. Trong thời gian dài đó, tổng cộng phiên dịch mười hai lần. Nguyên bản phạn văn từ Ấn Độ truyền sang, không ngừng lưu thông vào Trung quốc. Mổi lần truyền vào có thể không giống với lần trước, và toàn bộ đều phiên dịch. Đây là căn cứ hiện tại đang tồn tại năm loại sách, phán đoán ít nhất có ba loại nguyên bản. Ngoài ra bảy loại đã thất truyền thì không bàn đến nữa. Nếu có bảy cuốn này, có thể vẫn còn phát hiện những cái bất đồng.

Đức Thế Tôn lúc còn tại thế, một đời giảng kinh giáo hoá. Trong kinh điển ghi chép, ngài ba mươi tuổi khai ngộ. Một số người gọi là thành đạo, thành đạo chính là khai ngộ. Sau khi khai ngộ ngài bắt đầu giáo hoá cho đến già chết. 79 tuổi ngài niết bàn. Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Hội này giống như hiện nay chúng ta mở lớp, một hội là giảng một phần. Một phần này có lớn có nhỏ. Một phần lớn có thể giảng vài năm, cũng có thể giảng một bộ kinh. Như “Đại Bát Nhã Kinh”, đây là một mục lớn. Còn nhỏ thì một hai người đến tìm Thế Tôn thỉnh giáo, đưa ra vấn đề và ngài giảng. Nhỏ thì có thể nói là một hai giờ đồng hồ. Như vậy cũng tính là một hội.

Trong A Hàm chúng ta xem thấy một bộ kinh nhỏ, có văn tự của một vài bộ kinh nhỏ khoảng ba bốn trăm chữ. Đó cũng là một bộ kinh. Như “Bát Nhã Tâm Kinh” đó cũng là một bộ kinh, hai trăm sáu mươi chữ. Nên to có nhỏ có hợp lại cũng có mấy ngàn bộ kinh.

Mấy ngàn bộ kinh này, chúng ta biết lúc Đức Thế Tôn giảng kinh giáo hoá, không có sách, không có văn tự, đến bản thảo không có , đề cương cũng không có. Nguồn gốc của kinh điễn là sau khi Thế Tôn diệt độ. Đệ tử của ngài đã nghĩ đến giáo huấn của Thế Tôn, những lời dạy này đáng trân quý, nếu không truyền cho hậu thế thì thật đáng tiếc. Nên từ trong ký ức, trong này cũng có người truyền pháp. Tôn Giả A Nan truyền pháp. Trong tất cả người tu học A Nan là người có ký ức tốt nhất, hầu như sau khi nghe qua một lần, Ngài có thể hoàn toàn nhớ lại không hề quên. Nên thỉnh A Nan phức giảng, đem tất cả những gì Đức Thế Tôn giảng tuyên lại một lần. Năm trăm tỳ kheo làm chứng, năm trăm A la hán nghe. Nghe và mọi người đều đồng ý. Không sai, Đức Thế Tôn đã nói như vậy. Như vậy mới ghi lại.

Nếu có một người phản đối đều không được. Chỉ cần có người nói hình như câu này Đức Phật không nói như vậy, thì câu đó phải xoá đi. Làm như vậy để đặt niềm tin cho hậu thế, nên kết tập kinh điển đã nghiêm khắc như vậy, và lưu truyền về sau. Những tài liệu Phật giảng lúc tại thế vô cùng trân quý. Lưu lại những thứ này, chúng ta đều biết Đức Thế Tôn lúc đó giáo hoá, dạy người hiểu lý lẽ, minh bạch đạo lý. Dạy người hiểu nhân quả. Dạy người làm sao làm người, làm sao xử thế, làm sao đối nhân tiếp vật. Ngài dạy người như vậy, và truyền đến hôm nay kinh điển biến thành tụng. Nó vốn không phải để chúng ta tụng. Nếu để tụng, thì năm đó Thế Tôn nên viết vài bộ kinh để mọi người tụng, không có.

Nên chúng ta nhất định phải hiểu rỏ, Đức Thế Tôn là thân phận gì, giống như Không Tử Trung quốc vậy. Địa vị là thầy giáo, chức vụ là thầy giáo. Chức vụ thầy giáo này của Ngài, không thu học phí của người khác, chính là thầy giáo tình nguyện. Làm thầy giáo tình nguyện suốt 49 năm. Người học với ngài rất đông, và sau đó kết tập thành kinh tạng. Tài liệu phong phú này được lưu truyền về sau. Khi truyền đến Trung quốc không phải là hoàn chỉnh, vì lúc đó giao thông không phương tiện. Kinh điển là viết tay, viết trên lá cây Bối Đa La, vô cùng quan trọng. Nên cao tăng Ân độ đến Trung quốc, Cao tăng Trung quốc đến Ấn độ đi thỉnh kinh, chọn lựa rất kỷ càng tỷ mỷ.

Sách phiên dịch chữ Hán, là tuyển chọn tinh hoa nhất, tốt nhất trong kinh điển phạn văn của Ấn độ. Đương nhiên cũng phải thích hợp với nhu cầu của người đông phương chúng ta. Không đem về được tất cả, thật đáng tiếc vô cùng. Và những thứ còn lại đó hiện nay đã thất truyền toàn bộ. Hiện nay bảo tồn hoàn chỉnh nhất vẫn là bản dịch chữ Hán. Tiếng Tây Tạng bảo tồn một bộ phận. Bản chữ Hán bảo tồn hoàn chỉnh nhất. Nên chúng ta phải hiểu, những kinh điển này Đức Thế Tôn giảng dạy khi còn tai thế.

Chúng ta học Phật là tiếp nhận giáo dục của Phật đà, cần phải hiểu điều này, với Tôn giáo không có tương can gì. Đức Thế Tôn không phải thần, cũng không phải tiên, ngài là con người. Phật nghĩa là gì chúng ta phải hiểu cho rỏ ràng. Người Ấn độ xưng là Phật đà, người Trung quốc gọi là Thánh nhân. Phật và Thánh ý nghĩa tương đồng. Định nghĩa của Thánh là thấu triệt chân tướng sự thật . Hay nói cách khác, Thánh nhân là một người minh bạch, phàm phu chúng ta là người hồ đồ. Thánh nhân là người minh bạch, ý nghĩa của “Phật” là giác ngộ. Giác ngộ không phải chính là minh bạch sao? Nên Ấn độ xưng Phật đà với Trung quốc gọi Thánh nhân, ý nghĩa này có thể nói là vô cùng tương đương. Nên ngài không phải thần cũng không phải tiên.

Hiện nay những học sinh hậu thế này có lổi với thầy giáo. Vì sao? Đem giáo dục của Phật Đà biến thành Tôn giáo. Quý vị nói có hỏng bét rồi không? Tôn giáo là mê tín. Trong nhà Phật lễ Phật lễ Bồ Tát, còn chúng ta lễ tổ tiên ý nghĩa tương đồng. Thận chung truy viễn, ý nghĩa tức là kỷ niệm. Với lễ bái thần trong Tôn giáo hoàn toàn không như nhau. Chúng ta kỷ niệm vị thầy giáo này, Chư vị Bồ Tát là học sinh trước đây, là sư huynh của chúng ta. Là những sư huynh vô cùng thành tựu. Như 72 vị hiền của Khổng lão phu tử vậy. Trong ba ngàn đệ tử, có 72 nhân tài kiệt xuất. Đó là hiền nhân, trong Phật pháp gọi là Bồ Tát, không thể không biết.

Giáo dục tốt như vậy, nội dung tốt như vậy không người biết. Người y theo giáo dục này để học tập quá ít. Chúng tôi thật may mắn khi đã gặp được thầy Đông Phương Mỹ, mới thấu triệt được vấn đề này. Vốn dĩ chúng tôi đều không tin tưởng, vì cho rằng nó là Tôn giáo, là mê tín, bây giờ đã hiểu rỏ ràng minh bạch. Sau này tôi gặp được Chương Gia Đại sư, ngài khuyên tôi xuất gia, khuyên tôi phải thật sự làm. Trách nhiệm này rất lớn, sứ mạng này vô cùng thiêng liên, không dể dàng gì. Chúng ta phải đem Phật pháp trở về với giáo dục. Đức Thế Tôn là một nhà tư tưởng, một nhà triết học, là một nhà giáo dục. Phải hiểu rỏ ràng minh bạch điều này.

Giáo dục này xác thực có thể cứu xã hội, có thể cứu thế giới này. Lời này không phải tôi nói. Niên đại 70, tiến sĩ Thang Ân Tỷ nước Anh đã nói. Lời này nói là thật, hoàn toàn không phải giả. Ông ta nói cần phải giải quyết vấn đề của xã hội thế kỷ 21. Vấn đề này hiện nay vô cùng nghiêm trọng, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh với Phật pháp đại thừa. Mới biết đúng đắn và thấu triệt điều này thật không dể! Nhưng không tinh tấn tu học, thì không thể y giáo phụng hành. Những giáo huấn trong kinh điển không nhìn ra được, huống gì hầu như tuyệt đại bộ phận là kinh được phiên dịch hoàn thành trước triều đại Nam Tống. Nhưng vẫn được xem là rất khó gặp. Các đại sư phiên dịch kinh đều có trí tuệ cao độ. Dùng văn tự rỏ ràng nhất, gần như là văn bạch thoại. Ngày xưa dùng văn bạch thoại này, khiến giáo dục Phật giáo tuyên truyền phổ biến khắp nơi. Nên lối hành văn của văn tự trong kinh Phật này, trong văn tự học được xưng là biến văn. Biến của biến hoá, so với cổ văn hoàn toàn không giống nhau, dể hiểu hơn cổ văn rất nhiều.

Quý vị xem văn chương thời Hán Đường. Quý vị xem Kinh Phật, Kinh Phật này phiên dịch từ thời Hán . Chúng ta so với cổ văn, thì rất dể hiểu. So ra cổ văn khó hơn rất nhiều. Nên người dịch kinh cũng rất dụng tâm. Tuy rất rỏ ràng, nhưng bây giờ không có cơ sở văn học, nên vẫn rất khó khăn. Nên chúng ta học Phật không thể không học thể văn cổ. Bây giờ thầy giáo dạy thể văn cổ cũng không có. Chúng ta rất cảm kích các chuyên gia học giả đời trước, bây giờ họ không còn cũng không có người học. Nhưng tư liệu mà họ lưu lại, nếu chúng ta quả nhiên dụng công, có thể đem những bài học này bổ túc thêm.

Nhật báo quốc ngữ Đài Loan, xuất bản bộ sách “Cổ Kim Văn Tuyển”. Đây là tâm huyết của các chuyên gia học giả đời trước, họ phiên âm rất chính xác, chú giải cũng rất kỷ càng tường tận. Hiện nay toàn tập hình như có mười sáu mười bảy cuốn, bìa cứng. Nếu chúng ta học tập từ chổ này, chỉ mất thời gian hai năm, sau đó đọc kinh Phật sẽ không có chút chướng ngại nào. Việc này không thể không làm, phải cần dùng hai năm công phu, để tìm cổ văn đem trở về lại. Nó sẽ giúp chúng ta đột phá văn tự trong kinh Phật, chướng ngại văn tự không còn. Chúng ta có thể xem hiểu, mới có thể biết học như thế nào.

Kinh điển, kinh Vô Lượng Thọ phiên dịch rất đặc thù. Mấy bản dịch này, nội dung trong đó sâu cạn sai biệt rất lớn. Hoàng lão cư sĩ trong chú giải này nói rất tường tận, văn tự không khó hiểu. Bây giờ chúng ta đọc tiếp đoạn sau.

*“Nhật bản nhật khê sư”,* tên của Pháp sư này. *“Diệc đồng trầm thị chi thuyết”* . Ở trước là nói Trầm Thiện Đăng cư sĩ thời nhà Thanh. Ông ta là người dưới thời Đồng Trị, cũng là sau Hàm Phong. Trong “Báo Ân Luận” Ngài đã đưa ra vấn đề này. Trong đó Ngài quan trọng nhất, chính là cho rằng người phiên dich, căn cứ nguyên bản phạn văn không phải một cuốn, mới có xuất hiện vấn đề như bây giờ. Cách nhìn của Đại sư Nhật Khê người Nhật bản với Trầm cư sĩ tương đồng. *“Y vân, dị dịch văn cú, dữ kim kinh, chỉ Nguỵ dịch bản”*.

Cuốn sách của Khương Tăng Khải, cuồn này dịch rất tốt. Nên xưa nay, Trung quốc , Nhật bản, Hàn quốc học tập kinh Vô Lượng Thọ đều thích dùng cuốn của Khương tăng Khải. Khương Tăng Khải là thời đại Tào Nguỵ tam quốc Trung quốc, là người của thời đó, cũng dịch vào thời đại đó.

*“Sảo sai dị giả bất thiểu”,* y cứ theo bốn cuốn sách khác, với kinh hiện nay họ đang áp dụng học tập sách của Khương tăng Khải. Vừa so sanh đã phát hiện trong đó sai biệt rất lớn, sai biệt không ít. “*Tư phu, đa dị bản”,* tư phu ở đây, chúng ta thử suy nghĩ, nhiều cuốn sách bất đồng như vậy. “*Truyền giả bất nhất”,* người truyền nhiều*. “Cố tri tư dị”,* vì thời đó đều là viết tay, không phải in ấn. viết tay có khi viết sai, viết sót, viết thành chữ khác, điều này không thể tránh khỏi. Kinh nghiệm này chúng ta đều có*. “Diệc hoặc phi nhất thời thuyết, lệ như Bát Nhã Chư Kinh”.* Đây chính là Phật nói không phải cùng một lúc mà nhiều lần tuyên giảng. *“Dĩ thử kinh Như Lai bổn hoài, xứ xứ dị thuyết, trí thử đa bổn. Cái thử đại bi chi cực xứ dã”.* Mấy câu này nói rất hay, vì Phật dạy chúng sanh trong một đời tu hành chúng quả.

Ở trong tất cả các kinh, bộ kinh này là thù thắng nhất. Có lý luận, có phương pháp. Từ xưa đến nay, người y theo bộ kinh này tu hành thành tựu rất nhiều. Đây là đại từ đại bi, không phải nói một lần mà nói rất nhiều lần. Nên nguyên bản phạn văn có mấy loại bất đồng. Mổi lần nói không thể hoàn toàn tương đồng. Tôi y theo cuốn kinh này, cuốn hội tập của Hạ Liên Cư lão cư sĩ. Tôi y theo cuốn sách này giảng bộ kinh này mười lần. Tôi giảng mười lần đó hiện thu vào băng đĩa, mổi lần đều không giống nhau. Có người muốn đem nó viết thành giảng ký, hỏi tôi căn cứ vào lần nào. Tôi nói tốt nhất cả mười lần đều nghe, quý vị cũng làm cuốn sưu tập. Đây là lần thứ mười một. Lần thứ mười một chúng tôi sẽ hoàn toàn giảng giải chú giải của Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ. Đây cũng là lần quen biết giữa tôi và Hoàng lão cư sĩ. Ông ta lớn hơn tôi khoảng mười mấy tuổi, khi viết chú giải này ông ta đang bệnh, vô cùng đau khổ. Nhưng ngày đêm không nghỉ, đem chú giải này viết hoàn thành. Thật là hy hữu, không dể dàng gì.

Đây là chư Phật Bồ tát, chư vị tổ sư đại đức từ bi vô lượng. *“Dĩ thượng chư đức”,* chính là chư vị đại đức ở trên. *“Giai chủ bổn kinh nãi Thế Tôn đa độ tuyên thuyết chi pháp thật hữu sở cư”.* Ngày xưa chư vị đại đức này chủ trương, Kinh Vô Lượng Thọ xác thực là Thế tôn nhiều lần tuyên giảng. Không phải như các kinh khác chỉ giảng một lần, không giảng trùng lặp lại. Bộ kinh này rất đặc thù, nhiều lần tuyên giảng. Bên dưới họ đưa ra một ví dụ. *“Lệ như bổn kinh ‘Đường Dịch’ bổn danh ‘Vô Lượng Thọ Như Lai Hội’, nãi ‘Đại Bảo Tích Kinh’ trung nhất hội chi văn. Túc chứng Phật thuyết ‘Bảo Tích Kinh’ thời, diệc tuyên thuyết bổn kinh dã”.*

“Đại Bảo Tích” là một mục lớn, trong mục này phân thành hai mươi mấy hội. Mổi hội là một mục nhỏ. Hơn hai mươi hội hợp lại thành một mục lớn. Trong mục lớn này ngài giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Đề kinh này gọi là Vô Lượng Thọ Như Lai hội, một hội trong Kinh Đại Bảo Tích, đây chính là chứng cứ của nhiều lần tuyên giảng. *“Trầm thị hựu vân, Nguỵ dịch văn từ tường đảm, nghĩa lý viên túc. Cố tự lai giảng gia đa cứ chi. Đường dịch sai dữ tương cận, cái đồng nhất phạn bổn dã”.* Đường dịch này chính là “Vô Lượng Thọ Như Lai Hội” trong Kinh Đại Bảo Tích, với bản dịch lưu thông rộng nhất hiện nay của Khương Tăng Khải thì giống nhiều sai biệt ít. Họ phán định đây là một nguyên bản. Một nguyên bản nhưng hai loại phiên dịch.

Họ nói *“Tống dịch diệc thậm minh sướng nhi từ cú tiền hậu đại dị hựu nhất phạn bổn dã”.* Ở đây khẳng định không cùng một cuốn. *“Hán ngô nhị dịch, văn từ chuyết sáp, nhi nghĩa hữu tướng bổ bị giả tắc hựu nhất phạn bổn dã”.* Đây là xem năm loại bản dịch hiện nay, ít nhất có ba bản tiếng phạn bất đồng. Điều này nói cũng rất có lý. *“Trầm thị tuy vị năng trực tùng cổ phạn giáp thủ chứng, đãn kim nhược tế cứu tồn thế chi ngũ dịch, khả thôi tri đương niên phạn giáp chí thiểu hữu tam chủng, Cố tri trầm thị chi thuyết khả tin”.* Truyền đến Nhật bản, Nhật bản có mấy vị pháp sư cũng có cách nhìn này. *“Chí ư tha sư hữu nhận vi ngũ dịch chỉ thị đồng bổn dị dịch, các bổn sai dị chỉ nhân dịch giả ý lạc bất đồng”.* Lãnh ngộ và cảm thọ của mổi người không giống nhau. Nên nói nguyên bản hình như là một, có người cũng có cách nhìn này.

Hoàng lão cư sĩ cho rằng: “*Thật vị năng phục nhân”*. Cách nói này không có cách nào bảo người tâm phục khẩu phục. *“Lệ như bổn kinh tiểu bổn Tần Đường lưỡng dịch”*. Tiểu bổn này là kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà có hai cuốn, La Thập đại sư dịch “*La Thập đại sư nhân Tần nhân thượng giản”*. Lúc đó đại sư đến Trung Quốc là thời đại Diêu Tần. Diêu Tần kiến quốc hiện nay là hành lang ranh giới của Cam Túc Hà Tây. Người xưa thích đơn giản dể hiểu chứ không thích phiền phức. *“Nãi nhiếp thập phương Phật vi lục phương Phật, thử thành dịch giả ứng cơ chi diệu, văn giản ứng cơ, nhi kinh nghĩa vô thất. Thị thỉ vi dịch giả chi ý lạc dữ thiện xảo dã”.* Điều này có thể nói thông được.

La Thập đại sư dịch Kinh A Di Đà. Huyền Trang đại sư phiên dịch là trực dịch. Trong đó nói về mười phương Phật. La Thập đại sư dịch thành sáu phương Phật, lược bớt bốn phương. Đây là do người phiên dịch có sở thích và cách nhìn không giống nhau. Nhưng nghĩa trong kinh hoàn toàn không thay đổi*. “Chí ư bổn kinh chư dịch chi sai biệt đại dị ư thị, bất đản tường lược bất đồng, thả nghĩa lý chi thâm quảng diệc dị. Cố bất ứng thị dịch nhân ý lạc bất đồng dã”*. Thử xem các kinh điển khác, cùng một bản dịch nhưng khác người dịch.

Chúng ta hãy xem năm bản không giống nhau của Kinh Vô Lượng Thọ. Hay nói cách khác, khẳng định đây không phải là một bản phạn văn. Bên dưới đưa ra một ví dụ nói, ví như Di Đà đại nguyện. Điều này rất quan trọng. Nói cách khác đại nguyện này là tin tức quan trọng mà Phật A D Đà truyền cho thế nhân. Trong bộ kinh này đoạn trọng yếu nhất chính là đại nguyện.

*“Lệ như Di Đà đại nguyện, nãi tịnh tông chi duyên khởi dữ bản kinh chi cương tông. Nhi thập niệm tất sanh chi nguyện”.* Câu này quá quan trọng. Chúng ta làm sao để vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc? Khi sắp mạng chung đầu óc phải tỉnh táo, có người nhắc nhở họ niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Mười niệm là có thể vãng sanh. Cơ duyên này là mấu chốt, một đời không gặp Phật pháp, khi sắp mạng chung, trước khi tắt thở có người nói với họ, buông bỏ tất cả niệm Phật cầu vãng sanh. Cầu vãng sanh là cầu tịnh độ, họ nghe sẽ có thể tin. Và họ phát nguyện muốn đi. Điều kiện đầu tiên là đầu óc tỉnh táo. Nếu người bị bệnh ngờ nghệch thì không còn cách nào khác.

Sau khi nghe sẽ hoan hỷ, tin tưởng, phát nguyện. Đây là thiện căn phước đức của chính họ. Mọi người đứng bên cạnh dẫn họ niệm Phật. Niệm mười tiếng Phật hiệu họ tắt thở khẳng định vãng sanh Cực Lạc. Đây là bổn nguyện của Phật A Di Đà, điều này quan trọng biết bao! Đây là tinh tuý “Di Đà đại nguyện chi tuỷ*”. “Thử nguyện kiến ư Nguỵ Đường lưỡng dịch”,* đây là vừa đưa ra một ví dụ, sách của Khương Tăng Khải. Cuốn Đại Bảo Tích kinh Vô Lượng Thọ Như Lai hội, có mười niệm tất sanh. Mà nguyện văn trong hai bản dịch thời Hán Ngô không có mười niệm tất sanh. Sao lại có sai biệt lớn như vây? Đây hầu như là việc không thể có.

*“Nhược vị Nguỵ Đường lưỡng dịch chi tứ thập bát nguyện, dữ Hán Ngô lưỡng dịch chi nhị thập tứ nguyện. Giáp thị dịch bút khai hợp chi bất đồng, tắc thật nan tự viên kỳ thuyết”.* Nguyện văn này có bốn mươi tám nguyện, có hai mươi bốn nguyện. Người phiên dịch chắc chắn không thể đem bốn mươi tám nguyện biến thành hai mươi bốn nguyện. Cũng nhất định không thể đem hai mươi bốn nguyện này phân khai thành bốn mươi tám nguyện. Điều này không thể được, đây khẳng định là do hai bản phạn văn bất đồng. Cũng nói rỏ khẳng định Đức Phật thuyết hai lần, chứ không phải một lần.

Cho nên nói: *“Thế gian yên hữu như thị đại đảm chi dịch nhân, cảm suất tự ý vọng san đại nguyện chi tâm tuỷ”.* Đây là cách nhận định của Hoàng Niệm Lão: “*Cố tri tất thị sở cứ chi nguyên phạm bổn bất đồng phương hữu thử dị nhĩ”.* Đại nguyện này, trong năm cuốn sách thì có ba loại bất đồng, bất đông qúa lớn. Không thể có sai lầm như thế. Có hai mươi bốn nguyện, có bốn mươi tám nguyện, có ba mươi sáu nguyện. Nên căn cứ thuyết này ít nhất có ba loại bất đồng. Phật tại thế tuyên giảng ít nhất ba lần.

*“Hựu như ‘Ngô dịch’ nhị thập tứ nguyện trung, hữu quốc vô nữ nhân, dữ liên hoa hoá sanh chi thắng nguyện”.* Điều này rất quan trọng. *“Nhi Nguỵ Đường lưỡng dịch tuy cụ tứ thập bát nguyện”.* Không có hai nguyện này, không có nước không nữ nhân và liên hoa hoá sanh, không có hai nguyện này. *“Nhược vị nguyên bản thị nhất chư dịch chỉ thị khai hợp bất đồng. Tắc thỉnh vấn ‘Ngô dịch’ thử nhị nguyện tùng hà nhi lai. Hà dĩ nhị thập tứ nguyện trung hữu chi tứ thập bát nguyện chi bổn cánh nhiên vô chi. Khả kiến chư dịch sở cứ chi nguyên giáp bất nhất”.* Chính là nguyên bản phạn văn không phải một cuốn.

*“Chánh như Trầm Thiện Đăng thị sở thuyết bản kinh mong Thế Tôn đa độ tuyên thuyết. Hựu nhân phạn giáp dị thoát lạc nãi hữu bất đồng chi nguyên bản nhĩ. Tùng thượng chi lệ, khả kiến hội tập chư dịch thật hữu tất yếu”.* Trong năm cuốn sách này khác biệt rất lớn, sâu cạn không giống nhau. Đây là lúc Thế Tôn tại thế, vì căn cơ thính chúng bất đồng, nên tuyên giảng thiện xảo phương tiện cũng không tương đồng. Khi kết tập kinh tạng, tất cả đều kết tập, nên nguyên bản không đồng, không phải cùng một bản. Và cả năm bản đều lưu truyền.

Hôm nay chúng ta phải học tập, cần phải đọc cả năm bản này. Vì sao? Trong đó có rất nhiều điều quan trọng. Chẳng hạn như cuốn này có mà cuốn kia không có, nếu ta đọc một bản, thì sẽ không đạt được tin tức viên mãn. Chúng ta nên nghe cả năm lần, mới thật sự thấu triệt. Như vậy đối với người sơ học không tiện lợi. Học Kinh Vô Lượng Thọ phải học cả năm bản. Nên trải qua nhiều thời đại học tịnh độ đều học Kinh A Di Đà . Người học kinh Vô Lượng Thọ không nhiều, nguyên nhân là như vậy. Kinh Vô Lượng Thọ quá nhiều bản, không có bản nào hoàn thiện cả. Nên cổ nhân mới nghĩ đến sưu tập các bản dịch quan trọng thành Tập Đại Thành.

Tập Đại Thành của năm loại nguyên bản dịch, biên tập thành bản mới. Điều này rất cần thiết. “*Thị dĩ tùng Tống chí kim”*, Vương Long Thư nhà Tống là người đầu tiên làm. Tên của Vương Long Thư là Nhật Hưu. Nhật của nhật nguyệt, Hưu của hưu tức, gọi là Vương Nhật Hưu. Long Thư là địa danh, địa danh này ở Thư thành An Huy, cạnh bên Lô Giang chúng tôi. Ông ta người Đồng Thành Phái, người ở địa bàn này, ông là người Thư thành. Là người làm sách sưu tầm đầu tiên. Người đầu tiên làm sách sưu tầm là một nhà học vấn. Đại thiện tri thức phát tâm này. Năm loại nguyên bản dịch, ông ta chỉ xem bốn bản. Bản dịch đời Đường “Bảo Tích Kinh”, trong đó mục Vô Lượng Thọ ông không nhìn thấy.

Nói cách khác, bộ sưu tập này của ông vẫn bị sót, không thể gọi là hoàn chĩnh. Nhưng bộ sưu tập này rất tốt. Đích thực thì sau khi xuất bản, được nhập vào “Long Tạng”. Nhật Bản thu nhập vào “Đại Chánh Tạng”. Học tập Kinh Vô Lượng Thọ, người dùng cuốn sưu tập của ông ta rất nhiều, so với người đọc bản của Khương Tăng Khải còn nhiều hơn. Đến Liên Trì Đại Sư chú giải Kinh Di Đà sớ sao, dẫn dụng kinh văn của Kinh Vô Lượng Thọ, đều dùng bản sưu tập của Vương Long Thư. Có thể thấy nó ảnh hưởng rất lớn.

Thứ hai là Bành Nhị Lâm, chính là Bành Tế Thanh. Bành Tế Thanh làm cuốn này là hiệu chính. Là dùng bản của Khương Tăng Khải, trong bản của Khương Tăng Khải có rất nhiều chổ khó đọc, nên ông ta đem văn tự chĩnh lý lại, cũng đồng nghĩa là lược bớt\_ hiệu đính, lược bớt. Ông ta dùng một bản, không thể gọi là hội tập.

Lần thứ hai hội tập là Nguỵ Mặc Thâm\_Nguỵ Nguyên, là người nhà Thanh niên đại Hàm Phong.

Lần thứ ba là cư sĩ Hạ Liên Cư, và tiên sư Hạ Liên Cư là lần thứ ba hội tập, vào năm đầu của dân quốc. Thật không dể. Bản hội tập này của ông xuất bản lần đầu tiên, trong tay tôi còn có một bộ, là bản tuyến trang. Không giống với bản chúng ta hiện nay. Bản của chúng ta hiện nay phân thành bốn mươi tám phẩm. Nguồn gốc sớm nhất của hội tập này là ba mươi bay phẩm. Đại khái lấy ý nghĩa ba mươi bảy đạo phẩm để hội tập.

Từ Châu Pháp Sư ở Tế Nam, Bắc Kinh từng giảng qua, mà còn làm qua khoa phán. Khoa phán này của ông, Hoang Niệm lão tặng tôi một phần, Hoàng Niệm Lão in ra một phần tặng tôi. Tôi vẫn còn bộ tư liệu này. Bản hiện tại là sau khi Hạ Lão cư sĩ hội tập đã cải sửa mười lần. Sửa đổi mười lần mới hoàn thành định bản này. Định bản này tôi cũng làm khoa phán cho nó, làm rất tường tận. Nên chúng ta có khoa hội. Ở đây có lưu thông, chư vị đều có thể xem được. Khoa hội phân rất kỷ càng. Toàn kinh tư tưởng hệ thống, văn chương mạch lạc, xem qua là hiểu. Ta có thể xem hiểu bản này, thì đối với kinh Phật mới sinh tâm bội phục kính ngưỡng. Tâm này tự nhiên sanh ra.

Đoạn này giảng về năm loại nguyên bản dịch. Bên dưới sẽ nói về bốn loại hội tập và hiệu chính.

“*Dĩ thượng ngũ dịch, hổ hữu ưu liệt chương hối”.* Cũng chính là năm loại nguyên bản dịch, đều có sở trường và đều có khiếm khuyết. *“Liệt như thập niệm đắc sanh chi bản nguyện dữ nhất hướng chuyên niệm chi yếu chỉ. Ư Hán Ngô lưỡng dịch tắc vị chương”.* Hai bản dịch thời nhà Hán, Ngô *“thập niệm đắc sanh”,* bản nguyện này ở đây không có. *“Nhất hướng chuyên niệm”* cũng không có nhắc đến. *“Chí ư ngũ ác ngũ thống ngũ thiêu chi hồng văn, nãi Thế Tôn khổ khẩu bà tâm chi cáo giới. Ư Đường Tống lưỡng dịch tắc bất cụ”.* Trong hai bản dich của Đường Tống không có đoạn văn này. Đoạn văn nay vô cùng quan trọng.

Chúng ta hôm nay vì các bạn học tịnh độ, tuyển chọn và quyết định khoá tụng sáng chiều. Còn thời buổi tối thì đọc đoạn văn này.

Nguỵ dịch là bản của Khương Tăng Khải, bản này phiên dịch hoàn bị hơn, “vi chư dịch quán”, và lưu thông rộng nhất. *“Đản ư quốc vô nữ nhân, dữ liên hoa hoá sanh lưỡng nguyện”.* Hai nguyện này nó không có, trong bản dịch này không có. *“Cố Tống Long Thư Vương Nhật Hưu luận chư dịch vân. Kỳ đại lược tuy đồng* nhiên kỳ trung thậm hữu sai hổ”. Ở đây chính là nói năm bản dịch này, đem nó so sánh đối chiếu, và nhìn thấy sự sai biệt*. “Hựu kỳ văn hoặc thất ư thái phồn nhi sử nhân yếm quan”*. Văn tự này rườm rà. *“Hoặc thất ử thái nghiêm, nhi tang kỳ bổn chân, hoặc kỳ văn thất trung, nhi kỳ ý tắc thất chi”.* Có rất nhiều khuyết điểm*. “Do thị Thích Ca Văn Phật sở dĩ thuyết kinh, A Di Dà Phật sở dĩ độ nhân chi chỉ. Vặn nhi vô tự, vặn thị tạp loạn”, “Uất nhi bất chương”* , uất là trầm buồn. Đây là những hoằng nguyện độ nhân của Thế Tôn với Phật A Di Đà, không có cách nào hiện lên rỏ ràng, “dư thâm tích chi”. Dư là Vương Long Thư cư sĩ, nên ông ta phát tâm làm bản tập hội này.

*“Ư thị nãi thủ Hán Ngô Nguỵ Tống tứ dịch, hiệu chính hội tập tự vi nhất kinh, danh viết Đại A Di Đà Kinh”.* Đây là mở đầu của bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Là ở triều Tống có bản như vậy. Bản có sữa chữa, từ nhà Tống đến nay tất cả có bốn bản.

Bản thứ nhất là Đại A Di Đà Kinh. *“Tống quốc học tiến sĩ Long Thư Vương Nhật Hưu hiệu tập”.* Ông ta không nói phiên dịch, ông ta không phải phiên dịch. Ông ta hiệu đính đối chiếu và biên tập lại.

Bản thứ hai là Kinh Vô Lượng Thọ, *“thanh Bồ Tát giới đệ tử Bành Tế Thanh tiết hiệu”.*

Bản thứ ba gọi là Kinh Ma Ha A Di Đà, cũng là *“thanh bồ tát giới đệ tử thừa quán thiệu dương nguỵ nguyên hội dịch”*. Đây là bản hội tập lần thứ hai, tên góc là Vô Lượng Thọ kinh, *“hậu kinh chánh định vương Âm Phước cư sĩ hiệu đính tịnh cải kim danh”.* Ông ta đổi thành Ma Ha A Di Đà Kinh.

Bản thứ tư chính là bản chúng ta đang dùng, “Phật thuyết đại thừa Vô Lượng Thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh. Hiện đại Bồ tát giới đệ tử vận thành Hạ Liên Cư hội tập”. Là bản mà chúng ta hiện tại đang dùng.

*“Ư thị bản kinh nãi hữu ngũ chủng nguyên dịch bản, tứ chủng tiết hội tập, cọng hữu cửu chủng”.* Chín bản này, chúng ta đã từng in thành một bộ, lượng lưu thông cũng rất lớn. Tiện lợi cho mọi người thích nghiên cứu khảo sát, tiện lợi cho họ làm tham khảo. *“Ngũ dịch chi trung ‘Nguỵ dịch’ lưu truyền độc quảng, Vương bản nhất xuất thủ nhi đại chi”.* Vương bản chính là Đại A Di Đà Kinh của Vương Long Thư. *“Liên Trì Đại sư ‘Sớ sao’ trung, ngữ tắc đa tựu vương văn. Dĩ Vương bản thế sở thông hành, nhân tập kiến cố”.* Nghĩa là trong kinh Di Đà sớ sao của Liên Trì Đại sư, dẫn dụng kinh Vô Lượng Thọ. Đa phần đều dẫn dụng bản của Vương long Thư đại A Di Đà kinh.

*“Thanh mạt Ấn Quang pháp sư diệc xưng Vương bản vi văn nghĩa tường tất, dữ thế lưu thông. Do thượng khả kiến Vương bản tại ngã quốc chi lưu thông. Viễn quá Nguỵ dịch”*. Sau khi bản hội tập này ra đời, mọi người đều thích bản này, và năm bản dịch này đều không còn học nữa, mà học bản của Vương Long Thư.

Bên dưới nói: *“Vương bản tuy thậm lưu thông, tịnh thâu nhập long tạng dữ nhật bản đại chánh tạng. Đản Vương thị chi tác tắc hữu đắc hữu thất”.* Cho nên nó vẫn còn tỳ vết. Có thể thấy việc này thật không dể. *“Liệt như sớ sao vân”,* đây là lời của Liên Trì Đại sư. *“Vương thị sở hội, giảo chi ngũ dịch, giản dị minh hiển, lưu thông kim thế, lợi ích thậm đại”.* Trước tiên tán thán đối với ngài*. “Đản kỳ bất do phạn bổn, duy chước hoa văn, vị thuận dịch pháp”.* Ở đây ông ta không phải phiên dịch, không phải từ bản phạn văn trực tiếp phiên dịch qua. Chỉ là châm chước bản dịch thành hoa văn của tiền nhân. Châm chước những văn tự này và miên tập lại.

“*Nhược dĩ phạn bổn trọng phiên, na tựu thành lục chủng phiên dịch”.* Người khác sẽ không nghị luận về ông ta. “*Cố bỉ bất ngôn dịch nhi ngôn hiệu chính dã”.* Đây là chổ cẩn thận của Long Thư. Vậy vấn đề của ông ta ở đâu? *“Hựu kỳ trung khứ thủ cựu văn, diệc hữu vị tận”*. Đây là nói so với bốn loại bản dich này, chúng ta làm sao để lựa chọn, đây là kiến thức. Ông ta chọn chưa được thoả đáng. Ở đây có đưa ra ví dụ. *“Như tam bối vãng sanh”,* điều này rất quan trọng*. “Nguỵ dịch giai viết phát bồ đề tâm”.* Thượng bối, trung bối, hạ bối đều giảng về phát bồ đề tâm. Nhưng *“Vương thi duy trung bối phát bồ đề tâm”*, trong hạ bối nói là không phát, còn thượng bối thì không đề cập đến. Đây là một đoạn kinh văn vô cùng quan trọng. Vấn đề ở đây rất nghiêm trọng, “tắc cao hạ thất thứ”.

*“Thả văn trung đa thiện căn toàn tại phát bồ đề tâm nhi tam bối bất đồng, đồng nhất phát tâm”.* Quý vị xem, thượng bối, trung bối, hạ bối không giống nhau. Nhưng đều có phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm tám chữ này*. “Phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm”,* đây là điều kiện quan trọng nhất để vãng sanh. Bản hội tập của Vương Long Thư, ở chổ này có vấn đề. Thượng bối thì không nói đến, hạ bối nói là không phát tâm bồ đề. Điều này không thể, đây là sai lầm nghiêm trọng.

*“Liên Trì đại sư sở luận tinh yếu, chánh trung yếu hại, Vương thị tự tự trung hữu văn tuý tạp nhi thất thống, thác loạn nhi bất luận giả. Tắc dụng kỳ ý nhi tu kỳ từ”*. Mấy câu này, Kỳ văn là nói kinh văn nguyên bản dịch, nguồn góc bốn bản kinh văn phiên dịch này, *“tạp nhi thất thống, thác loạn nhi bất luận, tắc dụng kỳ ý nhi tu kỳ từ”.* Dụng kỳ ý ở đây là dùng văn tự của mình để nói đại ý trong kinh. Điều này cổ nhân đã có nghị luận, vì ta biên tập sách của người khác, nhất định phải dùng văn tự góc của họ, không thể dùng văn tự của mình để thay đổi. Ví dụ này nếu mở ra, về sau phiền phức rất lớn. Mổi người đều có thể sửa đổi kinh, như vậy kinh sẽ cải thành như thế nào đây. Nhất định không thể chỉnh sửa. Hội tập cần phải giữ quy tắc này. Đây là Long Thư có nhiều khi đã dùng ý của mình, đem văn tự góc sữa đổi. Điều này bị người đời sau chỉ trích.

*“Thị chánh Liên Trì đại sư sở chỉ, bất do phạn bản, vị thuận dịch pháp chi thâm bệnh”.* Liên Trì đại sư nói rất hàm súc. Hoàng lão nói rỏ cho chúng ta, chúng ta đã hiểu rỏ đã minh bạch. Bậc cổ nhân trách cứ người cũng rất nhân hậu. Cũng không phải dùng lời rỏ ràng để trách cứ. Rất nhân đạo, rất uyển chuyển. Đây đều là chổ mà chúng ta nên học tập.

*“Kim nãi hội tập, yên năng bất thủ nguyên ngữ”.* Hội tập nhất định phải nhớ phải giữ nguyên ngôn ngữ. *“Nhi nhậm ý hành văn thị nãi vạn vạn bất khả dã”.* Đây là một cấm kỵ rất lớn. *“Chí ư tam bối phát tâm diệc nhiên, thiện cải Nguỵ dich hựu phục cao hạ thất thứ”*. Tam bối phát tâm này là phát bồ đề tâm. Thượng bối không đề cập đến. Trung bối nói phát bồ đề tâm. Hạ bối nói không phát. Đây là một sai lầm nghiêm trọng. Đây là *“Vương bản nan yểm chi tỳ*”, là sai sót của ông ta.

Đối với bản thứ hai *“Thanh Càn Long Bành Nhị Lâm, danh Siêu Thăng”.* Ông ta còn một tên là Tế Thanh\_Bành Tế Thanh. *“Diệc ư Vương bản nghĩa hữu vị an”.* Ông ta đối với bản của Vương Long Thọ cũng nghiên cứu rất sâu. *“Ư sở trước Vô lượng Thọ Kinh khởi tín luận trung. Luận vương bản viết, Vương thị bản giảo vi sướng đạt, cận thế thông hành, nhiên hữu khả nghị giả. Như tự phân trung du bộ thập phương dĩ hạ quảng minh bồ Tát hạnh nguyện. Vi linh hành giả phát khởi đại tâm, tích tập đức bổn, cứu cánh thành Phật. Nãi thị thử kinh khai chương yếu lĩnh nhi vương thị san chi”.* Trong bản hội tập của Long Thư không có đoạn này. Đoạn này vô cùng quan trọng, nhưng ông ta đã sơ suất.

*“Chí vãng sanh thượng hạ nhị bối nhất san khứ phát bồ đề tâm”.* Ông ta không nói, câu này không có. Thượng bối vãng sanh, không có phát bồ đề tâm, là câu này. Hạ bối vãng sanh, ông ta nói không phát. Hạ bối vãng sanh này là *“nhất vân bất phát”. “Thai sanh nhất tiết, san khứ nghi hoặc, Phật trí nãi chí thắng trí”*. Năm câu kinh văn này, năm câu kinh văn này vô cùng quan trọng. Ông ta không đem nó đưa vào trong. Nên *“tiền tắc quai thành Phật chi chánh nhân”,* chính là phát bồ đề tâm. *“Hậu tắc thất vãng sanh chi chánh trí”,* chính là nghi hoặc Phật trí cho đến Thánh trí. Ông ta đã sơ suất đoạn văn tự này, nên *“thất vãng sanh chi chánh trí”.*

Con người vì sao lại thai sanh, thế giới tây phương Cực Lạc vì sao có thai sanh? Sanh đến biên địa cũng xem là không tệ. Vì sao sanh đến chổ này? Đối với thế giới Cực Lạc chưa đủ tín tâm. Tín tâm không đủ mà thật niệm Phật, thật nguyện ý cầu vãng sanh. Giống như cá độ vậy, có thì tôi thành công, không thì thôi. Chính ý niệm này, họ không thể nhập phẩm vị, mà sanh đến biên địa. Như vậy cũng rất khó gặp, họ đã thật sự làm. Tuy họ có vấn đề, nhưng họ đã thật sự làm. Lở như thật, không phải tôi đã thành công rồi sao? Quý vị xem, chỉ một ý niệm sai lầm. Trong tín tâm bị khiếm khuyết, nên họ sanh đến biên địa. Từ biên địa đến thế giới Cực Lạc phải mất năm trăm năm. Sau năm trăm năm họ tin tưởng, tín tâm thanh tịnh, nghi hoặc không còn, mới có thể nhập vào hạ phẩm hạ sanh. Họ thấp hơn một bậc so với hạ phẩm hạ sanh. Nên quyết định không thể có nghi hoặc trí Phật, không được nghi hoặc.

*“Tha như tự thứ nguyện văn hậu tiên suyễn thác, giai đương hiệu chính. Bành thị giám ư Vương bản chi thất, nãi chuyên tựu ‘ Nguỵ dịch’ khứ kỳ phồn phức, tịnh án vân thê bản”.* Vân thê là Liên Trì đại sư. *“Tăng nhập tứ thập bát nguyện tiên hậu số mục, nhưng danh Vô Lượng Thọ kinh, thị vi đệ thất bản”.* Bản thứ bảy. “*Vương bản vi đệ lục bản”,* bản của Vương Long Thư là bản thứ sáu. Bành Tế Thanh là bản thứ bảy. Nhưng bản của ông ta là Nguỵ dịch, chính là bản lược bớt của Khương Tăng Khải, đem những chổ phiền phức xoá bỏ, làm thành bản chi tiết. Đem 48 nguyện thêm điều mục vào. Bản này cũng có lưu thông nhưng không rộng.

Cho nên *“đản thử bản chỉ thị Nguỵ dịch chi tiết hiệu bản, nhi phi chư dịch chi hội tập bản”*. So sánh hai bản, bản của Bành Tế Thanh tốt hơn bản của Khương Tăng Khải, khi đọc rất thuận. *“Cận đại Đinh Phước Bảo cư sĩ tác Vô Lượng Thọ Kinh tiên chú”.* Bản căn cứ là bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh. *“Bành bản hoàn thị vị năng cứu Vương thị hội bổn chi bệnh”*, nên nó không thể được xưng là bản hoàn thiện.

Bây giờ đến bản ở dưới. Thời nhà Thanh dưới triều đại Hàm Phong, cư sĩ Thiệu Dương Nguỵ Thừa Quán *“vị chư dịch cập vương thị hội tập do vị tận thiện, nãi hội tập ngũ chủng nguyên dịch, biệt thành nhất bản, nhưng danh Vô Lượng Thọ Kinh”.* Bên dưới nói *“Nguỵ thị chi bản, tập ngũ chủng nguyên dịch, thị vi ngũ hội chi thuỷ”.* Năm loại nguyên bản dịch ông ta đều xem*. “Vương thị chỉ thị tứ hội bản”*, bốn loại bản hội tập. *“Sở hội vị cập Đường dịch”,* chính là Đại Bảo Tích kinh Vô lượng thọ Như Lai hội. Bản này ông ta chưa xem. “Đồng trị trung”, sau Hàm Phong là Đồng trị. Đồng trị là Từ Hy Thái hậu nhiếp chính, sau khi Hàm Phong qua đời, vị tiểu Hoàng đế này do mẹ nắm quyền.

“*Vương Âm Phước cư sĩ cực sùng Nguỵ bản”,* vô cùng tôn sùng. *“Tăng thân ký vân, cận thế Thiệu Dương Nguỵ cư sĩ phục bản Vân Thê đại sư chi thuyết, biên khảo chư dịch, biệt vi nhất thư, bao cử cang tông, văn từ giản đương. Nãi đắc vi thị kinh chi quan miện”.* Đây là tán thán đối với bản của Nguỵ Mặc Thâm. *“Vương thị phục bác khảo chúng bản, thủ tụ hiệu thù, tịnh định kinh danh vi Ma ha A Di Đà kinh”.* Đây là bản kinh thứ tám. *“Nguỵ thị phát tâm quảng đại, phục tinh ư văn tự. Vi cứu Vương Long Thư cư sĩ đổ soạn kinh văn cji thất, bị thủ ngũ dịch, hội thành nhất kinh. Lực cầu cú cú hữu lai lịch, kỳ thành thiện bản, sở nguyện cực thắng, sở thành diệc vĩ. Kỳ sở hội tập viễn siêu Vương bản. Vương âm phúc cư sĩ tán chi vi vản kinh, bát chủng chi quan, diệc phi quá dự”.* Những lời này là của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói.

Nhưng đằng sau vẫn còn nuối tiếc, ông ta vẫn còn tiếc nuối*. “Nguỵ thị tuy nguyện lực bổ Vương thị đổ soạn chi quá, tích vị toàn miễn”.* Ông ta cũng phạm trục trặc này, dùng ý của mình sửa đổi kinh văn trong nguyên bản dịch, văn tự cũng cải sửa. “*Tư cử kỳ lạc lạc đại giả như hạ*”. Lạc lạc nghĩa là rỏ ràng minh bạch, sai sót vô cùng rỏ ràng. Chổ này đã đưa ra bốn điều.

Thứ nhất, *“Nguỵ bản đệ nhị nguyện viết, thiết ngã thành Phật, quốc trung thiên nhân, thuần thị hoá sanh, vô hữu thai sanh”.* Bốn chữ vô hữu thai sanh ở đây, các dịch giả khác đều không có. Vậy nó từ đâu đến? Câu này là ông ta tự thêm vào. Đây là đề xuất ra những sai sót của ông ta. *“Thả thử tứ tự dữ nguyên dịch văn tương vi”.* Vì sao lại tương vi? Bản dịch thời nhà Nguỵ nói, Trong bản kinh của Khương Tăng Khải có câu như vậy: *“Phật cáo Di lặc, bỉ quốc nhân dân, hữu thai sanh giả”.* Tại sao trong này lại nói không có thai sanh? *“Đường Tống lưỡng dịch đồng chi”*. Hai bản Dường dịch và Tống dịch này, đều có câu này, đều có nói đến thai sanh. “*Nhi Nguỵ thị cảnh vị vô hưu thai sanh, thử bảo vi nan án chi tỳ dã”.* Nhầm lẫn này quá rỏ ràng.

Thứ hai, *“ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu nhất đoạn số thiên ngôn”.* Đoạn này rất dài, bản của Thời Nguỵ đã lược bỏ. *“Sanh thời thống, lão thời thống, bệnh thời thống, tử thời thống, hoạn nạn cùng khổ thống. Dâm dục hoả thiêu, sân phẩn hoả thiêu, tham đạo hoả thiêu, tà nguỵ hoả thiêu, ngu si hoả thiêu. Thị vi ngũ thống ngũ thiêu. Nguỵ cư sĩ nguyên nguyện vô nhất tự bất hữu lai lịch, tích vị năng quán triệt sơ trung”.* Đoạn trên này đối với các bản dịch không có lai lịch, đoạn này không phải là văn lược bớt, mà ông ta dùng ý mình đem ngàn chữ kinh văn cô động lại thành như vậy. Đây hoàn toàn là ông ta tự viết không phải là nguyên văn. Nếu từ nguyên văn mà lược bớt thì không cách gì để nói. Đây không phải nguyên văn, hoàn toàn là trích ý của mình. Cho nên đây không có căn cứ.

Thứ ba, *“Nguỵ thị hội bản vị Cực Lạc chi cung điện lầu quán, đường vũ phòng các, hoặc xứ hư không, hoặc tại bình địa, hoặc y bảo thọ nhi trú”.* Câu này có vấn đề “Hoặc y bảo thọ nhi trú”, trong đó “y bảo thọ nhi trú”. Câu này trong năm bản dịch đều không có. Đây cũng là ông ta tự nghĩ ra, nó không có căn cứ. “Hội bản trung, quá thị dĩ hậu, Vô Lượng Thọ Kinh diệc diệt. Duy dư A Di Đà Phật tứ tự quảng độ quần sanh”. Đoạn văn này trong năm nguyên bản dịch không có. Do đây có thể thấy *“Nguỵ thị chi bản dữ tiền chư bản tương giảo. Tuy hậu hậu thắng ư tiền tiền, tích nhưng vị năng tận miễn suất tăng quai suyễn chi quá. Đản thử cự thất, thế tại tất cứu dĩ miễn hậu thế nhân tập thậm chí soán cải kinh văn. Cố tu phòng vi đỗ tiệm, tuyệt thử tội nguyên”.* Đây là lời bình của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đối với ông ta. Điều này rất quan trọng, vì những gì của cổ nhân, mặc dù sai cũng không được sửa nó. Phải làm sao? Đem tư duy của mình viết một bên. Viết và chú giải một bên, không được tuỳ tiện sửa nó. Nếu uỳ tiện sửa đổi, tình hình này mà đem ra thì thật không thể tưởng. Sau này mọi người xem thấy chổ nào không thông, không nên như vậy. Tôi sữa một câu, anh cũng sữa một câu, và như thế lưu truyền đến mấy trăm năm sau, thì văn chương này không thể xem được.Nên điều này là tuyệt đối không thể được, đây là cấm kỵ lớn nhất.

Chúng ta rỏ ràng nhìn thấy, đây là gì? người ta đã viết sai. Nhưng quyết định không được sữa đổi. Nên cổ nhân thường nói, chữ này có thể là một chữ nào đó nhầm lẫn, và chú giải qua một bên, như vậy là chính xác. Cấm kỵ nhất là tuỳ tiện sữa đổi của người khác.

Những lời này của Hoàng lão cư sĩ, cũng là nói rỏ thầy của ông là cư sĩ Hạ Liên Cư vì sao mà phải hội tập lại. Nguyên nhân là vì hai bản hội tập ở trước. Bản tiết hiệu thứ nhất đều không hoàn thiện, đều có tỳ vết. Nên cần thiết phải làm lại một bản hội tập, *“tịnh vi đại kinh, tảo đắc thiện bản. Thị dĩ tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ nãi hữu đệ cữu bản chi tác dã”.* Bản của chúng ta bây giờ là bản thứ chín. Đây là giới thiệu về Hạ lão cư sĩ.

*“Tiên sư Hạ lão cư sĩ, vị quan học nho”,* vị quan là chưa đến tuổi thành niên. Cổ nhân đến tuổi vị thành niên là 20 tuổi. Đây chính là trước năm 20 tuổi đã học nho. “*Tiên trình Châu nhi hậu Lục vương”,* trước học với Nhị Trình Châu nhà Tống là Châu Hy, sau đó học với Lục Cữu Uyên Vương Dương Minh nhà Minh. Đây là hai đại văn hào của nhà Tống và nhà Minh. Bây giờ gọi là nhà triết học, nhà tư tưởng. Đây là nói về nguồn gốc học thuật của ông ta.

*“Phủ tráng nhập Phật”.* Người xưa gọi tráng niên là 30 đến 40 tuổi. 30 đến 40 gọi là tráng. Phủ tráng là vừa mới, đại khái là ba mươi mốt hoặc ba mươi hai. Tức là vừa mới vào tuổi tráng niên, ông ta đã học Phật*. “Nhiếp thiền mật nhị quy Tịnh độ”.* Ông ta học qua thiền, học qua mật, và cuối cùng học tịnh độ. *“Hạ lão bác quán quần tịch, thâm ư văn tự, chuyên công cửu tu, giáo nhãn viên minh”.* Đây là tán thán đối với thầy Mình. Ông ta thích học vấn, học Phật vô cùng chăm chỉ. Thật như cổ nhân thường nói *“nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”.* Bất luận là học thiền, học mật, học tịnh. Căn cơ của ông ta vô cùng thâm hậu. *“Ư nhâm thân”,* nhâm thân là năm 21 dân quốc, năm 1932 phát nguyện hiệu đính lại kinh này.

*“Án quan tân môn, duyệt thời tam tải. Biến thám ngũ chủng nguyên dịch, động sát tam gia hiệu bản. vô nhất ngữ bất tường tham, vô nhất tự bất hổ hiệu. Kiền cung kính thận, nhật đảo Phật tiền, thiên châm vạn chước, thời oanh mộng mị, cập kỳ thành dã, tứ chúng hoan hỷ. Tôn giáo câu triệt chi huệ minh lão pháp sư, Hạ lão chi quy y sư. Tháp ư phụng kinh nhiếp chiếu ư Phật tiền thân vi ấn chứng”.* Đoạn này là nói ông ta dùng thời gian ba năm, hội tập thành bản thứ chín, chính là bản này.

Tôi vừa mới nói qua với quý vị, bản đầu tiên ông ta hội tập, trên tay tôi còn một cuốn. cuốn này đã nhập vào vi tính, chúng ta lên mạng đều có thể xem. Còn khoa phán của Từ Châu Pháp sư, có thể nhìn thấy diện mạo vốn có của nó. Còn định bản này là sau đó ông ta đã trãi qua mười lần chỉnh sửa. Định bản đổi thành bốn mươi tám phẩm. Từ đoạn văn ngắn gọn này, chúng ta sẽ hiểu Hạ lão cư sĩ vô cùng siêng năng. Đại khái trong cuộc đời của ông, sự nghiệp lớn nhất chính là việc này. Để pháp môn tịnh độ có được bộ này. Bộ kinh này là đệ nhất kinh của tịnh độ, vô cùng quan trọng. Mà không có bản nào tốt, pháp diệt tận kinh cho đến kinh này đều nói đến. Tương lai khi Phật pháp diệt tận, kinh Vô Lượng Thọ vẫn còn lưu thông ở thế gian một trăm năm.

Chúng ta thử nghĩ đến cuối cùng kinh Vô Lượng Thọ cũng diệt, thì bản kinh nào được lưu thông? Khẳng định là bản này. Bản này so với mấy bản hội tập trước, thì mấy bản trước đều có tỳ vết. Đều không thể làm người khác mãn ý, nhưng trong bản này tìm không ra. Tỳ vết trong bản hội tập của tiền nhân, tất cả đều cải chánh lại, thật sự không có chữ nào ra ngoài nguyên bản. Tự mình chưa cải qua chữ nào. Cho nên đây là Tập Đại Thành của năm bản dịch kia, chọn lọc thích đáng, không có sai lầm. Huệ Minh lão pháp sư ấn chứng cho ông ta.

*“Tiên cữu phụ mai Hiệt Vân cư sĩ”,* Mai Quang Hy cư sĩ là thầy của thầy Lý. Lý Bính Nam cư sĩ học kinh giáo với Mai lão. Nên bản kinh này khi truyền đến Đài Loan, ở trước có một bài tựa của Mai lão, bài tựa rất dài. Sau khi xem ông ta vô cùng hoan hỷ, lúc đó lưu thông ở Đài Loan, chính mình còn giảng qua một lần. Liên tục phát bài giảng này trên ti vi,và được coi là bản hoàn thiện. Từ Châu Pháp Sư chuyên giảng kinh này ở Kinh Lổ, chính là Bắc Kinh và Tế Nam, “tịnh thân vi khoá phán”. Tôi viết khoa phán là y cứ khoa phán của Từ Châu Pháp sư làm căn bản, và phân phối nó kỷ càng hơn, làm thành một bản khoa phán hoàn chĩnh.

Khoa phán này lúc tôi gặp lão Triệu bộc, tôi tặng ông ta, ông ta vô cùng hoan hỷ. Ông ta nhìn thấy kinh, kinh do Hạ Liên Cư hội tập, chúng tôi viết khoa phán, và Hoàng Niệm Tổ chú giải. Ông ta nói kinh này rất hoàn bị, nên vô cùng hoan hỷ. Phương trượng Hoà thượng Diệu Thiền, ở Cực Lạc am tại Băc Kinh, mời xã trưởng Sơn đông nữ tử liên xã Ngô Thanh Hương đến chùa giảng kinh này hai tháng. Còn những người phát tâm hoằng dương chuyên tâm trì tụng, không sao kể hết, ấn hành lưu thông liên tục không dứt. *“Thị dĩ tiên cữu phụ Mai lão tán vân ư tịnh tông yếu chỉ, cùng thâm cực vi. Phát tiền nhân vị phát chi uân, hựu tinh đương minh xác, tạc nhiên hữu cứ. Vô nhất nghĩa bất tại nguyên dịch chi trung. Vô nhất cú dật xuất bản kinh chi ngoại. Hữu mỹ giai bị, vô đế bất thâu, tuy dục bất vị chi thiện bản bất khả đắc dã”*. Đoạn này trong bài tựa của Mai lão, tán thán đối với lần hội tập này.

“*Tiên cữu chi ngữ, hiện dĩ cử thế công nhận, tịnh tương lai bản kinh thái nhập tân ấn chi tục tạng”.* Đây là một nguyện vọng, hiện tại chưa thực hiện được. *“Đại kinh trần phong thiên tải, kim thỉ đắc thiện bản, tiên hiền hội kinh chi nguyện nãi viên”.* Từ Vương Long Thư, Bành Tế Thanh, Nguỵ Mặc Thâm đều hy vọng làm một bản Vô Lượng Thọ kinh hoàn thiện, và cũng thật sự nổ lực làm. Nhưng trước sau không sao tránh khỏi những sai sót, cho đến cuối cùng cư sĩ Hạ Liên Cư mới thật sự hoàn thành.

Hoằng nguyện của các vị đại đức xưa nay, đến đây mới thật sự hoàn thành. “Đại kinh trần phong thiên tải”. Kinh Vô Lượng Thọ hơn một ngàn năm nay, vì không có bản hoàn thiện, nên người học tập không nhiều. Người Trung quốc học kinh Vô Lượng Thọ kém xa người Nhật bản. Đại khái người Trung quốc thích lựa chọn, Người Nhật Bản thành thật hơn. Truyền đến bên đó toàn bộ tiếp nhận, có thể là do nguyên nhân này. Người Trung quốc tu tịnh độ đều y theo kinh A Di Đà. Ở Trung quốc kinh A Di Đà hoằng dương rộng nhất.

Nhưng sau khi bộ kinh này ra đời, tình huống không giống nhau. “Đại kinh phóng quang, chúng sanh hữu hạnh. Bản kinh danh, Phật Thuyết Đại Thừa Vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh, thị vi đại kinh chi đệ cửu bản”. Nên kinh Vô Lương Thọ hiện nay tất cả có chín bản. Nếu chúng ta muốn học tập thì phải dùng bản nào?

Năm 2006, tôi ở Pari tổ chức một hoạt động, sau đó thuận tiện đến Luân Đôn, đi phỏng vấn hai trường đại học Kiếm Kiều ở Luân Đôn. Đây đều là khoa hán học, là trường đại học vô cùng nổi tiếng ở Âu châu. Đào tạo ra không ít nhà hán học. Tôi cùng với các bạn khoa hán học, và giáo thọ của họ giao lưu. Tôi biết có không ít học sinh lấy Kinh Phật viết luận văn tiến sĩ. Trong đó có học sinh nói với tôi, anh ta đã dùng kinh Vô Lượng Thọ viết luận văn. Tôi nói Kinh Vô Lượng Thọ có tất cả chín bản, anh dùng bản nào? Anh ta dùng bản hội tập của Hạ Liên Cư, thật hiếm thấy.

Chú giải này là lúc tôi ở Mỹ, cũng là đang hoằng dương bộ kinh này. Cư sĩ Hoang Niệm Tổ đến Mỹ, ông ta đi một tháng. Chúng tôi ở đó liên lạc được, phần chú giải này ông ta chỉ đem theo một bản, mang theo một bản in giấy nến. Cũng được, coi như là không tệ, chữ cũng xem được, là hơi mơ hồ một chút, in giấy nến. Nên vô cùng đơn sơ. Chỉ mang theo mộ bản và tặng cho tôi. Vì nghe nói tôi ở đây giảng bản hội tập này. Lúc đó ở trong nước giảng bản hội tập này chỉ mình ông ta. Còn ở hải ngoại giảng bản hội tập này cũng chỉ mình tôi. Nên khi hai chúng tôi gặp mặt, hoan hỷ vô lượng. Thật là tâm đầu ý hợp. Chúng tôi cùng một phương hướng, cùng một mục tiêu. Nên tôi hỏi ông ta, Chú giải này của ông có bản quyền không? Có bản quyền thì không cần bàn, nếu không có bản quyền tôi gởi về Đài Loan ấn tống. Ông ta nói không có bản quyền, hoan nghênh ấn tống. Còn muốn tôi viết cho ông ta bài tựa, và muốn tôi đề chữ cho ông ta.

Nên chúng tôi lần đầu tiên in một vạn cuốn ở Đài Loan, in một vạn cuốn sách bìa cứng. Ở hải ngoại băt đầu lưu thông, sau đó in liên tục. Tôi nghĩ bây giờ cũng trên trăm vạn cuốn rồi. Ông ta rất hoan hỷ. Chúng ta xem tiếp đoạn ở dưới, chú giải của kinh, những điều này điều liên quan đến việc giới thiệu hoằng truyền bộ kinh điển này.

Lão cư sĩ viết rất rỏ ràng, Chúng ta hãy xem xem. *“Bính, Bản kinh chú giải ngũ dịch chi trung, nguỵ dịch giảo bị”.* Đây là bản của Khương Tăng Khải nhà Tào Nguỵ. Trong năm bản dịch thì bản này dịch tốt nhất. Năm đó tôi ở Đài Trung, thầy Lý cũng đem kinh Vô Lượng Thọ giảng qua hai lần. Lần thứ nhất giảng bản của Hạ Liên Cư, bản hội tập. Lần thứ hai giảng bản của Khương Tăng Khải. Lần đó tôi đến Đài Trung duyên phận rất thù thắng, vừa đúng lúc gặp thầy Lý giảng bộ kinh này, bản của Khương Tăng Khải, tôi nghe từ đầu đến cuối. Trước đó một thời gian, ông ta giảng bản hội tập, ông ta đem lời ghi chú ở lề sách cho tôi. Tôi nhìn thấy hoan hỷ vô cùng. Tôi có thể xem hiểu.

Lúc đó tôi cũng muốn giảng bản hội tập này. Thầy Lý nói với tôi, thời tiết nhân duyên chưa thành thục, cần phải đợi thời tiết nhân duyên. Tôi lúc đó còn chưa biết lợi hại, vì bản hội tập này tranh cải nghị luận rất nhiều. Tranh luận điều gì? Người ta nói Hạ Liên Cư là cư sĩ tại gia, không phải là pháp sư. Nên mọi người không đồng ý lưu thông bản này. Hạ Liên Cư cũng rất giỏi, lúc vãng sanh nói với học trò mình, Hoàng Niệm Tổ bên cạnh. Hạ Liên Cư nói với Hoàng Niệm tổ, bản hội tập của ông ta tương lai sẽ từ hải ngoại lưu truyền đến Trung quốc. Mọi người nghe xong đều ngơ ngác, sao lại từ hải ngoại lưu truyền về quốc gia? Đến cuối cùng quả nhiên chúng minh, bộ kinh này sau khi phổ biến lưu thông ở hải ngoại, mới lưu truyền về Trung Quốc.

Nên tôi cũng hiểu vì sao lúc đó thầy Lý không cho tôi giảng. Giảng bản của Khương Tăng Khải không vấn đề gì, nhưng nếu giảng bản hội tâp của Hạ Liên Cư thì phê bình sẽ rất nhiều. Tôi lúc đó mới xuất gia chưa lâu, còn rất trẻ. Những vị hoà thượng này muốn đến mắng người, áp lực này chúng tôi không chịu nổi. Bây giờ những lão pháp sư này đều vãng sanh. Nếu chúng tôi biến thành Lão hoà thượng thì không vấn đề gì. Lúc đó rất khó, nên chúng tôi phải nhẫn nại. Thầy Lý đích xác có trí tuệ, chúng tôi không bằng ông ta. Ông ta nhìn sâu và nhìn xa, thời tiết nhân duyên không thành thục tạm thời buông bỏ. Lúc đó kêu tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, đó là một bộ đại kinh. Chúng ta xem đoạn văn này.

*“Cố đại kinh chú sớ, tập ư Nguỵ dịch”.* Hầu như đều dùng bản của Khương Tăng Khải để chú giải. *“Ngã quốc đại đức đa vi tiểu bản Di Đà tác chủ chí ư chú đại bản giả”.* Chính là chú giải kinh Vô Lượng Thọ, tức hai bản.

Thứ nhất là *“tuỳ tịnh ảnh, đường gia tường lưỡng gia”*, Ở sau tiếp *“Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ lục quyển, tuỳ kinh sư tịnh ảnh tự sa môn Huệ Viễn soạn sớ”.* Bản mà tôi học chính là bản này. Huệ Viễn ở đây và sơ tổ Huệ Viễn của tịnh độ tông, danh hiệu hoàn toàn tương đồng. Nên trong lịch sử xưng ngài là Tiểu Huệ Viễn. Nếu quý vị nhìn thấy có người viết trên văn chương Tiểu Huệ Viễn chính là ông ta. Còn không dùng Tiểu Huệ Viễn chính là Huệ Viễn đại sư ở Lô Sơn, tên hoàn toàn tương đồng. Lúc đó Lô Sơn là thời đại Đông Tấn, còn Huệ Viễn này là nhà Tuỳ.

Thứ hai, *“danh xưng tương đồng, dã khiếu Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, đường gia tường tự kiết tạng soạn”*, ông ta viết chú giải. Ở Trung quốc kinh Vô Lượng Thọ chỉ có hai bản này.

Ngoài ra, lưu thông ở Trung quốc còn có hai vị pháp sư của Hàn Quốc. Tân la quốc, nay là Triều tiên. Có Cảnh Hưng, Nguyên Hiểu, hai vị pháp sư đều là người xuất gia. Chú giải của họ cũng có lưu truyền ở Trung quốc.

Thứ nhất là ba quyển *“Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Thuật Văn tán”.* Sa môn Cảnh Hưng nước Tân La trước tác, đây là Cảnh Hưng Chú thích.

Thứ hai là một cuốn *“Vô Lượng Thọ Kinh Tông Yếu”,* cũng là sa môn Nguyên Hiểu, chùa Hoàng Long nước Tân La soạn. *“Tằng nhập đường du học”,* Vào triều nhà Đường Ông ở tại Trung quốc lưu học. *“Hoàn hậu hoá chấn hải đông, kỳ sớ viết hải đông sớ”.* Nguyên Hiểu pháp sư ở Hàn quốc vô cùng nổi danh. Phật giáo Hàn quốc không có người nào không biết ông ta.

Thứ ba là *“Du Tâm An Lạc Đạo”,* đây cũng là trước tác của Nguyên Hiểu. Là “*Tịnh độ cổ dật thập thư chi nhất*”. Những bản này đều lưu thông ở Trung quốc. Ở dưới nói: *“Đại kinh quang minh, chiếu diệu Nhật Bản, chú thích chi thạnh, viễn siêu ngã quốc. Bút giả sở tri giả dĩ nhị thập dư chủng”.* Hơn hai mươi loại này, đại khái đều ở trong “Vạn Tục Tạng”. Đây là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nhìn thấy *“kế vi ‘Vô Lượng Thọ Phật Tán Sao’ nhất quyển, Hưng phước tự Thiện Châu tác”*. Thứ hai là ba cuốn *“Vô Lượng Thọ Kinh Thuật Nghĩa”* do Tối Chứng pháp sư biên tập. Thứ ba là một cuốn *“Vô Lượng Thọ Kinh Tư Ký”,* do Trí Cảnh trước tác. Thứ tư là Bảy cuốn *“Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Uất”* do Nam Sở chùa Tổng Trì Kỷ Châu trước tác. Thứ năm là tám cuốn *“Vô Lượng Thọ Kinh lược tiên”*, năm Hưởng Bảo thứ năm do Viên Khê, chùa Thiền Lâm Lạc Đông trước tác. Thứ sáu là bảy cuốn *“Vô Lượng Thọ Kinh Sao”* do Liểu Huệ Vọng Tây Lầu trước tác.

Đại khái tổng cộng những bản này, ở đây họ cử ra hai mươi hai loại. Trong hai mươi hai loại này, trong đó có sáu loại trên kệ sách của Hoàng lão cư sĩ có. Khi tôi đến chổ ông ta đi tham quan và nhìn thấy. Sáu loại này ông ta đều dùng để tham khảo. Đều có một vài chổ dẫn dụng trong chú giải này.

Sáu loại này, thứ nhất là chúng ta vừa đọc. Bảy cuốn *“Vô Lượng Thọ Kinh Sao*”, chính là Liểu Huệ Vọng Tây Lầu trước tác. Bản thứ hai trong hàng thứ tư câu cuối cùng, mười cuốn *“Vô Lượng Thọ Kinh Hội Sớ”,* do Tuấn Đế chùa Thắng Thọ Tiền Việt trước tác. Đây là lão cư sĩ nhìn thấy. Bản thứ tư ở dưới lên từ hàng thứ tư. Thứ hai mươi mốt, mười tám cuốn *“Vô Lượng Thọ Kinh Chân giải”,* do Đạo ẩn trước tác. Bản này dẫn dụng nhiều. Tiếp theo là bốn quyển *“Vô Lượng Thọ Kinh Hợp Tán*”, Quán Triệt trước tác.

Cho nên ở đây bên dưới đã nói, trong đây các trước tác như thứ sau, thứ mười, thứ hai mươi mốt, thứ hai mươi hai, những bản này dẫn chứng rất nhiều. *“Hựu chú thích đại kinh hiệu hội bản giả cộng tam chủng”.* Thứ nhất *“Vô Lượng thọ kinh Khởi Tín Luận”* do Bành Tế Thanh triều Thanh thời Khang Hy trước tác. Thứ hai *“Vô Lượng Thọ Kinh Tiên chú”,* bản này của Đinh Phước Bảo. Bản này hiện nay trong nhà Phật lưu hành rất rộng, cũng rất dể nhìn thấy. *“Dĩ thượng lưỡng chủng sở chú giả giai vi Bành thị chi tiết hiệu bản”.* Chính là bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh. Thứ ba *“Phật Thuyết Ma Ha A Di Đà Kinh Trung Luận”,* do Canh Tâm chánh định vương, thời Quang Tự nhà Thanh trước tác. Bản mà ông ta chú giải là bản hội tập của Nguỵ Thừa Quán. *“Mạt hậu, hựu Thanh mạt Trầm Thiện Đăng cư sĩ trước hữu ‘Báo Ân Luận’ tam quyển*”. Trong Báo Ân Luận có *“Tịnh Độ Pháp Môn Cang Tông”*, có *“Vô Lượng Thọ Kinh Cang Tông”,* có *“Vãng Sanh Chánh Nhân Luận”*. Có mấy bản này có thể coi là chú thích kinh Vô Lượng Thọ. Đoạn này chúng ta chỉ giới thiệu đến đây thôi.

Bên dưới chúng ta xem đoạn thứ chín, giải thích tổng quát đề kinh. Chúng ta bắt đầu xem từ trang bảy mươi chín.

*“Phàm kinh chi danh đề, giai trực hiển bản kinh chi yếu chỉ. Sử học giả nhân danh đạt thể, nhất lãm kinh đề, trực khuy toàn kinh đại nghĩa. Thị dĩ Thiên Thai gia chú kinh, tiên thích kinh danh”.* Đoạn văn này chúng ta đọc qua một chút. *“Đại kinh ngũ chủng nguyên dịch, các hữu kinh đề. Vương thị hội bản danh vi đại A Di Đà Kinh dĩ biệt ư nguyên dịch dữ tiểu bản. Đản ‘đại’ tự chi tăng, vô sở y cứ”*. Đây là tự mình thêm vào. Nếu là bản hội tập thì phải nên dùng nguyên văn. Ông ta tự thêm chữ “đại”, điều này không có căn cứ. *“Bành thị tiết bản dữ Nguỵ thị hội bản”* . Hội bản của Nguỵ Mặc Thâm. *“Giai danh ‘Vô Lượng Thọ Kinh’ đông ư ‘Nguỵ dịch’, tam chủng nhất danh, hổn đồng dị ngộ”.* Tên của nó với tên gốc của kinh là giống nhau, không có sai biệt. Vậy cuối cùng chỉ bản nào không rỏ ràng.

*“Chánh định vương thị cải Nguỵ thị bản vi Ma Ha A Di Đà Kinh”.* Hai chữ Ma ha này cũng không có y cứ. Đây đều là trong bản hội tập có vấn đề. *“Khảo*”, khảo cứ này *“tùng hán ngật tống*”, đến Tống triều *“thập nhị dịch trung*”. Đây là mười hai lần phiên dịch. *“Dĩ Vô Lượng Thọ vi danh giả thập, hữu thập bộ. Dĩ thanh tịnh bình đẳng giác vi danh giả hữu lưỡng bộ”.* “Dĩ chánh giác vi danh giả” có một bộ. Đầu thời nhà Hán có một bản dịch là *“Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*”. Bản phiên dịch cuối nhà Tống là *“Phật thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm kinh”*. Nên đề kinh này cư sĩ Hạ Liên Cư *“kim thử hội bản trực thủ Tống dịch kinh đề Phật thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm kinh”.* Chữ kinh bị trùng lặp nên xoá nó đi, chữ kinh xoá đi là vì trùng lặp. Bên dưới là đọc đề kinh của bản Hán dịch, *“Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*”, hai chữ Vô Lượng cũng trùng lặp và xoá bỏ. Do đó đề kinh biến thành “*Phật thuyết đại thừa Vô Lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh”. “Tự nhiên giai diệu*”. Đây mới thật sự là hội tập, không có tự thêm chữ nào cả, chỉ là xoá đi chữ trùng lặp. Nên biến thành đề kinh có mười lăm chữ này.

*“Bất giả phủ cân”,* một chút sửa đổi cũng không có. *“Lưỡng dịch nguyên danh, nhiếp ư nhất danh chi trung thập nhị chủng kinh đề tất nhập nhất đề chi nội. Toàn kinh đại chỉ, chiêu nhiên mục tiền, tịnh tông yếu nghĩa, bị ư đề nội. Nhân pháp dụ, giáo lý hành, thể tướng dụng đẳng tề hiển ư nhất danh chi trung. Như đế võng châu, viên nhiếp nhất thiết diệu pháp, bản kinh hội tập chi diệu, ư thử khả kiến lân qua*”. Đây chính là huệ nhãn trong hội tập của Hạ Liên Cư, với người trước đây xác thực không giống nhau. Đề kinh này Chú giải của Hoàng Lão cũng rất tường tận.

Chúng ta hôm nay vẫn còn chút thời gian, tôi đem giải thích của tôi đối với đề này, có một giải thích rất đơn giản. Phật thuyết, đây là được thuyết ra từ chính kim khẩu của Phật. Trong kinh Phật thêm hai chữ Phật thuyết này, nó có ý nghĩa tất cả kinh đều là Phật thuyết. Vì sao các kinh khác không thêm hai chữ Phật thuyết? Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm không có thêm Phật thuyết. Kinh Kim Cang Bát Nhã cũng không có thêm Phật thuyết. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cũng không thêm chữ Phật thuyết. Vì sao ở đây thêm chữ Phật thuyết?

Thông thường thêm chữ Phật thuyết, câu thứ nhất phần chánh tông là Đức Phật giảng, như vậy mới thêm Phật thuyết. Nếu câu thứ nhất không phải Phật thuyết, thông thường không dùng hai chữ Phật thuyết này. Nên nó có nghiên cứu chứ không phải tuỳ tiện lập ra.

“*Đại thừa*” là trí tuệ. *“Vô lượng thọ*” là tánh đức. *“Trang nghiêm*” chính là tướng hảo. Quý vị xem, trong kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói, tất cả chúng sanh đều đức tướng trí huệ của Như Lai. Trong đề kinh này trí tuệ đức tướng Như Lai đã có. *“Đại thừa”* là trí tuệ Như Lai. *“Vô lượng thọ*” là đức của Như Lai. Thọ mạng là đức thứ nhất. *“Trang nghiêm*” là tướng hảo. Toàn bộ đã nói ra cho chúng ta biết, đây là quả. Chúng ta học Phật hy vọng đạt được điều gì? Đạt *được “Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm”*. Đây là quả của thế giới Cực Lạc.

Năm chữ bên dưới là *“nhân hành thị tu nhân*”. Tu gì mới có thể chứng quả? Tu “*Thanh tịnh bình đẳng giác*”. Thanh tịnh là giới, trì giới có thể giúp ta được tâm thanh tịnh. Bình đẳng là định. Giác là huệ. Quý vị xem, đây là giới định tuệ tam học.

Còn tam bảo, tăng là thanh tịnh. Lục căn thanh tịnh, chút trần không nhiễm, đây là người xuất gia. Pháp là bình đẳng, Đức Phật nói các pháp bình đẳng không có cao thấp. Pháp là bình đẳng. Phật là giác. Tam bảo cụ túc. Phật dạy chúng ta tu hành như thế nào để chứng quả? Trước tiên là phải buông bỏ. Chúng ta dùng lời trong Kinh Hoa Nghiêm để nói là buông bỏ chấp trước. Đối với các pháp trong thế xuất thế gian không còn chấp trước nữa, thì tâm ta được thanh tịnh, chứng A la hán. Tiến bộ hơn nữa thì đối với tất cả các pháp không phân biệt. Tâm phân biệt buông bỏ, ta sẽ được chánh đẳng chánh giác.

Hay nói cách khác, ta được bình đẳng. Bình đẳng là Bồ Tát. Cuối cùng có thể buông bỏ vọng tưởng. Vọng tưởng là gì? Là khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, không động niệm là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Giác ở đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh , là thành Phật, chứng vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Quý vị xem, tu nhân chứng quả. Trong tịnh độ hoàn toàn hiển thị trên đề mục này. Nên nếu mọi người hỏi chúng ta, tịnh độ tông của các bạn tu như thế nào? Tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác. Tịnh độ tông cầu điều gì? Cầu trí tuệ, cầu tánh đức. Vô lượng thọ là tánh đức. Cầu tướng hảo, tướng hảo là trang nghiêm. Rỏ ràng minh bạch. Bộ kinh này giảng cái gì? là giảng về những điều này. Nội dung trong tất cả bộ kinh là trên đề mục này, tất cả đều hiển thị ra.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học đến đây thôi.

# Tập 74

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình minh

Thời gian: 09.07.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”,* trang 80 hàng thứ nhất.

*“Dĩ hạ chánh thích bản kinh đề danh”.* *“Đề trung thủ tự viết Phật”.* Chữ đầu tiên, chữ thứ nhất là chữ Phật. *“Phật giả nãi phạn ngữ Phật đà chi lược xưng”.* Trong phạn ngữ còn có một vĩ âm\_âm đuôi, gọi là Phật Đà Da. Người ấn độ nói chuyện đều dùng vĩ âm. Phật Pháp Tăng, Pháp là Đạt ma. Chúng ta thường thường nói Đạt ma da, Tăng già da. Người xưa thích đơn giản, đem vĩ âm đều tĩnh lược hết. Phật đà da chúng ta chỉ lưu lại chữ Phật, vĩ âm xoá đi. Cho nên đây là lược xưng.

*“Nghĩa vi giác giả”,* ý của chữ này với chữ giác của giác ngộ tương đồng, là ý nghĩa của chữ giác. Tuy ý nghĩa của chữ giác so với Trung quốc nói vẫn chưa giống nhau. Ở đây nói có ba loại giác.

Giác giả là đối với mê mà nói, mê là chúng sanh. Giác ngộ gọi là Phật. Giác của người Trung quốc không có ý của ba loại giác. Nó có ba loại giác, *“tam giác câu viên, tức danh vi Phật”.* Bên dưới nói là ba loại giác nào? Tam giác là tự giác, giác tha và giác mãn. Tam giác viên mãn gọi là Phật Đà. Cho nên người xưa cũng tìm không được chữ thích đáng để dịch. Nếu có thể tìm được từ thích đáng, thì chữ giác là được. Nhưng ý nghĩa của giác này không giống với ý của nó, nên lúc phiên dịch kinh bất đắc dĩ tạo ra một chữ.

Quý vị nên biết, Chữ Phật này là lúc phiên dịch kinh tạo ra, Trung quốc không có chữ này. Không có chữ “nhân” đứng một bên, nhưng chữ “phất” thì có. Có chữ “phất” này. Chữ “phất” này làm từ phủ định mà nói. Vì Phật đà là người, nên thêm chữ “nhân”. Nên chữ này lúc phiên dịch kinh Phật tạo ra, phiên dịch kinh đã tạo không ít chữ. Hiểu được lai lịch chữ này.

Cái gì gọi là tự giác? Trong kinh đại thừa gọi là khai ngộ. Khai ngộ có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Đây là có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn một cách nghiêm khắc thì như trong kinh Phật nói, tiểu ngộ là chánh giác, đại ngộ là chánh đẳng chánh giác, triệt ngộ là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tiêu chuẩn này rất cao.

Nói chung chúng ta một đời học Phật, tiểu ngộ cũng không đạt được, đây là thật. Vì sao? Phải đoạn kiến tư phiền não mới đạt được tiểu ngộ. Đây là việc không dể dàng gì. Trong kinh Hoa Nghiêm nói vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kiến tư phiền não là chấp trước. Quý vị còn chấp trước không? Trong chấp trước cái thứ nhất là ngã chấp, trong ngã chấp khẳng định có tham sân si. Trong pháp tướng nói, chấp trước là mạt na thức, bốn đại phiền não thường tương tuỳ. Cái thứ nhất là ngã, ba cái tiếp theo là tham sân si. Ngã ái, quý vị có thể không có ư? Ngã mạn, ngã si khẳng định có, sanh ra là có rồi. Nên trong Phật pháp gọi là câu sanh phiền não. Đức Phật cũng gọi nó ta tam độc phiền não.

Vì sao? Tất cả ý niệm bất thiện, hành vi bất thiện đều sanh ra từ ba gốc căn bản này. Phật dạy phải dùng ba phương pháp để đối trị nó. Ba phương pháp này là gì? Giới định tuệ. Dùng giới để đối phó tham, chính là ngã ái. Dùng giới luật để đối phó phiền não này. Dùng định để đối phó ngã mạn, mạn là sân nhuế. Dùng trí tuệ để đối phó ngã si. Quý vị xem, tất cả pháp mà Đức Phật thuyết trong 49 năm, không rời giới định tuệ. Lưu lại nhiều kinh điển như vậy, chư vị tổ sư đại đức đem nó phân loại, chính là dùng giới định tuệ để phân. Nhưng Phật mổi lần giảng kinh hoặc khai thị, bất luận thời gian dài hay ngắn, cho dù giảng một giờ đồng hồ, trong đó đều bao quát giới định tuệ.

Phân loại kinh điển bằng cách nào? Xem ba điều này, điều nào nói nhiều hơn thì quy về loại đó. Nên tam tạng kinh điển gọi là kinh luật luận Kinh chính là định học, giảng về định nhiều, giảng về tam muội nhiều. Giới là luật tạng, đại khái là giảng nhiều về phương điện quy củ. Luận tạng là huệ, giảng về huệ. Gọi là tam tạng kinh điển. Kinh luận đối phó tư tưởng kiến giải sai lầm của chúng ta. Giới luật là đối với hành vi ngôn luận của chúng ta. Đây là tam học. Phiền não sâu nặng ta không có cách nào để khai ngộ. Chẳng những không có cách đại ngộ, mà đến tiểu ngộ cũng không có cách nào. Đem chữ ngộ này, tiêu chuẩn của Phật hạ xuống chổ thấp nhât, thấp nhất là Tu đà hoàn, tiểu thừa sơ quả. Đại thừa sơ tín vị là Bồ Tát, chúng ta làm không được.

Trước đây lúc tôi mới học Phật, học với thầy Lý Bính Nam. Thầy thường nói với tôi, Trung quốc lịch đại tổ sư đại đức rất nhiều vị chứng quả, nhưng không chứng được quả A la hán. Chứng tam quả, nhị quả rất nhiều. Tam quả là A na hàm, nhị quả là Tư đà hàm, mới thật là gọi có tu có chứng. Tronh đại thừa giáo như kinh Hoa Nghiêm, đại khái đều là lục tín trở xuống. Từ sơ tín đến lục tín. Người tu hành tại gia hay xuất gia, chứng được quả này rất nhiều, rất phổ biến. Thất tín vị ngang bằng A la hán của tiểu thừa, đã ra khỏi lục đạo. Còn đến lục tín, chư vị phải biết, chưa ly khai được luân hồi lục đạo. Nhưng chỉ cần chứng được sơ tín vị, thì sẽ ở trong lục đạo trên trời hay nhân gian, tuyệt đối không đoạ vào tam ác đạo. Chổ tu hành của họ chính là trên trời hoặc nhân gian. Chứng đến đệ thất tín thì xa rời lục đạo, sanh đến Thanh văn pháp giới trong thập pháp giới. Lên trên là duyên giác pháp giới, từng bước từng bước lên cao.

Nghiệp chướng của chúng ta bây giờ sâu nặng hơn so với cổ nhân, sơ tín vị không đạt được. Trong thời hiện đại này, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giảng rất rỏ ràng, tu thiền không những nói không thể khai ngộ, đến định cũng không đạt được. Năm đầu của dân quốc, có vài người tu thiền, đạt được thiền định. Đây là thật không phải giả. Như Hoà Thượng Hư Vân, ngài đạt được Thiền định nhưng không khai ngộ.

Đến đời này, đời trước là quá khứ rồi, nhưng đến đời này, cả thiền định cũng không đạt được. Chúng ta không thể không biết điều này. Cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập bản kinh này, như vậy là hỏng sao? Chư vị thử nghĩ xem, ngày xưa Vương Long Thư, Bành Nhị Lâm, Nguỵ Mặc Thâm, tuy đều là cư sĩ tại gia nhưng không phải là phàm nhân. Thật sự phát đại tâm lợi ích chúng sanh, hoằng dương tịnh độ. Hội tập kinh Vô Lượng Thọ không sao tránh khỏi sai sót. Có ai không hy vọng hội tập được một bản tận thiện tận mỹ, để chân thật cống hiến cho tịnh độ tông? Cuối cùng đến tay của cư sĩ Hạ Liên Cư, mới thật sự hoàn thành một bản hoàn thiện. Thật sự đã tập đại thành năm bản nguyên dịch. Bản này của ông ta ban đầu đã mười lần hiệu đính chỉnh sửa, bây giờ chúng ta dùng chính là định bản.

Bản đầu tiên rất đáng để lưu lại làm kỷ niệm, chúng tôi đã xin bên Đài Loan in một ngàn cuốn, không cần in nhiều. Để người thật sự tu học tịnh độ tông làm kỷ niệm. Xem bản đầu tiên của Hạ Liên Cư, rồi xem tiếp mười lần hiệu đính chỉnh sửa của ông ta. Sau khi chúng ta thấu triệt, cảm ân chư vị đại đức đối với bản hội tập này. Họ đối với Phật Pháp, đối với thời kỳ mạt pháp chín ngàn năm này, đã đưa ra một cống hiến vĩ đại nhất.

Tiêu chuẩn của tự giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Giống như lúc Đức Phật ba mươi tuổi, ngài thị hiện thành đạo cho chúng ta thấy. Khi sao mai vừa mọc ngài hoát nhiên triệt ngộ. Ngài Huệ Năng đại triệt đại ngộ trong giáo huấn của ngũ Tổ, đây gọi là tự giác. *“Tam giác câu viên”,* tự giác này đã viên mãn. A la hán đã tự giác nhưng chưa viên mãn. Bồ Tát đã tự giác nhưng cũng chưa viên mãn. Nhất định phải minh tâm kiến tánh thì tự giác này mới viên mãn. Sau khi tự giác viên mãn, còn phải giác tha. Giác tha là sao? Giúp người khác giác ngộ. Rất nhiều người còn chưa giác ngộ, họ sao lại thành Phật rồi? Bồ Tát giúp người khác giác ngộ, chính là đang giúp chính mình.

Người xưa nói *“ giáo học tương trưởng”,* chính là ý này. Nếu ta không chịu dạy người khác, thì ta rất khó giác ngộ. Trong lúc dạy học, thường hay hoát nhiên giác ngộ. Đôi khi có học sinh vừa hỏi, ta liền giác ngộ. Vì khi không có người hỏi ta đâu có biết. Khi vừa hỏi ta liền giác ngộ. Nên trong lúc dạy học, thành tựu và viên mãn tự giác của chính mình. Đây gọi là giác tha.

Câu viên, là như Bồ Tát cũng có tự giác, giác tha. Nhưng chưa đạt đến viên mãn, chưa đạt đến đại triệt đại ngộ. Nhất định phải đạt đến đại triệt đại ngộ, thì tự giác giác tha sẽ viên mãn. Nên tam giác viên mãn mới gọi là Phật Đà. Chúng ta dùng một câu trong kinh đại thừa, đây là mục tiêu tu học chân thật trong Phật pháp, là những gì mà chúng ta mong cầu. Học Phật cầu điều gì? Cầu A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Câu này có thể dịch sang chữ Hán, nhưng tại sao không dịch? Vì tôn trọng nên không dịch. Nó là mục tiêu của tất cả những người học Phật. Dịch thành chữ Hán có nghĩa là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Trong đề kinh, chánh giác là tâm thanh tịnh. Chánh đẳng chánh giác là tâm bình đẳng. Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chính là chữ giác cuối cùng. Quý vị xem *“thanh tịnh bình đẳng giác”,* chúng ta đem nó dùng ở nơi tâm bồ đề. Ở trên tôi thêm một chữ chánh\_Chánh giác, vì đều là hai chữ. Chân thành, thanh tịnh, bình dẳng, chánh giác, từ bi. Phật đà chính là ý nghĩa này. Nên biết rằng Phật là một chúng sanh có đầy đủ ba loại giác, còn chúng sanh chính là vị Phật chưa giác ngộ. Nên trong Phật pháp nhất định phải biết, Phật pháp không phải Tôn Giáo. Vì sao? Chúng sanh với Phật là bình đẳng. Trong Tôn giáo, thượng đế và người không thể bình đẳng. Là thần với người tuyệt đối không thể bình đẳng.

Nhưng chúng ta phải biết, trong Phật giáo Phật, Bồ tát với tất cả chúng sanh là bình đẳng. Sai biệt ở đâu? Một người là giác ngộ, còn một người chưa giác ngộ. Chúng sanh là Phật chưa giác ngộ, người học phật nhất định phải hiểu một cách rỏ ràng. Người khác hỏi, ta nhất định phải nói với họ rỏ ràng, minh bạch. Vì sao? Xã hôi bây giờ đối với Phật giáo ngộ nhận quá sâu. Cho Phật giáo là mê tín, coi Phật giáo như là một Tôn giáo. Chúng ta là đệ tử Phật phải có sứ mạng, phải có trách nhiệm đem chánh danh của Phật giáo. Người xưa thường nói, danh bất chánh thì ngôn bất thuận. Tôi vừa xuất gia cũng muốn làm việc danh chánh Phật giáo, kiến nghị lên hội Phật giáo Trung quốc, trong Phật giáo thêm vào chữ giáo dục của đức Phật. Họ nghe rồi cũng rất hoan hỷ, nhưng không hết mình mở rộng. Nên chúng tôi đã tự làm.

Ở Đài Loan tôi có một cơ cấu nhỏ “*Phật đà giáo dục cơ kim hội*”. tôi sẽ dùng giáo dục Phật đà. Đạo tràng này của chúng tôi cũng là *“Phật đà giáo dục hiệp hội*”, thêm vào hai chữ. Chúng ta tu học là giáo dục của đức Phật. Giáo dục của đức Phật dạy điều gì? Điều này cần phải biết, giáo dục của đức Phật dạy điều gì? Dạy chúng ta nhận thức thật tướng các pháp. Dùng văn bạch thoại bây giờ nói, giáo dục của đức Phật dạy chúng ta nhận thức chân tướng của tất cả pháp. Ở đây mê tín chổ nào! Mục tiêu cuối cùng của Phật giáo là gì? Mục tiêu cuối cùng là phải thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác. Không mê tín, giác mà không mê. Mổi người đệ tử học Phật, chí ít phải đem chữ Phật này có thể nói một cách rỏ ràng minh bạch. Chúng ta mới không có lổi với Phật. Nếu nói không rỏ ràng, nói không minh bạch thì thật có lổi với Đức Phật.

Tiếp tục xem bên dưới *“hựu Phật giả nãi thập hiệu chi nhất”.* Trong kinh đại thừa thường nói, Phật có mười danh hiệu. Vì sao có nhiều như vậy? Tượng trưng trí tuệ đức tướng của ngài. Trong kinh Hoa Nghiêm Phật nói, tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Mà trí tuệ đức tướng của Như Lai thì một danh hiệu nói không rỏ ràng, nên phải dùng đến mười danh hiệu. Mười cũng là đại biểu viên mãn. Mười danh hiệu này, nếu ta đem tất cả giảng rỏ ràng minh bạch. Thì cũng thật sự đã hiểu Phật một cách thấu triệt, và giới thiệu cho người khác. Ở đây ta đem mười danh hiệu này đọc qua một lượt.

Thứ nhât là Như Lai, thứ hai Úng Cúng, thứ ba Chánh Biến Tri, thứ tư Minh hạnh Túc, thứ năm Thiện Thệ, thứ sáu Thế Gian Giải, thứ bảy Vô Thượn Sĩ, thứ tám Điều Ngự Trượng Phu, thứ chín Thiên Nhơn Sư, thứ mười Phật. *“Thập hiệu cụ túc vi thế sở tông*”. Thế ở đây là thế gian\_thế gian sở tôn. *“Cố danh Thế Tôn*”. Tôn ở đây có nghĩa là vâng theo. Sùng kính, tôn trọng đầy đủ trong mười hiệu này, chính là đầy đủ mười đức lớn, nên xưng là Thế Tôn. Đây là vị trí đáng để thế nhân tôn trọng, nên xưng là Thế Tôn.

*“Thế Tôn phạn âm Bạc Già Phạn*”. Trong kinh điển chỉ cần chúng ta nhìn thấy Bạc Già Phạn. Bạc Già Phạn là phạn ngữ, nghĩa là Thế Tôn. Bên dưới Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng kinh luận, để chúng ta đối với Phật có nhận thức sâu sắc hơn. *“Phật địa kinh vân, thị Bạc Già Phạn tối thanh tịnh giác, cực ư pháp giới, tận ư hư không, cùng vị lai tế”.* Đây là nói phạm vi đức dụng của Ngài, rộng lớn vô hạn. Không phải như chúng ta bình thường nói, thân tâm chúng ta thanh tịnh. Hoàn cảnh cư trú chúng ta thanh tịnh, đạo tràng này thanh tịnh. Phạm vi này quá nhỏ. Thanh tịnh giác của Ngài là biến pháp giới hư không giới. Có chổ nào không thanh tịnh chăng?. Chúng ta nghĩ đến ngạ quỷ, địa ngục, ở đây không thanh tịnh. Phật là đấng tối thanh tịnh giác, có thể khiến địa ngục, ngã quỷ đều thanh tịnh luôn chăng? Đều thanh tịnh, không sai tí nào. Vì sao? Khi tôi mới học Phật, giúp tôi rất nhiều là một vị cư sĩ. Họ Châu, ông Châu Kính Trụ. Ông ta với Lý Bính Nam cùng tuổi, cũng cùng một thầy tu tịnh độ. Họ học tịnh độ với Ấn Quang Đại sư, kể cho tôi nghe câu chuyện. Câu chuyên này là thật không phải giả.

Đầu năm dân quốc, anh ta là con rể của ông Chương Thái Viêm. Vợ anh ta là con gái của Chương Thái Viêm. Chương Thái Viêm là Quốc học đại sư của Trung quốc thời đầu năm dân quốc, rất có danh tiếng. Anh ta nói, nhạc phụ anh ta từng ở tại Đông Nhạc Đại đế, Sơn đông thái sơn Đông Nhạc đại đế. Làm phán quan cho Đông Nhạc đại đế hơn một tháng. Có thể là phán quan lâm thời có việc không thể lên triều, nên nhờ ông ta thay thế hơn một tháng. Địa vị của phán quan rất cao\_tương đương với bí thư trưởng hiện nay\_Trên thực tế là xử lý công vụ cho Đông Nhạc đại đế, đều là phán quan làm. Hơn một tháng đó rất cực khổ\_ Việc này ông Châu đều nhìn thấy, chứ không phải giả\_Ban ngày làm việc, buổi tối người ta nằm trên dường ngũ say, ông ta đến sau và ngủ dưới đất. Đông Nhạc đại đế đến nha môn xử công vụ. Mổi ngày hai người hầu khiêng kiệu đến mời Đông Nhạc lên kiệu. Ông ta đã lên triều , nên ngày đêm không có tin tức rất cực khổ.

Anh ta nói nhạc phụ anh ta từng kiến nghị với Đông Nhạc đại đế, trong địa ngục có một loại hình phạt gọi là pháo lạc. Ông ta nói hình phạt này không nhân đạo, quá tàn khốc. Để một trụ đồng, lấy lửa đốt cho nó đỏ lên, bắt tội nhân ôm lấy trụ đồng đó. Khi tội nhân ôm vào cả thân thể đều thiêu cháy, người bị thiêu cháy. Ông ta nói hình phạt này quá tàn khốc, có thể xin Đông Nhạc đại đế phế bỏ nó? Đông Nhạc đại đế mĩm cười nói với ông ta *“Ông đi xem trước đã*”, và sai hai người hầu dẫn ông ta đi xem. Đi được đoạn đường khá xa, đến chổ đó, hai người hầu nói *“phán quan, đến rồi, chính là ở đây”.* Ông ta nhìn không thấy. Ông ta là một Phật tử, nên lập tức nghĩ đến, Đông Nhạc đại đế với Diêm Vương không tương quan, do nghiệp lực biến hiện. Ông ta không có nghiệp lực này nên nhìn không thấy địa ngục.

Trong kinh Địa Tạng chúng ta nhìn thấy ai đến địa ngục? Một vị Bồ Tát đến địa ngục để độ chúng sanh. Ngoài ra là do ta có tội ngiệp thì địa ngục này hiện tiền. Ta không có tội này, cũng không phải là Bồ Tát, thì ta không nhìn thấy. Chúng ta từ nơi công án này có thể lãnh hội được, Phật là tối thanh tịnh giác. Những cảnh giới bất thiện này, Phật có thể nhìn thấy chăng? Không nhìn thấy. Vì sao không nhìn thấy? Phật không có nghiệp này. Tâm Phật thanh tịnh, ngài nhìn địa ngục cũng thanh tịnh. Trừ khi chúng sanh trong địa ngục cầu cứu, Cầu chư Phật Bồ Tát cứu họ, Phật Bồ Tát liền ứng ngay. Tuy có ứng để đến địa ngục hoá độ chúng sanh. Nói thật thì Phật ở cỏi Thật Báo Trang Nghiêm, phàm phu chúng ta nhìn không thấy.

Đức Thế Tôn xuất hiện ở thế giới này. Ngài ở đâu? Ngài trú ở cỏi Thật báo trang nghiêm, chúng ta nhìn không thấy, gọi là bất đồng không gian duy thứ. Chúng ta nhìn thấy Thế Tôn hình như giống với chúng ta. Thật vậy, ngài ngày ăn một bửa, tối nghĩ dưới góc cây. Chúng ta nhìn thấy tướng này của Phật, ngài thị hiện tướng như vậy. Còn tướng trên sinh hoạt thực tế thì không nhìn thấy. Hình như trong kinh cũng có đoạn kinh văn như vậy, không dài. Thế Tôn cũng thị hiện, có người đến thỉnh giáo ngài.

Đức Phật kiết già ngồi như vậy. Ngài bỏ một chân xuống, đầu chân sát đến đất. Đầu chân sát đất, sơn hà đại địa hoàn toàn biến thành kim sắc thế giới, để mọi người xem. Như vậy là sao? Như vậy sẽ nhìn được điều gì? Cỏi thật báo trang nghiêm. Phàm phu nhìn không thấy. Nên trong cảnh giới Phật, xác xác thực thực. A tỳ địa ngục ở trong cảnh giới Phật cực kỳ thanh tịnh. Trên lý mà nói là pháp giới bình đẳng. Trong pháp giới bình đẳng quyết định không có đối lập. Nhiễm tịnh là đối lập, phàm thánh là đối lập, thiện ác là đối lập, thiên đường địa ngục là đối lập. Ở trong nhất chân pháp giới không có đối lập. Những điều này có tồn tại không? Tồn tại, không có đối lập. Tuy tồn tại, nhưng mổi cái không chướng ngại nhau. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói cảnh giới không thể nghĩ bàn, đây là chân tướng sự thật. Vì sao? Tất cả hiện tượng toàn là huyển tướng, *“phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như mọng huyển bào ảnh”.* Hiện tượng không phải thật, mà hiện tượng tồn tại chỉ trong một niệm. Một niệm nào? Bồ Tát Di Lặc nói, một gảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu ý niệm. Một cái gảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu, ta có thể tìm thấy sanh diệt ư? Ý này nói gì? Là hiện tượng của thập pháp giới. Nhất chân pháp giới cũng không ngoại lệ. Thuần chân không có vọng niệm, chỉ có một cảnh giới, gọi là thường tịch quang.

Tịnh độ tông giảng có bốn loại tịnh độ, thường tịch quang cao nhất. Thường tịch quang là tự tánh, trong đó không có hiện tượng vật chất, cũng không có hiện tượng tinh thần. Thậm chí năng lượng mà ngày nay trong khoa học nói trong thường tịch quang cũng không có. Trong A lại da có tam tế tướng. Thường tịch quang là tự tánh, mà trong tự tánh không có, không có những hiện tượng này. Nhưng không thể nói nó không có. Ngài Huệ Năng khi kiến tánh đã nói đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ ,tuy cụ túc nhưng nó không hiện hành. Đến năng lượng, hiện tượng này đều không thể hiện hình, nhưng nó đầy đủ. Nên nó có thể sanh vạn pháp. Chỉ cần một ý niệm cực kỳ vi tế động, tự tánh liền biến hiện ra A lại da. A lại da hiện tất cả pháp, y chánh trang nghiêm.

Chúng ta là chánh báo. Ngoài tôi ra, bao quát nhất chân pháp giới đều là y báo của tôi. Trong y báo có nhân sự y báo, có vật chất y báo, có hoàn cảnh y báo. Y báo và chánh báo là đồng thời khởi lên. Đệ thất thức chính là tôi. Triển khai tám thức năm mươi mốt tâm sở chính là toàn thể vũ trụ. Hôm nay chúng ta nói thập pháp giới y chánh trang nghiêm, trong một niệm là đều hiện. Hiện ra đầy đủ hết, chỉ một niệm! Thời gian một niệm này quá nhanh, nên trong đại thừa giáo thường nói bất sanh bất diệt. Thật là không sanh không diệt. Nói lời này hoàn toàn không có ý nghĩa, như vậy là biến thành hý luận. Xác thực có sanh diệt, nhưng thời gian sanh diệt quá ngắn. Chúng ta không có biện pháp thể hội được. Nên ngày nay giới lượng tử học nói với chúng ta vật chất là gì? Vật chất là hiện tượng do ý niệm tích luỹ liên tục mà có, không phải là thật.

Từ đây mà biết, thiên đường địa ngục đều không phải thật. vậy trời dục giới, trời sắc giới ở đâu là thật? Lục đạo, thập pháp giới, đều không thể vượt qua nguyên lý này. Chúng ta hiểu rỏ những chân tướng sự thật này, cũng nhìn thấy ở *đây “Bạc Già Phạn tối thanh tịnh giác, cực ư pháp giới, tận ư hư không, cùng vị lai tế”*. Như vậy chúng ta đã hiểu điều này là thật không phải giả. A la hán đã giác ngộ. Giác ngộ, nói cách khác là không gian cuộc sống của ngài lớn hơn so với chúng ta. Quý vị xem, không gian sinh hoạt của chúng ta hiện tại không có cách nào ly khai địa cầu. Mạnh hơn một chút so với cổ nhân, ngày xưa giao thông không phương tiện, tin tức không phát đạt, rất nhiều người đến già chết cũng không qua lại với nhau. Ở trong thành này cả đời, mà thành thị kế bên chưa từng đi qua, cổ nhân họ sống như vậy.

Còn không gian của chúng ta bây giờ rất lớn. Có công cụ giao thông, có tin tức, nên không gian sinh hoạt hiện nay là cả địa cầu. Nếu chúng ta muốn suy nghĩ một việc gì, cũng phải thay cư dân trên toàn bộ địa cầu suy nghĩ, như vây mới đúng. Vì sao? Họ với chúng ta là nhất thể. Nên bây giờ người ta gọi là thôn địa cầu, nói câu này rất có đạo lý. Chúng ta sống cùng một thôn, làm sao có thể không quan tâm? Làm sao có thể không chiếu cố?

Nhưng A la hán đã thành chánh giác, ra khỏi luân hồi lục đạo. Không gian sinh hoạt của họ lớn hơn chúng ta. Trong kinh nói, không gian sinh hoạt của họ là một tiểu thiên thế giới. Một đơn vị thế giới, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói là một hệ ngân hà. Một tiểu thiên thế giới là một nghìn hệ ngân hà. Không gian sinh hoạt của A la hán rộng lớn như vậy\_một ngàn hệ ngân hà! Đối với chúng ta mà nói, điều này thật không thể nghĩ bàn. Nhưng ở trong Phật pháp mà nói thì quá nhỏ.

Không gian sinh hoạt của Bồ Tát cao hơn, rộng hơn so với A la hán, là tam thiên đại thiên thế giới. Bồ Tát chưa kiến tánh, còn Bồ tát đã kiến tánh thì cảnh như ở đây, không thua Phật bao nhiêu. *“Cực ư pháp giới, tận ư hư không, cùng vị lai tế”,* câu sau cùng vị lai tế là chỉ thời gian, ở trước là không gian. Cũng chính là nói, không gian và thời gian đã đột phá. Đó đều là không gian sinh hoạt của ngài. Chổ nào chúng sanh có cảm, ngài lập tức nhận được tin tức. Nhân được tin tức, còn phải xem nhânduyên . Thế mới nói *“Phật không độ người không có duyên”.* Chúng sanh này với Bồ tát này có duyên, Bồ tát liền thị hiện. Cần lấy thân gì để độ thì liền hiện thân đó. A la hán cũng có năng lực này, nhưng bị hạn chế trong tiểu thiên thế giới. Cũng nên lấy thân gì để độ, họ cũng có thể hiện thân đó.

Họ có thần túc thông, thần túc thông là phi hành biến hoá. Thật ra, phi hành chỉ là một ví dụ, không phải thật, thật thì không phải phi hành. Vì sao? Họ đã đột phá không gian duy thứ của lục đạo. A la hán đã đột phá, sau khi đột phá, đối với không gian mà nói thì không có cự li. Còn đối với thời gian thì không có trước sau, đây mới là thật. Đây chính là ý niệm, niệm lực. Trong kinh nói là niệm lực, trong ngũ lực nói là niệm lực, không thể nghĩ bàn. Khoa học hiện nay từ từ cũng đã phát hiện. Ý niệm không thể nghĩ bàn, cho nên ý niệm phải tốt. Không kể ý niệm này của chúng ta là thiện hay ác, là hữu ý hay vô ý. Hiện nay giới khoa học nói, ý niệm của chúng ta không thể không cẩn thận. Vì sao? Bất cư ý niệm nào, nó ảnh hưởng toàn thể địa cầu. Giới khoa học đã nói như vậy.

Nhưng Phật Pháp nói thì không chỉ địa cầu. Trong “Hoàn Nguyên Quán” chúng ta nhìn thấy, bất luận là ý niệm gì. Niệm thô niệm tế, niệm thiện niệm ác, niệm nhiễm niệm tịnh. Ý niệm vừa mới động, thì biến pháp giới hư không giới, châu biến pháp giới, xuất sanh vô tận, bao hàm có không. Đây là trong “Hoàn nguyên quan” nói, là thật không phải giả. Hiện nay giới khoa học không giám nói là ảnh hưởng các tinh cầu khác, nhưng họ nói ảnh hưởng đến toàn thế giới của chúng ta. Phát hiện này không dể. Chúng ta xem tiếp một đoạn trong “Thành Thật Luận”.

*“Thành thật luận đẳng hợp vô thượng sĩ dữ điều ngự trượng phu vi nhất hiệu, tắc tùng Như Lai chí Thế Tôn vi thập hiệu, thập hiệu chi tường thích”.* Chính là giải thích tường tận, bên dưới là phẩm thứ tư, chính là *“Pháp tạng nhân địa*”. Nên chổ này, chúng ta sẽ nói từng điều một. Sau này khi giảng đến phẩm thứ tư, sẽ giải thích tường tận.

*“Thượng minh Phật tự vi cực thánh chi thông hiệu”.* Hai chữ thông hiệu phải đặc biệt chú ý đến. Nó không phải là chuyên dùng của một người nào. Tu học của chúng ta đạt đến cảnh giới này, thì xưng là Phật Đà. Chúng ra học đã nhiều năm như vậy, nó thật là giáo dục của Phật giáo. Phật, Bồ tát, A la hán, vừa đúng như danh xưng học vị trong trường học hiện nay. Học vị cao nhất là Phật đà, như học vị tiến sĩ trong trường hiện nay. Học vị thứ hai là Bồ Tát, như học vị thạc sĩ. Học vị thứ ba là A la hán, như học vị học sĩ.

Trong giáo dục Phật giáo, danh xưng của ba học vị, nên nó là thông hiệu. Nếu đạt được cảnh giới này, thì đạt được danh hiệu này. Tiêu chuẩn của Phật pháp, học vị thứ nhất là đoạn kiến tư phiền não. Chỉ cần kiến tư phiền não đoạn, ngươi này được xưng là A la hán. Trí tuệ đức tướng thần thông của A la hán hoàn toàn cụ túc. Trong tự tánh nó vốn có và toàn bộ hiện ra.

Học vị thứ hai là Bồ tát. Bồ Tát không những phải buông bỏ chấp trước, còn phải buông bỏ phân biệt. Cũng chính là nói, phân biệt này trong một số kinh điển đại thừa gọi là trần sa phiền não. Họ cần phải phá kiến tư phiền não, còn phải phá trần sa phiền não. Đây là Bồ Tát, thành chánh đẳng chánh giác. Học vị cao nhất là vô thượng chánh đẳng chánh giác, chính là đem vô minh phiền não cuối cùng đoạn trừ. Vô minh phiền não trong kinh Hoa Nghiêm gọi là vọng tưởng. Tôi thường dùng không khởi tâm, không động niệm. Nói câu này mọi người dể hiểu hơn. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần bên ngoài, không khởi tâm động niệm. Không khởi tâm động niệm có thể thấu triệt chăng? Có thể thấu triệt, thật thấu triệt.

Quý vị phải hiểu, khởi tâm động niệm ta dùng là tâm thức, chính là A lại da. Dùng tâm thức, vọng tâm. Không khởi tâm, không động niệm, dùng chân tâm.

Do đây mà biết, ở trước chúng ta đã nói về ba học vị. A la hán và Bồ tát. Bồ tát này gọi là quyền giáo Bồ tát, cũng là Bồ Tát trong thập pháp giới. Trong kinh nói Bồ tát không phải là Ma ha tát. Nên trong kinh thường giảng Bồ tát ma ha tát. Ma ha tát là pháp thân Bồ Tát. Đó là gì? Là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trên thực tế họ đều đã thành Phật.

Trong kinh Hoa Nghiêm xưng họ là pháp thân Bồ Tát, trên thực tế họ là chân Phật không phải Phật giả. Thiên Thai đại sư giảng phân chứng tức Phật, Bồ tát trong thập pháp giới là tương tợ tức Phật, Phật trong thập pháp giới cũng là tương tợ tức Phật. Điều này chúng ta không thể không hiểu rỏ ràng. Chúng ta đã đến cảnh giới nào rồi, thì tự mình biết. Biết được thì quá tốt, không biết thì tạo tội nghiệp. Vì sao? Không biết thì cống cao ngã mạn, tự cho mình đúng. Biết rỏ ràng minh bạch mình chưa được, không so được với Phật, không so sánh được với chư vị tổ sư đai đức, với quả thấp nhất Tu đà hoàn và sơ tín vị Bồ Tát đều không so sánh được. Tập khí ngã mạn đó của chúng ta mới có thể hoá giải. Pháp trong thế xuất thế gian, chúng ta trên con đường học thuật, hoặc là trong khoa học kỷ thuật có thành tựu. càng có thành tựu thì càng cảm thấy mình thật ghê gớm, đáng được kiêu ngạo, như vậy là ta tiêu rồi.

Khổng Tử nói, người này *“như hữu chu công chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận, kỳ dư tắc bất túc quán dã”*. Những vị thánh hiền này, thật là người có đức hạnh có học vấn. không quan tâm anh ta. Vì sao? Anh ta là giả không phải thật. Là thât, cổ nhân cũng có một câu “*học vấn thâm thời ý khí bình*”. Càng có học vấn thì càng là người có đức hạnh, càng khiêm tốn, càng hạ mình, càng biết tôn kính người khác. Quý vị xem, Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương ngài đã làm được, người khác chưa chắc làm được. Ngài đã làm được viên mãn một trăm phần trăm\_lễ kính chư Phật.

Phổ Hiền bồ tát không những đối với người bần cùng hạ tiện, lễ phép cung kính. Mà đối với tất cả chúng sanh. Bao gồm điều gì? kể cả cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, tất cả đều cung kính. Ngày nay giới khoa học cũng đề xuất một phương pháp, tôi xem rồi cũng rất tán thán. Họ nói đối với tất cả vật chất cơ bản của vật chất, tức là hạt cơ bản. Đối với mổi hạt cơ bản đều phải tôn trọng. Vì sao? Dù nó có nhỏ đến đâu thì trong đó cũng bao hàm hiện tượng tinh thần viên mãn, chính là tin tức viên mãn, không thể coi thường. Tất cả hiện tượng vật chất đều do nó hình thành. Nó là cơ sở của vật chất.

Trong Phật pháp nói, Phật pháp nói vi trần, cực kỳ vi tế. Nó có thọ tưởng hành thức. Di Lặc Bồ tát nói niệm niệm thành hình là hiện tượng vật chất, trong hình đều có thức, đó là thọ tưởng hành thức. Nên vật chất dù có nhỏ đến cùng cực đều có thọ tưởng hành thức. Điều này nói với chúng ta rằng, biến pháp giới hư không giới là có cơ thể, nó sống chứ không phải chết. Sơn hà đại địa là sống.

Chúng ta nhìn thấy giáo hoàng của Thiên chúa giáo, mổi lần đi phỏng vấn một quốc gia, xuống máy bay việc đầu tiên ông ta làm là gì? chính là hôn mặt đất, có lý! Không phải là vô lý. Ông ta hiểu, ông ta không phải không hiểu. Làm như vậy để chúng ta thấy. Quý vị xem, ông ta đến chổ chúng ta, đến đại địa ông ta đều có thể nồng nhiệt như thế, thì nhân dân cư trú ở địa phương này làm sao có thể không yêu!

Nên Phật, Bồ tát, A la hán, chúng ta nhất định phải hiểu rỏ ràng, Họ không phải là thần, họ cũng không phải là tiên. Nó là học vị tu học trong đạo Phật, có ba đẳng cấp\_học vị, đều là thông hiệu, không phải chuyên dùng để chỉ một người nào. Bồ tát cũng có rất nhiều Bồ tát, đó chính là mổi khoa, mổi hệ không giống nhau. Quan Âm Bồ tát không phải là một người, rất nhiều. Quý vị tìm vị Quan Âm Bồ tát nào? Giống như bạn đang đi tìm một thạc sĩ vậy, thạc sĩ quá nhiều, nó phân khoa. Quan Âm chuyên môn thị hiện dạy từ bi. Địa Tạng dạy ta hiếu dưỡng cha mẹ phụng sự sư trưởng, khoa mục không giống nhau. Văn Thù dạy ta trí tuệ. Phổ Hiền dạy ta thực tiển, dạy ta làm sao đem những gì học được thực hành trong sinh hoạt, thực hành trong công việc, thực hành trong đối nhân xử thế tiếp vật. Danh hiệu Bồ tát là học khoa không giống nhau, nhưng đều là thông hiệu.

Phổ hiền Bồ tát không phải một người, Quan Âm Bồ tát cũng không phải là một người, rất nhiều rất nhiều! người học pháp môn này đều xưng là Quan Âm. Học pháp môn đó toàn gọi là Phổ Hiền. Nên trong học vị nhất định phải thêm tên, mới hiểu được đây là chỉ người nào. Nếu không thêm tên không được, sẽ không phân biệt được. Thông hiệu này chúng ta đã hiểu.

*“Kim tựu bản kinh*”, bộ kinh hiện tại này “*đề trung Phật tự”* là ai? Phật là thông hiệu, Phật quá nhiều. Vậy thì ai? “Tức ta bà giáo chủ”. Ta bà là danh xưng chỉ thế giới này của chúng ta. Phạn ngữ gọi là ta bà thế giới. Ta bà giáo chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu ni Như Lai. Là Thích ca mâu Ni Phật. Như lai đằng sau có giải thích, ý nghĩa rất sâu rất rộng. Ý nghĩa phổ thông nhất, trong kinh Kim Cang nói: “*Như lai giả, kim Phật như cổ Phật chi tái lai”.* Ý này dể hiểu, Phật Phật đạo đồng, Phật Phật bình đẳng. Kim Phật và cổ Phật không phải hai. Đây là một ý ví dụ đơn giản trong chữ Như lai.

Chúng ta xưng Bổn Sư, vị thầy căn bản. Người xưa quen xưng là tiên sư, chúng ta xưng Khổng Tử là đại thành chí thánh tiên sư. Đại thành là tập đại thành của Khổng Tử.Trung quốc cổ thánh tiên hiền, lão tổ tông lưu lại rất nhiều giáo huấn, nhưng lúc đó đều là khẩu truyền, không có viết thành văn tự. Ông ta đem giáo huấn của cổ thánh tiên hiền truyền lại, chĩnh lý lại, viết thành văn tự lưu cho hậu nhân. Nên trong “Luận Ngữ”, rất nhiều lời không phải của Khổng Tử nói, đều là của cổ thánh tiên hiền. Ông ta đã đem nó chĩnh lý và viết thành văn tự lưu lại đời sau. Nên Khổng Tử nói rất rỏ ràng, một đời của ngài là *“thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ”.* Khổng Tử không lừa gạt người khác, không lừa gạt hậu nhân. Đây chính là nói, tự ông ta không có thứ gì.

Trong đời những điều ông học, ông tu, ông dạy, đều là giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Chỉ là trước đây bị phân tán trong nhân gian. Trung quốc rất nhiều tộc quần, nhưng đã bị phân tán. Khổng Tử có thể đem nó sưu tập lại, dùng văn tự viết ra và lưu truyền đến bây giờ. Đây là tập đại thành.

Chí thánh, cũng như chúng ta xưng Phật vậy. Thánh nhân cũng có đẳng cấp, họ đạt đến cảnh giới cao nhất, như trong Phật pháp nói vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với họ dùng tôn xưng này. Đại thánh chí thánh tôn sư, ông ta là thầy giáo. Phật là thầy giáo, người Ấn độ xưng là Bổn Sư, một vị thầy căn bản. Người Trung quốc gọi tiên sư là cùng với ý nghĩa này. Người hậu thế học Phật, y theo các kinh điển mà đức Phật giảng ngày xưa, kinh điển là tài liệu. Tài liệu lúc đó, tài liệu này cũng không phải Đức Thế Tôn viết. Thật ra Khổng lão phu tử vẫn có một bản trước tác, Hệ Từ Truyện trong kinh dịch là ông ta viết.

Chúng ta nhìn thấy trước tác của Khổng Tử, đây là trước tác tượng trưng. Lịch sử của “Xuân thu” Lổ quốc là ông ta viết, ngoài ra thì rất ít. Quý vị xem truyện, Xuân thu có ba truyện. Lưu truyền rộng nhất là Tả Truyện Tả Khưu Minh. Truyện là gì? truyện là chú giải, nó có kinh có truyện. Kinh là Khổng tử viết, truyện ghi chép tường tận chuyện Tả Khưu Minh, gọi *“Xuân Thu Tả Truyện”.* Có *“Công Dương truyện”, “Cốc Lương truyện”*. Đây là lịch sử của nước Lổ đương thời, đều là trước tác của ông ta. Nên cuộc đời của ông ta “*tín nhi háo cổ, thuật nhi bất tác”.*Đức Thế Tôn với Khổng tử, thái độ cầu học hoàn toàn tương đồng.

Chúng ta thấy Tứ Thập Hoa Nghiêm của đại sư Thanh Lương, trên đề kinh, đại sư Thanh Lương nói, Đức Thế Tôn lúc tại thế giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Từng câu từng chữ mà ngài nói, đều là lời của Cổ Phật nói. Trên kinh điển của Cổ Phật ngài không có thêm một chữ nào, so với những gì Phu tử nói thì càng phải nghiêm cẩn hơn. Không thêm chữ nào trong kinh điển cổ Phật. Chúng ta có thể tin tưởng không? Có thể tin tưởng. Dựa vào đâu để tin tưởng? Dựa vào Như Lai, kim Phật như cổ Phật tái sanh. Như vậy không phải đã nói rỏ ràng rồi ư?

Chúng ta chứng được cảnh giới này, cảnh giới tương đẳng ! Tôi nói với họ nói giống nhau, có chổ nào nói sai? Hoàn toàn tương đẳng. Những gì Bồ tát nói đều không như nhau, vì sao? Bồ Tát chứng được cứu cánh viên mãn. Nhưng Chư Phật Như Lai nói hoàn toàn giống nhau, quyết định không thể là hai. Nên quan hệ của chúng ta và Phật là quan hệ thầy trò. Nghiêm khắc mà nói thì Phật là Thầy chúng ta, Bồ tát là sư huynh chúng ta, A la hán cũng là sư huynh, đều là đệ tử Phật. Họ là tiền kỳ, chúng ta là hậu kỳ, bạn học khoá trước khoá sau. Nhưng họ đã có thành tựu, chúng ta bây giờ thành tựu không như họ. Nên những vị sư huynh này có thể dạy chúng ta, cũng có năng lực giáo hoá chúng ta. Quan hệ phải hiểu cho rỏ ràng minh bạch, sau đó mới hiểu Phật giáo không phải Tôn giáo. Trong tôn giáo tuyệt đối không có cách nói này.

Danh hiệu Thích Ca Mâu Ni này, Trung hoa dịch là Năng Nhơn Tịch Mặc. Thích Ca Mâu Ni là tiếng Ân độ. Ý nghĩa gì? Ở đây phiên dịch, Thích Ca dịch là Năng Nhân, Mâu Ni dịch là Tịch Mặc. Bên dưới có giải thích, Năng Nhân là kỳ dụng, Tịch Mặc là kỳ thể. *“Cứu cánh cực giới, đại thừa nguyện thuyền, sanh ngũ trược thế, thị hiện thành Phật, vi độ ngã đẳng, diễn thuyết bổn kinh*”. Nhân là nhân từ, trong danh hiệu đều là biểu pháp, đều là dạy học. Vậy Phật giáo là gì? Những gì của Phật giáo đều ở trong danh hiệu. Năng Nhân, dùng cách nói bây giờ tức là có thể lấy nhân từ để đối nhân và tiếp vật. Dạy chúng ta đối nhân đối sự đối vật, đều phải dùng nhân ái, *“Nhân giả ái nhân”.* Mâu Ni là đối với chính mình, dùng tâm như thế nào để đối với người, dùng tâm như thế nào để đối với chính mình. Tịch Mặc là thanh tịnh bình đẳng giác, đối với chính mình phải thanh tịnh, phải bình đẳng. Chỉ cần dùng tâm thanh tịnh bình đẳng, tự nhiên sẽ giác ngộ. Tâm thanh tịnh sanh trí tuệ. Bình đẳng so với thanh tịnh còn cao hơn một tầng, đã khai ngộ.

Như vậy chúng ta sẽ hiểu, chúng ta vì sao không khai ngộ? Vì không bình đẳng. Tôi cảm thấy tôi giỏi hơn người khác, họ không được như tôi. Vậy thì làm sao khai ngộ, như vậy thì hết cách. Chỉ thanh tịnh thôi cũng chưa được. Thanh tịnh chỉ có thể sanh trí tuệ, không phải đại triệt đại ngộ. Bình đẳng mới đại triệt đại ngộ. Những gì A la hán đạt được là thanh tịnh, Bồ tát đạt được là bình đẳng. Bồ tát vừa khai ngộ là thành Phật. Đại triệt đại ngộ là viên mãn, là thành Phật.

Bây giờ chúng ta đã biết, buông bỏ tất cả chấp trước, tâm mới được thanh tịnh. Buông bỏ tất cả phân biệt, tâm sẽ bình đẳng. Không phân biệt là bình đẳng, Phân biệt là không bình đẳng, đến khi nào giác ngộ? Không khởi tâm, không động niệm là đại triệt đại ngộ. Không khởi tâm không động niệm là phá vô minh phiền não, đã thành Phật. Nên Tịch Mặc là thể, là tự thọ dụng. Nhân từ là ngài tự thọ dụng. Phật thị hiện đến thế giới này là vì độ chúng sanh, nên đem nhân từ đặt trước tiên.

Chúng ta giả thiết, Đức Thế Tôn nếu đến thế giới Cực lạc làm Phật, ngài còn dụng tên này Chăng? Không dùng nữa. Vì sao? Người ở thế giới Cực Lạc đều nhân từ, đều thanh tịnh, danh hiệu này không còn chổ dùng. Vậy phải làm sao? Đổi một danh từ. Đổi danh từ gì? Đổi thành A Di Đà Phật. Làm Phật ở thế giới Cực lạc nhất định là A Di Đà Phật. Còn làm Phật ở thế giới này, nhất định là Thích Ca mâu Ni. Vì sao? Người của chúng ta, con người ở trên địa cầu này, con người ở thế giới ta bà này, phạm vi càng lớn. Đối với người không có nhân từ, đều là tự tư tự lợi, nên dùng nhân từ đến dạy họ. Người ở những chổ này đối với chính mình tâm không thanh tịnh, nên danh hiệu của ngài chính là tông chỉ giáo dục dạy học của ngài, đều ở trong danh hiệu.

Nếu chúng ta hiểu được danh hiệu, thì chúng ta sẽ hiểu được một đời của Đức Thế Tôn giảng điều gì, dạy điều gì, sẽ hiểu được.

“Cứu cánh cực giới”. Câu này là nói ngài chứng được cứu cánh viên mãn. Quả này là quả đức. Cũng như chúng ta học ở trường và tốt nghiệp, đã tốt nghiệp viên mãn. Những gì cần học đã học xong, bài tập đều làm xong, nhận được học vị tiến sĩ. Như vậy Phật ở đây là quả vị cao nhất. “Thừa đại nguyện thuyền”, đây là nhân địa thượng từng phát đại nguyện. Trước đây các vị Bồ Tát này đều phát qua, chúng ta hiện nay cũng đã phát. Đã phát thì phải phát thật sự, phải từ tâm phát mới hữu dụng, chỉ phát bằng miệng không hữu dụng, nhưng trên miệng đều đã phát. Đã phát nguyện gì? Nguyện như Phật vậy. Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Đây là tứ hoằng thệ nguyện. Chư Phật Bồ tát dù đại nguyện có nhiều, đều không ra ngoài bốn nguyện này.

Phật A Di Đà có 48 nguyện, đem nó quy nạp tường tận thì vẫn ở trong bốn nguyện này. Bốn nguyện này là tổng nguyện, bao hàm tất cả các nguyện khác. Nên Đức Phật sau khi thành Phật, là phải thực hiện bốn nguyện này. Nếu không thực hiện thành ra ngài nói dối, trở thành gạt mình gạt người, như vậy làm sao thành Phật? Không những A la hán không có gạt mình gạt người. Nói cho chư vị biết, tiểu thừa sơ quả Tu đà hoàn, đại thừa sơ tín vị Bồ tát, đây là giới luật cơ bản họ đều làm được, làm một cách viên mãn. Tuyệt đối không có gạt mình gạt người, nói lời là giữ lời. Nên trong pháp giới hư không giới, trong vô lượng vô biên quốc độ, có rất nhiều cỏi Phật . Trong đó có lục đạo, có mười pháp giới.

Trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Hoa tạng thế giới và phẩm thế giới thành tựu. Trong đó nói đến, chúng sanh trong những cỏi chư Phật. Đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo, mê mà không ngộ, họ mê quá sâu nặng. Vì mê nên họ tạo tội nghiệp. Khi mê thì trí tuệ bát nhã trong tự tánh biến thành phiền não. Vừa mê thì đã lập tức thay đổi, trí tuệ biến thành phiền não, đức năng biến thành tạo nghiệp, tướng hảo biến thành lục đạo tam đồ, biến thành những thứ này. Vừa giác ngộ, giác ngộ thì lập tức hồi đầu, phiền não biến thành trí tuệ, tạo nghiệp biến thành đức năng, lục đạo biến thành tướng hảo, biến thành cỏi thật báo trang nghiêm. Cho nên nó đều không phải là thật, nó tuỳ theo ý niệm mà biến đổi.

Ý niệm tốt nhất, nói với chư vị, chính là “A Di Đà Phật”. Nếu ta học được điều này, ý niệm tốt nhất. Thế xuất thế gian pháp không có ý niệm thứ hai có thể vượt qua ý niệm này. Tất cả quốc độ của chư Phật trong mười phương đều không hơn thế giới Cực Lạc. Vì sao? Ý niêm không giống nhau. Ý niệm A Di Đà Phật này, thật là cứu cánh cực quả, thuần tịnh thuần thiện. Vì sao không nắm bắt điều này?

Chúng ta thấy từ xưa đến nay, thật sự có người đại phước đức, người đại trí tuệ. Đại phước đức, đại trí tuệ này, có thể là bần cùng hạ tiện không biết chữ. Họ nắm bắt được câu A Di Đà Phật này. Quý vị xem lúc họ sắp lâm chung, đứng như vậy vãng sanh, ngồi như vậy vãng sanh, ra đi một cách tiêu sái, họ đã thành tựu. Một số người phú quý như chúng ta không thể so với họ. Nên phải hiểu, minh bạch đạo lý này.

Chúng ta phải siêng năng học tập họ, cần phải nắm bắt câu Phật hiệu này, niệm này ở đây. Bất luận làm gì, câu Phật hiệu này là chổ nương tựa của chúng ta. Thật có thể nương tựa được, nương tựa ai cũng không chắc chắn. Vì sao? Toàn là giả. Phật hiệu mới là thật, Phật hiệu là tánh đức, Phật hiệu là đáng tin nhất. Nên Đức Phật phải thực hiện bổn nguyện của ngài, đã phát nguyện này, thì nhất định phải làm được. Chúng sanh trên thế giới này có duyên với ngài, có duyên tức có cảm. Nên chúng ta biết, tất cả hiện tượng vật chất trong thọ tưởng hành thức đều có. Thọ tưởng hành thức này, nó đang phóng quang trong từng sát na. Phóng quang này là hiện tượng dao động, mổi cái dao động đều châu biến pháp giới. Nên chư Phật Như Lai họ đều nhận được, sau khi nhận được phải xem có duyên hay không. Có duyên thì họ đến, không có duyên thì họ không đến. Có duyên sẽ đến. Nên Phật không độ người không có duyên.

Chúng ta với ngài không có duyên, nếu ngài đến, ta không thể hội được, ta không tin tưởng ngài, không chịu tiếp nhận giáo huấn của ngài. Ngài đến như vậy chúng ta thêm tạo tội nghiệp. Chư Phật Bồ tát ứng hoá ở thế gian, tuyệt đối không để người thế gian tạo mặt trái của tội nghiệp. Nên ta có thể tiếp nhận thì ngài sẽ đến dạy, còn ta không thể tiếp nhận ngài sẽ tránh. Điều này là điều nên làm, đến đời ngũ trược, chính là thế giới của chúng ta. Bây giờ có thể nói là ác trược đến cực điểm. Thiên tai quá nhiều!

*“Thị hiện thành Phật”,* thị hiện này chính là biểu diễn. Ngài đã thành Phật từ lâu. Đây là ngài chỉ làm gương cho chúng ta thấy, ngài đã làm như tứ tịnh đức trong Hoàn Nguyên Quán, *“tuỳ duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc*”. Làm tấm gương này cho chúng ta, nhu hoà chất trực, không có ngạo mạn, thái độ nhu hoà, nội tâm chân thành.

*“Vi độ ngã đẳng, diễn thuyết bổn kinh”.* Diễn ở đây là làm ra, là biểu diễn, thân giáo! Thánh nhân trong thế xuất thế gian dạy người, đều dùng thân giáo để biểu diễn. Làm cho mọi người thấy, để ta từ từ cảm nhận, từ từ giác ngộ và ta từ từ hồi đầu. Không phải nói suông như vậy, nói họ không nghe. Đến lúc họ thật sự có cảm nhận, họ đã hồi đầu, thì họ sẽ đến thỉnh giáo, lúc đó mới nói với họ. Nên thuyết pháp cần phải thỉnh mời, chính là đạo lý này. Chúng ta không thỉnh giáo, ngài sẽ không nói với chúng ta. Nhưng sao? Ngài sẽ làm cho chúng ta thấy. Làm được sau đó mới nói được, đây là thánh nhân. Nói được có thể làm được là hiền nhân. Nói được làm không được, biến thành gạt người. Dối gạt người khác làm sao có thể thành tựu?

*“thị tức nhất thiết chúng sanh đại ân đại đức chi từ phụ*”. Đây là cảm ân đối với Phật. Vị thầy này giống như phụ thân của mình vậy, đối với con cái yêu thương vô bờ, toàn tâm toàn lực đến dạy dỗ chúng. *“Vô pháp bất tri, vô pháp bất kiến chi đạo sư*”. Khắp nơi khắp chốn, trong kinh điển chúng ta thấy. Quý vị cần phải biết, đạo sư chính là tôn xưng đối với Phật. Đại sư cũng là xưng Phật, tôn xưng đối với Phật.

Trong kinh điển chúng ta thấy, những pháp sư phiên dịch kinh điển, làu thông tam tạng, nên gọi tam tạng pháp sư. Họ không xưng là đại sư. Đây thuộc về lễ nghĩa, không thể không hiểu. Chúng ta xưng đại sư, như vậy là hơi quá đáng. Hiện nay trên xã hội có người đối với bạn rất tôn kính, gặp mặt gọi bạn là đại sư, thì ta phải nói với họ, danh xưng này không thể dùng, chỉ đối với Phật mới có thể dụng, nếu không chúng tôi không gánh vác nổi. Vì không phù hợp với thực danh.

Ví dụ ta không phải Tổng thống, khi người khác gặp mặt mình *“tổng thống tiên sinh”*, chúng ta nghe cảm thấy thế nào? Chúng ta không phải Phật, mà bây giờ gọi là Phật, thì tình hình cũng giống như vậy. Không thể xưng đạo sư, không thể xưng đại sư. Nhất định phải hiểu điều này, không hiểu sẽ khiến người khác cười mình. Nên người thường xuyên đọc kinh hay học kinh giáo đều hiểu. Chúng ta xưng hô đối với một số người xưng là trưởng lão, như vậy là rất tôn kính, không thể xưng đại sư.

*“Đại giác viên mãn chi thích tôn dã*”. Đây chính là Phật trong bản kinh này, tức là xưng Đức Thế Tôn của chúng ta. Trong đề mục này có nói một chữ, bây giờ nói chữ thứ hai “thuyết”. *“Thuyết giả, duyệt dã”.* Ngày xưa, “thuyết” và “duyệt” đồng một chữ, nhưng nghĩa bất đồng, đọc đều đọc duyệt.

Quý vị xem, câu đầu tiên trong luân ngữ chúng ta nhìn thấy, *“học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ”*. Chữ đó là thuyết, là chữ thuyết có bộ ngôn một bên. Về sau có thêm bộ tâm đứng một bên, nhưng ý nghĩa tương đồng. *“bất diệc duyệt hồ*”, đây là cổ âm. *“Duyệt sở hoài dã*”, chính là trong tâm của họ nhớ mãi không quên. Nhớ mài không quên là gì? là dạy học, là giáo hoá chúng sanh. Duyên của chúng sanh bây giờ đã thành thục, có thể tiếp nhận, ngài hoan hỷ biết bao! Đây chính là “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, Nguyện này có thể thành hiện thực. duyên đã chín muồi, có thể hiện thực. Nên “duyệt sở hoài”. Tâm nguyện này, duyên phận đã đến.

*“Phật thuyết nhị tự hiển thử kinh thị Thế Tôn kim hữu sở tuyên, phi dư nhân chi thuyết dã*”. Kinh Phật rất nhiều, nhưng có rất nhiều kinh, trên đề kinh không có Phật thuyết. Kinh điển có hai chữ Phật thuyết đứng đầu số lượng không nhiều. Vì sao có kinh có hai chữ Phật thuyết đứng đầu, có kinh không có? Điều này là lúc phiên dịch, có thể lệ, có ví dụ. Phàm là chánh tông phần, câu nói thứ nhất là Phật nói, thì kinh điển này hai chữ Phật thuyết đứng đầu. Nếu câu đầu tiên là Bồ tát, hoặc là người khác thỉnh giáo, như vậy thì không thêm chữ Phật thuyết.

Bộ Kinh này câu đầu tiên trong chánh tông phần xác thực là Phật thuyết, *“Phật cáo A Nan”*. Câu đầu tiên là Phật dạy A Nan, không phải là A Nan hỏi Phật, là Phật nói với A Nan. Hình như là câu đầu tiên phẩm thứ tư. Không sai, phẩm thứ tư “Pháp tạng nhân địa Phẩm”. Phẩm thứ tư mới là chánh tông phần. Trang 179, quyển thứ hai, chánh tông phần. Chánh tông phần, quý vị xem kinh văn. Pháp tạng nhân địa phẩm thứ tư, câu thứ nhất *“Phật cáo A Nan, quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh thế gian Tự Tại Vương Như Lai*”. Quý vị xem, câu đầu tiên là Phật thuyết. Trong Chánh tông phần câu đầu tiên là Phật thuyết. Cho nên sau này khi quý vị nhìn thấy trong đề kinh có chữ Phật thuyết là sẽ hiểu.

*“Phật dĩ độ chúng sanh vi nguyện, kim chúng sanh cơ thục, kham thọ tịnh độ đại pháp, cứu cánh giải thoát, cố kim lạc thuyết,dĩ sướng bổn hoài*”. Duyên phận này là vô cùng hy hữu khó gặp. Vì sao? Chúng sanh rất nhiều, căn tánh không tương đồng, sở thích không giống nhau. Những điều này với những gì học tập trong quá khứ đều có liên quan. Trong quá khứ học tiểu thừa, thì bây giờ gặp tiểu thừa họ liền hoan hỷ. Đại thừa họ không thể tiếp nhận. Học thiền, gặp được thì vui vẽ thích thiền. Học giáo lý, giáo lý có rất nhiều. Có người thích Thiên Thai, có người thích Hiền Thủ, có người thích Pháp tướng. Đây không phải chỉ một đời này mà do tập khí trong quá khứ. Đời đời kiếp kiếp học rất lung tung, học rất nhiều.

Trong quá trình học tập nhiều thứ như vậy, chúng ta đối với loại nào thật tâm thích, sau đó nếu gặp lại. Chủng tử này sẽ được A lại da dẫn phát ra, chính là nguyên nhân này. Chúng ta hôm nay tiếp thu pháp môn tịnh độ thật không dể. Tôi tiếp thu tịnh độ rất khó, khoảng hai mươi năm sau khi học Phật, mới thật sự tiếp thu. Khi đã thật sự tiếp nhận thì vô cùng hoan hỷ. Cũng chính là nói, trước đây có tu, căn cơ đó được chôn vùi rất sâu, và đào từ từ, đào suốt hai mươi năm mới đào nó được. Không phải như có một số người, vừa tiếp xúc họ đã thích. Chúng ta nhìn thấy cũng rất vui, tự than là không được như họ. Tôi cũng phải học hai mươi năm mới tin, sao họ vừa tiếp xúc liền tin tưởng, liền thích?

Trong đó cũng có hoan hỷ khi tiếp xúc, nhưng khi học không lâu họ lại thối tâm, họ lại đi học cái khác. Trường hợp này rất nhiều, cũng rất bình thường, chúng ta cũng chẳng thấy có gì lạ. Bất luận họ tu học pháp môn nào, chúng ta đều tán thán, đều hoan hỷ. Không nên có tâm phân biệt. Chúng ta cần phải học Phật, Phật đối với chúng sanh đều bình đẳng như nhau. Phật đối với tất cả chúng sanh, chúng sanh khởi tâm động niệm, Phật không có khởi tâm đông niệm. Chúng ta cần phải học không khởi tâm, không động niệm, không bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Như vậy mới được coi là có công phu, có định lực, trong Phật Pháp thường nói là tam muội. Không bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng.

Chúng ta phải biết tại sao họ lại như vậy, phải biết trong quá khứ họ học rất nhiều học rất khó, vừa thấy đã hoan hỷ, khẳng định trong quá khứ đã học qua. Còn học đến nữa đường họ thay đổi, như vậy là vì trong qua khứ đối với pháp môn này họ học cũng có trình độ tương đương. Đời này gặp duyên, họ sẽ bỏ pháp môn này để học pháp môn khác. Như vậy có thể thành tựu chăng? Sự việc như vậy họ tịnh không biết gì. Nếu họ biết khẳng định trở lại học tịnh độ. Vì sao? Học tịnh độ có thể thành tựu trong một đời, ngoài ra thì chưa biết được.

Tuy trong quá khứ có căn rất sâu, muốn đời này phải thành tựu. Thành tựu cũng đâu có gì khác, chỉ là phiền não của chúng ta có thể đoạn hay không? Điều này rất hiện thực. Tôi có thể buông bỏ chăng? Trong mấy mươi năm này, chí ít tôi cũng có ba bốn mươi năm. Tôi nói có mười sáu chữ *“buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn”*. Mười sáu chữ này buông bỏ,chúng ta có thể thành tựu chăng? Không thể. Tôi nói là thật không phải giả. Nó chỉ dẫn chúng ta đến cửa, mà chưa vào cửa. Mười sáu chữ này buông bỏ, chúng ta mới tới đến cửa, nơi của của Tu đà hoàn, trước cửa của sơ tín vị Bồ Tát. Muốn bước vào, như vậy phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Ở đó cao hơn chúng ta ở đây. Chính là nói, phải buông bỏ thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Buông bỏ tất cả năm loại kiến hoặc, ta mới có thể vào cửa. Năm loại kiến hoặc chưa buông bỏ, thì chưa vào cửa,chỉ ở ngoài cửa. Điều này không thể không biết.

Tuy chưa vào cửa, nhưng nếu gặp được tịnh độ, quyết định vãng sanh. Mười sáu chữ này có thể làm được, nhất định được sanh tịnh độ. Sanh đến tịnh độ. cho dù là cỏi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, tức là một đời thành tựu viên mãn. Đến thế giới Cực Lạc làm gì? Đến thế giới Cực Lạc đi cầu học. Phật A Di Đà là thầy giáo. Văn thù, Phổ Hiền là đồng học, là sư huynh. Ngày ngày gặp mặt, chư vị thượng thiện nhơn câu hội tại một chổ. Nếu chúng ta có thể tham dự môi trường học tập này, thì có thể không thành công sao? Sự thù thắng của tịnh độ, mười phương chư Phật Như Lai đều tán thán, không phải là giả. Thật như Thiện Đạo Đại Sư nói: *“Vạn tu vạn nhân khứ*”.

Vì sao bây giờ người học tịnh độ nhiều, nhưng người thực sự vãng sanh thì ít? Như vậy là vì sao? Đó là vì họ tu học không đúng pháp. Còn người xưa tu học, họ thấu triệt kinh điển trước. Kinh điển là gì? là dùng để giới thiệu. Tác dụng của kinh điển là giới thiệu. Đem thế giới tây phương Cực Lạc giới thiệu cho chúng ta. Có lý luận, có phương pháp, có cảnh giới. Trên mọi phương diện chúng ta đều cần phải hiểu cho rỏ ràng minh bạch, sau đó y theo đạo lý phương pháp để tu học, như vậy thì không có gì là không thành tựu.

Phàm niệm Phật không thể vãng sanh, không phải trên lý luận có vấn đề, mà chính là trong phương pháp có vấn đề. Nhưng không học vẫn là không được. Trong Phật Pháp nói: “tín giải hành chứng”, bốn giai đoạn này. Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc chính là chứng quả. Chứng quả gì? Quả vô thượng bồ đề. Đây là thật không phải giả. Điều này là chính Phật A Di Đà nói trong bốn mươi tám nguyện. Chỉ cần sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, thì chúng ta chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là người ra sao? Các vị cổ đức nói, họ là người đã viên chứng tam bất thoái.

Chúng ta đều biết, chứng tam bất thối, trong kinh Hoa Nghiêm nói là bậc sơ trú Bồ tát. Xuất ly mười pháp giới, sanh đến cỏi thật báo trang nghiêm của Như Lai, như vậy mà không tuyệt sao! Sơ trú của viên giáo, sơ địa của biệt giáo. Đây là chứng tam bất thoái. Vì sao? Viên chứng. Viên là viên mãn, viên mãn chứng được tam bất thoái. Đó không phải là sơ địa. Cổ nhân nói là thất địa trở lên, phẩm vị này quá cao. Làm sao cỏi phàm thánh đông cư hạ hạ phẩm vãng sanh cũng như vậy? Đó là do bản nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Cũng chính là nói, trên thực tế chúng ta là cỏi phàm thánh đông cư. Nhất phẩm thì phiền não còn chưa đoạn, nhưng quyền lợi ở thế giới tây phương Cực Lạc. Phật A Di Đà đối xử với chúng ta, là quyền lợi của Bồ tát thất địa . Trí tuệ, thần thông, đạo lực của chúng ta, hình như gần với Bồ tát thất địa . Như vậy đến đâu để tìm? Ngoài thế giới Cực Lạc ra, thì đi xem “Đại tạng kinh”.

Đức Thế Tôn xưa nay chưa từng nói, có thế giới Phật nào giống như thế giới Cực Lạc, chưa nói qua. Chỉ có thế giới Cực Lạc có. Thật phải đem sự việc này nhận thức rỏ ràng, khẳng định vậy. ta vẫn còn động tâm chăng? Bất cứ pháp môn nào đều sẽ không động tâm. Đặc biệt ngày nay, xã hội động loạn, thế giới quá nhiều thiên tai. Nên cần phải nắm bắt thời gian, để làm gì? Niệm Phật. Chúng ta cũng vì quan hệ hoàn cảnh mà để Kinh Hoa Nghiêm dừng lại. Nên tái đề khởi bộ kinh này để cúng dường đại chúng. Tiến độ của bộ kinh này hình như hai tiếng đồng hồ, bình quân chỉ có thể giảng một trang. Như vậy xem ra, bộ kinh này đại khái cũng cần đến hơn một ngàn tiếng đồng hồ. Hơn một ngàn tiếng đồng hồ giảng xông, đại khai mất khoảng hai năm.

Sau khi giảng xong bộ này, lại tiếp tục giảng Kinh Hoa Nghiêm. Chư vị nên biết, nắm bắt được pháp môn này, là chúng ta nắm bắt được cơ hội viên mãn làm Phật trong cỏi đời này, khó được hơn bất cứ điều gì. Trước là đem thế giới tây phương Cực Lạc thế, như bây giờ gọi là làm visa, thủ tục đều làm xong, chúng ta mới học tiếp những kinh luận khác. Không sao, chúng ta tuỳ thời có thể đi. Chúng ta thật sự có thể đi. Học hay không học đều không sao, visa này chưa làm xong là không đươc! Chúng ta có nắm chắc được vãng sanh thế giới Cực Lạc chăng? Lắc đầu, không nắm chắc. Như vậy làm sao được? Nên lúc này, ngay ở đây làm visa để đến thế giới tây phương Cực Lạc. Hy vọng mổi người đều có thể làm được, như vậy là yên tâm.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

# Tập 75

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn  
Biên tập: Bình Minh  
Ngày giảng: Ngày10 tháng 07năm 2010  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”*, trang 81 hàng thứ 2, vẫn là đề kinh.

*“Đại thừa giả, dụ dã. Thừa dĩ vận tải vi nghĩa”.* Chữ này âm cổ đọc là “thắng”, bây giờ mọi người đều đọc “thừa”. Bây giờ đọc “thắng” không ai hiểu. Chúng ta tuỳ tục mà dùng là Đại thừa. Ví dụ như ngày xưa, khi chúng ta đi đâu thường ngồi thuyền, ngồi xe, cưỡi ngựa. Cởi ngựa là “thừa mã”. “Thừa” tức là vận tải\_chuyên chở.

*“Đại giả sở thừa”,* hoặc là nói *“sở thừa giả đại”.* Đó gọi là Đại thừa. Đây là giải thích ý nghĩa của hai chữ này, “đại giả sở thừa” không phải người phổ thông, mà người có đạo đức, có đức hạnh. Chư Phật Bồ Tát là đại nhân, các ngài thường chuyên chở, hoặc là *“sở thừa giả đại”,* như hiện nay một số người học Phật. Chúng ta cũng học kinh giáo Đại thừa, nên chúng ta càng phải chuyên chở rất lớn\_đây gọi là Đại thừa.

*“Biệt ư thanh văn duyên giác cẩn cầu tự giác chi tiểu thừa”,* sai biệt là ở chổ này. Đối lập với đại thừa là tiểu thừa. Người tiểu thừa chỉ cầu tự giác, đại thừa không như vậy, không những cầu tự giác mà còn phải giác tha. Giúp đở tất cả chúng sanh đi đến giác ngộ. Tâm lượng họ rộng lớn, những gì họ làm cũng lớn, nên được xưng là đại thừa.

Chúng ta theo học Kinh Điển Phật Giáo nhiều năm nên đã thâm nhập thấu triệt. Năm 26 tuổi tôi theo thầy Phương Đông Mỹ học Triết học, và nhận thức về Phật giáo. Những gì tôi nhận biết về Phật giáo không giống với một số người trong xã hội hiện nay. Tôi làm quen với Phật giáo là thầy Phương giới thiệu cho tôi về triết học trong Phật giáo. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một nhà đại Triết học. Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Học triết học, Vì sao? Vì hưởng thụ cao nhất. Nếu không vì việc này thì học nó làm gì! Có phải thật vậy chăng? thật vậy. Tôi học đến nay là 59 năm, sang năm là một giáp. Tôi chứng minh cho mọi người thấy thật sự là hưởng thụ cao nhất của đời người.

Cho nên tôi không bao giờ quên ân đức của Thầy Phương. Nếu không có Thầy chỉ điểm, tôi trước sau vẫn bị mê mờ trong bóng tối, không biết thế gian những điều tốt như vậy, một số người muốn giới thiệu mà không có, nên rất hy hữu khó gặp. Thầy Phương nói với tôi nó là Triết học tối cao.

Sau nhiều năm nghiên cứu tôi đã phát hiện, đây không chỉ là triết học tối cao mà còn là khoa học tối cao nữa. Vì sao? Có những vấn đề mà khoa học và triết học không giải quyết được, nhưng Kinh Điển đại thừa đã giải quyết toàn bộ, quá tuyệt!

Trong kinh chúng ta thường đọc *“Thập phương sát độ, vi trần pháp giới”,* Thập phương sát độ khoa học hiện nay nghiên cứu là Hồng quan thế giới. Vi trần pháp giới là Vi quan thế giới. Vi quan là lượng tử lực học\_trong Kinh Phật đều có. Đến bây giờ lượng tử lực học vẫn chưa giải thích rỏ ràng, nhưng trong Kinh Phật nói rất rỏ, rất minh bạch\_Lời của Thầy Phương không sai. Kinh điển Phật Giáo đúng là đĩnh cao của triết học trên toàn Thế giới, cũng là đĩnh cao của khoa học.

Muốn học khoa học hay triết học, ta không thâm nhập vào Phật Pháp thì ta đến đâu để học? Nó ở trong pháp đại thừa. Giới khoa học hiện đại phát hiện, giữa Vũ trụ có ba thứ, chứng thực A lại da trong kinh Phật nói. Giới khoa học cận đại cũng nói giữa vũ trụ chỉ có ba thứ, trừ ba thứ này ra cái gì cũng không có. Trong ba thứ này, một là vật chất, hai là năng lượng và ba là tin tức.

Ba ngàn năm trước, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Pháp tướng duy thức, và đã nói ra điều này. Ba thứ này là Tam tế tướng của A lại da. Nghiệp tướng của A lại da là năng lượng, cảnh giới tướng là vật chất và chuyển tướng là tin tức, nhưng trong duy thức nói ba thứ này là A lại da thức, Mạt na thức và Ý thức. Mổi thức đều có bốn phần: Tự chứng phần, Chứng tự chứng phần, Kiến phần, Tướng phần. Kiến phần là tin tức, tướng phần là vật chất.

Phật pháp không phải mê tín, đã được giới khoa học cận đại chứng minh, họ nói rất hay. Tám thức, 51 tâm sở, mổi thức đều có bốn phần. Đây có nghĩa là gì? Ý nói rằng tinh thần và vật chất là một không phải hai, vĩnh viễn không phân khai. Bất cứ tâm tâm sở nào nó đều có tướng phần, tướng phần là hiện tượng vật chất. Đều có kiến phần, kiến phần là hiện tượng tinh thần. Tinh thần trong A lại da chính là thọ tưởng hành thức\_đây là tinh thần. Ở nơi chân tâm hoặc ở trong tự tánh, nó không gọi là thọ tưởng hành thức. Thọ tưởng hành thức là đới phiền não, trong tự tánh không có. Trong tự tánh gọi là kiến văn giác tri, nên sau khi đai triệt đại ngộ thì chuyển thức thành trí. Chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí, chính là kiến văn giác tri. Không gọi là thọ tưởng hành thức mà gọi là kiến văn giác tri.

Trong thọ tưởng hành thức có phiền não, có tập khí. Trong kiến văn giác tri không có. Trong kinh giáo thường nói: không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm. Lúc này là kiến văn giác tri. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thì kiến văn giác tri sẽ biến thành thọ tưởng hành thức. Các nhà khoa học còn chưa phát hiện ra vật chất, năng lượng, tin tức từ đâu mà có, chưa nói ra. Trong Phật pháp có, nó từ đâu đến? Nó đến từ trong tự tánh.

Tự tánh không phải tinh thần cũng không phải vật chất. Nó ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào. Nó là bản thể của tất cả vạn pháp. Tất cả vạn sự vạn pháp nương nó mà sanh ra mà hiện tiền. Nó cái gì cũng không phải, nhưng nó cái gì cũng có thể hiện.

Huệ Năng Đại Sư minh tâm kiến tánh, Ngài lộ ra cho chúng ta một chút tin tức, ngài nói ra năm câu nói, nói rỏ bản chất của tự tánh. Bản chất tự tánh là gì? Ngài nói: *“hà kỳ tự tánh, bổn tự thanh tịnh”.* “hà kỳ tự tánh”, câu này dùng cách nói hiện nay mà nói là đâu ngờ tự tánh vốn thanh tịnh, bây giờ vẫn thanh tịnh, từ trước đến nay chưa hề có một chút ô nhiễm. Đây là gì? là chân tâm. Cho nên chân tâm là thanh tịnh tâm. Thanh tịnh tâm này quyết định không thọ nhiễm ô. Ở chổ Thánh cũng không tăng, nơi phàm cũng không giảm. Nơi Chư Phật Bồ Tát cũng không thêm chút nào. Chúng ta ở nơi phàm phu cho đến làm súc sanh muổi, trùng, kiến, hay đoạ trong tam đồ lục đạo, có chút nhiễm ô nào không? Không có, một chút nhiễm ô cũng không.

Nhưng nhiễm ô là gì? Nhiễm ô là A lại da. A lại da có nhiễm có tịnh, có thiện có ác, chân tâm không có. Mục đích học Phật cuối cùng là gì? Là phản vọng quy chân\_xa rời vọng tưởng trở về chân như. Trở về tự tánh, đây là mục đích của việc học Phật. Học Phật là phải thật sự buông bỏ thế gian . Đức Thế Tôn đã làm gương cho chúng ta. Ngài xuất thân là vương tử, có thể kế thừa vương vị, vậy mà ngài không cần vương vị, ngài đã giác ngộ nên không cần nữa, chỉ cần trở về với tự tánh. Ngài là đại thừa, ngài không phải là tiểu thừa. Nếu ngài là tiểu thừa thì chính mình trở về với tự tánh là được rồi, không cần phải dạy người khác\_Ngài là đại thừa. Ngài ngoài tự giác ra còn phải giác tha, giúp đở người khác giác ngộ. Cho nên sau khi khai ngộ ngài bắt đầu đi giáo hoá. Ba mươi tuổi khai ngộ bắt đầu giáo hoá, giáo hoá cho đến già chết, 79 tuổi ngài niết bàn. Trong kinh ghi: giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp 49 năm. Ngày ngày đều dạy học, lấy việc này làm vui không hề mệt mỏi, không có ngày nào nghĩ. Một người cũng giảng, hai người cũng giảng. Bất luận khi nào, bất luận ở trường hợp nào. Đức Phật từ bi, không có người nào là không dạy. Vĩnh viễn chưa từng nghe nói ngài đã mệt mỏi. vì sao? Vì năng lượng trong tự tánh sung túc, chắc chắn không có bì quyện, không có mệt nhọc, không giống như chúng ta. Vì sao chúng ta làm một chút việc thì đã thấy quá khổ cực, qúa mệt mỏi. Là do nguyên nhân gì? Vì chúng ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Những thứ đó sẽ sản sanh mệt nhọc. Trong tự tánh không có, tìm không thấy.

Chúng ta học Phật là phải quan sát tỷ mỉ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Một đời của ngài là biểu diển cho chúng ta thấy, đó là trong tứ tịnh đức “tuỳ duyên diệu dụng”, “oai nghi hữu tắc”. Ngài làm để cho chúng ta xem. Điều này là thật không phải giả. Nên giáo dục Phật giáo, ở trước chúng ta đọc đến Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Quan hệ giữa chúng ta và Phật là quan hệ thầy trò, cần phải biết điều này.

Đức Thích Ca Mâu Ni là một vị thầy căn bản, giáo dục Phật giáo do ngài hưng khởi lên. Phật có nghĩa là gì? là giác ngộ. Nếu dịch tiếng Trung Quốc chính là giáo dục của giác ngộ, chứ không phải là mê tín. Giáo dục giác ngộ do Đức Phật kiến lập nên. Chúng ta gọi ngài là bậc thầy căn bản\_ Bổn Sư, chúng ta tự xưng là đệ tử, đệ tử là học sinh, nên quan hệ giữa chúng ta với Đức Phật là quan hệ thầy trò. Đây làm gì có mê tín, với Tôn giáo có liên quan gì đâu? Nhưng người bây giờ coi Phật giáo như một Tôn giáo. Cũng có đạo lý, Vì sao? Đến cả Khổng lão phu tử cũng đã biến thành Tôn giáo. Khổng lão phu tử biến thành Tôn giáo, thì Phật đương nhiên cũng có thể biến thành Tôn giáo. Chẳng qua nếu chiếu theo văn tự xưa, thì ý nghĩa của Tôn giáo là tốt. Đó là Tôn giáo thật không phải Tôn giáo giả. Ý nghĩa của Tôn giáo ngày xưa, Tôn có nghĩa là gì? Tôn là chủ yếu, là trọng yếu, là tôn sùng. Quý vị tra từ điển sẽ có ba nghiã. Giáo là giáo dục, là dạy học, khi hợp lại Tôn giáo là gì? là giáo dục chủ yếu, dạy học trọng yếu, giáo hoá tôn sùng. Ý nghĩa này thật quá tuyệt vời! Đây chính là nói tất cả mọi người không thể không học. Không chỉ tất cả mọi người, mà trong Phật pháp nói là tất cả chúng sanh. Mười pháp giới hữu tình chúng sanh không thể không học. Hai chữ Tôn giáo này bao hàm ý nghĩa quá hay, ở đây không có chút mê tín nào cả.

Hai chữ Tôn giáo này từ nước ngoài dịch ra, ngày xưa vốn không có danh từ này. Trong nhà Phật xưng Tôn giáo nhưng không phải là ý nghĩa này. Trong nhà Phật xưng Tôn giáo là nói Tông môn tông giáo. Tôn là chuyên chỉ cho Thiền tông. Ngoài Thiền tông ra thì chín tông phái khác đều gọi là giáo môn. Nên hợp lại gọi là Tôn giáo, là ý này, là ngôn ngữ từ bên ngoài đến. Ngôn ngữ từ bên ngoài đến nhưng người xưa đã dùng hai chữ này để phiên dịch ra. Đây là đại trí huệ và thật sự có học vấn. Vì sao họ không dịch thành cái gì khác mà dịch thành hai chữ Tôn giáo, dịch quá hay.

Đó chính là nói, tất cả những người khai sáng ra các Tôn giáo trên thế giới, Kinh Điển của họ đều đáng được tôn sùng, đều là những thứ quý. Từ trên danh từ phiên dịch ngày xưa, các bậc cổ Thánh tiên Hiền, đã khẳng định đối với các Tôn giáo ngoại quốc. Nếu để chúng ta dịch thì sẽ dịch không ra. Còn đối với các điển tịch của các Tôn giáo ngoại quốc này, chưa có người thực sự nhận thức được. Họ làm sao nghĩ đến hai chữ này.

Chúng ta học Phật là có sứ mạng, có trách nhiệm, phải danh chánh. Danh không chánh thì ngôn không thuận, phải đem tất cả ý nghĩa của danh xưng này, nói rỏ ràng, nói minh bạch. Tôi học Phật học hết 60 năm, tôi không có một chút mê tín nào, mà còn sung mãn trí tuệ, phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng. Trí tuệ có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề, trí thức làm không được. Dùng tri thức giải quyết vấn đề, về sau thường có di chứng, nhưng trí tuệ thì không.

Học thuật đông phương từ xưa đến nay là cầu trí tuệ, với tây phương không giống nhau. Tây phương cầu, đặc biệt là tây phương cận đại, sau khi cách mạng khoa học, thì học thuật tây phương tìm tòi toàn là tri thức. Cho nên đã tạo thành sự động loạn cho toàn xã hội như hôm nay, tạo thành nguy cơ cho địa cầu. Điều này đáng để cho ta suy nghĩ. Vậy có cơ hội để cứu vãn không? Có. Đáp án là khẳng định. Lời dự báo của cổ kim trong ngoài. Có người hỏi tôi, tôi nhận định như thế nào? Nhận định của tôi cũng là khẳng định, nhưng kết quả của lời dự ngôn là không xác định. Điều này quý vị học Phật cần phải biết, đặc biệt là học đại thừa. Một lời dự ngôn, đằng sau có rất nhiều kết quả bất đồng chứ không phải một, không phải như họ nói. Như họ nói cũng có khả năng, nhưng cũng có kết quả ngoài ra.

Vì sao? Trong Kinh Điển Đức Phật dạy: *“nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh”.* Trong tâm ta ý niệm đang chuyển biến từng sát na. Một niệm trước là ác niệm thì đó là tai nạn. Niệm ở sau biến thành thiện niệm, tai nạn tự nhiên không còn. Nếu ta tiếp tục vẫn là ác niệm đó, thì tai nạn sẽ lại hiện tiền. Đức Phật dạy, tai nạn của mổi người chính là nổi đau của ta. Hoàn cảnh bị thiên tai chính là động đất, sóng thần, gió bảo. Nóng lạnh vô thường là khí hậu biến hoá, dẫn đến thiên hà đại địa đều phát sanh tai biến. Vì nguyên nhân gì? Toàn là do ý niệm. Nghe ta nói như vậy, mọi người cho rằng chúng ta mê tín. Cũng may, các nhà khoa học đĩnh cao của cận đại đã chứng minh. Hiện nay tây phương vừa mới hưng khởi, đây là một khoa học mới, vừa mới hưng khởi.

Liệu pháp của ý niệm, đây là nói trị bệnh. Rất nhiều nghi nan tạp chứng, không cần uống thuốc, không cần chích\_chỉ cần ý niệm. Ta có thể đem nhiễm ô của mình và những ý niệm bất thiện buông bỏ tất cả, khiến cho tâm địa hồi phục đến chổ thuần chân thuần thiện, thì bệnh tự nhiên lành. Hiện nay ở ngoại quốc rất nhiều người đang làm thực nghiệm, thực nghiệm này có hiệu quả tương đối, cho nên các nhà khoa học hiện nay đều đang nghiên cứu, đây là một hình thức mới của khoa học. Đặc biệt là ý niệm của tập thể, có thể hoá giải thiên tai.

Tôi nhìn thấy trong báo cáo, còn dẫn dụng câu chuyện *“Giang bổn thắng tỳ bà hồ”.* Thực nghiệm này của họ tại Liên hiệp quốc đã làm mấy lần báo cáo. Giới khoa học trên toàn thế giới đều biết. Hồ Tỳ Bà là một eo biển, nước chết . Hơn 20 năm mà mùi vị rất khó ngửi và rất dơ bẩn. Họ nghiên cứu và thử nghiệm nước ở đây, biết được nước có năng lực nhìn thấy, có năng lực nghe, hiểu được ý của người. Thực nghiệm này bị họ phát hiện, nước là khoáng vật. Nó là sống , nó không phải chết, nó có kiến văn giác tri. Nên họ tìm hơn 100 người, rồi mời một vị pháp sư, hơn 90 tuổi. Họ nói với tôi, ở nơi đó cầu nguyện hơn một giờ, khiến hơn 100 người này, mọi người đều đem ý niệm, tạp niệm đều buông bỏ hết, chỉ khởi một ý niệm là chuyên chú. Điều này rất quan trọng, phải chuyên chú, một chút tạp niệm cũng không có, chỉ một niệm này. Nước sạch rồi, tôi yêu bạn, chỉ khởi một ý niệm này thôi. Ở nơi đó đọc liên tục lặp đi lặp lai, đọc một giờ đồng hồ. Sau ba ngày, nước nơi eo biển này thật sự trong sạch, mùi uế tạp không còn và bảo trì được sáu tháng.

Lần trước tôi ở Đài Loan, họ biết tôi ở Đài Loan nên đến thăm tôi. Tôi nói với họ, cầu nguyện nơi hồ Tỳ bà đó, nên hai tháng cầu nguyện một lần, như vậy nước sẽ vĩnh viễn trong sạch. Quý vị xem, một lần mà quý vị có thể duy trì sáu tháng, thật không dễ. Cho nên cầu nguyện có linh không? Linh. Nhưng trị ngọn mà không trị góc. Xem, mới nữa năm không cầu nguyện lại hồi phục như cũ, nên nó trị ngọn mà không trị gốc.

Trị gốc là gì? trị gốc là dạy học, là giáo hoá. Nếu dân cư lân cận eo biển đó, mọi người đều biết, phải bồi dưỡng tâm cho thanh tịnh, nuôi dưỡng thiện niệm, thì hoàn cảnh cư trú của họ vĩnh viễn trong sạch. Nên cầu nguyện có thể cứu cấp, nhưng cứu nhất thời, không thể cứu lâu dài.

Mấy ngàn năm trước, xã hội trị an lâu dài là nhờ vào đâu? Nhờ vào giáo dục. Nhờ giáo dục của Thánh hiền. Nho giáo là giáo dục của Thánh hiền. Phật giáo và Đạo giáo cũng là giáo dục của Thánh hiền.

Tôi nhớ năm 2006 đang ở Pari, hoạt động này do Liên hiệp quốc tổ chức. Ông Trương là đại biểu của Liên hiệp quốc, có mời tôi ăn cơm hai lần, và hỏi tôi một vấn đề. Ông ta nói Phật và Đạo là Tôn giáo, vậy Nho giáo có phải là Tôn giáo không? Lúc đó tôi trả lời, Nho Thích Đạo đều không phải là Tôn giáo. Thời xưa gọi là “Tam gia”, Nho gia, Phật gia, Đạo gia. Nên Tôn giáo là rất muộn, đến thời nhà Thanh mới truyền ra. Những điều này từ ngoại quốc đến Trung Quốc mới dịch thành Tôn giáo, còn trước kia không có, chỉ gọi là Nho Thích Đạo tam gia, cũng xưng là tam giáo, tam giáo này là dạy học là giáo hoá. Giáo hoá của ba nhà, dạy học của ba nhà, không có danh từ Tôn giáo như hiện nay, mà nó là học phái.

Truyền thống là lấy Khổng Mạnh làm tượng trưng\_Khổng Mạnh tập đại thành. Đạo là lão trang, sau trở thành Đạo giáo. Trở thành Đạo giáo là tam quốc Trương Đạo Lăng. Ông ta triển khai ra, Nhưng cách mạng của ông ta thất bại, vì lệnh đã truyền xuống. “Ngũ đấu mễ đạo” đã truyền ra.

Phật giáo là từ bên ngoài truyền vào, các bậc đế vương phái đặc sứ nghênh đón về. Đón về và tiếp xúc mới thấy căn bản của Phật giáo đồng nhất với truyền thống văn hoá xưa. Văn hoá ngày xưa được kiến lập trên cơ sở “hiếu để”. Phật pháp đại thừa cũng như vậy. Chúng ta xem câu đầu tiên của Tịnh nghiệp tam phước *“hiếu dưỡng phụ mẩu, phụng sự sư trưởng”,* căn bản so với nền văn hoá xưa hoàn toàn tương đồng, cho nên toàn thể mọi người đều tiếp thu.

Như Thang Ân Tỷ nói, người xưa tâm lượng rất lớn, ông ta rất bội phục. Có thể bao dung văn hoá khác nhau của các dân tộc. Đây là chỉ Phật giáo, có thể bao dung tất cả, kết quả Phật giáo đã làm phong phú thêm văn hoá bản địa. Điều này trong lịch sử các thời đại quý vị có thể nhìn thấy. Học thuyết của Nhị trình, Châu hy, Minh triều Lục vương đều dùng đại thừa để giải thích kinh điển Nho gia. Đem tứ thư ngũ kinh nâng lên và coi ngang nhau với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa.

Các vị tổ tông ngày xưa rất đơn giản, họ chỉ nêu rỏ những nét chính của vấn đề, dùng Phật pháp giải thích là đã biến thành Phật pháp. Trong “Đại học” nói tam cương là minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện, nhưng khi dùng đại thừa giải thích thì đó chính là cảnh giới Hoa Nghiêm. Đây chính là Phật pháp làm phong phú thêm văn hoá truyền thống xưa. Đem minh đức giảng thành tự tánh. Quý vị xem, ở trước còn để thêm chữ “minh”. Tự tánh bị mê mờ, phải đem tự tành hồi phục trở lại\_ “minh minh đức”. Quý vị xem, đây là dùng Phật pháp đại thừa giải thích.

“Thân dân” là phổ độ chúng sanh, phải độ chúng sanh đến đâu? Đến chổ chí thiện là thành Phật. Tất cả chúng sanh đều viên thành phật đạo. Dùng cách này để giải thích, tứ thư trở thành “Hoa Nghiêm Kinh”. Đây là những gì Thang Ân Tỷ nói, Phật pháp làm phong phú thêm văn hoá bản địa. Phật pháp đối với với văn hoá xưa đã cống hiến quá lớn, đã nâng văn hoá bản địa lên đến mức độ cao. Và thực hiện ở nơi tám mục, đây chính là tám cương lĩnh để tu hành.

Thứ nhất là cách vật, dùng Phật pháp để giải thích cách vật, cách vật là sao? là đoạn phiền não. Vật là dục vọng là vật dục. Cách là cách đấu. Chúng ta phải cùng vật dục đánh một trận, phải chiến thắng nó, khai trừ vật dục. Điều này trong phật pháp gọi là đoạn phiền não, dẫn đến phá sở tri chướng. Cách vật là phá phiền não chướng. Nếu buông bỏ hai chướng ngại này, thì chân tâm hiện tiền, phải thành ý thì chân tâm hiện tiền. Ý thành thì tâm chánh. Tâm chánh chính là tác dụng của tâm, khởi dụng của tâm chính mà không tà\_ chánh tri chánh kiến.

Thành ý là thể của tâm, còn chánh tâm là dụng của tâm. Quý vị xem toàn là dùng Phật pháp để giải thích, nên với pháp đại thừa có gì phân biệt đâu? Nếu ta không hiểu được Phật pháp, thì không có cách nào đem tứ thư ngũ kinh của Nho gia giảng đến đĩnh cao, ta làm không được. Nhị trình, Lục vương ở trong những gì họ nói có Phật pháp đại thừa, nên vượt qua những bậc cổ đức thời Hán Đường.

Nếu hôm nay chúng ta dùng Phật pháp đại thừa để giải thích triết học và khoa học tây phương, thì cũng vậy có thể đem nó dung hoà cùng một cảnh giới với kinh đại thừa. Đây là những gì Phật pháp nói *“viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên”.* Cái tốt như vậy ở ngay trước mắt mà không biết, thật đáng tiếc. Thực tế mà nói, chúng ta nói đến chổ này, cảm thấy may mắn vô cùng. Vì sao? Lúc trẻ tôi cũng bị mê hoặc, cũng không biết gì, không ngờ gặp được thầy Phương, thầy có thể nói ra. Đương thời tôi có thỉnh giáo thầy Phương, tôi hỏi thầy những thứ này thầy học từ đâu? Thầy nói. Thầy Phương thật sự là người rất thông minh. Hai mươi mấy tuổi dạy học ở mỹ, một giáo thọ giỏi, được người đời cho rằng ông là một nhà đại triết học . Thời gian kháng chiến ông về nước và dạy ở đại học trung ương. Có một năm thầy bị bệnh, lúc đó hình như ở Trùng Khánh hay ở Thành Đô\_đại học trung ương, thầy đến núi Nga mi dưỡng bệnh, đây là nguyên nhân thầy kết duyên với Phật. Thầy nói núi Nga mi là một nơi rất tốt, non xanh nước biếc.

Tôi đi đến đó hai lần, thầy trong chùa báo, tạp chí, sách tất cả đều không có, chỉ có kinh Phật. Người đọc sách thì thích sách, nhưng không có sách xem thì xem kinh phật, càng xem càng thú vị. Nên Phật pháp của thầy là tự tu, đương nhiên là cũng nhờ trước đây học có cơ sở tốt, cặn kẻ thâm hậu. Thầy là đời thứ mười sáu của Phương Bao. Phương Bao là người khai sáng ra phái Đồng thành, trong văn học rất có địa vị, là người sáng lập phái Đồng thành, nên đây là một thế gia.

Và sau lần dưỡng bệnh đó, thầy không rời xa kinh Phật, thâm nhập nghiên cứu. Sau đó dạy học ở trường đại học Đài Loan. Tôi tiếp xúc với thầy là lúc thầy đã lớn tuổi. Ở Đài Loan hơn 20 năm thầy giảng toàn Kinh Phật. Chính thức mở khoá. Ở đại học Đài Loan dạy mấy mục lớn: Đại thừa Phật học, Nguỵ Tấn Phật học, Tuỳ Đường Phật học, thầy mở dạy những môn này. Khi lớn tuổi, từ đại học Đài Loan nghĩ hưu, nhưng đại học Phụ Nhân lại mời đi. Ở khoá tiến sĩ của đại học Phụ Nhân mở dạy triết học Hoa Nghiêm. Thầy lên lớp giống như Đức Phật Thích ca vậy, không có bản thảo cũng không có tư liệu, lên bục giảng là tuỳ khẩu mà nói. Nên học sinh nghe thầy giảng không dể dàng gì. Vì thầy không có tư liệu cho quí vị. Nhưng lúc đó đã có thu âm, như vậy cũng không tệ. Các bạn học đem theo máy ghi âm thu lai, sau đó chỉnh lý và viết thành sách *“Phương Đông Mỹ Tiên Sinh Toàn Tập”.*

Thầy viết rất ít, đại khái chỉ có hai ba loại. Bộ phận anh văn thầy tự viết, những thứ khác chỉnh lý lại cũng rất nhiều. Toàn bộ là do học sinh ghi lại từ trong máy ghi âm. Tôi không biết thầy có xem qua không. Thầy không xem qua cũng có thể vợ ông ta xem qua\_bà Phương xem. Bà Phương đối với những sách xuất bản này rất cẩn thận. Khi tôi học với thầy Phương, mổi tuần hai giờ đồng hồ cũng không có giáo án, không có giảng nghĩa, đề cương đều không có. Mổi tuần hai tiếng dạy cho tôi một bộ triết học đai cương rất có hệ thống.

Từ triết học khang đức tây phương bắt đầu giảng, giảng đến triết học đông phương của Trung Quốc, rồi giảng triết học Ấn Độ, cuối cùng giảng đến triết học trong kinh Phật. Ký ức tốt, đối với thầy Phương tôi không thể không khâm phục. Như vậy mới biết những thứ này là đại học vấn. Và thầy Phương đã đem những thứ này giới thiệu cho tôi. Tôi đã minh bạch, đã giác ngộ biết rằng quan niệm trước đây là sai. Đem Phật giáo xem thành Tôn giáo, xem thành mê tín, sai rồi. Bây giờ thật sự đã quay đầu.

Thầy Phương nói với tôi, câu nói này vô cùng quan trọng, khiến tôi không bị mất phương hướng. Thầy nói: *“Triết học Phật giáo không ở trong tự viện”,* lời dặn dò này rất quan trọng, *“Nó ở trong kinh điển”.* Thầy nói trước đây người xuất gia trong tự viện, đó mới thật là nhà đại triết học. Vì sao? Vì họ nghiên cứu, họ học tập, đích thực cao nhân. Người xuất gia trong tự viện họ làm gì? mổi ngày họ đều nghiên cứu kinh điển, ngày ngày đều truy cứu học vấn.

Cho nên ngày xưa thời đại đế vương, người trẻ tuổi muốn đọc sách phải đi đâu? Đến chùa. Lầu kinh tạng của chùa không phải hoàn toàn cất giữ kinh tạng, chư tử bách gia mổi thứ đều có, là một nhà thư viện. Người xuất gia đều học, đều thông! Nên người trẻ tuổi ở trong chùa đọc sách. Có vài gia đình giàu có, thì cúng dường cho chùa một ít. Còn nếu gia đình quá thanh bần chỉ cần bạn đọc sách cho tốt, nhà chùa sẽ chăm lo đời sống sinh hoạt cho quí vị. Vì quốc gia bồi dưỡng nhân tài.

Quý vị đến đó đọc sách, khi gặp vấn đề gì, vị xuất gia nào cũng có thể giúp ta giải quyết, đều có thể giúp ta giảng giải, và đều là những thầy giáo tốt. Nhưng người xuất gia thời hiện đại, không nghiên cứu kinh giáo, không học tập. Cho nên ta tìm ra người xuất gia để học thật khó khăn. Đây là lời cảnh tỉnh vô cùng quan trọng. Nếu không nói câu này, tôi đến chùa vừa nhìn thấy không đúng, tôi sẽ hoài nghi đối với thầy.

Vì sao? Vì những người chuyên môn nghiên cứu Phật giáo trong tự viện nói với chúng ta không giống nhau. Tôi có một vài vấn đề, hỏi họ đều không biết làm sao được? nên lời dạy bảo này rất quan trọng. Chúng ta đi đến chùa chỉ là xem sách chép kinh. Vì lúc đó kinh sách một số tiệm sách mua không được, không có lưu thông. Đến chùa chép kinh, có vấn đề hỏi họ, nên mọi người rất vui vẻ. Tôi có vấn đề liền hỏi hai người, một là thầy Phương, hai là Chương Gia đại Sư. Lúc đó chỉ dạy và hướng dẫn cho tôi là hai vị này. Tôi gặp vấn đề gì đều thỉnh giáo họ, càng học càng hứng thú.

Tôi học bảy năm và xuất gia. Xuất gia là Chương Gia Đại Sư khuyên dạy. Đại sư khuyên tôi xuất gia, dặc biệt dăn dò tôi, không được đi làm quan. Tôi lúc đó còn trẻ, tôi hỏi ngài vì sao. Ông ta nói tôi làm quan là một quan thanh liêm, thật sự vì nhân dân làm việc. Nếu những thuộc hạ của tôi đều là tham quan ô lại, thì tôi phải làm sao? Tôi nghe hỏi như vậy sững người ra, tôi có thể quản chính mình rất tốt, nhưng không có cách nào quản tốt người khác. Hiện tượng quan trường với tưởng tượng của chúng ta không giống nhau. Lời của Đại sư là thật, Đại sư dạy tôi, sao không học như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài đến cả vương quốc còn không cần. Tôi nghĩ đúng, có đạo lý. Đặc biệt là khi nghe thầy Phương nói: *“học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người”.* Cho nên ngài kêu tôi xuất gia, dạy tôi học Đức Thích Ca.

Mới bắt đầu, đọc cuốn sách đầu tiên là sách chứ không phải kinh.“Thích ca phổ” và “Thích Ca phương chí”. Đây là Chương Gia Đại Sư dạy tôi đọc. Tôi học với thầy Phương là không có sách, không có bất cứ tài liệu nào, đến đại cương cũng không có. Giống như nghe kể chuyện vậy, thầy kể tôi nghe. Đến Chương Gia Đại Sư thì ngài chỉ định một vài cuốn sách cho tôi học tập.

Tôi học cuốn thứ nhất là học “Thích Ca Phổ” và “Thích Ca Phương chí”, là truyện ký của Đức Phật Thích Ca. Trong đại tạng kinh có, do người nhà Đường viết. Mới biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người, ngài không phải thần, cũng không phải tiên nhân. Chính là những vị mà chúng ta thường nói là Thánh nhân. Như Trung quốc xưng Khổng tử, Mạnh tử, xưng là thánh nhân. Phật người xưa cũng gọi là thánh nhân. Người Ấn Độ gọi là Phật đà, là Bồ Tát. Còn người xưa gọi là thánh nhân, hiền nhân, sự tình là như vậy.

Trước tiên chúng ta phải làm cho rỏ ràng, không thể mê tín, mê tín là sai. Mục tiêu học Phật ở đâu? Là giác ngộ. Có thể giác ngộ không? Có. Vì sao? Vì ta vốn là giác ngộ. Ta vì sao mà mê? Vì lục căn của ta ở trong lục trần, mắt thấy sắc tai nghe âm thanh và khởi phân biệt chấp trước thì sẽ mê. Điều này khi chúng ta xem trong đại thừa kinh sẽ thấy rất nhiều.

Buông bỏ chấp trước, đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian không còn chấp trước, đến ý niêm chấp trước cũng không có, được rồi, quý vị đã giác ngộ. Đem chướng ngại buông bỏ thì ta đã giác ngộ. Giác ngộ là tự mình có, như Mã Minh Bồ Tát nói trong Khởi Tín Luận: “bổn giác bổn hữu, bất giác bổn vô”. Ta đem bất giác buông xả, thì bổn giác sẽ hiện tiền. Khi đó cài gì hiện tiền? Chánh giác hiện tiền. Đối với tất cả đều không chấp trước nữa. Chấp trước làm chướng ngại chánh giác. Chỉ cần đem chấp trước buông bỏ, không còn chấp trước thì chánh giác hiện tiền, mọi người sẽ gọi là A la hán.

A la hán là một học vị, ở trong nhà Phật là địa vị thấp nhất\_tiểu thừa. Học vị này ta đã nắm được. Và nâng cao lên nữa, không những không chấp trước, đến cả phân biệt cũng không còn, với ý niệm phân biệt trong thế xuất thế gian đều không còn, đây gọi là Bồ tát , ta đã giác ngộ. Giác ngộ này cao hơn cả A la hán\_ là chánh đẳng chánh giác. Và càng lên cao nữa, là không khởi tâm, không động niệm. Đến khởi tâm động niệm đều không có. Đây là đại định, là tự tánh bổn định, thật sự đã hoàn nguyên. Trong đại thừa giáo nói, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, bây giờ gọi danh hiệu là Phật đà. Giác ngộ của ta gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vô thượng chánh đẳng chánh giác trong tự tánh ta vốn có, không phải bên ngoài vào. Chướng ngại dọn sạch thì hồi phục, gọi là minh tâm kiến tánh. Sau khi kiến tánh, không có gì là không biết, không có gì là không thể. Vì sao? Vì thập pháp giới y chánh trang nghiêm là tự tánh hiện, là tự tánh sanh, là A lại da biến. Tánh thức đều là chính mình, lúc này ta thấu triệt tất cả, còn có gì mà ta không biết chứ. Cho nên ta ở trong sở hiện, sở sanh, sở biến mà học tập, đó là tri thức.

Nhưng nếu quay đầu nhìn lại, ta ở trong năng hiện, năng sanh, năng biến hạ công phu, thì ta đã tìm thấy nó, tìm thấy nguồn gốc, đó là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết tất cả vấn đề. Không riêng gì vấn đề trong cuộc sống hằng ngày, thế nên thì tiểu địa cầu này có đáng là bao? Biến pháp giới hư không giới, đại trí tuệ! Đức Phật nói người người đều có, không phải chỉ mình ngài có. Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Quý vị xem, ở đây nói rất rỏ ràng rất minh bạch. Cái này có thể không trừ diệt sao? Học Phật không có gì khác, chính là buông bỏ.

Nên tôi cảm ân Chương Gia Đại Sư. Chúng tôi ngày đầu tiên gặp mặt, tôi liền hỏi Đại Sư một vấn đề. Tôi nói, tôi từ thầy Phương mà biết Phật pháp vô cùng thù thắng, thật là đại học vấn, là triết học cao nhất, vậy có phương pháp nào có thể thâm nhập thật nhanh không? Tôi đưa ra vấn đề này. Vấn đề này đề ra thật là đại học vấn. Chương Gia Đại Sư nhìn tôi, mới ngày đầu tiên gặp mặt, tôi cũng nhìn Đại Sư, tôi nhìn đại sư đợi ngài trả lời . Nhìn bao lâu? Nhìn nữa giờ đồng hồ, không nói một câu nào. Đến mười mấy năm sau tôi mới hiểu được, đó là một phương pháp dạy học cao minh đặc thù.

Vì sao? Chúng ta còn trẻ, tâm động khí loạn. Khi ta đang tâm động khí loạn, mà nói thì cũng như gió thổi bên tai, nghe tai này lọt qua tai khác, không có lợi ích. Nữa tiếng thời gian, Ngài nhìn tôi, tôi nhìn lại ngài, tâm định rồi, nữa tiếng đồng hồ đã trấn tĩnh rồi. Đại sư muốn để tôi thật sự định lại mới nói chuyện với tôi. Có một chút hiện tượng nông nổi, ngài sẽ không nói chuyện. Sau đó tôi theo Chưng Gia Đại Sư ba năm, mổi tuần hai tiếng đều ở trong thiền định, nói chuyện không nhiều, nhưng đã cho tôi ấn tượng rất sâu, cả đời cũng không quên được.

Sau khi đợi khoảng nữa tiếng, Đai sư chỉ nói một chữ “có”, chữ có này làm cho tôi biến động, trong tâm lập tức chấn động. Rồi ngài lại tiếp tục không nói nữa. Thời gian lần này ngắn một chút, khoảng bảy tám phút, trầm mặc bảy tám phút. Rồi sau đó rất chậm, nói từng chử từng chữ một *“nhìn phải thấu, buông phải được”.* Chỉ nói với tôi sáu chữ. Tuy là hai tiếng đồng hồ nhưng trên thực tế nói chuyện không nhiều, không vượt qua hai mươi câu. Đại sư nói chuyện rất chậm, nhất định nhìn thấy ta không còn trạng thái xao động, lúc đó ngài mới nói. Còn một chút xao động, thì ngài sẽ nhìn chúng ta mà không nói gì.

Hôm đó tôi ra đi, đây là lần đầu tiên Đại Sư đua tôi đến cổng, vổ vai tôi và nói: *“tôi hôm nay nói với bạn sáu chữ, bạn phải đi làm cho tốt trong sáu năm”*. Tôi thật sự đã nghe lời, thật đã hạ công phu ở chổ nhìn thấu và buông bỏ. Ý nghĩa buông bỏ thật quá sâu quá rộng, lúc đó tôi lãnh hội được rất nông cạn, nhưng phải làm, từ nơi chổ buông bỏ bắt đầu làm. Buông bỏ giúp ta nhìn thấu triệt, nhìn thấu triệt giúp ta buông xả. Nhìn thấu triệt là trí huệ, buông xả là định công, trở lại cái thanh tịnh bình đẳng giác. Giác là nhìn thấu, thanh tịnh bình đẳng là buông bỏ, đây là công phu thật mà trong kinh điển ta học được. Nếu có thể ứng dụng trong cuộc sống, thì rất lợi ích, thật là pháp hỷ sung mãn.

Sáu mươi năm lại đây, đối với tôi cũng không phải là con đường rất bình thản, mà gập nghềnh trắc trở, chướng ngại trùng trùng, nhưng đều thông qua. Làm sao để thông qua? Buông xã thì sẽ thông qua, đừng chấp trước. Thuận cảnh không nên tham luyến, phải buông xã tham luyến. Còn nghịch cảnh thì phải buông bỏ sân nhuế, vĩnh viễn duy trì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, đây gọi là đạo. Không nên bị cảnh giới bên ngoài làm lay chuyển, gọi đó là công phu. Nói theo cách nói hiện nay là không bị hoàn cảnh bên ngoài làm ảnh hưởng. Hoàn cảnh thì không có cách nào để ly khai, chỉ yêu cầu ta không bị nó ảnh hưởng, không bị hoàn cảnh lay chuyển\_ trí tuệ đã khai rồi.

Điều kiện đầu tiên là phải nhẫn nhục, phải chịu thiệt thòi. Không thể nhẫn là không được, nếu sợ thiệt thòi cũng làm không được, tâm của ta cũng sẽ không bao giờ định được. Nên cổ nhân nói rất hay, thiệt thòi là phước, một chút cũng không sai. Đâu đâu đều phải nhường người khác, nhất định không nên bỏ trong tâm. Tâm của ta mới phóng quang, mới chiếu kiến. Cái gì cũng so đo tính toán là không xong, là sai, tâm của ta sẽ loạn, trí tuệ của bạn cũng không còn.

Cho nên người xưa rất biết giáo dục, ngàn vạn năm đều xem việc giáo dục nặng nhất, đến trị quốc cũng đều là giáo dục *“kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”.* Kiến quốc là kiến lập một chính quyền, quân dân là lãnh đạo nhân dân. Cái gì quan trọng nhất? là dạy học. Chỉ cần làm tốt giáo dục, thì thiên hạ sẽ thái bình, không có việc gì xảy ra.

Nên xã hội ngày xưa, con người có 360 nghành nghề, 360 không phải là chữ số. Một năm 360 ngày là tượng trưng sự viên mãn, chính là các nghành các nghề. Nghành nghề nào được người hâm mộ nhất? Làm quan là người hâm mộ nhất, nên phải cố gắng đọc sách. *“Học nhi ưu tắc sĩ”,* sĩ chính là làm quan.

Làm quan trên xã hội rất có địa vị, cũng có thu nhập tốt, mọi người đều rất tôn trọng, lại không có làm việc. Điều này mới vui, không làm việc, không có án để xử. Vì sao? Trong xã hội người người đều là người tốt, mọi việc đều việc tốt, không có người làm ác. Một tháng có một hai vụ án là nhiều rồi, nên không có ai không muốn làm quan. Vì sao xã hội lúc đó lại tốt như vậy? con người lại tốt như vậy? Phải giáo dục từ nhỏ.

Các đế vương thời cổ đại, họ giao trách nhiệm dạy học cho gia trưởng, động viên gia trưởng, khen thưởng gia trưởng khi dạy tốt, gọi là giáo dục gia đình! Nhà của ngày xưa, người bây giờ không cách nào thể hội được. Vì sao? Vì ta chưa thấy qua và cũng chưa nghe qua. Nhà của thời xưa là đại gia đình, bây giờ không có nhà rồi. Tôi hỏi bạn nói bạn có nhà, nhưng bạn chỉ biết có ba mẹ mình, còn tổ phụ tổ mẫu bạn có biết không? Vì họ không cùng ở một chổ. Còn tằng tổ phụ và tằng tổ mẫu, cao tổ phụ cao tổ mẩu thì sao? Không biết. Thời xưa ngũ đại đồng đường cùng sống chung một mái nhà, cho nên nói cửu tộc.

Ở trên có tổ phụ tổ mẫu, tằng tổ phụ mẫu, cao tổ phụ mẫu. ở dưới có con, cháu, chắt. Trên dưới chín đời, đông đường, gọi là cửu tộc, đây là một gia đình. Một gia đình nhân khẩu ít cũng khoảng hơn 200 người. Nên nhà là một tổ chức của xã hội. Thông thường một số gia đình bình thường có khoảng trên dưới 300 người, số người hưng vượng thì sáu đến bảy trăm, đây là một đại gia tộc.

Quý vị xem tiểu thuyết “Hồng Lâu Mộng”, đó chính là một gia tộc. Một nhà người đó khoảng gần 300 người, trong sách viết như vậy. Nên nhà nhất định phải có gia đạo, có gia quy. Như “Đệ Tử Quy” chính là gia quy, phải tuyệt đối tuân thủ, từ già đến bé không có ai chẳng tuân thủ. Không tuân thủ nhà sẽ loạn. Có gia học, tư thục là gia học. Nói như bây giờ chính là trường học của các con em trong gia đình mình, nên khi còn tuổi nhi đồng nhất định phải tự mình dạy nó thật tốt. Dạy tốt rồi, học cũng rất ưu tú có thể tham gia các cuộc thi của quốc gia, cuộc thi của quốc gia là quốc gia tuyển chọn nhân tài. Sau khi tuyển chọn, quốc gia sẽ phát bổng lộc, tức là có đãi ngộ. Cuộc sống của bạn có quốc gia chiếu cố, như bây giờ là phát tiền công cho công nhân vậy. Ta phải học cho tốt không ngừng tham gia thi cử, tương lai phò chính. Cho nên bồi dưỡng nhân tài là trách nhiệm của mổi gia đình, còn quốc gia tuyển khảo. Tuyển chọn để làm nhân viên công vụ của quốc gia, chế độ này quá tốt.

Từ Hán Võ Đế đời nhà Hán kiến lập nên chế độ này, cho đến thời Mãn Thanh, đã thay đổi biết bao nhiêu triều đại, nhưng chế độ này vẫn không cải biến. Chế độ tốt nên không thay đổi. Xã hội này, quốc gia lớn như vậy, nhân khẩu nhiều như vậy, mà nền trị an lâu dài làm sao mà được? là do có đạo lý, tức là giáo dục, giáo dục tốt.

Trường học của con em trong gia đình tốt hơn so với trường học hiện nay. Vì sao? Vì được gia trưởng và lão tổ tông quan tâm, Vì đây là cốt nhục của họ phải dạy cho tốt. Trẻ con lớn lên phải có triển vọng, vinh tông diệu tổ, nở mặt nở mày. Nên ngày xưa trẻ em sinh ra trên thế gian này, quý vị đến thế gian này làm gì? Vì gia đình. Họ là vì gia đình của họ, cả đời này bất luận ta làm nghành nghề gì, người ủng hộ ta là ai? Là gia đình ta ủng hộ khuyến khích ta. Nên lúc nhỏ cầu học là ở nhà dạy ta, gia đình mang trách nhiệm. Tương lai lớn tuổi, gia đình lại nuôi dưỡng khi già. Nên người già tuổi về chiều, mới thật sự gọi là hưởng phúc.

Một đời của mình vì gia đình mà cống hiến, đến khi già thì gia đình nuôi. Bên dưới bạn những vị vãn bối hiếu tử hiền tôn rất nhiều, như vậy làm sao họ không vui vẻ! Người già ngày xưa là hạnh phúc nhất. Trong đời của một người, hưởng phúc là lúc tuổi về già, khi tuổi lớn là hưởng phúc.

Tuổi nhi đồng chăm chỉ học tập. Khi thiếu niên mạnh khoẻ thì vì gia đình, vì xã hội cống hiến, còn khi già là hưởng phúc. Đây là xã hội của ngày xưa, xã hội này quá tốt, quá mỹ mãn. Truyền thống này sao bây giờ không còn nữa? Sao lại không có? Nói cho quý vị biết, chúng ta cùng Nhật bản chiến tranh, phải đánh tám năm mới tan. Trước khi kháng chiến có. Chúng ta ở làng quê nông thôn, một thôn trang chính là người một nhà. Trang họ Vương này là một nhà của họ. Trang bên kia là trang họ Lý, đó là một nhà.

Còn có từ đường. Cúng tế từ đường đây là xuân thu, một năm hai ba lần cúng tế. Ngoài cúng tế ra, từ đường còn làm nhà trường,cũng tức là gia học. Tư thục thì lên lớp ở đâu? ở từ đường. Nên từ đương kiêm luôn việc gia học. Sau khi kháng chiến thắng lợi, không nhìn thấy tình trạng này nữa. Tôi đi tham quan vài nơi ở Giang nam, các vùng miền nam An Huy tôi cũng đi xem rồi. Thôn trang vẫn còn nhưng người không có, chỉ còn vài người già sống ở đó, còn lớp trẻ đều đi các nơi để mưu sinh. Muốn khôi phục cái này không phải dể. Chế độ này quá tốt, chúng ta cần phải giảng giải nhiều, tuyên truyền nhiều.

Những năm gần đây tôi nghĩ đến các nhà xí nghiệp, hy vọng xí nghiệp có thể đem tinh thần truyền thống gia đình ngày xưa tiếp tục kế thừa. Ông chủ của xí nghiệp phải là Bồ Tát, không phải Bồ tát không làm nổi. Phải thật sự học Phật mới được. Ông chủ xem nhân viên của mình đều như anh chị em ruột của mình. Còn nhân viên còn nhỏ là con cái của mình. Nhân viên trưởng bối là chú bác của mình. Phải thật sự phát tâm nuôi già dạy trẻ. Vì vậy các xi nghiệp nên xây dựng một ngôi trường cho con em, nên xây dựng viện an dưỡng. Viện an dưỡng không thu nhận người già khác, mà chỉ có những nhân công lớn tuổi. Nhân công này với bạn trở thành người một nhà. Cả đời toàn tâm toàn lực vì công ty phục vụ. Một công ty chính là một mái nhà.

Trước đây nhà là quan hệ máu huyết, nhưng nhà bây giờ là đạo nghĩa. Đây là thuộc về đại thừa. Nhà của ngày xưa xác thực nó là quan hệ huyết mạch, truyền thống luân lý đạo đức xưa là đủ rồi. Nếu ngày nay xí nghiệp đều trở thành nhà, thì ông chủ xí nghiệp không thể không học đại thừa, không học đại thừa sẽ không trị tốt, tâm lượng của họ không cách nào rộng mở. Nên phải thực sự phát tâm bồ đề, hành đạo bồ tát. Kinh doanh xí nghiệp là hành đạo bồ tát, thì sẽ làm một cách tốt đẹp. Tuyệt đối không thua truyền thống của gia đình, thật có thể hồi phục.

Chúng ta tin tưởng Trung Quốc, chí ít phải còn một ngàn năm hưng thạnh, trị an dài lâu. Đó chính là siêng năng học tập Nho Thích Đạo tam gia. Ngày nay học tập ba nhà Nho Thích Đạo vẫn chưa đủ, còn phải học tập văn hoá tôn giáo của các dân tộc trên thế giới. Vì sao? Để bổ sung thêm cho mình, lấy sở trường của người và bỏ đi sở đoản của mình, không ngừng bổ khuyết thêm chính mình, như vậy là chính xác.

Như thời nhà Hán Trung Quốc, họ lấy Phật pháp để bổ khuyết cho mình. Hôm nay chúng ta xem xem Cơ đốc giáo có gì tốt không? Có. Thiên chúa giáo cũng có, Ấn độ giáo cũng có, Hồi giáo cũng có, không thể không học. Không học thì chúng ta kiến thức hẹp hòi, của mình học xong rồi, nhất định phải học thêm của người khác. Chúng ta có thể áp dụng, có thể hấp thụ, có thể bổ khuyết cho mình, đây là đại học vấn. Nên giữa Tôn giáo và Tôn giáo cần phải đoàn kết, giữa Tôn giáo với nhau phải học tập qua lại.

Tôi ở Âu Châu, chúng tôi có một quy mô không lớn, một học viện Tịnh độ nho nhỏ, chúng tôi mới bắt đầu từ năm nay. Tháng bảy, tức tháng sau là bắt đầu, chúng tôi chính thức mời hai vị giáo thọ. Một vị dạy tinh thần sinh hoạt của Hồi giáo, còn một vị dạy Cơ đốc giáo. Chúng tôi đã khởi đầu xung phong, trong học viện Phật giáo chính thức mở khoá trình của các Tôn giáo khác, và khẳng định tất cả Tôn giáo đều là giáo dục của xã hội. Tôi cũng động viên các tôn giáo khác, nhất định phải trở về với việc dạy học. Không thể chỉ dựa vào nghi thức quy tắc và cầu đảo, như vậy không được. Điều này chúng ta đã nói qua, đây là chỉ trị ngọn, còn tu học theo kinh điển là trị góc.

Ở trong thời đại nhiều thiên tai này, thì việc hồi phục ổn định của xã hội, hôi phục êm ấm cho thế giới, nhất định phải nhờ vào giáo dục Tôn giáo. Giáo dục Tôn giáo dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Hiện nay trong tất cả giáo dục trên thế giới đều thiếu ba thứ này. Giáo dục Tôn giáo cần phải đem ba thứ này bổ sung vào, như vậy Tôn giáo đối với xã hội có cống hiến rồi. Không còn mê tín, không còn tiêu cực nữa. Điều này mọi người cần phải siêng năng nổ lực đi làm.

Tôi lớn tuổi như vậy, nhưng có một vài hoạt động quốc tế vẫn đến tìm tôi. Tôi phải suy nghĩ, nếu có thể không đi tôi sẽ không muốn động, ở nhà giảng kinh. Còn nhất định phải đi, thì đi vì cái gì? Đi để nói mọi người trở về với giáo dục Tôn giáo. Tôn giáo phải đoàn kết, Tôn giáo phải hổ tương học tập, không nên có bài xích. Tôi làm việc này, chỉ có Tôn giáo đoàn kết, mới có thể hoá giải xung đột, mới có thể an định xã hội, mới có thể hài hoà thế giới. Đây là ý nghĩa trong kinh Phật giáo đại thừa.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, Hoàng lão cư sĩ dẫn dụng mười hai môn luận thuyết *“ma ha diễn giả”.* Ma ha diễn là tiếng phạn, dịch thành tiếng Trung quốc là đại thừa. *“Ư nhị thừa vi thượng, cố danh đại thừa”.* Nhị thừa này chính là Thanh văn, Duyên giác. So với Thanh văn thì Duyên giác cao. Thanh văn là A la hán, Duyên giác là Bích chi phật, cả hai đều thuộc tiểu thừa.

*“Phật đại nhân thừa thị thừa cố danh vi đại”,* đại nhân này là xưng Phật. Phật Bồ tát, sở hành, sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền của các ngài. Trong chữ thừa này có rất nhiều ý nghĩa, đây có nghĩa là lớn*. “Hựu năng diệt trừ chúng sanh đại khổ, dự”,* dự là cho họ, *“đại lợi ích sự, cố danh vi đại”.* Ý nghĩa chữ đại giải thích sơ lược một chút. Nó có thể diệt khổ. Thật sao? Thật. Thật có thể diệt khổ, thật có thể được lợi ích lớn.

Khổ từ đâu đến? Khổ từ mê đến. Khi mê ta sẽ suy nghĩ lung tung, tư tưởng của ta sẽ sai lầm, ngôn ngữ của ta cũng sai lầm. Vì ngôn hành là tư tưởng chỉ đạo, tư tưởng sai thì ngôn hành cũng sai. Ta làm việc sai thì phải chịu báo khổ. Đại thừa là trí huệ, khi ta có trí tuệ thì tư duy của mình là thuần chánh, và ngôn hạnh là hợp tình hợp lý hợp pháp sẽ không làm sai sự việc, như vậy ta đã hưởng phúc rồi

Người xưa thật có trí tuệ, quý vị xem người xưa hoạ với phước rất giống. hai chữ này rất gần nhau, chỉ kém có một chút. Đây chính là nói hoạ và phước chỉ trong một niệm. Một niệm vì mình tự tư tự lợi, hoạ lập tức đến. Một niệm vì người, phước sẽ đến ngay. Vì người mới thật sự vì mình, vì mình là thật sự đang hại mình. Phải hiểu đạo lý này.

Xã hội bây giờ, chúng ta lặng yên để quan sát, nó đang mê. Mê ở đâu? Mê vì tiền ở trong mắt. Ngày xưa dùng tiền đồng, đầu năm dân quốc nhà Thanh dùng tiền đồng, nó tròn, ở giữa có một lổ, có một lổ vuông. Trong đó có hàm nghĩa, trong tròn cần có vuông. Tròn nếu không vuông là có vấn đề, gọi là ngoài tròn trong vuông. Làm người như vậy là đúng. Nó có ý nghĩa biểu pháp trong đó.

Tiền có phải là thứ gì tốt chăng? Không phải thứ gì tốt. quý vị xem âm hán việt của chữ “tiền”, bên này là “kim”, bên kia hai người cầm dao. Đang làm gì? cướp! Đây không phải việc tốt, nên đây là thứ rất nguy hiểm. Nhìn thấy chữ này ta liền nghĩ đến ý nghĩa của nó. Tiền đủ dùng là được không thể tham nhiều, tham nhiều hoạ hại sẽ đến, tai nạn sẽ đến.

Lúc này con người cần phải hiểu nhân quả. Tài sản của mình, nhưng số mạng mình có không? Số mạng không có. Nếu muốn dùng phương pháp không chánh đáng để đạt được. Tôi nói với quý vị, quý vị đạt được hay số mạng ta có, quý vị nói như vậy không oan uổng sao. Số mạng không có thì dù có dùng thử đoạn gì đều không đạt được. Cầm súng đi cướp cũng cướp không được, đi cướp chưa được thì ở sau cảnh sát đã bắt đi ngồi tù rồi.

Bạn là ăm trộm thì đi trộm, nhưng còn chưa trộm được thì cảnh sát đã đem bạn đi. Đây chính là số mạng không có, dù ăn trộm ăn cướp đều không đạt được. Còn số mạng có thì trộm về hay cướp về cũng đều là số mạng có. Quý vị nói quý vị có oan không! Con người thật sự hiểu được đạo lý này, thì tâm của họ là định,

Khi tôi không có, tôi sẽ không đi trộm cắp, sẽ không cướp giật. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh, vì số mạng không có. Số mạng có, thì đến thời tự nhiên sẽ có. Không cần nóng vội. Có thể cầu được tiền tài chăng? Trong Phật giáo, trước đây Chương Gia Đại Sư dạy tôi. Khi tôi mới học Phật, cuộc sống vô cùng gian khổ, đó là số mạng không có giữ tiền tài. Người khác số mạng có tài vật cất giữ, còn tôi thì trống rỗng, cái gì cũng không có. Nói cách khác, người ta làm sự nghiệp gì cũng có thể kiếm tiền, còn tôi làm gì đều kiếm không ra\_số mạng không có.

Siêng năng làm việc kiếm được chút tiền, nhưng chỉ có thể duy trì sinh hoạt. Thầy giáo là đại thiện tri thức. Tôi với Chương Gia Đai Sư, tôi 26 tuổi, Đại sư 65 tuổi, ngang hàng với tổ phụ. Đại sư nhìn rất rỏ ràng, ngài dạy tôi, nói với tôi là tiền tài từ đâu đến? Tiền tài từ bố thí đến, ngài dạy: *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”\_*dạy tôi đạo lý này. Thật có cảm ứng! Còn không có cảm ứng, chắc là trên lý luận bạn không như pháp, phương pháp có vấn đề. Như lý như pháp, cảm ứng đạo giao rất nhanh, nên dạy chúng ta phương pháp cầu tài\_bố thí tài.

Người khác sao lại có nhiều của cải như vậy? nhờ trong quá khứ tu bố thí tài nhiều, nên trong mạng họ có. Phải hiểu đạo lý này. Trong mạng chúng ta không có, không có cũng không gấp. Còn trẻ, bây giờ tu vẫn kịp. Tôi nói với Thầy, tôi không có tiền. Tiền lương một tháng rất ít, chỉ miển cưỡng đủ sinh hoạt. Thầy hỏi tôi “một hào có không”, một hào thì có. Một đồng có không? Một đồng còn có thể, còn miển cưỡng, bạn từ một đông một hào đó bắt đầu bố thí. Trong tâm phải thật có ý niệm bố thí\_phải có tâm này.

Tôi học vì lúc đó đã đi thăm chùa, đến chùa để chép kinh, nhìn thấy trong chùa có in kinh. Mọi người cầm cuốn sổ đến góp tiền để ấn kinh, ra bao nhiêu cũng không đủ. Nên chúng tôi nhìn thấy in kinh cũng viết một đồng hai đồng, họ đều thu. Còn có phóng sanh, quyên vài hào để phóng sanh họ cũng nhận, điều này rất tốt, vì từ từ sẽ dưỡng thành thói quen. Đây là bố thí tài sẽ được của cải, có hiệu quả.

Tôi đã bố thí 60 năm, càng thí càng nhiều! Năm trước, tôi ở nhà in sách thương vụ Đài Loan, đặt một trăm bộ “Tứ Khố Toàn Thư”. Tôi mua nhiều, là khách hàng lớn của họ, nên đặc biệt giảm giá cho tôi. Một trăm bộ bao nhiêu tiền? Năm trăm vạn mỹ kim. Tôi lấy về làm gì? Số sách này đem tặng các trường đại học, tặng vào thư viện. Khoảng tháng sau sách in xong. Càng thí càng nhiều! Tiền không nên lưu giữ. Tiền cất giữ sẽ biến thành giấy bỏ, không dùng được, nên cái này gọi là giấy bạc. Ở đây có đi thì bên kia có về, không nên sợ. Đi nhiều thì về nhiều, đi ít thì về ít, không đi thì không về, mọi việc là như vậy.

Nên bây giờ, tôi sau 70 tuổi, thật giống như Khổng lão phu tử nói “tuỳ tân sở dục bất cự củ”, tâm tưởng sự thành\_sau 70 tuổi. Đây đều là thầy dạy tôi. Tôi tin tưởng và thật làm. Bố thí pháp được thông minh trí tuệ, tôi xem cái này còn nặng hơn cả tài bảo, nên có tiền tôi đều in kinh làm pháp bố thí.

Quý vị nghe tôi giảng kinh thời gian cũng nhiều cũng lâu rồi, và nghe tôi giảng pháp hằng năm không giống nhau, quý vị sẽ nhìn ra trí tuệ tăng trưởng, năm này với năm khác không giống nhau. Tôi học với thầy Lý 10 năm, nghe thầy Lý giảng kinh, thầy Lý kêu tôi ngồi hàng đầu, đối diện ông ta và không cho ghi bài. Lúc đầu tôi viết một ít, thầy xuống hỏi tôi, bạn vừa mới viết mà viết cái gì vậy? tôi nói tôi viết bài. Bạn viết cái này làm gì? Tôi nói sợ quên. Thầy nói với tôi không cần viết, cảnh giới mổi năm không giống nhau. Năm nay viết những thứ này đến sang năm không dùng được nữa. Tôi nghĩ hoàn toàn đúng. Chuyên tâm lắng nghe, không nên ở chổ này mà lơ đảng. Nên tôi theo thầy Lý 10 năm mà không có vở, nhưng trí tuệ ngày ngày thêm tăng trưởng, ngày ngày càng tiến bộ, ta làm sao có thể dừng lại ở đó, làm gì có đạo lý này? Nhưng các bạn học khác viết bài thầy cũng không nói gì, còn tôi viết bài thầy dạy tôi không nên viết. Đây là bồi dưỡng trí tuệ, là bố thí pháp.

Bố thí vô uý được mạnh khoẻ trường thọ. Điều này đối với tôi mà nói rất quan trọng. Thầy tôi đối với tôi đều rất rỏ ràng, thời trẻ đoản mạng. Người thanh niên này không có phước báo lại đoản mạng, cũng may còn có chút trí tuệ, còn chịu nghe lời, có thể cứu được. Nên dạy tôi học pháp bố thí vô uý. Bố thí vô uý học từ đâu? Bắt đầu làm từ việc ăn chay , nên tôi vừa học Phật, năm 20 tuổi, học Phật khoảng sáu tháng là tôi ăn chay trường, không kết oán thù với chúng sanh. Thật vậy, mình ăn thịt nó nữa cân nhưng tương lai trả nó gấp bội. Oan thân trái chủ của ta rất nhiều.

Tôi học Phật sáu tháng sau là không ăn thịt, không ăn các thứ cay nồng, và còn phóng sanh, tích cực phóng sanh. Về sau hoàn cảnh kinh tế tốt hơn, tôi bố thí thuốc men. Trong bệnh viện bố thí tiền thuốc, người nghèo đi khám bệnh, khi không có tiền thì lấy số tiền này. Mới đầu chữ số còn ít, nhưng từ từ cúng dường nhiều hơn, thì bố thí này của tôi cũng tăng lên rất nhiều.

Mấy năm gần đây ở Âu Châu, tôi đã ở Âu Châu 10 năm, sang năm là tròn 10 năm. Tôi ở trong thành nhỏ đó, có một bệnh viện công lập do chính phủ xây dựng. Thành nhỏ người không nhiều, chỉ có khoảng tám chín vạn người dân. Ở bệnh viện này, một năm tôi tặng mười hai vạn tiền phí thuốc men, chỉ định chỉ dùng cho người nghèo.

Còn có một trung tâm chăm sóc người sắp chết do Cơ đốc giáo tổ chức, họ làm rất tốt, tâm lượng của họ cũng rất lớn. Con người khi sắp lâm chung, bất luận là dùng tôn giáo nào, họ đều không phản đối, mà còn hiệp trợ. Điều này rất tốt nhưng không dể. Họ thiếu kinh phí, tôi cũng giúp đở họ mười năm, một năm mười hai vạn. Đây là thuộc về bố thí vô uý. Mổi năm 24 vạn, mà đã làm mười năm. Nên Thầy dạy tôi nhất định là bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô uý, thì quả báo đạt được là tiền của dùng không thiếu. Ta cần dùng tiền tự nhiên sẽ có. Như vậy quá tốt, quá tự tại. Khi không dùng thì không có, khi dùng nó sẽ đến.

Bố thí pháp tăng trưởng trí tuệ. Bố thí vô uý mạnh khoẻ trường thọ. Phật pháp hay quá, ta muốn cái gì là có thể đạt được cái đó. Chỉ cần ta hiểu được đạo lý hiểu được phương pháp. Như lý như pháp đi cầu, không có gì không đạt được.

Quý vị xem, cầu thành Phật, cầu đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có thể đạt được, thì việc nhỏ nhặt bình thường của thế gian mà kể gì! Ta cầu không được là do nghiệp chướng của mình, ta có thể sám trừ nghiệp chướng. Những gì ta cầu lập tức cảm ứng. Phật pháp có thể giải quyết mọi vấn đề cho chúng ta. Đây là nói vấn đề rất hiện thực vẫn có thể giải quyết.

Chúng ta học Phật, nghe giáo huấn của thầy, tôi đối với thầy không một chút nghi ngờ, khi hiểu rỏ tâm tự nhiên sẽ định, không còn sợ hải gì nữa. vọng niệm gì đều không cần nghĩ, nghĩ nó cũng vô dụng, nghĩ là sai lầm\_đừng nghĩ. Đến thời phải đến thì tự nhiên đến, còn không đến cầu cũng vô dụng. Thầy giáo yêu thương học sinh, Phật Bồ tát còn yêu thương hơn. Nên Chương Gia Đại Sư an tâm cho tôi, lúc tôi mới sơ học. Thầy nói phát nguyện suốt đời phụng hiến cho Phật pháp, thì một đời của ta có Phật Bồ Tát lo cho, mình không cần lo lắng gì. Tôi tiếp nhận, tôi tin tưởng, một chút cũng không hoài nghi. Thuận cảnh là Phật Bồ Tát sắp đặt, nghịch cảnh cũng là sắp đặt.

Sau đó học Hoa Nghiêm, đối với đạo lý này hoàn toàn minh bạch. Thuận cảnh quyết định không có chút gì tham luyến, bạn đã được đề cao. Nghịch cảnh không có chút nào sân nhuế, cũng đã được đề cao, đều là giúp bạn đề cao. Thiện Tài năm mươi ba lần tham vấn học đạo trãi qua việc luyện tâm, phải ở trong hoàn cảnh để tôi luyện. Không vượt qua rèn luyện sẽ bị đào thải, bạn có thể chịu được tôi luyện. Tôi luyện gì? Tôi luyện tham sân si mạn. Đặc biệt là tâm tham. Cái này là quan trọng nhất, là vấn đề căn bản. Trong thuận cảnh cần phải học không có tham luyến, ở chổ này tu thanh tịnh tâm. Trong nghịch cảnh không có sân nhuế, tu thanh tịnh tâm, những gì tu ở đây là chính xác. Tu điều gì? tu thanh tịnh, tu bình đẳng, tu giác ngộ. Năm chữ đằng sau trên đề kinh này chính là thành tựu thanh tịnh bình đẳng giác. Quả báo ở trước ta đạt được, quả báo là gì? Đại thừa. Đại thừa là trí huệ. Vô lượng thọ là đức hạnh. Trang nghiêm là tướng hảo, ta đều đạt được. Trang nghiêm rất quan trọng, trước mắt chúng ta, thân thể của mình là năm này mạnh khoẻ hơn so với năm trước, năm này vui hơn năm trước, năm này so với năm trước tự tại. Đây là gì? Là môn học quan trọng để độ hoá chúng sanh.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trong kinh nói có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Từ đâu mà có? Do tu mà có. Trong quá khứ, thời Đức Phật Phất Sa, ngài đã thành tựu. Sau khi thành tựu, phải dùng thời gian một trăm kiếp để tu tướng hảo. Vì sao? Phương tiện để tiếp dẫn đại chúng, không phải chính mình cần. Mọi người trong xã hội, nhìn thấy người có tướng hảo, họ đặc biệt thân thiết. Cho nên nói tướng hảo là một công cụ để mê hoặc chúng sanh. Nếu ta tướng mạo không tốt, rất xấu xí, mọi người nhìn đã thấy ghét muốn đi cho xa, thì còn có thể độ chúng sanh chăng?

Nhất định phải tướng hảo. Tướng hảo có thể nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Không Phải vì mình mà vì chúng sanh. Những điều này chúng ta không thể không biết. Đây đều thuộc về giúp chúng sanh diệt khổ, giúp chúng sanh được lợi ích. Người bây giờ họ thật sự không hiểu được, họ sống trong xã hội này và họ đang muốn những gì, *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”.* Trong đây có đạo lý có phương pháp, chứ không phải mù mờ đi tìm cầu, như một số người thắp hương cầu khẩn. Làm như vậy không đạt, nó có nhân quả. Phải biết tu nhân gì thì gặt quả đó.

Tôi đời này là hiện thân thuyết pháp cho mọi người. Tôi vừa mới nói, tôi không có tiền tài, túi tiền trống không . Nhưng bây giờ muốn làm việc gì đều không có vấn đề. Quý vị hỏi tôi có muốn làm việc không? Việc gì cũng không muốn làm. Tôi học Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ muốn dạy học, lên lớp giống như bây giờ. Tôi lên lớp dạy học như vậy, tôi bây giờ mổi ngày dạy bốn tiếng không vấn đề gì. Nhưng có vài người nói tuổi quá lớn, bốn tiếng không được, phải giảm bớt hai tiếng, Họ cảm thấy không kham nổi.

Nhưng bốn tiếng đồng hồ đối với tôi mà nói là vừa đẹp. Buổi sáng hai tiếng buổi chiều hai tiếng quá tốt, không mệt. Không lên lớp mà nói chuyện với người khác, chẳng phải là lảng phí thời gian như nhau sao. Nên trong mạng không có tiền tài thì đừng có tưởng nữa. Không có thọ mạng, thì thọ mạng kéo dài. Thọ mạng của tôi là 45 tuổi, nhưng hôm nay đã 84 tuổi. Tuổi thọ của tôi kéo dài hơn so với người khác. Ông Viên Liểu Phàm kéo dài tuổi thọ 21 năm, tôi vượt qua quá nhiều so với ông ta.

Sau khi học Phật đã minh bạch, chân tướng sự thật cũng đã rỏ ràng. Không có ý tham sanh, cũng không có ý sợ chết. Hiểu rỏ sanh tử, đây gọi là liễu sanh tử. Liễu là thấu đáo, thấu triệt. Thấu triệt sanh tử là sự việc ra sao, thấu triệt rồi. Thấu triệt thì phải làm việc thấu triệt, không thể làm việc hồ đồ. Thấu triệt đời này của chúng ta, thân thể tuy đã chết nhưng tinh thần không chết. Chúng ta đi về đâu? Quyết định cầu sanh Tịnh độ, như vậy mới đúng, còn đâu tôi cũng không muốn đi, tôi chỉ muốn đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc để làm gì? đi du học. Phật A Di Đà là thầy giáo, ở đó có thầy giỏi. Văn Thù, Quan Âm, Phổ Hiền, Thế Chí là bạn đồng học.

Ở trong hoàn cảnh đó tu học, trong một đời quyết định thành Phật viên mãn, viên mãn trở về tự tánh. Đây là những hy vọng tìm cầu trong từng mổi niệm của chúng ta. Sau khi thành Phật lại rộng độ chúng sanh, giống như Chư Phật Như Lai vậy, Lúc đó có năng lực có thần thông, biến pháp giới hư không giới, ở đâu chúng sanh có nạn là đến đó để giúp đở họ, thật sự được đai tự tại! Đây là sự thật, tuyệt đối không phải giả. Phật Pháp đối với những đạo lý này, nói rất rỏ ràng rất minh bạch. Đây là diệt khổ và hoàn toàn được lợi.

Người hiện nay nếu nói không cần Phật giáo, phản đối Phật giáo, đó là cự tuyệt. Tôi khổ bạn không cần lo, tôi chấp nhận tôi khổ, bạn có nhiều lợi ích tôi cũng không cần. Không phải như vậy sao? Đã cự tuyệt. Đây là người ngu không phải người thông minh. Thật như vậy thì anh ta cần phải chịu khổ, anh ta cần phải gặp khó khăn. Đức Phật ở bên cạnh đợi, ngày nào giác ngộ rồi thì đến tìm ngài, Ngài lúc nào cũng đợi. Chúng ta không tìm ngài, ngài không tìm chúng ta. Khi chúng ta tìm ngài có cầu tất sẽ ứng. Phật đối với tất cả chúng sanh là bình đẳng, không có hậu người này bạc người kia. Thật là “Thiên xứ kỳ cầu thiên xứ ứng”.

*“Hựu Quan Thế Âm, Đắc Đại Thế”.* Đắc Đại Thế chính là Đại Thế Chí Bồ Tát. *“Văn Thù Sư Lợi, Di Lăc Bồ Tát đẳng chư đại sĩ chi sở thừa, cố danh vi đại”.* Đây là cử ra các bậc đại nhân. Quan Thế Âm Bồ Tát, tất cả danh từ ở đây đều giống như một môn học trong trường học hiện nay. Họ mời một thầy giáo để làm tượng trưng, tượng trưng một khoa. Họ không phải là ai mà là Quan Thế Âm Bồ Tát. Người học pháp môn của Quan Thế Âm rất nhiều, tất cả là Quan Thế Âm Bồ Tát. Học pháp môn Đại Thế Chí, thì toàn bộ gọi là Đại Thế Chí Bồ Tát, nên Đại Thế Chí không phải một người, Quan Âm cũng không phải một người. Vậy chúng ta tìm người nào, nhất định đem danh tánh viết ở bên dưới. gì gì gì Quan Thế Âm Bồ Tát, như vậy mới được, không như vậy ta tìm không thấy.

Quan Âm Bồ Tát tượng trưng từ bi, đại từ đại bi, *“vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”.* Đây là tượng trưng cho Quan Thế Âm. Đại Thế Chí và Văn Thù Bồ Tát đều là tượng trưng cho trí tuệ. Trí tuệ của Văn Thù Bồ tát có thể có dụng. Đai Thế Chí là đặc biệt ở trên tác dụng. Chỉ có trí tuệ mới là thế lực lới nhất. Vì sao? Nó có thể giải quyết vấn đề. Trí tuệ giải quyết vấn đề không có hậu di chứng, nên có trăm lợi mà không có một hại\_trí tuệ giải quyết vấn đề. Di Lặc cũng tượng trưng từ bi, miệng lúc nào cũng tươi cười. Người ta làm tượng Bồ Tát Di lặc, tượng Bố đại hoà thượng. Bố đại hoà thượng khi lâm chung tuyên bố với mọi người, Ngài là Bồ tát Di Lặc tái sanh, nói rồi là đi. Đây là thật không phải giả, cho nên người xưa tạc tượng Di Lặc Bồ tát đều tạc giống Bố đại hoà thượng. Quý vị ngay lúc này ngàn vạn lần cần phải ghi nhớ rằng, xã hội bây giờ rất nhiều bịa đặt sanh sự. Nói người này là Phật gì đó tái sinh. Người đó là Bồ Tát gì đó tái sinh. Năm đó ở bên mỹ tôi nghe được rất nhiều. Nhưng thân phận bộc lộ họ lại không đi, vì đó là giả. Thân phận vừa bộc lộ, không kể mình nói hay người khác nói, đã nói ra họ lập tức đi ngay. Thật, không có một chút giả dối. Nói rồi không đi là giả không phải thật. Đây là một quy củ trong phật pháp. Quý vị phải hiểu để không bị dối gạt, không bị mắc lừa.

Nếu người khác đến nói bạn, bạn là Bồ tát gì đó tái sanh, nhưng bạn cũng đâu có đi. Nếu nói mà bạn lập tức chết thì đó là sự thật, nói rồi sao bạn còn sống ở đó. Không phải thật, là giả, gạt người. Phải hiểu điều này. Cuối cùng Phật pháp là thật hay giả, nên từ chổ này phân biệt. Nên nó đại biểu một pháp môn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học tâp đến đây.

# Tập 76

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn  
Biên tập: Bình Minh  
Giảng ngày: 11 tháng 07 năm 2010  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”,* trang 81hàng thứ năm, bắt đầu xem câu cuối cùng.

*“Hựu dĩ thử thừa năng tận nhất thiết chư pháp biên đệ cố danh vi đại”.* Chúng ta tiếp tục học đại thừa là gì? Lúc còn tại thế, Đức Thế Tôn giảng kinh giáo hoá suốt 49 năm. Mười hai năm đầu giảng A hàm là tiểu thừa, sau thời Phương đẳng là thuộc về đại thừa, nên quý vị có thể lãnh hội được. Trong 49 năm, mười hai năm giảng tiểu thừa. Tiểu thừa là cơ sở của đại thừa. Tiểu thừa thiên về giáo dục căn bản vững chắc, luân lý, đạo đức, nhân quả, Những thời giảng về tiểu thừa này vô cùng đầy đủ, là nền giáo dục rất hay dùng để phổ tế nhân gian.

Bây giờ chúng ta giảng về giáo dục quốc dân\_ giáo dục phổ cập, có thể làm nền móng cho một người, là điều kiện cơ bản để làm người. Nội dung lấy năm giới và thập thiện nghiệp làm căn bản. Ngũ giới thập thiện tuy thấy rất đơn giản, chỉ có vài điều, nhưng nếu triển khai nó dùng trong sinh hoạt hằng này. Quý vị xem tiểu thừa tứ quả tứ hướng, họ ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, biến thành ba ngàn oai nghi. Ta có thể có xem thường nó chăng?

Bây giờ chúng ta xem lại Đệ Tử Quy của Nho giáo, những năm gầm đây đã có một số người giác ngộ, siêng năng học tập và đạt được lợi ích chân thật. Tất cả nội dung văn tự chỉ nói một trăm mười ba việc. Hình như nói nhiều hơn ngũ giới thập thiện trong phật pháp. Ngũ giới thập thiện triển khai có ba ngàn điều. Một trăm mười ba điều này triển khai ra có thể ít hơn ba nghìn oai nghi sao? Làm sao để triển khai là do trí tuệ của chúng ta. Người ta nói *“Cử nhất phản tam, văn nhất tri thập”*, là đạo lý này.

Đại thừa Phật pháp nói, một lần nghe ngàn lần ngộ, tức là nói chúng ta học rồi thì làm sao để triển khai chúng? Ngạn ngữ nói: *“hoạt học hoạt dụng”*. Nếu biết ứng dụng thì mỗi ngày sẽ nghĩ đến nó. Hàng ngày suy nghĩ, hôm nay tôi từ sáng đến tối, sinh hoạt, làm việc, đối nhân xử thế, tiếp vật, đối chiếu từng cái từng cái. Chổ nào tôi làm được, chổ nào chưa làm được, như vậy từ từ sẽ phát hiện, một điều biến thành mười điều, mười điều biến thành một trăm. Có giới hạn không? Không có, thật sự không có.

Bồ Tát có thể đem mười thiện nghiệp biến thành tám vạn bốn ngàn điều, tám vạn tế hạnh. Là gì? là thập thiện nghiệp đạo. Điều này nói rỏ trí tuệ Bồ Tát, tâm của Bồ Tát, lớn hơn trí tuệ A la hán, cẩn mật hơn tâm của A la hán. Nên đó mới gọi là viên mãn! Thập thiện viên mãn là thành Phật. Vì sao? Biểu lộ tánh đức viên mãn. Tóm lại là phải biết dụng tâm, phải làm thật sự. Thật sự làm trong Phật pháp còn có oai thần bất khả tư nghị của Phật Bồ tát gia trì, tự nhiên đạt được cảm ứng, mới thật sự đạt được pháp hỷ sung mãn.

Hiện nay rất nhiều người học Phật thối chuyển, đây cũng bình thường. Một nghìn người học Phật, trong đó có một hai người không thối chuyển là quá tốt. Nên thối chuyển là hiện tượng bình thường. Vì sao họ thối chuyển? Người đó vì sao không thối chuyển? Điều này trong nhà Phật nói họ có nếm được pháp vị hay không. Nếu không nếm được pháp vị, lúc học sẽ rất cực khổ, lúc học có rất nhiều dấu hỏi trong đó. Gặp trắc trở, thối tâm là hiện tượng rất bình thường. Còn học rồi mà họ không thối tâm, luôn kiên trì là vì họ đã nếm được pháp vị.

Làm sao mới có thể nếm được pháp vị? người xưa nói rất nhiều, nói rất đơn giản và cũng nói rất rỏ ràng. Cái gì càng quan trọng thì càng đơn giản. Quý vị xem, Tam tự kinh chỉ có ba chữ “quý dĩ chuyên”. Thế xuất thế gian pháp đều coi trọng nguyên tắc này. Chuyên trong Phật pháp nói là tam muội. Chúng ta học “Vô Lượng Thọ Kinh”\_chuyên, nhất tâm định trên đó, thì những gì ta đạt được là niệm Phật tam muội. Học “Hoa Nghiêm Kinh”, nhất tâm định trong Hoa Nghiêm, đạt được Hoa Nghiêm tam muội. Nên nhất định phải ghi nhớ, trong Kinh Bát Nhã cũng chính là trong Kinh Kim Cang Đức Phật nói: pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Pháp môn này không chỉ định là pháp môn nào.

Hay nói cách khác, pháp môn này bao quát tất cả, bao quát tất cả Phật pháp. Trong bốn mươi chín năm thuyết pháp, Đức Thế Tôn thuyết bao hàm tất cả các pháp khác. Tất cả pháp của thế xuất thế gian đều ở trong đó. Ngài không có nói pháp môn bình đẳng không có cao thấp. Đây là ngoài pháp thế gian, ngài không có nói như vậy. Không có cách nói này cũng bao hàm trong đó.

Chúng ta thử nghĩ xem, nếu ta để tâm ở chỗ luận ngữ, nhất tâm chuyên chú nơi đó, thì có thể khai ngộ không? Có thể! Cũng là đạo lý này. Thời xưa, thầy giáo dạy học, lúc đó quan hệ thầy trò không như bây giờ. Thời đó thật sự có quan hệ thầy trò, bây giờ không còn, đạo nghĩa thầy trò không còn. Thầy đối với học sinh là trách nhiệm, trách nhiệm phải dạy học sinh đến lúc khai ngộ, thầy như vậy mới coi là hết trách nhiệm. Nhưng nếu học sinh không phối hợp, thì không còn biện pháp nào, nên tư chất của thầy là đạo. Xã hội bây giờ không còn nữa.

“Luận Ngữ” có thể khai ngộ, có thể đắc tam muội, có thể khai ngộ. Tân cựu ước của Cơ đốc giáo có thể khai ngộ chăng? Có thể! Kinh Hồi giáo có thể, bất cứ kinh nào cũng đều có thể, bất cứ bộ điển tịch nào đều giống nhau. Chỉ cần chúng ta thật sự hiểu được “chuyên”, chuyên về một môn. Huệ Năng Đại Sư biểu diển cho chúng ta thấy, Ngài không biết chữ, chưa đọc qua sách, nhưng ngài cũng đại triệt đại ngộ. Không biết chữ, không đoạc sách, cũng không thể nói ngài không có học. Ngài học gì? Nói cho quý vị biết, ngài học Kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang không học viên mãn, ngài chỉ học ở giữa có mấy câu, quý vị thấy có lợi hại không? Ngài chỉ chuyên chú nơi mấy câu đó mà đã khai ngộ.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh ghi mọi người đều xem qua. Ngài bán củi, sau khi bán hết củi, cầm tiền chuẩn bị đi. Đó là một nhà trọ nhỏ, Ngài vừa bước ra nghe trong đó có người đọc kinh. Ngài có thể nghe hiểu, nghe rồi cảm thấy rất có ý nghĩa. Sau đó bước vào gõ cửa, hỏi người ở trong. Bạn vừa mới đọc là gì thế? Người đó nói tôi đọc kinh Kim Cang. Ngài nghe rồi cảm nhận được, rồi Ngài đem những câu nghe được giảng giải cho Trương cư sĩ nghe. Nghe xong ông ta cảm thấy người này qúa tuyệt. Không biết chữ, cái gì cũng chưa học qua, chỉ tình cờ nghe mấy câu mà có thể thâm nhập nghĩa vị. Nghĩa là nghĩa lý, vị là pháp vị, ngài đã nếm được. Đương nhiên trong Pháp Bảo Đàn kinh không có ghi rỏ ràng như vậy. Chắc chắn rồi, ở đó nói rất hợp ý, nói đến nổi Trương cư sĩ bội phục lạy sát đất, và khuyên ngài đi đến Hoàng Mai để tham học.

Ngài rất đáng thương, ở nhà còn có mẹ già, mẹ con nương tựa nhau để sống. Ngày ngày nhờ vào việc bán củi để sống. Nếu ngài muốn đi đến Hoàng Mai học tập, vậy mẹ già ai nuôi? Những người bạn học Phật này tập trung một số người, mọi người góp tiền. Góp được mười hai lạng bạc đưa ngài. Sắp đạt việc gia đình xong, mới có thể yên tâm đi.

Vì sao Ngài có năng lực này, mà một số người như chúng ta không có? Điều này phải nói sao đây? Phải nói là do tâm thanh tịnh. Tâm của ngài thanh tịnh, không có tạp niệm, là người con hiếu. Trong mắt chỉ có mẹ. Mổi ngày lao động vất vả kiếm ít tiền để nuôi mẹ, ngoài điều này ra không có tạp niệm nào, đây là điều kiện thứ nhất. Điều kiện thứ hai là trung hậu thật thà, chúng ta gọi là tư tưởng đơn giản. Điều kiện thứ ba theo trong kinh phật nói thì ngài có thiện căn thâm hậu. Chỉ cần gặp được duyên, thiện căn này từ A lại da thức khởi dậy. Nên ở Hoàng mai tám tháng, kỳ thật Ngài đâu cần đến tám tháng. Tám tháng đó là Ngũ tổ Hoằng Nhẩn rèn luyện ngài, tu tám tháng khổ hạnh, trồng cội phúc. Trong Phật pháp phước huệ song tu, có huệ không có phước cũng không được.

Phước là gì? là làm phục lao, ngày nay chúng ta gọi là làm việc nghĩa. Ở trong đạo tràng tam bảo làm việc nghĩa là tu phước, do Sư phụ thiết kế cho ngài mà người khác không biết, nhưng ngài biết rỏ, ngài minh bạch. Tám tháng không được phép vào thiền đường, cũng không được đến giảng đường. Ngày ngày dã gạo bửa củi, chia cho ngài công việc này, làm suốt tám tháng. Người hiểu được thì biết đây toàn là thiền cơ. Người không biết, thì cho rằng ngài ở đó làm việc nghĩa, bây giờ gọi là làm công quả. Nhưng đến cuối cùng truyền pháp, Ngũ tổ Hoằng Nhẫn đã truyền pháp cho ngài, mà không truyền cho ai khác. Không có gì khác, mà quý ở chổ chuyên chú, chuyên nhất. Chổ này là nói đại thừa.

Đại thừa có thể cùng tận tất cả các pháp. Chư pháp có biên giới không? Không có biên cũng không có giới. Điều này ở trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đọc được, nó rất lớn, đó không phải nhỏ. Câu này trong đại thừa gọi là minh tâm kiến tánh. Đại thừa là từ trong tự tánh lộ ra ngoài. Tự tánh làm sao có thể chứng được. Trong đại thừa kinh giáo Đức Phật giảng rất rỏ ràng, buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm, sẽ nhìn thấy tự tánh. Mổi người đều có thể, không phải chỉ người nào đó có lợi. Nên Phật nói rất hay *“tất cả chúng sanh vốn là Phật”,* lại nói *“tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật”.* Vốn là như vậy rồi, chỉ cần ta chịu buông bỏ. Buông bỏ triệt để, không có một chút do dự nào. Tất cả chúng sanh buông bỏ chính là trở về. Do ba loại chướng ngại này, chướng ngại trí tuệ, chướng ngại đức năng.

Đức năng một số người gọi là thần thông, là diệu dụng của lục căn. Mắt, mở mắt nhìn thấy gì? Nhìn thấy biến pháp giới hư không giới. Chúng ta bây giờ cách một trang giấy là nhìn không thấy được\_là chướng ngại. Đây là gì? là bản năng tự tánh, khi chưa khởi vô minh. Huệ Năng Đại Sư giảng rất hay, vốn tự đầy đủ. Trí tuệ, đức năng, tướng hảo đều đầy đủ, không có thứ nào không đầy đủ. Vô minh khởi rồi có thể sanh vạn pháp. Nên vạn pháp đã sanh khởi rồi. Quý vị nhất định phải nhớ kỷ, không thể nói nó có, phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, là thật chứ không phải giả.

Tôi xem qua Kinh Bát Nhã mấy lần, viết ra mười hai chữ, là tổng kết của tôi. Trong sáu trăm quyển “Đại Bát Nhã” Đức Phật giảng những gì? Đức Phật giảng hai mươi hai năm. Trong đó tôi tổng kết lại mười hai chữ *“nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”*. Thực tế mà nói thì đây chính là trong kinh Kim Cang nói *“ phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”,* tất cả pháp đều có thể dùng, không thể có ý niệm khống chế, không thể có ý niệm chiếm lấy, đó gọi là diệu dụng. Khởi tâm động niệm tôi muốn chiếm lấy, muốn khống chế. Vậy là tạo nghiệp là sai lầm. Vì sao? Vì nó không phải thật. Không chiếm lấy được, vì nó sanh diệt trong từng sát na.

Chúng ta thấy Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát báo cáo với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rằng, một gảy móng tay có ba mươi hai ức một trăm ngàn niệm, cũng chính là nói hiện tượng dao động nó dao động rất vi tế. Trong một gảy móng tay tần số dao động bao nhiêu? Ba mươi hai ức một trăm ngàn cái. Trăm ngàn là đơn vị. Chúng ta dùng cách tính bình thường là ba trăm hai mươi triệu. Tần số của một cái gảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu. Đây gọi là vô minh.

Mổi cái hiện tượng dao động, đều đầy đủ ba loại chu biến. Chu biến pháp giới, xuất sanh vô tận\_đây là thật. Không chỉ là xuất sanh ở trước mắt chúng ta, khi lục căn chúng ta tiếp xúc hoàn cảnh này, không chỉ như thế. Như trong kinh Hoa Nghiêm giảng về Hoa Tạng Thế Giới. Trong “thế giới thành tựu phẩm” nói, trong một dao động cực kỳ vi tế thì toàn bộ xuất hiện, không có trước sau, gọi là nhất thời đều hiện, hiện thập pháp giới y chánh trang nghiêm, hiện cỏi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Hay nói cách khác là hiện thế giới Cực Lạc, hiện thế giới Hoa Tạng, toàn bộ ở trong một niệm đó. Khi không có niệm này, thì trong tự tánh không có hiện tượng này, hiện tượng gì cũng đều không có cả. Đây chính là vốn tự đầy mà ngài Huệ Năng nói.

Tịnh độ tông nói “thường tịch quang”, trong đó không có hiện tượng gì cả, nhưng ta không thể nói là nó không có. Vì sao? Vì nó có thể hiện. Chỉ cần một động nhẹ nó lập tức hiện. Lúc hiện ta không thể nói nó có. Vì sao? Vì sát na sanh diệt, nó rất nhanh, căn bản là không thể được.

Trong pháp tướng duy thức nói, giữa vũ trụ có gì? chỉ có thức. Gọi là duy thức, duy độc nhất chỉ có thức. Thức chính là A lại da, mà ngày nay giới khoa học gọi là ba tướng vi tế. Họ nói vật chất, năng lượng, tin tức chính là ba tướng vi tế của A lại da. Vì vậy không thể nói có, cũng không thể nói không, nên dùng thái độ nào để đối đãi? Dùng thanh tịnh bình đẳng giác. Như vậy cuộc sống chúng ta trãi qua là cuộc sống pháp thân đại sĩ của Chư Phật Như Lai, không còn giống nhau nữa. Đời này chúng ta có thể đạt được chăng? Đáp án là khẳng định. Chỉ cần chúng ta có thể y giáo tu hành, thì có thể đạt được. Vô lượng vô biên phương pháp, không chỉ có một. Nhưng bất cứ một phương pháp nào, đều phải chuyên chú, đây là mấu chốt. Phải kiên nhẫn miệt mài, chúng ta có thể đạt được. Còn thường xuyên thay đổi thì rất khó khăn. Thường xuyên thay đổi, thường chọn lựa đường đi, như vậy sẽ vô cùng khó khăn. Ta chỉ có một con đường, giống như một vòng tròn vậy. Chúng ta ở bất cứ điểm nào nơi vòng tròn, chỉ cần là cong xuống, cong xuống 90 độ, nhất định đạt đến tâm vòng tròn. Đến tâm vòng tròn là minh tâm kiến tánh, là tất cả đều thông đạt. Góc độ không đúng là sai, không đến được tâm của vòng tròn, thường đổi vị trí rất khó đến được tâm vòng tròn\_chính là đạo lý này.

Chúng ta học tập nhiều năm như vậy, những nguyên lý nguyên tắc này chúng ta đều hiểu rỏ. Bây giờ chỉ kém một chút là gì? Công phu chưa đủ. Thực tế nói là chư đủ chuyên chú. Nếu đủ chuyên chú, làm gì có lý không thành tựu! Chính là do chúng ta buông bỏ chưa đủ. Càng học là càng phải có tiến bộ. Từ đâu nhìn ra được? càng học buông bỏ càng nhiều. Như vậy chúng ta thật sự đã tiến bộ. Không còn có vọng tưởng, không còn có phân biệt chấp trước. Đây là công phu bước đầu. Lục căn ở trong cảnh giới của lục trần không còn khởi tâm động niệm. Công phu này thâm hậu rồi, không còn là công phu bình thường. Nên có thể cùng tận các pháp khắp cùng biên giới. Lời này cũng không phải giả, thật sự kiến tánh, đã nhìn thấy tự tánh. Tự tánh là cùng tận biên giới tất cả pháp. Tất cả pháp không có tận cùng biên giới.

Đại thừa trong câu này nói, minh tâm kiến tánh là đại thừa, trong pháp đại thừa, trong tất cả pháp, mục tiêu cuối cùng chỉ có một, đó là minh tâm kiến tánh.

Chúng ta niệm phật cầu sanh tịnh độ. Vì sao cầu sanh tịnh độ? Vẫn là vì minh tâm kiến tánh. Chúng ta nghiệp chướng sâu nặng, ở trên thế gian này tu hành, không thấy được tánh, cũng không minh được tâm. Phải làm sao? Đổi đạo tràng khác, đổi hoàn cảnh tu hành để đến thế giới Cực Lạc. Đến đó thân cận Phật A Di Đà. Ở trong hội Phật A Di Đà minh tâm kiến tánh. Chúng ta không thể không biết điều này!

Đến thế giới Cực Lạc không phải vì cái gì khác, chính là vì để minh tâm kiến tánh. Nếu ta có năng lực, ở đây minh tâm kiến tánh, thì đến hay không đến thế giới Cực Lạc đều không quan hệ gì. Đây đều là sự thật! Còn ở thế gian này nhìn không thấy, Chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta, đến bên đó sẽ dễ hơn. Cái đầu tiên có thể bảo chứng là thọ mạng vô lượng. Ở thế giới này thọ mạng quá ngắn. Tu học trong thời gian ngắn như vậy thành tựu không dễ. Nếu ta có thọ mạng vô lượng, thì đời này chắc chắn thành tựu. Vì thế vô lượng thọ là đức thứ nhất của Tịnh độ. Không có thọ mạng cái gì cũng không thể thành tựu. Điều đầu tiên là cần phải có thọ mạng, mới có thời gian học tập.

Chúng ta xem trước bên dưới. Lão cư sĩ tiếp tục nói với chúng ta, *“hựu Bát Nhã Kinh trung, Phật tự thuyết ma ha diễn vô lượng vô biên, dĩ thị nhân duyên cố danh vi đại”*. Ma ha diễn là tiếng phạn, phiên dịch thành chữ Hán ý nghĩa là đại thừa. Đích thực vô lượng vô biên này là sự thật.

Trong kinh Bảo Tích nói: *“Chư Phật Như Lai chánh chân chánh giác sở hành chi đạo, bỉ thừa danh vi đại thừa”.* Chánh là không tà. Không lệch lạc, không tà gọi là chánh. Chánh chân, chân tức là không giả, giác là không mê. Phá nhất phẩm vô minh kiến nhất phần pháp thân. Bên trên là những pháp thân đại sĩ, trong Hoa Nghiêm kinh nói, Hoa Nghiêm là viên giáo, là sơ trú bồ tát trở lên, chính Thiên Thai Đại Sư nói “ phân chứng tức Phật”. Tri kiến của họ, ngôn hành của họ, chính là chổ này nói chánh chân chánh giác, lộ rỏ tánh đức viên mãn.

Trong kinh có thuật ngữ gọi là pháp nhĩ như thị. Pháp nhĩ như thị tức là hoàn toàn tự nhiên, không có một chút nào miễn cưỡng. Tự nhiên, nó là như vậy. Đây chính là đại thừa. Trong kinh điển đã nói cho chúng ta biết những ý nghĩa của đại thừa. *“Dĩ thượng kinh luận minh đại thừa giả, duy Như Lai dữ đại Bồ tát năng thừa, đại giả sở thừa cố, hựu sở thừa chi đạo, thị Chư Phật Như Lai chi sở hành, sở thừa giả đại, cố danh đại thừa”.* Đây là dẫn kinh điễn làm căn cứ, Đức Phật trong 49 năm, ở các địa phương khác nhau, các hội thuyết pháp khác nhau nói ra. *“Hựu thử đại giả, đương thể dắc danh, thường biến vi nghĩa, thể vô biên nhai, tuyệt chư đối đãi, hoành cai thập phương, thụ thông tam thế, quá khứ vô thỉ, vị lai vô chung. Vô hữu nhất pháp tiên chi, duy thử tiên ư chư pháp”.* Đây là giảng về thể của đại thừa.

*“Đại thừa pháp đương thể dắc danh”.* Thể ở đây là ý gì? là hai chữ thường biến. Thường là vĩnh hằng, chúng ta thường nói bất sanh sất diệt. Biến là châu biến pháp giới, nó không lúc nào không có, không chổ nào không có. Nó là bản thể của tất cả pháp. Tất cả pháp từ nó biến hiện ra. Nó là tự tánh. Thực tế mà nói nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, không phải cái gì cả. Nhưng tất cả các pháp đều từ nó mà sanh, từ nó mà hiện.

Chúng ta muốn dùng một ví dụ để so sánh, nhưng tìm không thấy. Ví dụ cũng có thể ví dụ phảng phất thôi, không có cách nào ví dụ đến chân thật. Trong quá trình học tập của chúng ta, thường lấy màn hình ti vi để làm ví dụ. Màn hình hoàn toàn sạch sẽ, không có gì cả. Nó cái gì cũng không phải. Nhưng khi chúng ta nhấn kênh, nó liền hiện hình tướng. Âm thanh sắc tướng toàn bộ đều hiện ra. Trên màn hình ti vi này, có thể có vài trăm kênh, nội dung vô cùng đa dạng phông phú. Chúng ta không nhấn vào kênh thì cái gì cũng không có. Đây là tự tánh, ta không thể nói nó không có. Là vốn tự đầy đủ mà Ngài Huệ Năng nói. Sau khi bấm vào kênh thì “năng sanh vạn pháp”. Tất cả những hình ảnh này không có một chút nào, dù nhỏ như vi trần rời xa màn hình, đều không có. Rời xa màn hình thì nó không thể hiện, nó hiện không ra, nhất định phải nhờ màn hình này, kể cả không gian.

Chúng ta nói thời gian không gian, đều từ trong màn hình này thị hiện ra. Không có màn hình này, thời gian không gian đều không có. Trong kinh thường nói tất cả pháp. Trong Phật pháp dùng trăm pháp làm tượng trưng. “Bách Pháp Minh Môn Luận” của Pháp tướng tông. Đem tất cả pháp quy nạp thành một trăm loại này. Mổi loại đều là vô lượng vô biên, đều là vô số vô tận. Để phương tiện giáo nên dùng phương pháp quy nạp này.

Phàm phu chúng ta bị cảnh giới này mê hoặc, nên cứ cho là thật. Ở trong đó khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước. Như vậy là phiền phức, đã mê muội trong đó, càng mê càng sâu, không dể gì giác ngộ. Có nhiều căn rất nhạy bén, vừa tiếp xúc là giác ngộ, nó lập tức hồi đầu. Đây không phải là công phu tu hành trong một đời một kiếp. Phải tu hành trong nhiều kiếp, mới có thể khởi một chút tác dụng. Trên lý luận nói rất đơn giản. Lý luận làm tăng trưởng tín tâm của chúng ta. Mê hay ngộ chỉ trong một niệm. Một niệm buông bỏ là giác ngộ, chính là niệm này buông không được.

Tôi ý niệm gì đều cũng không có, ý niệm gì đều không có là đang lạc vào trong vô minh\_vẫn là không được. Nên thế gian này không ít người tu hành, công phu không tệ, có thể tu đến trời phi tưởng phi phi tưởng\_Vô sắc giới. Cho rằng mình đã nhập một nữa niết bàn, cho rằng mình đã kiến tánh. Vì sao? Vì họ không có bất cứ ý niệm nào. Thật là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hoàn toàn không có. Đây không phải kiến tánh sao? Thật ra họ đã ngộ nhận, họ chưa thật sự buông bỏ. Nhưng cho thấy đạt được như vậy cũng không đơn giản.

Đi trên con đường rẽ, bước vào con đường mê, mà cho rằng chánh đạo. Đến khi mất định công, phiền não khởi hiện hành. Lúc này như thế nào? Lúc này họ phỉ báng Phật báng Pháp báng Tăng . Phật lừa tôi, nói tôi tu hành buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước sẽ kiến tánh. Tôi kiến tánh rồi sao còn khởi phiền não? Đây là ngộ nhận, đi sai đường. Vô minh mà cho rằng tự tánh. Làm sao phân biệt những cảnh giới đó?

Cảnh giới trong trời vô sắc, cho đến vô tưởng thiên trong tứ thiền thiên, đều là cảnh giới tương đồng. Niệm là không còn nữa, giống như phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm đều không còn. Nhưng là sao? Tâm là định rồi, không biết đến sự việc bên ngoài\_mê mà không giác, đây không phải là thật. Thiền định thật sự không phải như vậy. Thật sự thiền định, tâm phải định, nhưng cảnh giới bên ngoài vẫn rỏ ràng minh bạch\_giác mà không mê, đó là chánh đạo\_chánh chân chánh giác.

Những gì ta giác ngộ được, làm sao mới biết nó là chánh chân? Đức Phật Thích Ca giảng kinh điển này, là một tiêu chuẩn. Cảnh giới mà chúng ta giác đó, chúng ta xem lại lời dạy của Đức Phật Thích Ca, nếu hoàn toàn tương đồng, thì giác của chúng ta là chánh chân chánh giác. Còn nếu giác của ta không giống Đức Phât Thích Ca Mâu Ni là sai. Đó là tà giác không phải chánh giác\_chúng ta đã sai. Nên sau khi khai ngộ, kinh điển là chứng minh, làm chứng cứ, Phật Phật đạo đồng. Khai ngộ mới thật sự thành Phật. Kim Phật và cổ Phật đều không có chút sai biệt nào. Nên Kim Phật giống như cổ Phật tái sanh, đây là ý nghĩa của Như Lai.

Chúng ta khi chưa khai ngộ, đọc kinh là tu định. Còn khi chưa khai ngộ, đọc kinh là để đối chiếu. Cảnh giới tôi vào có gì sai lầm không? Tác dụng không như nhau. Vậy chúng ta phải nghĩ, mục đích đọc kinh là được định, nên phải đọc như thế nào? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, đọc kinh để tu định cũng là một pháp môn. Đọc một cách cung kính, đọc bộ kinh này từ đầu đến cuối, nếu phân lượng của kinh ít, ta đọc thêm vài lần, đọc hết bắt đầu đọc lại. Như vậy thời gian tu định sẽ dài ra. Còn nếu phân lượng lớn như Pháp Hoa hay Lăng Nghiêm, thì một ngày một biến. Biến này đọc cho kỷ cho thuần thục cũng cần sáu tiếng, phân lượng lớn.

Hoa Nghiêm là bộ kinh lớn, bình thường đọc kinh Hoa Ngiêm một ngày đọc tám tiếng. Nếu đọc chậm, thì vừa gõ mõ vừa đọc từng chữ từng chữ. Một bộ Kinh Hoa Nghiêm, khoảng hơn một tuần mới tụng xong. Lúc tụng phải cung kính đọc từng chữ từng chữ, nhất định không thể nghĩ ý nghĩa trong kinh. Nếu xen vọng tưởng vào sẽ mất định, nhưng đọc kinh là để tu định. Cũng là giới định tuệ hoàn thành một lúc, đây gọi là niệm tụng. Không thể nghĩ đến ý nghĩa, không có ý nghĩa. Dùng phương pháp này để diệt trừ vọng niệm. Một ngày có thể định vài giờ, không có vọng niệm, tu học như vậy vài năm, vọng niệm tự nhiên không còn. Đến lúc vọng niệm không còn, thì kinh cũng không cần phải đọc nữa. Là phương pháp!

Vọng niệm có thể không khởi tác dụng một thời gian dài, sẽ giác ngộ. Không kể là duyên gì, vừa tiếp xúc là hoát nhiên đại ngộ, có loại công hiệu này. Nên tánh thể là không sanh không diệt, châu biến pháp giới, pháp giới ở trong đó, nó lớn hơn sovới pháp giới. Trong kinh Lăng Nghiêm có một ví dụ, lấy tự tánh ví dụ với hư không, đem hư không ví dụ với một đám mây. Đám mây đó ở trong hư không, thì hư không lớn hay đám mây lớn? Qua ví dụ này Đức Phật dạy, hư không ở trong tự tánh, như mây ở giữa hư không. Tự tánh là thật sự của chính mình, phải biết rằng học Phật là trở về với tự tánh. Thể không có bến bờ, thể là tự tánh, tuyệt chư đối đãi. Câu này qua trọng. Đối đãi là gì? là đối lập.

Hôm nay chúng ta nói tương đối, không có tương đối. Hôm nay nhìn không thấy tánh, đây cũng là chướng ngại nghiêm trọng. Vì sao? Chúng ta khởi tâm động niệm đều là đối lập. Đối lập với người, đối lập với sự việc, đối lập với thiên điạ vạn vật.

Chư phật Bồ tát không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, nên không có ý niệm đối lập. Chúng ta muốn thành tựu, từ chổ này hạ thủ, cũng là một cánh cửa rất tốt. Trong kiến hoặc, đây là năm loại lớn. Thân kiến rất khó đoạn. Biên kiến\_ hạ thủ từ nơi biên kiến. Biên kiến là đối đãi, chúng ta cần phải học. Nhưng ở đây cần có căn cứ lý luận. Vì sao chúng ta có thể không đối lập với tất cả pháp? Trước tiên chúng ta phải khẳng định, tất cả pháp với ta là nhất thể, nên không thể đối lập. Cách nói của nhất thể này, khi phật giáo chưa truyền vào Trung Quốc, các vị tổ tông đã nói. Trong “Lão Tử” nói qua, thời của Lão Tử Phật pháp còn chưa truyền vào Trung quốc. Lão tử nói thiên địa với ta đồng căn, vạn vật với ta nhất thể. Trong Hoàn Nguyên Quán không phải nói như vậy sao?

Quý vị có thể nói Lão tử không phải Phật? vậy ông ta làm sao có thể nói ra được lời này? Có thể nói ra lời này, vậy ông ta còn đối đãi sao? Không còn. Xác thực trong mắt ông ta biến pháp giới hư không giới ở trong nhất thể, tánh đức mới hiện ra. Tất cả chúng sanh với ta là một thể. Chúng sanh này tạo tội nghiệp, ai đang tạo? Ta đang tạo. Chúng sanh đó đang tu thiện, ai đang tu thiện? Ta đang tu thiện. Tâm chúng ta đối đãi với tất cả chúng sanh khẳng định là thanh tịnh bình đẳng giác. Tuyệt đối sẽ không khởi tâm động niệm, rỏ ràng minh bạch.

Tu thiện giúp họ tăng trưởng. Tạo ác phải dùng phương tiện thiện xảo giúp họ hồi đầu, ta sẽ không trách cứ họ. Chúng ta có trí huệ, có phương tiện thiện xảo giúp họ hồi đầu. Cũng như trên thân thể chúng ta, chúng ta đều biết thân thể chúng ta là do tế bào tích tụ mà thành. Tế bào là những nguyên tử, phân tử, điện tử, càng nói càng nhiều. Nếu tế bào của chúng ta có một bộ phận biến thành độc bệnh. Nếu vậy thì sao? Chúng ta làm sai việc, chúng sanh làm sai việc, tự tánh mê muội, nó biến thành độc bệnh. Biết rằng chúng ta là nhất thể, nên giúp đở họ hồi phục bình thường, thì không có chuyện gì nữa, không nên trách cứ họ.

Dùng phương pháp nào giúp họ trở về bình thường? là giáo hoá. Chư Phật Như Lai ngày ngày đang giáo hoá. Thế giới cực lạc chưa từng gián đoạn giáo hoá. Thế giới Hoa Tạng cũng đều như vậy. Từ từ dạy, siêng năng dạy, đều sẽ hồi đầu. Nếu không dạy, họ sẽ tuỳ nghiệp lưu chuyển, họ sẽ trở thành hư. Người xưa nói *“gần mực thì đen gần đèn thì sáng”.* Một người có thể không bị hoàn cảnh làm phiền, đó là Thánh nhân, chứ không phải là phàm phu. Phàm phu nhất định bị hoàn cảnh ảnh hưởng. Đây cũng là nguyên nhân vì sao chúng ta chọn đến thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc hoàn cảnh tốt, thuần thiện không có ác. Cho nên chúng ta tập khí ác có sẵn, đem đến thế giới Cực Lạc là đới nghiệp vãng sanh. Ở đó không có ác duyên, nên tuy có ác tập khí nhưng không phát tác, không có ác duyên. Sống ở đó thời gian dài lâu, tự nhiên tập khí ác này không còn nữa. Tập khí ác, tập khí ác nguyên thuỷ của nó là bốn đại phiền não của A lại da. Có thể nói là nguyên thuỷ tập khí, nên nó sanh ra đầy đủ. Nó xuất hiện từ khi nào?

Hoàn Nguyên Quán nói, từ nhất thể khởi nhị dụng. Khi khởi nhị dụng là đã có, đã sanh khởi. Mạt na là tứ đại phiền não thường tương tuỳ. Ngã kiến chính là ngã chấp, chấp trước thân này là tôi. Ngã ái\_tham, ngã mạn\_ sân nhuế, ngã si\_tham sân si. Tham sân si với ta đồng thời khởi dậy, mê rồi. Đây là độc bệnh sớm nhất của tự tánh, nên Đức Phật gọi đây là tam độc phiền não, minh tâm kiến tánh không còn nữa. Minh tâm kiến tánh là gì? là chuyển phiền não thành Bồ đề, chuyển thức thành trí. Mấy câu bên dưới dể hiểu:

*“Hoành cai thập phương, thụ thông tam thế. Quá khứ vô thỉ, vị lai vô chung, vô hữu nhất pháp tiên chi”.* Nó ở trước, không có pháp nào ở trước nó cả. Nó là tự tánh. *“Duy thử tiên ư chư pháp”.* Ý này rất lớn. Trong Hoàn Nguyên Quán nói, tự tánh là thể thanh tịnh viên minh, nó rất lớn.

*“Như phó đại sĩ kệ, hữu vật tiên thiên địa, vô hình bổn tịch liêu, cố cưỡng danh vi đại”.* Phó đại sĩ cũng là người tái sanh. Truyền thuyết rằng, ông ta là hoá thân của Di lặc Bồ tát ở nhà cư sĩ, thị hiện và tu hành chứng quả. Vị của hai câu này gần giống với Lão tử. Vật có trước thiên địa. Vật ở đây là gì? là tự tánh. Nó vô hình, vật này không có hình. Cũng như hiện nay chúng ta nói, nó không phải vật chất, cũng không phải là tinh thần. Nó không phải cái gì cả. Lục căn không tiếp xúc được, đến nghĩ cũng không đến. Lục căn tiếp xúc không được gọi là tịch liêu, thanh tịnh tịch diệt. Cưỡng danh, miễn cưỡng đặt cho nó cái tên gọi là đại. Những cái này tất cả là nói tự tánh.

Hay nói cách khác, từ trong tự tánh mà lộ ra, đây gọi là đại thừa. Pháp đại thừa ra từ tự tánh, và trở về với tự tánh. Đây là chính mình, không phải ai khác. Như Kinh Niết Bàn nói: *“Sở ngôn đại giả, danh chi vi thường. hựu vân sở ngôn đại giả, kỳ tánh quảng bác, do như hư không. Kim thử kinh trung đại thừa nhị tự, chánh dụ thị tâm thị phật, thị tâm tác phật chi tịnh tông đệ nhất nghĩa đế”.* Trong tất cả kinh điển đều nói về tự tánh. Nên bộ kinh này cũng không rời tự tánh.

Hoàng lão cư sĩ lấy đại thừa trong kinh làm ví dụ, đó là nhân pháp dụ trong kinh. Chư kinh lập đề không ngoài ba nguyên tắc này. Trong bộ kinh này cũng cụ túc hữu nhân, bên dưới sẽ nói đến. Đại thừa là ví dụ, thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật. Tâm này là chân tâm. Chúng ta dùng chân tâm tức làm Phật, chân tâm là Phật, vốn là Phật. Dùng chân tâm đó là bạn đã làm Phật. Dùng vọng tâm đó là phàm phu.

Vọng tâm có khởi tâm động niệm. Vọng tưởng phân biệt có chấp trước. chân tâm không có. Tâm của chúng ta bây giờ là chân vọng hoà hợp. Vọng tâm không rời xa chân tâm, nó từ chân tâm biến hiện ra. Vì sao gọi là vọng? Vì nó mang theo vọng tưởng phân biệt chấp trước. Trong chân tâm không có vọng tưởng phân biệt chấp trước. Nó từ khởi tâm động niệm biến hiện ra. Ngày nay gọi là độc bệnh, tế bào này mang theo độc tố.

Nếu chúng ta có thể buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, chúng ta không dùng thứ này, tôi chỉ dùng chân tâm, như vậy chúng ta sẽ trở lại trạng thái bình thường. Tâm chân chánh hiện nay gọi là tâm bồ đề.

Trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta xử sự đối nhân tiếp vật, dùng tâm chân thành là đúng. Tâm chân thành là chân tâm, là Phật, là Phật tâm. Thật không phải giả, “thành tắc bất hư”. Dùng chân tâm đối với chính mình, dùng chân tâm đối đãi người khác. Dùng chân tâm đối với người khác là sao? Thanh tịnh bình đẳng giác là đối với chính mình. Đối với người khác thì từ bi, từ bi không có điều kiện. Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Vì sao không có điều kiện? Vì tự nó là nhất thể, nhất thể thì không có điều kiện. Nên từ bi này, trong từ bi là chỉ chân thành. Chân thành từ bi, thanh tịnh từ bi, bình dẳng từ bi, chánh giác từ bi. Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ tát, đối với tất cả chúng sanh là dùng tâm từ bi này.

Chúng ta cần phải nhớ, chúng ta cần phải học tập, chân thành từ bi, thanh tịnh từ bi. Thanh tịnh không có ô nhiễm, chân thành không phải hư giả, trong bình đẳng không có cao thấp, trong chánh giác không có mê hoặc. Từ bi tức là tình thương. Tình thương như vậy mới gọi là thuần chân thuần thiện, không có một ly một tí tác dụng phụ nào. Có thể dùng tâm này tức là Phật Bồ Tát. Bồ đề tâm không phát là phàm phu, không ra khỏi lục đạo, không ra khỏi mười pháp giới. Bồ đề tâm vừa phát, không những vượt ra ngoài lục đạo, vượt ra ngoài mười pháp giới. Nên điều kiện cơ bản đầu tiên của đại thừa là phát bồ đề tâm. Tâm bồ đề không phát, không phải đại thừa.

Nhưng pháp môn tịnh độ của chúng ta là đại thừa giáo, không phát bồ đề tâm, niệm Phật cả đời cũng không thể vãng sanh. Điều này quan hệ trọng yếu! Làm sao biết được. Quý vị xem, trong kinh này ba đời vãng sanh. Nguyên nhân chính của vãng sanh trong hai phẩm có nói, bất luận là thượng bối trung bối hạ bối. Cho đến tu tập các pháp môn khác, Từ Châu Pháp sư phán định chắc chắn vì nhất tâm tam bối. Tức là bất cứ pháp môn nào, ta chỉ dùng bồ đề tâm mà tu, đem công đức hồi hướng cầu sanh về tịnh độ, như vậy là tất cả được sanh.

Pháp môn thế giới Cực Lạc rộng lớn không có cái nhìn lệch lạc. Bất luận tu pháp môn nào, cho đến tu học các tông giáo khác. Chỉ cần lúc lâm chung đem công đức tu học hồi hướng cầu sanh tịnh độ, toàn bộ đều có thể đi. Thật quá tuyệt!

Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, chúng ta phải học. Học dùng đại từ đại bi xử sự đối nhân tiếp vật. Tâm địa này phải thường phản tỉnh, xem thanh tịnh hay không thanh tịnh? Sao gọi là không thanh tịnh? Trong đó có thất tình lục dục là không thanh tịnh. Nó bình đẳng không? Trong đó còn có cao thấp là không bình đẳng. Không thanh tịnh không bình đẳng, là mang theo mê hoặc, là không giác.

Từ đây mà biết, sách của các bậc cổ đức dạy không thể không học. Đặc biệt là kinh sách Phật. Vì sao? Chỉ có thường thường đọc kinh, thường thường nghe giảng, mọi người cùng nhau chia sẻ, hổ tương động viên. Hảy tìm tâm bồ đề của chúng ta ra, bởi vì bồ đề tâm rất quan trọng. *“Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”,* đây là điều kiện tất yếu của tam bối vãng sanh. Hạ bối trung bối thượng bối, tất cả đều là nhất hướng chuyên niệm phát bồ đề tâm. Nên không phát bồ đề tâm là không được. Chúng ta có lúc nhìn thấy, rất nhiều ông bà già niệm phật và thật đã vãng sanh. Lúc chết đoan tướng hy hữu, biết trước giờ đi. Đứng như vậy chết, ngồi như vậy chết. Họ không biết cái gì gọi là tâm bồ đề, có hỏi họ cũng không biết. Họ chỉ biết niệm A Di Đà Phật, còn không biết gì là tâm bồ đề. Tỷ mỷ quan sát khởi tâm động niệm, đối nhân tiếp vật của họ, họ thật sự bồ đề tâm. Họ đối nhân rất bình đẳng, rất từ bi. Chúng ta quan sát kỷ càng sẽ phát hiện được. Còn chúng ta hỏi họ bồ đề tâm là gì họ không hiểu. Họ không biết cái gì là tâm bồ đề. Họ dùng chân tâm, tâm thành khẩn để đối nhân. Cho nên họ có thể vãng sanh.

Chúng ta cẩn thận quan sát người vãng sanh, họ có ngạo mạn không? Họ có tự cho mình hơn người không? Người có tâm này không thể vãng sanh. Niệm Phật có tốt hơn nữa cũng không vãng sanh được. Điều này chúng ta không thể không hiểu. Chúng ta phải đem những tập khí này buông bỏ tất cả, đây là nghiệp chướng. Phải thường phản tỉnh, cẩn thận quan sát. Tôi tiếp vật đối nhân có gì sai sót chăng? Có sai sót, nhưng tự mình phát hiện sẽ không còn nữa. Mọi người cũng không nói cho ta biết. Vì sao? Vì nói ra mà chúng ta không tiếp nhận, sẽ kết oán thù với chúng ta. Như vậy thì hầ tất nói với chúng ta.Thầy giáo đối với học sinh cũng không nói.

Tôi ở Đài Trung, theo thầy Lý mười năm, tôi nhìn thấy thầy đối với học trò. Có học sinh thầy đối với họ rất dữ, có đánh có mắng. Có một vài học sinh, thầy đối với họ rất khách khí, phạm sai làm gì, thầy nhác cũng không nhắc nữa, chúng tôi cảm thấy rất lạ. Thời gian lâu thì thấy hoài nghi! Hoài nghi này bị thầy biết được. Khi không có ai, thầy tìm tôi và nói với tôi. Bạn nhìn thấy có phải là rất hoài nghi không? Dạ có. Thầy nói với tôi, người như thế nào nên nói, người như thế nào không nên nói? Có thể tiếp thu mới nên nói, nói đến mức độ nào? Phải biết họ có thể tiếp thu đến mức độ nào. Đây gọi là quán căn cơ, đây là học vấn, đây là công phu. Họ phải chịu học, phải nghe lời, đối với thầy phải thật cung kính, như vậy mới thật dạy.

Còn tâm cầu học chưa đến mức độ này, nếu nói với họ thì trước mặt phục tùng sau lưng chống đối. Thầy cảnh giác được, nên đối với họ phải có chừng mực. Phạm một vài sai lầm thầy sẽ không nói. Vì sao? Vì không kết oán thù với người khác. Nếu họ sanh oán hận, thì oán hận đó tương lai họ oan oan tương báo, mấy cũng không xong, hà tất phải kết oán với họ? Cứ để họ sanh tâm hoan hỷ, từ từ sẽ học tập theo. Lâu ngày, có thể họ sẽ giác ngộ. Nên hoá độ chúng sanh phải khế lý khế cơ. Cơ là căn cơ, nhất định phải biết. Phật độ người hữu duyên. Nếu đó là học sinh tốt, đối với thầy cung kính thì có đánh cũng đánh không đi. Sao lại đi? Vị thầy đó phải hết sức dạy họ. Nói vài câu đã không vui, thầy sẽ không để ý đến họ, cũng không nói gì thêm với họ. Nên chúng ta nhìn thấy thầy giáo đối với những học sinh này ứng xử không giống nhau. Như vậy mới hiểu cần phải học tập.

Hiện nay, trong thời đại này, đi đâu để tìm một học sinh, ngày ngày gây phiền phức mà vẫn vui vẽ theo mình, tìm không thấy! Đi đến đâu để tìm.

Tôi còn nhớ một công án trong Thiền Lâm Bảo Huấn, tôi quên tên rồi. khoảng ba bốn mươi năm trước đọc qua, Tôi cũng đã từng giảng qua, chỉ giảng qua một lần. Có một người xuất gia, thân cận một vị hoà thượng. Lão hoà thượng nhìn thấy người bạn trẻ này thì không vui. Nhưng người này ngày nào cũng đến nghe giảng kinh, nghe rất chăm chỉ. Lão hoà thượng vô duyên vô cớ, anh ta cũng không phạm gì sai, nhưng cứ trách mắng quát tháo anh ta. Nhưng anh ta vẫn cung kính, vẫn không đi. Lão hoà thượng kêu người đuổi anh ta đi, kêu anh ta sau này đừng đến. Bị đuổi rồi, đuổi đi, nhưng trên thực tế không đi. Mổi lần anh ta đều đứng ngoài cửa sổ để nghe kinh, không để Lão hoà thượng nhìn thấy, nhưng vẫn nghe. Vài năm sau, Lão hoà thượng lớn tuổi, phải truyền pháp. Anh ta vẫn trốn ở ngoài cửa. Lão hoà thượng kêu truyền pháp, truyền cho ai? Đi ra ngoài cửa, đem anh ta vào và truyền cho anh ta, lúc này mọi người mới vỡ lẽ.

Đây là vì sao? Vì anh ta có những phiền não tập khí, cần phải dùng phương pháp hành hạ, để anh ta tiêu nghiệp chướng. Nên cổ nhân đặc biệt tuyển chọn người truyền pháp vô cùng cẩn thận, vô cùng nghiêm khắc. Vì pháp này truyền qua nhiều thế hệ, từ đời này sang đời khác. Bây giờ không còn nữa.

Bây giờ dùng phương pháp này của cổ nhân, người trẻ tuổi chịu không nổi, không thể tiếp nhận. Cho nên pháp đã bị đoạn, pháp đã bị diệt. Hiện nay yêu cầu điều gì? là tự động tự phát. Bây giờ người thật sự phát đại tâm rất ít, quả là hiếm thấy. Đây là sao? Đối với nhận thức về pháp này, họ không quen, không biết pháp này là tốt. Chúng ta ở trong xã hội này, tâm mình có thể không thay đổi sao? Xem nặng danh lợi, thì nhân tâm lập tức thay đổi.

Chúng ta học Phật, học đến cuối cùng rồi sao? Khó khăn thất vọng, học đến không ai để ý đến chúng ta. Cuộc sống của chính mình đều không thể bảo chứng. Lúc này phải làm sao? Ta còn học không? Cần phải kiên trì. Người này khẳng định vãng sanh thế giới Cực Lạc để làm Phật. Nếu trong hoàn cảnh này, ta thối chuyển, thì sẽ lưu chuyển trong lục đạo luân hồi. Lúc này có thể kiên trì, đây không phải là chuyện đơn giản. Chúng ta nếu không ở trong pháp này, thưởng thức pháp vị chân thật này. Thực sự lý giải, thật có tâm từ bi. Sau khi học xong, giúp đở tất cả chúng sanh đau khổ, nối Phật huệ mạng. Họ sẽ duy trì không được, tâm họ sẽ thay đổi, nhưng không phải là việc dể dàng.

Không thể chịu tận cùng khổ nạn, chịu hết hành hạ, và chịu tận cùng sĩ nhục, giống như nhẫn nhục tiên nhân vậy, gặp Ca Lợi Vương cắt thân thể, tín tâm bất thối, ông ta đã thành Phật. Ca Lợi Vương giết ông ta, và ông ta thành Phật. Câu chuyện này ở trong kinh Đại Bát Niết Bàn nói rất tường tận. Thật sự biết được điều này là tốt. Trên thế giới này có tìm cũng tìm không thấy nữa. Nó thật sự giúp chúng ta thoát ly luân hồi lục đạo. Thật sự có thể giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng vô thỉ kiếp. Nên kinh điển được gọi là Pháp bảo. Chúng tôi có thể nói, chỉ có bảo này mới là thật, còn những bảo của thế gian đều là giả, không phải thật. Chúng ta phải có nhận thức này. Tôi không có sai lầm chút nào, như vậy là thật sự giải quyết vấn đề.

Hình như là tháng trước, có bạn đồng tu, tôi không nhớ là ai, tặng tôi một cuốn sách. Chính là cuốn sách này, cuốn sách Khải Tán Quân Đoàn. Tôi xem rồi, và học hỏi được rất nhiều. Việc này là thật không phải giả. Quân đoàn này là hai ngàn một trăm năm trước, La Mã Khải Tán đại đế phái ra. Để làm gì? muốn chinh phục Trung Quốc. Từ La Mã xuất phát đến Trung quốc, đi bộ đi suốt ba năm, đến hành lang Hà Tây, bây giờ là Cam túc. Đi đương dài như vậy, lúc đó chỉ có đi bộ, không có công cụ giao thông, không có xe. Ba phần hai là cởi binh cởi ngựa, còn ba phần một là bộ binh. Khi đến Trung Quốc, người chết trên đường hết khoảng ba phần một. Khi đến Tân Cương, ở đó cũng đánh mấy trận, chết rất nhiều người. Khi đến hành lang của Hà Tây quân đội hơn mười vạn người, còn lại khoảng hơn một vạn người. Qua mấy lần chiến tranh đến cuối cùng thì toàn quân hoàn toàn bị tiêu diệt. Chỉ còn lại hơn hai trăm người, toàn bộ tự sát\_ hai ngàn một trăm năm trước.

Hồn quỷ trong quân đoàn này, bây giờ là cô hồn dã quỷ, rất sôi nổi. Điều này nói cho chúng ta biết một sự thật như thế nào? Thân có sanh diệt, nhưng linh hồn không diệt. Vậy chúng ta biết linh hồn không chết\_thân có sanh tử, linh hồn bất tử. Chúng ta phải làm sao mới có thể tính toán thay cho cái bất tử đó. Thân sanh tử chưa quan trọng. Còn sau khi chúng ta chết đi về đâu? Đây mới là vấn đề lớn. Sau khi chết, đương nhiên thù thắng nhất là đến thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Hôm nay chúng ta đi con đường này, đây là con đường vô cùng quang minh.

Đến thế giới cực để làm gì? Giống như Huệ Năng Đại Sư gặp Ngũ tổ vậy. Tôi đến làm Phật. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc là để nhìn thấy Phật A Di Đà. Còn bạn đến làm gì? Tôi đến làm Phật. Phật A Di Đà nhất định rất hoan hỷ. Nên phải nhớ, niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc để là gì? Đi làm Phật. Không phải làm Phật người ta không nhận bạn. Nhưng ta vừa nói tôi đến để làm Phật, đây gọi là bồ đề tâm đã phát đầy đủ rồi, thật đã phát bồ đề tâm. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc đi làm Phật.

Trước đây thầy Lý dạy chúng tôi, nói với chúng tôi những người trẻ tuổi thông minh này cần phải có mắt trước sau. Nhìn thấy quá khứ, nhìn thấy vị lai. Quá khứ ở trong lục đạo luân hồi tạo vô số tội nghiệp. Bây giờ chúng ta nhìn thấy thế giới Cực lạc, vậy tương lai chúng ta phải chọn con đường này. Trong cuộc đời này, cái gì cũng đều có thể buông bỏ. Tôi nhất định đi trên con đường này đến cùng, đi đến thành công, như vậy là chúng ta hoàn toàn đúng. Cần phải học vô lượng pháp môn, đến thế giới cực lạc tiếp tục học.

Hôm nay tất cả tinh lực thời gian, tất cả đều đặt ở nơi việc cầu sanh tịnh độ, quyết định thành công. Đại kinh đại luận đều muốn học, pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Nên trước đây tôi thường giảng về tứ hoằng thệ nguyện. Chúng ta bây giờ đang tu hai điều trước. Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, cái này cần phát. Phiền náo vô tận thệ nguyện đoạn, chúng ta cần phải làm điều này. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Hai nguyện này lưu đến thế giới cực lạc. Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, và hoàn thành hai nguyện này, chắc chắn!

Bây giờ chúng ta lợi dụng khoa học kỷ thuật cao, chúng ta dùng mạng internet, dùng truyền hình vệ tinh. Tôi thấy tương lai cách nhìn của tôi không vượt qua được năm năm. Mạng lưới của mạng tiến bộ quá nhanh, so với vệ tinh thì càng phương tiện hơn. Giá thành vệ tinh cao, mạng internet rẻ hơn, giá thành ngày càng thấp. Bất luận ở chổ nào trên thế giới, chúng ta dùng công cụ này, đều giống như cùng nhau học tập vậy. Đây là một chuyện tốt.

Người giảng kinh ngày càng ít, nhưng công cụ đã này bù đắp. Nhưng vẫn hy vọng người thật sự phát tâm, siêng năng giảng dạy, để tục Phật huệ mạng, chánh pháp cửu trú. Điều này nhờ vào ai? Ta kỳ vọng dựa vào bất cứ ai cũng dựa không được. Dựa vào chính mình. Chúng ta được không? Chỉ cần chúng ta phát tâm là được. Vì sao? Chư Phật Như Lai gia trì chúng ta. Ta không phát tâm, các ngài muốn gia trì cũng không gia được. Thật phát tâm mới thật gia trì.

Thực tế nói, chúng ta có năng lực gì? Bất luận là ở đức hạnh hay học thuật, so với người xưa thì kém quá xa! Đây là thật không phải giả. Nhiều năm như vậy ở trên bục giảng, cùng học tập với mọi người. Hoàn toàn đều là tam bảo gia trì. Tôi nói thật với mọi người. Tam bảo vì sao gia trì tôi? Vì không ai làm, tôi phát tâm làm. Nếu chúng ta phát tâm làm, quý ngài sẽ gia trì chúng ta, họ phát tâm làm, Phật sẽ gia trì họ. Phật rất công bằng , ai thật sự phát tâm thì được các ngài thật sự gia trì. Trong đây có một điều là Phật Bồ tát gia trì chúng ta, nhưng chướng ngại lớn nhất của ta là danh văn lợi dưỡng.

Có danh văn lợi dưỡng lẫn lộn vào trong đó, thì sức mạnh phật gia trì không còn nữa. Chỉ cần chúng ta viễn ly danh văn lợi dưỡng, thì sức mạnh gia trì vô cùng rỏ ràng, vô cùng mạnh mẽ. Cho nên phát tâm là được.

Bây giờ trong kinh hai chữ đại thừa là ví dụ “*thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật”.* Đây là đệ nhất nghĩa của Tịnh độ tông. *“Năng niệm chi tâm, bổn lai thị Phật, thị năng thừa giả đại. Khởi tâm niện Phật, niệm niệm tác Phật,cố sở thừa giả đại”.* Hai câu này là tinh tuý của Tịnh độ tông, chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Tín tâm của Tịnh độ tông là từ chổ này kiến lập.

Trung Phong Thiền Sư, trong khai thị nơi Tam thời hệ niệm, có hai câu nói rất hay, *“ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm”\_*tâm tôi tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm tôi\_với lời này ý nghĩa hoàn toàn tương đồng, khi nghe càng thân thiết hơn. Ở đây tức là tịnh độ, Tịnh độ tức là ở đây. Vì sao? Tâm tịnh tức cỏi tịnh độ của Phật. Tâm mình tôi thanh tịnh, tâm người khác không thanh tịnh. Đây vẫn là Tịnh độ chăng? Là tịnh độ.

Tâm ta thanh tịnh, thì ở nơi đây cũng cảm thấy là tịnh độ. Vì sao? Cảnh tuỳ tâm hiện. Tâm ta thanh tịnh không thể chuyển cảnh giới, như vậy nói rỏ tâm của ta chưa thật sự thanh tịnh. Thật thanh tịnh thì thật chuyển được cảnh giới. Phật Thích Ca lúc còn tại thế, Chúng ta thấy ngài ở cũng như chúng ta, hoàn cảnh giống nhau. Nhưng trên thực tế thì sao? Trên thực tế ngài ở Tịnh độ, mà chúng ta nhìn không thấy. Phàm phu chúng ta nhìn thấy Đức Phật Thích Ca, buổi tối ở dưới góc cây nghĩ ngơi thiền toạ. Dưới góc cây trãi một ít cỏ. Dùng cỏ làm thành chổ ngồi, ngài ở nơi đó ngồi thiền. Bồ tát nhìn thấy không phải vậy, Bồ tát nhìn thấy Đức Thế Tôn nhìn trên bảo toạ Kim Cang, chứ không phải ngồi ở dưới đất.

Cuối cùng ai nhìn thấy mới là thật? Đều là thật, đều không phải là giả. Bảo toạ đó của Đức Thế Tôn, là trong tâm của ta hiện ra. Tâm ta thanh tịnh, thì nhìn thấy bảo toạ. Còn tâm không thanh tịnh thì nhìn thấy toà bằng cỏ. Nói rỏ thật là cảnh từ tâm hiện, một chút cũng không giả, nên chúng ta tin tưởng. Thân thể không tốt, không sao. Bây giờ giới khoa học nói với chúng ta so với Phật pháp hoàn toàn thống nhất, chỉ cần điều chỉnh tâm, bệnh của bạn sẽ lành.

Trung quốc có một vài thầy Trung y nổi tiếng, trong lúc họ chẩn đoán trị liệu, nói với chúng ta, bệnh trị lành, nhưng 70% là bệnh tâm. Y dược khởi tác dụng chỉ có thể chiếm 30%. Cho nên tâm thái lành mạnh, thì bệnh rất dễ trị. Tâm thái nếu không tốt, thì dù thần tiên cũng trị không lành. Không phải tâm thái người khác có thể chuyển được bạn, là chính mình chuyển mình. Điều này rất quan trọng. Cho nên chúng ta tin tưởng, ta tâm thái tốt, trên thân không có bệnh gì. Tâm thái chúng ta tốt, thì ngay ở chổ này, sơn hà đại địa ở đây sẽ không xảy ra thiên tai. Vì sao? Hoàn cảnh cũng tuỳ tâm chúng ta mà chuyển.

Hiệp hội của chúng ta, mấy ngày nay mời tâp họp một số bạn đồng đạo chí hợp tâm đồng. Mọi người cùng nhau siêng năng tu Lục Hoà Kính. Mục đích là gì? Mục đích đối với chính mình mà nói là thân tâm mạnh khoẻ, gia đình hoà hợp, sự nghiệp thuận lợi, vạn sự như ý. Còn có một tác dụng càng lớn, là Hongkong, Quảng Đông, giải đất của khu vực này không có thiên tai. Tâm thái này của chúng ta vừa chuyển, sẽ sản sanh sức mạnh lớn như vậy. Quý vị xem, tự độ và cũng đã độ người. Tự cứu cũng chính là cứu cả khu vực này. Đây là mê tín chăng?

Trước đây một số người nghe rồi cho là mê tín, bây giờ có khoa học chứng minh. Hôm qua có một bạn đông học tải trên mạng một bài nói về sự việc này. Qúa hay! Là do các nhà lượng tử học nói. Chúng ta có thể tin tưởng, chúng ta có thể tiếp nhận. Nên ở dưới nói*: “hựu năng tu giả, tức thị tâm thị Phật chi tâm. Sở tu giả, tức thị tâm tác Phật chi tâm. Năng tu sở tu, chỉ thị nhất tâm, tức tâm tức phật, tâm Phật bất nhị”*. Đây đều là trong kinh giáo Đức Phật dạy chúng ta.

Chúng ta học nhiều năm như vậy, đối với kinh giáo có tín tâm. Vì sao? Phật pháp thù thắng công đức lợi ích, chúng ta đã đạt được, một chút cũng không thật. Thầy không gạt tôi, nói với tôi, học Phật là hưởng thọ cao nhất của đời người, và tôi đã đạt được. Càng lớn tuổi càng tự tại.

Sang năm, tôi học Phật đã 60 năm. Sang năm là tròn 60 năm. Giảng kinh 53 năm. Tôi học Phật bảy năm là ra giảng kinh, giảng kinh dạy học. Cả đời chưa từng thay đổi phương hướng, chính là học Đức Thế Tôn. Đức Phật Thích Ca thị hiện cho chúng ta là thầy giáo tư thục. Vì ngài không có chính thức tổ chức trường lớp\_Thầy giáo tư thục. học sinh của ngài rất đông. Trong kinh điển chúng ta thường nhìn thấy, một nghìn hai trăm năm mươi lăm người đệ tử tuỳ tùng. Không phải tuỳ tùng thì cũng lâm thời đến, tôi nghĩ không dưới số người này. Nên ngài rất vui vẻ, nhiều người như vậy theo ngài học tập. Pháp duyên thù thắng, pháp hỷ sung mãn. Nên ngài càng dạy càng cao hứng. 49 năm chưa có một ngày nghĩ ngơi.

Sau khi Phật điệt độ, cho đến bây giờ ảnh hưởng rất lớn, ảnh hưởng đến toàn thế giới. Chánh pháp cữu trụ, nối Phật huệ mạng dựa vào thời đại của chúng ta. Thật sự phát tâm và phải thật sự làm.

Ngày nay Phật giáo trên thế giới có sáu loại hình thái. Chúng ta phải nhận thức rỏ ràng, con đường chúng ta đi là giáo dục của Đức Thế Tôn. Chúng ta học Phật, là tiếp thu giáo dục của Ngài. Chúng ta học được cái tốt của giáo dục, và phát tâm đem giáo dục xưng tánh của Đức thế Tôn, cần phải phát dương quang đại, phổ độ chúng sanh. Như vậy chúng ta nhất định phải học Đức Thích Ca Thế Tôn. Tôi thành tựu rồi, phải giảng kinh, cần phải giáo hoá. Đi đến đâu để giảng? đến gia đình mọi người giảng. Gia đình của họ có một hai người, một hai người đó là thính chúng của tôi.

Mổi tuần không cần quá nhiều, quá nhiều người ta sẽ phiền chúng ta, không thích, rồi đuổi ta đi. Một ngày, cố định một tuần một ngày, chúng ta đến vài nhà. Thứ hai đến nhà ông Trương, thứ ba đến nhà ông Lý. Chúng ta mổi ngày đều luyện giảng, từ từ sẽ giảng thành công. Những thính chúng này giúp đở chúng ta. Có thể giảng một bộ kinh giống nhau. Quý vị xem, một tuần bảy nhà. Một tuần có thể giảng bảy lần giống nhau, rất tốt! Có thể duy trì ba năm, căn cơ của chúng ta vững vàng. Sau khi giảng xong mời thính chúng góp ý. Phải khiêm tốn tiếp nhận. Sau khi giảng xong, tiếp tục nghiên cứu thảo luận, chia sẽ. hiệu quả rất thù thắng.

Ngày trước chúng tôi ở Đài Trung học kinh giáo, là dùng phương pháp này. Nên phải kết thiện duyên với các Phật tử, vì sao? Để họ cho tôi đến nhà giảng pháp\_kết pháp duyên. Thầy giáo cũng không còn cách nào khác. Liên xã thư viên, giảng đường đều là một. Các bạn cùng học giảng kinh khoảng hơn hai mươi người, như vậy làm sao phân phối? Giảng đường thì phân phối giảng kinh. Một năm khó khăn lám mới phân đến một lần, cho nên thời gian rất ít. Quá ít, bữa đực bữa cái, học cũng không được gì. Công việc này cần phải ngày ngày làm. Ngày ngày làm mới kết được nhiều thiện duyên, đến nhà các bạn đồng tu đi giảng. Thật vậy, kiên nhẫn sẽ thành công.

Mấy câu này vô cùng quan trọng *“năng tu sở tu, chỉ thị nhất tâm, tức tâm tức Phật, tâm Phật bất nhị. Hựu khả vân, năng tu giả, tức thị tâm thị Phật chi Phật. Sở tu giả, tức thị tâm tác Phật chi Phật. Tự Phật tha Phật, chỉ thị nhất Phật, tự tha bất nhị. Tự tha uyển nhiên, năng sở bất nhị, tu chứng bất vô, siêu tình ly kiến, cường danh vi đại”.* Mấy câu này ý nghĩa rất sâu. Nhưng mổi câu đều là lời chân thật. *“Năng tu, xác thực thị tâm thị Phật chi Phật”,* Phật ở đây là ai? Là chính mình. *“Năng tu, thị tâm tác Phật chi Phât”. “Thị tâm thị Phật chi Phật”* là tự tánh Phật của chúng ta. Tự tánh của ta vốn là Phật, như bây giờ đang mê, mê muội tự tánh, cho nên phải “sở tu*”. “Sở tu, thị tâm tác Phật chi Phật”,* hôm nay điều quan trọng nhất đối với chúng ta là làm Phật, ta vốn là Phật, hiện tại lại muốn làm Phật.

Quý vị nghĩ xem, chúng ta có thể làm Phật chăng? Có thể. Vì sao? Chúng ta vốn là Phật. Tại sao chúng ta không thể làm Phật? Thánh phàm đều ở trong một niệm. Một niệm giác tức là Phật. tôi hôm nay dựa vào cái gì để giác? Nhờ vào Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Chỉ cần chúng ta không bỏ rơi Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, thì kinh này sẽ giúp ta giác. Chúng ta hằng ngày đều học tập, chính là giúp chúng ta giác ngộ. Không cần tìm phiền phức khác, bộ kinh này là được. Nhưng thật sự muốn thành tựu, thì nền tảng phải vững vàng, như cổ nhân vậy, khó được! Từ nhỏ đã phải nắm vững căn cơ này. Đời này của chúng ta, và ở trên mấy đời đều sơ suất việc này.

Chúng ta nhất định phải đem Đệ tử quy, Cảm ứng thiên, Thập thiện nghiệp. Thập thiện nghiệp có thể dùng trích bản in giản lược của tôi, vô cùng đơn giản. Trích của tôi chỉ có khoảng hơn sáu trăm chữ. Khi in ra tôi thấy chỉ vừa một trang giấy, là “Thập *Thiện Nghiệp Đạo Kinh Tiết Bổn*”.

Trước đây, Ngẩu Ích Đại Sư cũng có một bản in giản lược, thích hợp dùng trong thời đại đó. Còn bản in giản lược của tôi thích hợp dùng trong xã hội bây giờ. Nên chúng ta chỉ cần có nền tảng của Đệ tử quy và Cảm ứng thiên. Trong cảm ứng nói về quả báo thiện ác, tất cả nói một trăm chín mươi lăm sự việc. Trong Đệ tử quy có một trăm mười ba sự việc. Trước tiên là học thuộc nó, sau đó thường thường kiểm điểm khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta. Đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện. Rồi tiếp tục học Thập thiện nghiệp đạo, như vậy thì không khó chút nào.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

**HẾT TẬP 76**

# Tập 77

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn  
Biên tâp: Bình Minh  
Thời gian: Ngày 12 tháng 07 năm 2010  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”*, trang 82 hàng thứ nhất. Ta bắt đầu xem từ câu cuối cùng ở bên dưới.

*“Hựu khả vân, năng tu giả, tức thị tâm thị Phật chi Phật. Sở tu giả, tức thị tâm tác Phật chi Phật”.* Hai chữ Phật này có gì sai biệt chăng? Chúng ta đem hai chữ Phật này giải thích rỏ ràng trước. “Thị tâm thị Phật” là tự tánh. Tự tánh chính là Phật, Phật chính là tự tánh. Nên từ trên tự tánh mà nói, thì trong kinh Hoa Nghiêm Đức Thế Tôn giảng nhiều nhất, *“nhất thiết chúng sanh bổn lai thị Phật”.* Nhất thiết chúng sanh ở đây không phải chỉ riêng chúng ta. Mỗi người đều là Phật, không phân nam nữ già trẻ, giàu nghèo sang hèn đều như nhau.

Phật nói chúng sanh, nghĩa góc của hai chữ chúng sanh này, hiện tượng chúng duyên hoà hợp mà sanh khởi gọi là chúng sanh. Động vật là chúng duyên hoà hợp, Khoáng vật cũng là chúng duyên hoà hợp. Bao gồm cả sơn hà đại địa, cây cỏ hoa lá. Không có thứ gì không phải là Phật, đây gọi là “thị tâm thị Phật”. Vì sao? Tất cả vạn pháp trong toàn thể vũ trụ là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Tâm đã là Phật rồi, thì còn có cái gì không phải Phật! Đây tức là bổn lai thị Phật. “Thị tâm thị Phật” chính là bổn lai thị Phật chi Phật. Tuy vốn là Phật nhưng vì hiện tại chúng ta đang mê, làm mất tự tánh. Lạc mất tự tánh nên gọi là chúng sanh, gọi là phàm phu. Phàm phu và Phật không có gì sai biệt, chỉ là mê ngộ bất đồng. Phàm phu giác ngộ là Phật, chính là đạo lý này.

Nên ở dưới “thị tâm tác Phật”, là phàm phu hồi đầu. Tôi bây giờ muốn làm Phật, nên đây là “thị tâm tác Phật chi Phật”, đó là chúng ta bây giờ. Ta bây giờ muốn làm Phật, có thật được thành Phật không? Thật. Vấn đề là tâm niệm này nó không thể lâu dài. Bây giờ đang nghe kinh nghe pháp, thì tâm này không tệ, tôi phát tâm làm Phật. Nhưng ý niệm sau nó lại đoạ lạc vào trong phàm phu. Vấn đề là ở đây. Nếu hiện tại tâm làm Phật này vĩnh viễn bảo trì, thì Phật bây giờ và thị tâm thị Phật ở trước là tương ưng, hợp thành một. Như vậy chúng ta thật đã thành Phật. Lời này không phải lời nói chơi, sự thật này hoàn toàn chính xác. Nếu bạn hỏi tôi có thể thành Phật Chăng? Bạn không cần hỏi người khác, hảy hỏi chính bạn, có phải thật sự muốn thành Phật chăng? Thật sự muốn thành Phật, thì làm gì có chuyện không thể thành Phât?

Trong đại thừa giáo, Đức Phật thường nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Thật vậy, tâm tưởng cái gì là hiện ra cái đó. Nếu chúng ta nghe hiểu lời này, thật sự rỏ ràng, thật sự minh bạch. Chúng ta sẽ nghĩ như vậy, ta sẽ từng niệm nhớ Phật A Di Đà, mổi niệm nhớ thế giới Cực Lạc. Tưởng thế giới Cực Lạc thì thế giới Cực Lạc sẽ hiện tiền. Tưởng A Di Đà Phật thì Phật A Di Đà với chính mình sẽ tương ưng. Thật giống như Trung Phong Thiền Sư nói “ Tâm tôi tức A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm tôi”. Tôi và A Di Đà Phật là một không phải hai. Trong tất cả chánh niệm, đây là chánh niệm thứ nhất. Bạn muốn hỏi, phải nghĩ bao lâu tôi mới có thể biến thành A Di Đà Phật?

Điều này trong kinh Di Đà nói vô cùng cụ thể. Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật cho đến nhược thất nhật. Xưa nay các vị tổ sư đại đức dạy, bậc thượng căn lợi trí một ngày là thành tựu. Người căn cơ kém độn bảy ngày cũng có thể thành tựu. Còn nghĩ bảy ngày vẫn chưa thành tựu, thì lời trong kinh nói có tính chăng? Trong kinh nói là thật. Nhưng “thất”\_bảy\_có hai loại giải thích. Một là chữ số\_bảy ngày. Cái thứ hai là biểu pháp. Biểu pháp gì? Thất đại biểu viên mãn. Thất có nghĩa là gì? Đông- tây- nam- bắc- thượng- hạ- ở giữa gọi là thất, cho nên viên mãn. Số liệu viên mãn này không nhất định, nhưng đây là nói theo cách thông thường.

Chúng ta nhìn trên sự tướng, từ “Vãng Sanh truyện” mà nhìn, từ “Tịnh Độ Thánh Hiền Lục” mà nhìn. Từ cổ chí kim chuyên niệm A Di Đà Phật, họ niệm bao lâu là có thể biết trước giờ chết tự tại vãng sanh? Tuyệt đại đa số là ba năm. Ba năm này tức là bảy ngày. Thất tượng trưng cho viên mãn, nó viên mãn. Nếu ba năm chưa đủ, thì năm năm khẳng định thành tựu. Thật vậy, không phí quá nhiều thời gian. Vấn đề chính là chuyên nhất, phải chuyên tâm, phải nhất tâm thì thành Phật không khó. Buông bỏ vạn duyên, nhất tâm chuyên chú. Chúng tôi tin rằng mổi người tuyệt đối không quá ba năm sẽ thành tựu được thế giới Cực Lạc.

Khi thật sự thành tựu được, nhưng thế gian này còn cần chúng ta, cần ta làm gì? Cần ta mang theo vài chúng sanh đến thế giới Cự Lạc, giúp Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sanh. Chúng ta với chúng sanh có duyên, chúng sanh tin tưởng và chúng sanh đồng ý nghe chúng ta, như vậy là có duyên.

Nếu chúng ta đã thành tựu, duyên niệm Phật vãng sanh thành tựu. Còn không có duyên, người học Phật rất đông, mọi người không tin tưởng, không nghe ta khuyến cáo. Lúc này ta có thể đi, công đức độ hoá chúng sanh được coi là viên mãn, là đạo lý này vậy. Cho nên thất là một chữ rất linh hoạt, chứ không phải là cứng nhắc. “Thị tâm tác Phật chi Phật”, thân hiện tại này của chúng ta, tâm vọng tưởng bây giờ. Thị tâm ở trước là chân tâm, tâm này là vọng tâm.

*“Tự Phật tha Phật, chỉ thị nhất Phật”.* Ở đây nói “tha Phật” là tự tánh. “Tự Phật” là nói tự thân hiện tại của chúng ta, tự tha bất nhị. Tuy đang mê, mê rồi thì thân tướng này từ đâu đến? Vẫn là do tự tánh hiện. Ly khai tự tánh không có pháp nào có thể đắc. Chúng ta thường nghe trong đại thừa giáo nói “sanh Phật bất nhị”. Sanh là chúng sanh, tất cả chúng sanh. Phật là tự tánh, cũng chính là nói tánh tướng bất nhị. Tự tánh là Phật của “thị tâm thị Phật”. Bây giờ chúng ta hiện tướng này, tướng này là Phật của “thị tâm tác Phật”, nói như vậy mọi người sẽ dể hiểu. Tự tánh là năng hiện năng sanh, hiện tượng là sở hiện sở sanh. Năng sở bất nhị, như vậy sẽ dể hiểu.

*“Tự tha bất nhị, tự tha uyển nhiên. Năng sở bất nhị, tu chứng bất vô”.* Tu là gì? Là làm thật tu thật. Thật sự buông bỏ vạn duyên, thật sự thành tâm niệm Phật. Đây gọi là tu. Công phu tu phải đến nơi, công phu thành tựu là đã chứng đắc. Nên có tu có chứng. Tu chứng này là nói về cái gì? Nói đầy đủ trong bốn chữ: Tín- giải- hành- chứng. Trong chữ tu đã bao quát ba điều, có thể tin, có thể hiểu, có thể hành. Trong chữ tu bao quát ba việc này, và đằng sau là có thể chứng. Chứng là chứng quả. Chúng ta đối với pháp môn Tịnh độ, có thể tin, có thể nguyện. Thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh độ.

Làm thật, làm thật là nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, như vậy mới thật làm. Đức Phật đến tiếp dẫn vãng sanh thế giới Cực Lạc tức là chứng quả. Tịnh Độ tông chứng quả là vãng sanh. Tín- giải- hành- chứng, nên chúng ta phải siêng năng thực hành nó. Trong “Hoàn Nguyên Quán” nói “oai nghi hữu tắc”. Vì sao? Thực hiện nó chính là độ chúng sanh. Chúng ta không chiếu theo quy cũ mà làm, có thể tự độ, không vấn đề gì. Nhưng không thể lợi tha. Tịnh độ tông là đại thừa, mà đại thừa không bỏ chúng sanh, niệm niệm đều muốn giúp đỡ chúng sanh. Niệm niệm đều có tâm thành tựu cho chúng sanh, chính là ý niệm này. Tất cả là vì giúp chúng sanh.

Giúp đở họ, nhưng có duyên hay không là vấn đề của chính họ. Chúng ta ngày nay không có thần thông, nên không biết chúng sanh với Phật có duyên hay không. Nhưng chúng ta có thể thành thật quy củ, đem tín- giải- hành- chứng mà mình tu chứng thể hiện cho họ thấy. Nếu có duyên họ sẽ tin tưởng, có thể được độ ngay đời này. Còn nếu không có duyên cũng là cơ hội để họ trồng chút ít thiện căn. Họ nhìn thấy hình tượng này của chúng ta. Có câu *“nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng”.* Nhìn thấy là “lịch nhãn căn”. Nghe thấy là “lịch nhĩ căn”. Trong A lại da đều đã trồng chủng tử của Phật, đều là trồng thiện căn. Tuy đời này họ đang mê hoặc, vẫn không tin tưởng.

Công đức thiện căn này không thể nghĩ bàn. Vì sao? Trong kinh nói, thiện căn này gọi là chủng tử kim cang, vĩnh viển không hư hoại. Họ tạo nghiệp thì thọ báo, họ tạo thiện nghiệp thì tam thiện đạo thọ báo. Họ tạo ác nghiệp thì tam ác đạo thọ báo. Lúc nào họ đối với quả báo trong lục đạo, cảm thấy chán ngấy ghét bỏ. Thì chủng tử Phật pháp trong A lại da của họ sẽ hiện hành, sẽ khởi tác dụng. Chỉ cần chủng tử này khởi tác dụng, chỉ cần họ nghĩ đến Phật, niệm đến Phật, Phật sẽ hiện tiền. Đức Phật từ bi đến cực điểm. Nên đời sau , nhất định nhân này trong A lại da rụng xuống chủng tử này, họ sẽ được độ. Quý vị nói công đức này có nhiều không?

Pháp thế gian, pháp thế gian là nói lục đạo. Tất cả công đức trong lục đạo đều không so sánh được công đức thù thắng này. Nên chúng ta hãy thể hiện một con người học Phật cho mọi người xem, sẽ tích công đức rất lớn. Người xuất gia không được, như vậy sẽ phá giới, tạo tác chủng chủng ác nghiệp. Họ mặc lên bộ y phục này, cạo trọc đầu, ra bên ngoài đi một vòng. Quý vị biết, họ có thể để bao nhiêu người trồng chủng tử Phật vào trong A lại da thức? Điều này người khác làm không được, nhưng người này đã thật sự tích đức. Nhưng nếu anh ta tạo ác thì sao? Tạo ác đương nhiên có ác báo, điều này khẳng định rồi. Nhân quả của chính mình thì nhất định phải tự mình gánh vác. Mặc dù họ có đoạ trong ác đạo, nhưng khi gặp thiện tri thức họ sẽ hồi đầu rất nhanh.

Hình như trong “Thái thượng cảm ứng thiên”, có một công án, nói về một người xuất gia. Không giữ thanh quy, tạo sát đạo dâm vọng. Nhưng sư huynh của ông ta tu hành rất nghiêm chĩnh, đương nhiên anh ta không thể hoà hợp với sư huynh, và nghĩ cách hại sư huynh. Có người đem tin này nói với sư huynh anh ta. Sư huynh anh ta liền bỏ trốn trong đêm. Trốn vào trong thâm sơn dể tu hành. Ở trong núi không ra và tu hành rất tốt. Người xuất gia tạo ác nghiệp này, qua vài năm thì chết. Sau khi chết đoạ vào đường súc sanh, đoạ vào đường súc sanh biến thành một con hổ, đầu thai làm hổ. Trước đây một cô gái phát sinh quan hệ với anh ta, và một người đứng giữa giúp họ liên lạc cũng là một cô gái. Hai người này cũng đều đoạ lạc. Một người đầu thai làm heo, một người đầu thai làm chó. Và gặp được vị sư huynh trước đây của người đoạ làm hổ. Sư huynh này tu rất tốt, sư huynh tu không tệ và rất có đạo hạnh. Có một hôm nhìn thấy lão hổ, muốn ăn con heo và con chó này. Sư huynh biết, vừa nhìn đã rỏ ràng, lập tức ngăn ngừa, gọi tên của nó. Anh vẫn còn tạo ác sao, đời trước anh hại người, đời này sao lại còn muốn giết họ? Khi con hổ này vừa nghe, nó thật sự đã giật mình tỉnh lại, ngoan ngoãn không nhúc nhích. Sư huynh của nó nói với nó, anh tự tạo nghiệt phải thọ quả báo. Anh phải lo tu hành, niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Lão hổ nghe lời và từ ngày đó không ăn thịt mà ăn chay. Sau khi ăn chay hầu như đói gần chết, và nó thật đã vãng sanh.

Còn con heo và con chó này cũng có linh tánh, cũng biết hối hận ăn năn, nên ở trong chùa theo đại chúng tu hành.

Chúng ta biết thiện căn này không phải chỉ trong một đời, mà phải nhiều kiếp trong quá khứ tu hành nó mới có được thiện căn thâm hậu như thế. Đoạ vào thai súc sanh, được người chỉ điểm nó liền giác ngộ, lập tức hồi đầu. Nên nói thiện ác nhân quả có báo ứng. Thiện căn thật sự thâm hậu sẽ gặp được thiện tri thức. Chư Phật Bồ Tát thị hiện thường đến chỉ điểm ta.

Chúng ta từ một vài cảm ứng qua sự tích này, cảm ứng này là thật không phải do người bịa đặt, cũng không phải tuỳ tiện viết ra, thật có việc này. Mới biết rằng trong đạo Phật tích tụ công đức tu tập là chân thật không hư. Nếu ta có tiền hậu nhãn, có thể nhìn thấy ba đời, quá khứ -hiện tại -vị lai, thì tâm ta sẽ bình yên. Và chúng ta cũng biết phải dụng công như thế nào. Thật giác ngộ, thật sự hồi đầu, nên nhất định quyết tâm. Trong đời này tôi nhất định thành tựu. Thật sự có tín nguyện kiên định, thì Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Chư Phật Như Lai cũng gia trì chúng ta. Nguyện này nhất định có thể viên mãn, quyết định không phải là nguyện không. Nên tu chứng rất quan trọng, cần phải có sự tu chứng rỏ ràng, để mọi người thấy, để người khác thấy.

Trái lại nếu tu tập không tốt, thì tạo tội nghiệp rất năng, vô cùng nặng. Còn nếu tốt thì công đức vô lượng. “Siêu tình ly kiến”, câu này trong “Hoàn Nguyên Quán” nói. “Tuỳ duyên diệu dụng”, tình là gì? tình là tình chấp. Kiến là sao? Kiến là tà kiến. Chúng ta nói cụ thể hơn một chút, kiến là thành kiến, là kiến giải sai lầm, cũng chính là cách nhìn sai lầm. Phải rời xa điều này, và vượt khỏi tình chấp. Kiến này trong Phật pháp nói có năm loại kiến hoặc.

Còn tình thì sao? Tình là năm loại tư hoặc. Tham- sân- si- mạn- nghi\_đây là tình. Đây thuộc về tình chấp. Thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến\_đây là kiến. Siêu tình ly kiến tức là đoạn kiến tư phiền não . Đoạn kiến tư phiền não là tiểu thừa A la hán. Vượt qua A la hán gọi là đại thừa. Trong Hoa Nghiêm giảng về chữ tình này, chính là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước\_đây đều thuộc về tình. Kiến là thành kiến của chính mình, cách nhìn của mình hoàn toàn sai. Tại sao? Trong thanh tịnh tâm không có tình kiến. Có tình kiến thì thanh tịnh tâm không còn. Có tình kiến thì bình đẳng tâm không còn. Có tình kiến chính là mê không phải ngộ. Siêu tình ly kiến là giác mà không mê. Cách nói này của tôi, khiến quý vị đối với ý nghĩa của bốn chữ càng rỏ ràng hơn.

“Cưỡng danh vi đại”, cưỡng là bất đắc dĩ, nó không có tên. Giống như Lão Tử nói: *“danh khả danh, phi thường danh”.* Danh là giả thiết, chứ không phải thật, gọi là đại thừa. *“Dĩ thử vi năng thừa sở thừa, cưỡng danh vi đại”.* Câu này là tổng kết, giải thích đại thừa. Mấy câu cuối cùng là tổng kết. *“Năng thừa giả đại, sở thừa giả dã đại”*. Năng thừa là giáo huấn của Phật, là kinh đại thừa. Đây xưng là đại thừa. Sở Thừa là những gì chúng ta tu học, chúng ta y theo kinh điển đại thừa tu học. Nên chúng ta cũng là học đại thừa.

*“Cố kinh đề trung, dĩ đại thừa vi dụ, dĩ minh toàn kinh yếu chỉ”.* Nhưng trên thực tế, tự tánh vốn đầy đủ tánh bát nhã, chính là ý nghĩa của đề kinh “Đại Thừa”. Đại thừa nói đến đây thôi. Bên dưới nói tiếp Vô Lương Thọ.

*“Vô Lượng Thọ, phạn ngữ vi A Di Đà. Tức bổn kinh sở thuyết, Cực Lạc thế giới giáo chủ chi thánh hiệu”.* Nên Phật A Di Đà cũng được xưng là Vô Lượng Thọ Phật, thánh hiệu của giáo chủ. *“A Di Đà tam tự thị mật ngữ”.* Âm này là phạn âm, phạn ngữ. Ngữ văn cổ Ấn độ, *“hàm vô biên mật nghĩa”.* Nó hoàn toàn là tánh đức.

Chúng ta học qua Hoàn Nguyên Quán. Mở đầu Hoàn Nguyên Quán là giảng về nhất thể. *“Hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến”.* Đây là tánh đức viên mãn thể, tướng, dụng. Dùng danh tự như thế nào để có thể bao hàm ý nghĩa này? Chính là A Di Đà. A Di Đà bao hàm tất cả, danh hiệu này có thể dịch. A dịch sang chữ Hán là vô. Vô trong hữu vô. Di Đà dịch sang tiếng Trung ý nghĩa là lượng. Nên A Di Đà là vô lượng.

Chúng ta nói ba điều trước của Hoàn Nguyên Quán, “tự tánh thanh tịnh viên minh thể vô lượng”. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng là y báo và chánh báo, cũng là vô lượng. Y báo vô lượng, mọi người không có điều gì để nói. Vì sao? Biến pháp giới hư không giới là y báo của chúng ta, vô lượng vô biên. Còn chánh báo thì sao? Chánh báo là tôi. Tôi cũng là vô lượng? Đúng vậy. Chúng ta bây giờ là đời trước của người này? Đời trước tái sanh? Có khi đầu thai ở trên trời, có khi đầu thai ở nhân gian, có khi đầu thai ở địa ngục. Kỳ thật, trong lục đạo, thì đạo nào mà chưa đi qua? Không chỉ một lần, vô lượng! Chính là linh hồn này của chúng ta đi đầu thai. Không những đầu thai ở trên địa cầu này, thế giới ta bà, mà còn thế giới của tha phương Chư Phật, ở đâu mà ta chưa đầu thai qua. Cho nên y, báo chánh báo vô lượng.

Huống gì, trong ba loại châu biến nói. Bất luận là tinh thần, tinh thần là thọ tưởng hành thức. Vật chất là nhục thể của chúng ta, đó là vật chất. Tinh thần hoạt động là dao động, vật chất hoạt động cũng là dao động. Dao này mới nhất động.

Ba loại chu biến, cái thứ nhất gọi là chu biến pháp giới. Có phải là vô lượng chăng? Vừa mới động tức là châu biến pháp giới, sanh ra vô tận. Sanh ra cái gì? Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, đều là từ dao động này sanh ra. Hàm chứa không hữu. Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, pháp nhĩ như thị. Pháp ở đây chính là thể, tướng, dụng. Nó vốn là như vậy, dùng ba chữ A Di Đà để gọi nó, không quá đáng chút nào. Vừa tốt tức là A Di Đà, là vô lượng. Thể, tướng, dụng toàn là vô lượng.

*“Kim nhược dịch phạn văn chi hoa ngữ”.* A Di Đà là phạn văn đem nó phiên dịch thành hoa ngữ. *“Hiển mật chỉ ư hiển thuyết tắc khả dịch thành vô biên đức hiệu”*. Vô lượng vô biên đức hiệu, tự tánh vô lượng vô biên. Tự tánh khởi tác dụng vô lượng vô biên. Trong tác dụng bất luận là y báo hay chánh báo, thì ba loại châu biến của nó, chính là ba loại hiện tượng vô lượng vô biên. Dùng danh hiệu này vô cùng thích hợp. “Kim kinh phiên vi Vô lượng thọ”. Thọ mạng chỉ là một loại, một loại trong vô lượng. Nhưng một loại này là quan trọng nhất.

Quý vị thử nghĩ xem, nếu không có thọ mạng. Vô lượng vô biên này ai hưởng thụ? Nên trong tất cả đức hạnh, thọ mạng là đệ nhất đức. Chúng ta có mạng phú quý, có trí tuệ, đức năng. Nhưng nếu ta không có thọ mạng, thì không phải toàn bộ đã hết rồi sao. Nên thọ mạng là đệ nhất. Vì thế trong kinh Di Đà Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta ý nghĩa của vô lượng, ý nghĩa của A Di Dà. Ngài nói cho chúng ta biết vô lượng thọ, vô lượng quang. Giới thiệu hai loại này. Ý nghĩa hai loại này, thọ là thời gian, quang là không gian. Dùng cách nói của chúng ta hiện nay, là thời gian và không gian vô lượng vô biên. Trong thời và không gian nó bao hàm tất cả đều ở trong đó.

Dùng ý nghĩa này để giải thích ý nghĩa A Di Đà, *“thị thủ kỳ trung thủ yếu chi nghĩa. Kinh trung vô lượng quang, vô biên quang đẳng thập nhị thánh hiệu, đồng vi A Di Đà chi đức hiệu”*. Trong kinh văn Đức Phật giảng mười hai loại quang. Toàn là hình dung A Di Đà, tán thán A Di Đà. “Hán dịch”, là tập hợp năm loại sách. *“Hán dịch bổn tắc phiên vi Vô Lượng Thanh Tịnh Phật. Vô lượng giác, vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác”*. Giác và Phật cùng một ý nghĩa, nên dịch thành vô lượng giác, ý nghĩa cũng là vô lương Phật.

“*Dĩ thượng đa chủng thánh hiệu, hàm viết vô lượng”*, đều nói đến vô lượng. *“Thật tắc Phật chi công đức, trí tuệ, thần thông, đạo lực, y chánh trang nghiêm thuyết pháp hoá độ nhất nhất vô lượng”.* Có thể nói Phật A Di Đà là tổng danh hiệu của tất cả chư Phật. Quý vị nói vị Phật nào không gọi là A Di Đà Phật! Chỉ cần thành Phật tức là A Di Đà. Nên Trung Phong Thiền Sư nói rất hay, *“ngã tâm tức thi A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm”*. Câu này qúa tuyệt!

Vô lượng vô biên pháp giới. Trong pháp giới vô lượng vô biên chư Phật, cho đến chư Phật quốc độ. Từ đâu đến? Đều từ tự tánh biến hiện ra. Hay nói cách khác là tướng phần của tự tánh, hiện tướng tự tánh. Khi khai ngộ ngài Huệ Năng nói với chúng ta, khi không hiện tướng đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ. Đầy đủ trí tuệ đức tướng.

Trong kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, trong tự tánh chúng ta vốn có. Khi không hiện là thường tịch quang. Trong thường tịch quang không có bất cứ hiện tượng nào. Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên tất cả đều không có. Nhưng ta không thể nói nó là không. Trong đó nó có trí tuệ đức tướng viên mãn. Lúc nó có duyên, duyên này chính là nhất niệm bất giác. Từ tự tánh biến hiện thành A lại da. A lại da xuất hiện tam tế tướng. Tam tế tướng này, ngày nay giới khoa học nói là năng lượng, tin tức, vật chất. Tam tế tướng này triển khai là hồng quan vũ trụ. Hiện nay giới khoa học nói là lượng tử lực học. Trong hai loại này, tất cả vạn sự vạn vật đều bao hàm trong đó. Chúng ta không có cách nào vượt qua hai pham vi này. Hồng quan là đại vũ trụ, vi quan là tiểu vũ trụ, đại tiểu bất nhị.

Dưới đây nói: *“Cái dĩ Thế Tôn diệu đức vô lượng, cố đức hiệu diệc vô lượng. Nhất nhất danh trung sở hàm chi đức diệc vô lượng, thị dĩ trì danh sở chiêu chi đức vô hữu lượng”.*

Đây là tiếp nhận được niệm Phật, tiếp rất hay! Chư vị Tổ sư đại đức xưa nay khuyên dạy chúng ta, niệm kinh không như niệm chú, niệm chú không như niệm Phật. Điều này đã nói ra rồi. Vì sao? Niệm câu A Di Đà Phật này *“sở chiêu chi đức vô hữu lượng”*. Niệm câu A Di Đà Phật này, chúng ta nên dùng tâm thanh tịnh để niệm, dùng tâm bình đẳng mà niệm, dùng tâm chân thành mà niệm. Thì câu A Di Đà Phật này, công đức vô lượng vô biên. Vấn đề gì đều được giải quyết.

Chúng ta ngày nay niệm Phật nhưng tại sao không giải quyết được vấn đề? Tâm của chúng ta niệm chưa chân thành, trong đó có hoài nghi có tạp niệm, khiến công phu niệm Phật đó bị phá hoại. Người ta niệm Phật có một trăm phần trăm công đức, còn ta niệm Phật chỉ có hai ba phần công đức. Càng chân thành, càng thanh tịnh, càng bình đẳng, thì công đức đó càng lớn, đồng một câu niệm Phật. Vì sao? Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, và chân tâm tương ưng. Một câu danh hiệu này là chân tâm. Chúng ta vọng tâm, trong đó có hoài nghi, có tạp niệm\_vọng tâm. Vọng tâm khi niệm câu này chân tâm, chân tâm cũng biến thành vọng tâm. Quá trình là như vậy. Cảnh tuỳ tâm chuyển, danh hiệu cũng là cảnh, cũng tuỳ tâm chuyển. Nên xem chính chúng ta đã dùng tâm như thế nào, hiệu quả thù thắng, không thể nghĩ bàn.

Quý vị đã thật sự hiểu rỏ, hôm nay chúng ta gặp được khó khăn như thế nào, tao ngộ ma nạn ra sao. Một câu A Di Đà Phật là giải quyết được. Không chỉ tiêu tai miễn nạn. Chân tâm niệm Phật cũng cảm động tà ma, sau khi nghe được họ cũng được độ. Tà ma cũng là người, trong quá khứ họ cũng đã từng tu hành, cũng đã từng niệm Phật. Do phiền não tập khí nặng mà biến thành tà ma. Chỉ cần có người chỉ điểm họ, nhất niệm hồi đầu. họ chính là thiện tri thức. Chuyển là thành chánh, chuyển mê thành ngộ. Người niệm Phật phải thường xuyên giữ tâm này. Không nên có hy vọng, mà phải có tâm này. Nếu có hy vọng, thì sẽ có thất vọng, và dể phát sanh phiền não. Không có hy vọng, vĩnh viễn không sanh phiền não. Chỉ xem ta lúc nào chuyển qua lại, chúng ta sẽ rất may mắn, rất hoan hỷ. Nếu chưa chuyển qua lại, quý vị cũng biết là do tập khí nghiệp chướng quá nặng. Lực hoá độ của chúng ta đối với họ còn chưa đủ, nên chưa thể giúp họ chuyển đổi. Từ từ không nên vội. Không nên khởi tâm động niệm, tất cả thuận theo tự nhiên. Đây gọi là diệu dụng.

Chúng ta xem đoạn tiếp *“Kim kinh đề trung thủ tiêu vô lượng thọ giả, dĩ thử tam tự thống nhiếp nhất kinh sở thuyết. Cái vô lượng thọ thị pháp thân thường trú chi thể. Thọ thị như như trí chi thể, quang thị như như trí chi tướng. Cố kinh đề tiêu thọ giả, quang đức tức nhiếp ư trung”.* “Thọ thị như như trí chi thể” là căn bản trí. “Quang thị như như trí chi tướng” là căn bản trí khởi tác dụng. Khởi tác dụng gọi là hậu đắc trí.

Trong kinh Bát Nhã, Đức Phật nói bát nhã vô tri. Vô tri là nói căn bản trí. Vô tri là gì? Là thanh tịnh bình đẳng giác, là tự tánh. Khi không khởi tác dụng, nó là thanh tịnh bình đẳng giác. Giác này là sống, nó không phải không có cảm giác, nó không phải chết. Khi nó khởi tác dụng, thì không gì không biết, không gì không thể. Không gì không biết là trí khởi tác dụng. Không gì không thể là đức khởi tác dụng. Bên dưới còn có một cái là tướng khởi tác dụng. Tướng khởi tác dụng là gì?

Trong đề kinh nói “Trang nghiêm”. Trang nghiêm là tướng hảo. Tương hảo, người thế gian như chúng ta hiện nay gọi là gì? Là hạnh phúc, mỹ mãn, viên mãn. Đây là tướng vô lượng thọ. Tướng trang nghiêm thanh tịnh viên mãn này, với danh văn lợi dưỡng mà thế gian thường nói. Địa vị cao, của cải lớn với điều này không liên quan. Vậy từ chổ nào hiện ra hạnh phúc viên mãn? Họ vui vẻ vô cùng. Cũng chính là nói, trong sinh hoạt họ không có đau khổ, ly khổ đắc lạc.

Quý vị xem, ngày nay làm quan lớn, làm tổng thống, làm quốc vương, họ có vui vẻ không? Phát tài lớn, họ có vui không? Không vui, vì họ vẫn còn phiền não, vẫn còn không như ý. Có câu “bất như ý sự thường bát cữu”, họ cũng không ngoại lệ. Chúng ta đã thấy rỏ ràng, minh bạch, mới biết rằng cái gì là hạnh phúc chân thật mỹ mãn. Luận ngữ ở trước có một câu là hạnh phúc mỹ mãn, “học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”. Duyệt ở đây là gì? Là vui sướng từ trong nội tâm phát xuất ra, chứ không phải bên ngoài tác động vào, đây là thật. Bên ngoài tác động vào, trong Phật pháp gọi là lạc, lạc của khoái lạc, không gọi là hỷ.

Trong Phật pháp hỷ và lạc là có phân biệt. Hỷ là gì? là của nội tâm. Trong nội tâm phát sinh ra ngoài, đây là hỷ, gọi là hỷ duyệt, là thật sự vui vẻ. Ngũ dục lục trần bên ngoài là tác động. Chữ Lạc này trước đây tôi giảng kinh thường áp dụng cho những người nghiện ngập hút chích để hình dung. Lạc ở đây, hình như chỉ lạc một lúc nào đó, còn sau đó hậu di chứng rất phiền phức. Nó không phải là thật, chỉ là tác động. Hỷ lạc thật sự phải từ nội tâm phát ra. Nhà Phật nói Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Đây là hạnh phúc chân thật, vui vẻ thật sự. Không bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng.

Lúc Đức Phật còn tại thế đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Ngài thị hiện làm một khổ hạnh tăng. Ngày ăn một bửa, đêm nghĩ dưới góc cây. Tất cả tài sản là ba y một bình bát. Ba tấm y và một bình bát là tài sản của ngài, toàn bộ chỉ bao nhiêu đó. Trong cách nhìn chúng ta thì khổ không nói hết. Ngày tháng như vậy làm sao mà sống? Nhưng ngài lại vô cùng hạnh phúc vui vẻ. Điều này từ chổ nào hiển thị ra? Từ việc giáo hoá của ngài. Giảng kinh giáo hoá, quý vị thấy ngài vui vẻ biết bao, tinh thần tốt biết bao. Học không chán, dạy không mệt. Trong kinh điển, chúng ta chưa từng nghe nói Đức Thế Tôn uể oải mệt nhọc, chưa từng thấy qua. Giảng kinh giáo hoá, còn làm tấm gương cho người khác, minh hoạ cho người khác xem. Không bao giờ mệt nhọc ghét bỏ, vô cùng vui vẻ. Như vậy mới thật sự gọi là hạnh phúc mỹ mãn của nhân sinh.

Trước đây thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi, học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Nhìn từ đâu? Nhìn từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta nhìn thấy hưởng thụ cao nhất. Mọi người nói đây là hưởng thụ trên mặt tinh thần, nhưng trên mặt vật chất thì rất nghèo nàn. Nói như vậy là sai, là hoàn toàn không hiểu rỏ vật chất là gì? Cảnh tuỳ tâm chuyển, đó là đại tự tại. Chúng ta không được là do ta mê. Mê muội tự tánh là sao? Là tâm tuỳ cảnh chuyển, khổ không nói hết. Vì ta bị hoàn cảnh bên ngoài quản lý, thao túng. Còn lạc thọ chăng?

Con người thật sự có thể chuyển cảnh giới, thì lạc sẽ hiện tiền. Thật chuyển cảnh giới, thì bên ngoài là cảnh giới gì? Bên ngoài là thế giới Cực Lạc. Nên lời của Trung Phong Thiền Sư là thật không phải giả “thử phương tức Tịnh độ, Tịnh độ tức thử phương”. Tại sao? Vì cảnh giới của họ đã theo tâm chuyển. Học Phật không phải là học gì khác, mà chính là học tài năng này. Người mê muội tự tánh là đang tạo ác nghiệp. Cuộc sống của họ là thế giới ta bà cực khổ hiện tại này. Người thật sự học Phật, người thật sự niệm Phật. Cảnh giới vừa chuyển, thì địa cầu hiện nay sẽ ra sao? Là thế giới Cực Lạc. Chúng ta nhìn thấy đông đảo chúng sanh, mổi người đều là Phật.

Như Thiện Tài Đông tử năm mươi ba lần bái phỏng tham học vậy. Nhìn thấy xã hội này, nam nữ già trẻ các nghành các nghề, toàn là thiện tri thức thị hiện, giống như đang trên vũ đài biểu diễn vậy, còn mình ở dưới xem kịch. Biểu diễn có chánh diện, cũng có phản diện, đều diễn rất tốt. Đem tánh tướng, lý sự, nhân quả trong vũ trụ, từ sáng đến tối, đầu năm đến cuối năm, không có kết thúc biểu diễn. Chúng ta sống trên địa cầu này như ở trong nhà hát để xem kịch vậy. Quý vị xem tự tại biết bao nhiêu. Những điều tôi nói đều là thật không phải giả. Cho nên phải học, học Chư Phật Bồ Tát chuyển cảnh giới. Nhưng không vì cảnh giới chuyển.

*“Hựu “Chân Giải” vân, Cực Lạc tịnh độ tam chủng trang nghiêm”.* Ba loại nào? Trong đó nó có chú giải*. “Phật trang nghiêm, Bồ tát trang nghiêm, quốc độ trang nghiêm, nhất thiết quy thọ mạng”.* Nếu không có thọ mạng, thì tam chủng trang nghiêm này toàn là uổng phí. Tam chủng trang nghiêm này, tôi giải thích giản lược, quý vị sẽ hiểu rỏ.

Phật là Thầy Giáo. Phật trang nghiêm, thầy giáo tốt. Tốt đến mức độ nào? Không thể hình dung. Tuyệt đối không phải ngôn từ có thể nói được, có thể hình dung. Trang nghiêm là thầy giáo tốt. Thứ hai là bạn học tốt, Bồ tát là bạn học. Chúng ta sanh đến thế giới Cực Lạc, mặc dù là cỏi Thánh phàm đông cư hạ hạ phẩm vãng sanh, chúng ta cũng là Bồ tát, mà không phải là phổ thông Bồ tát. Ta là Bồ Tát như thế nào? Trong kinh nói rất rỏ ràng, chính Phật A Di Đà tự nói, chúng ta là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Như thế thì hỏng mất!

Tôi mang nghiệp đi vãng sanh, nhất phẩm phiền não còn chưa đoạn. Thâm chí rất nhiều người, chính chúng ta tự thân nhìn thấy. Cả đời không học Phật, không biết có Phật pháp. Đến khi sắp chết bị bệnh ung thư vô cùng thống khổ. Lúc này gặp được người có duyên, người niệm Phật, khuyên họ bỏ trị liệu, không cần trị liệu nữa, tri liệu rất cực khổ, giống như sống để chịu khổ vậy. Mà nhất tâm niệm Phật cầu sanh thế giới Cực lạc. Đem chổ tốt của thế giới Cực Lạc, đơn giản nói cho họ biết. Họ lập tức tin tưởng, và khuyên người nhà của họ buông bỏ tất cả, giúp họ niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Người nhà cũng rất nghe lời, rất phối hợp, cùng nhau giúp anh ta trợ niệm. Niệm hai ba ngày, anh ta vãng sanh, thật sự đã đi.

Người như vậy, khi sanh đến thế giới Cực Lạc ở địa vị nào? Tôi nói với quý vị, anh ta ở cỏi phàm thánh đồng cư hạ phẩm hạ sanh. Khi đến đó vẫn là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Bổn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì anh ta. A Duy Việt Trí là viên chứng tam bất thoái. một số người như chúng ta mà nói, quả vị bất thoái là A la hán. Đến A la hán mới chứng được quả vị bất thoái. Hành bất thoái là Bồ Tát, niệm bất thoái là pháp thân đại sĩ. Chúng ta thường gọi là Phật,đó chính là Phật. Vì sao? Họ đã chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, họ đã chúng được. A Duy Việt Trí mới chứng được. Trong kinh Hoa Nghiêm là sơ trú trở lên, vượt qua thập pháp giới.

Quý vị xem, thế giới tây phương Cực lạc, là nhờ oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Sanh đến đó, mổi người đều là A Duy Việt Trí Bồ tát, không có ngoại lệ. Lợi ích tốt như vậy, trong mười phương quốc độ của chư Phật không có. Biến pháp giới hư không giới, chỉ có thế giới Cực Lạc này có, ngoài ra đều không có. Đời này chúng ta có thể gặp được, ta chịu dể dàng bỏ qua chăng? Như vậy là sai. Cơ hội này nhất định phải nắm bắt nó, ngàn năm khó gặp. trong bài kệ khai kinh nói: *“bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”.* Lời này là chân thật không hề hư dối.

Bành Tế Thanh cư sĩ nói với chúng ta, pháp môn tịnh độ này, vô lượng kiếp đến nay hy hữu khó gặp được ngày này. Ta làm sao gặp được? Ta gặp được nhưng lở bỏ qua cơ hội, như vậy mới thật là đáng tiếc. Vì sao? Nếu gặp được, đời này ta sẽ có cơ hội thành Phật. A Duy Việt Trí Bồ tát tức là thành Phật, chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nhất định không nên bỏ lở qua một lần nữa.

Câu thứ ba, quốc độ trang nghiêm, là hoàn cảnh quá tốt. quý vị xem, thầy giáo giỏi, bạn học tốt, hoàn cảnh tu học tốt. Đi đến đâu để tìm? Hong Kong được coi là chổ có phước báo, nếu không có phước báo, chúng ta làm sao có thể ở đây giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này? Có thể ở đây giảng Hoa Nghiêm, giảng kinh Vô Lượng Thọ, là chổ này phước báo lớn, rất lớn. Xung quanh chổ này có thiên tai, nhưng chổ này không có thiên tai. Chúng ta phải trân quý, phải siêng năng tu học, nhất định không để nó qua vô ích. Đây mới gọi là thật sự minh bạch, thật sự không có lổi với chính mình, không có lổi với tổ tông, không có lổi với Tam bảo.

Bên dưới vẫn là lời trong Chân giải, *“hựu an lạc quốc độ y chánh tam chủng trang nghiêm”.* Tam chủng trang nghiêm là ở trước đã nói Phật, Bồ Tát, Quốc độ. *“Nhập nhất pháp cú, vô lượng thọ cố”.* Nhất pháp cú ở đây là gì? Nhất pháp cú chính là vô lượng thọ, tức là câu phật hiệu này*. “Cố kinh đề trung, tiêu vô lượng thọ đức hiệu, tắc pháp tạng nhân địa nguyện hành dự quả địa Phật đức”.* Pháp tạng là Phật A Di Đà, pháp danh trước khi xuất gia thành Phật, gọi là Pháp tạng tỳ kheo. Ngài khi chưa thành Phật tu hành phát nguyện, quả thành tựu là thế giới Cực lạc, quả địa là Phật đức.

*“Cực Lạc chi y chánh chủ bạn”.* Y là hoàn cảnh, hoàn cảnh quá tốt. Chánh báo là bản thân của mổi người. Chủ là thầy giáo, bạn là đồng học. Nên thế giới Cực Lạc không có tổ chức chính trị, không có quốc vương, không có đại thần, không có tổng thống, cũng không có quan viên. Người ở thế giới Cực lạc rất đơn thuần, chỉ có thầy giáo và học sinh. Nên quý vị phải biết, đây là một trường học. phật A Di Đà chọn chổ này, ở đó dạy học. Ngoài việc tu học ra không làm gì khác. Như vậy thế giới Cực Lạc có tịch mặc quá chăng? Không hề, rất náo nhiệt.

Phật A Di Đà mổi ngày vì chúng sanh tuyên thuyết diệu pháp, ta nghe rồi hoan hỷ vô lượng. Hoan hỷ đến đâu? Vui đến quên ăn quên ngũ. Thật vậy không phải giả. Nơi thế giới Cực Lạc đó không có ăn cơm, cũng không có ngũ, quên thật sự. Quý vị nói vui vẻ biết bao nhiêu. Huống chi trong kinh nói với chúng ta về sinh hoạt của người ở thế giới Cực lạc. mổi người đều thần thông quảng đại, tuỳ thời đến thập phương thế giới đi lạy Phật, đi nghe pháp. Lạy Phật đương nhiên cúng dường. Dùng cái gì để cúng dường? Dùng một ít hương hoa, trân bảo. Từ đâu đến? từ trên tay biến hiện ra. Trên tay có thể sanh ra vô lượng trân bảo cúng dường. Cúng Phật là tu phước. Ở bên chổ Phật đó nghe pháp là tu huệ, phước huệ song tu. Nên ở thế giới Cực Lạc tu hành thành Phật dể, rất dể dàng và rất nhanh. Vì ta ở đó có năng lực tiếp xúc Chư Phật Như Lai, có năng lực này. Đều là tuỳ theo ý niệm của ta. Ta muốn gặp mười phương Phật, thập phương Phật lập tức có thể gặp được. Vì sao? Vì ta có thể hoá thân để đi. Thân của mình ở trước Phật A Di Đà như như bất động, đã phân thân đến mười phương thế giới. Trước mặt bất cứ vị Phật nào đều có ta. Chúng ta ở đó tu cúng dường, ở đó nghe pháp, pháp môn gì cũng đều nghe được. Không chỉ tám vạn bốn ngàn Pháp môn.

Chúng ta thật sự muốn học Phật để được đến thế giới Cực Lạc. Nếu ta không đến thé giới Cực Lạc, thì học Phật nghe pháp rất cực khổ, phải dùng thời gian bao lâu! Chúng ta ở trên thế gian này đời này qua đoài khác đầu thai chuyển kiếp. Một lần đầu thai ít nhất phải mất mười mấy hai mươi năm, nhưng còn phải xem nhân duyên. Có khi trong một đời gặp được Phật pháp, như có khi một đời đã bỏ lở. Không nghe được Phật pháp khẳng định tạo nghiệp, tạo nghiệp phải thọ quả báo. Quý vị nói có phiền phức không? Hôm nay gặp được duyên này, mới biết được duyên này thù thắng biết bao.

Hai câu ở sau rất quan trọng, “ toàn bộ kinh chỉ, nhiếp vô bất tận”. Bộ kinh đại thừa Vô Lượng Thọ này. Trong đó những lý luận, những phương pháp, trong mổi câu danh hiệu đều đầy đủ tất cả. Lại nói với quý vị, không những một câu danh hiệu này đầy đủ toàn bộ tịnh độ tông, nó đồng thời đầy đủ toàn bộ tất cả pháp mà Đức Thế Tôn giảng trong suốt 49 năm. Tất cả không ngoài câu này. Nó còn đầy đủ biến pháp giới hư không giới, và tất cả pháp Chư Phật nói trong quá khứ, hiện tại, vị lai, viên mãn cụ túc.

Người niệm câu A Di Đà Phật này rất đông, nhưng người thật sự hiểu được công đức của câu A Di Đà Phật thì không nhiều. Chúng tôi ở trên bục giảng, đặc biệt là giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ.

Trong lời tựa của lão cư sĩ Mai Quang Hy, giới thiệu rất rỏ ràng. Trong đó có một đoạn nói rằng, chư vị tổ sư đại đức của thời đại Tuỳ Đường. Thời kỳ đó trong lịch sử gọi là thời đại hoàng kim của Phật giáo. Chư vị Tổ sư, Cao tăng thạc đức rất nhiều. Đại thừa tiểu thừa có mười tông phái, đều kiến lập dưới triều đại Tuỳ Đường. Hàn quốc, Nhật bản, Việt nam, các vùng lân cận đến Trung quốc du học. sau khi trở về, trở thành tổ sư của Quốc gia họ. Đó không phải là người bình thường, đã từng nghiên cứu, cũng hiếu kỳ như chúng ta.

Chúng ta tìm hiểu kỷ càng, thì kinh điển mà Đức Thế Tôn thuyết trong 49 năm, đã nói rất nhiều, bộ kinh nào quan trọng nhất, có thể tượng trưng cho một đời thuyết pháp của Thế Tôn? Mọi người hầu như đều nhất trí tôn sùng “Kinh Đại phương Quảng Phật Hoa Nghiêm”. Nên địa vị kinh Hoa Nghiêm trong Phật Giáo rất cao, được xưng là vua trong các kinh, là căn bản pháp luận. Tất cả kinh đều là quyến thuộc của Hoa Nghiêm, giống như một cây đại thọ vậy, Hoa Nghiêm là thân cây. Còn tất cả các kinh khác là cành lá hoa quả trên cây này. Hoa Nghiêm là căn bản. Cuối cùng của Hoa Nghiêm, một đời viên mãn thành tựu điều gì? là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc.

Vốn dĩ Hoa Nghiêm cứu cánh viên mãn, là tại thế giới tây phương Cực Lạc. Do đó mọi người sẽ ý thức được. Vô Lượng Thọ Kinh là phiên dịch sớm nhất, bản dịch rất nhiều. Người thời đó đều đã từng thấy qua, đều đọc qua. Nên các vị tổ sư đại đức đều khẳng định, “Hoa Nghiêm” cuối cùng quy “Vô Lượng Thọ”. “Vô Lượng Thọ” biến thành đệ nhất.

Chúng ta nghĩ lại, ngày nay kinh Vô Lượng Thọ có chín bản. bản của Hạ Liên Cư là tốt nhất hoàn bị nhất. Tập hợp năm cuốn và dịch thành, đính chính bản sưu tập của Vương Long Thư, và nhầm lẫn trong bản sưu tập của Nguỵ Mặc Thâm, đều sửa lại. Đây là một cuốn sách tốt nhất.

Trong cuốn sách này phân thành 48 phẩm. Chúng ta cũng giống như các vị tổ sư đại đức xưa nay. Trong 48 phẩm này, phẩm nào quan trọng nhất? Đương nhiên là đệ lục phẩm. Phẩm thứ sáu là chính Đức Phật A Di Đà giảng. Bốn mươi tám nguyện là chính ngài tự thuyết. Đức Thế Tôn kể lại cho chúng ta, chứ không phải Đức Thế Tôn thuyết. Điều này đương nhiên rất quan trọng. Trong 48 nguyện, nguyện nào quan trọng nhất? Chư vị cổ đức nói là nguyện thứ mười tám. Nên Nhật bản có phái Bổn Nguyện Niệm Phật. Họ chuyên học tập nguyện thứ 18 này, 47 nguyện còn lại họ không học, họ chỉ cần nguyện thứ mười tám. Như vậy có thể thành tựu chăng? Có vấn đề. Tại sao? Mổi nguyện trong 48 nguyện đều viên mãn bao hàm 47 nguyện khác. 48 nguyện là một nguyện, chúng ta không thể có thiếu sót. Phái này của Nhật bản lợi dụng điểm tốt, nên nó không viên mãn.

Nguyện thứ 19” phát bồ đề tâm”. Nguyện thứ 18 “lâm mạng chung thời thập niệm tất sanh”. Hai nguyện này rất quan trọng, nguyện 19 và 18 không thể phân. Vì kinh văn trong Kinh Vô Lượng Thọ, rỏ ràng minh bạch nói với chúng ta. Quý vị xem trong kinh này “tam bối vãng sanh”, “vãng sanh chánh nhân”. Quý vị xem đã rỏ ràng rồi. Bất luận là thượng bối, trung bối, hạ bối, hoặc là tu học các pháp môn khác. Khi sắp mạng chung, đem công đức mà mình tu học, hồi hướng cầu sanh tịnh độ tất cả đều được.

Pháp môn này không nói là anh nhất định phải tu tịnh độ, anh tu các pháp môn khác không thể vãng sanh như vậy. Chỉ cần “phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. “Nhất hướng chuyên niệm” này, “lâm chung thập cú” cũng là “nhất hướng chuyên niệm”. Đây là các tổ sư đại đức ngày xưa vì chúng ta mà nói, như vậy chúng ta đã hiểu rỏ. Biến pháp giới hư không giới, mười phương ba đời tất cả chư Phật Bồ Tát tu hành, chỉ một câu A Di Đà Phật này. Triển khai câu A Di Đà Phật này, chính là 48 nguyện. Triển khai 48 nguyện chính là toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ. Và triển khai rộng toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ, chính là kinh Đai Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm.

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm là trình bày căn kẻ tỷ mỹ của kinh Vô Lượng Thọ. Nên Bành Tế Thanh cư sĩ nói Kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bổn Hoa Nghiêm, A Di Đà Phật chính là tiểu bổn Hoa Nghiêm. Nói như vậy rất có lý. Triển khai rộng kinh Hoa Nghiêm chính là đại tạng kinh mà hiện nay nói. Và tiếp tục triển khai 49 năm thuyết pháp của Thế Tôn chính là tất cả kinh điển mà mười phương ba đời tất cả Chư Phật nói. Một câu A Di Đà Phật là tổng cương lĩnh. Khi chư vị tổ sư chưa phân tích như vậy, chúng ta không biết. Phân tích như vậy mới phát hiện được, A Di Đà Phật là bảo trong các thứ bảo, là vô thượng pháp bảo. Là sao? Là tự tánh A Di Đà Phật của chính mình.

Học Phật không có gì khác, mà là trở về với tự tánh. Chúng ta thật sự đã học hiểu, đại thừa giáo thường nói “sẽ như thế nào?” Ý của lời này sâu sắc vô cùng. Biết rồi, nếu thật sự đã biết. Thì hiện tại ta đang sống trong A Di Đà. Nói cách khác, hiện tại ta đang sống trong thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc ở đâu? ở ngay tại đây. Chúng ta đã chuyển cảnh trước mắt thành cảnh Cực Lạc. Cũng chính là tuy ta ở trên địa cầu, còn chưa đi đến thế giới Cực Lạc. Dù ta ở trên địa cầu này nhưng tâm tình giống như đang ở thế giới Cực lạc vậy. Thật giống nhau sao? Thật giống nhau. Vì sao? Vì ta đã không còn vọng tưởng phân biệt chấp trước.

Hay nói cách khác, lục căn của ta đã ở trong cảnh giới lục trần, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Như vậy ta với thế giới Cực Lạc có gì phân biệt! giống nhau. Vừa khởi tâm động niệm là không giống nhau nữa. Vừa phân biệt chấp trước thì sai biệt càng lớn. Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát, bất luận ứng hoá ở đâu, họ tuyệt đối không khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, làm gì có phân biệt chấp trước! Họ ở thế giới nào? Nhất chân pháp giới. Cảnh giới của họ là gì? cảnh giới của họ là thường tịch quang. Thật sự thâm nhập pháp môn bất nhị . Đây hoàn toàn là sự thật. Cũng là những gì đại thừa Trung quốc nói, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Như lục tổ Huệ Năng của thiền tông, sau khi khai ngộ, ngài trú trong cảnh giới này, mà phàm phu chúng ta không biết. Chúng ta có nhìn cũng không nhận ra.

Nhưng nếu nhìn tỷ mỷ, cũng có thể nhìn ra một việc là nhìn họ rất tự tại. Ta có thể nhìn thấy họ thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Chúng ta tỷ mỷ quan sát, tất cả pháp trong thế xuất thế gian họ đều không để trong tâm. Tâm họ hoàn toàn thanh tịnh không nhiễm chút trần. Tâm và thường tịch quang tương ưng. Sinh hoạt hành vi với tất cả chúng sanh hoà quang đồng trần. Chúng ta nhìn không thấy, dấu tích đều không nhìn thấy. Mỉm cười với tất cả mọi người. Thật sự làm được nhu hoà chất trực. Như vậy là đã nhập vào cảnh giới.

Không nhập vào cảnh giới vì họ có chấp trước, có phân biệt, họ có phiền não tập khí, cũng chính là có tham- sân- si- mạn. Vô lượng thọ, chúng ta chỉ học đến đây. Ở dưới trang nghiêm có một điều:

*“Trang nghiêm giả “Tham Huyền Ký” viết, trang nghiêm hữu nhị nghĩa, nhất thị cụ đức nghĩa, nhị giao sức nghĩa”.* Trang nghiêm là mỹ hảo. Mỹ hảo có hai nghĩa.

Thứ nhất là đức, cụ đức. Trong tự tánh vốn đủ đức tướng. Nghĩa thứ hai giao sức. Giao là giao hổ, sức là trang sức. Đây là dùng ý nghĩa của thế gian để giải thích. Chúng ta có tụ hội tốt lành, như người thế gian làm hỷ sự, làm chúc thọ. Nhất định có nơi chốn trang nghiêm, bây giờ gọi là lễ đường. Lễ đường cần phải trang hoàng bố trí. Đây là ý nghĩa của “giao sức”. Nên trong kinh Di Đà nói*: “ kỳ phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm”.* Câu này trong kinh Di Đà, hầu như trong mổi đoạn đều có. Nhìn thấy chổ dạy học của thế giới Cực Lạc, vô cùng trang nghiêm. Trang nghiêm này không phải do con người thiết kế, người thiết kế không có tốt đẹp như vậy, là tự nhiên. Vì sao như vây? Nó là tự tánh biến hiện. Tự tánh chính là tốt đẹp như vậy, bất luận biến ra sao, biến có nhiều hơn nữa thì vẫn đẹp đẽ như nhau. Nếu quý vị không tin, giống như ống vạn hoa này, trong này chỉ vài miếng nhỏ màu sắc không giống nhau bỏ vào trong đó. Ba mảnh lưu ly, nếu bạn xoay chuyển, bất luận chuyển ra sao thì đồ án ở trong đó đều có quy củ, tuyệt đối không lộn lạo.

Ống vạn hoa này cũng có tánh đức, chẳng lẽ tự tánh của chúng ta không bằng ống vạn hoa? Tôi nói với quý vị, con người chúng ta, con người là ai tạo? Tại sao trong đó khí quản lại nhiều như vậy, nó hoàn toàn không sai lạc, mổi cái đều có công năng của nó. Nó là một bộ cơ khí, không phải nhân tạo\_đây là tự tánh.

Thân người của chúng ta tự nhiên, khi tạo nó hoàn bị như vậy, mỹ mãn như vậy, một chút khuyết điểm cũng không có. Thế giới tây phương cực lạc y chánh trang nghiêm, toàn là do tự tánh biến ra. Chúng ta không nên hoài nghi, không nên suy nghĩ lung tung, vì chúng ta không thể nghĩ ra. Chúng ta nghĩ là gì? toàn là vọng niệm. Vọng niệm làm sao có thể nghĩ ra được chân thật? Làm sao biết được chân thật? Buông bỏ vọng niệm, chân thật sẽ hiện tiền. Chân thật không phải không thể biết, có thể biết. Chúng ta tuy biết nhưng cũng nói không được. Việc này chỉ có người chứng mới biết được.

Người xưa có một ví dụ, như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Nước này là nóng hay lạnh, nói với quý vị như thế nào đều không rỏ, nói không ra. Nhưng uống một hớp thì sẽ rỏ. Ta uống một hớp cũng nói không ra. Bây giờ chúng ta nói nhiệt độ là bao nhiêu, có thể tin tưởng chăng? Không tin tưởng được. Vì sao? Mổi người cảm nhận không giống nhau. Có người ăn rất nóng, nhưng anh ta cảm thấy ngon, rất thích hợp với anh ta. Có người cho rằng quá nóng, có người cho là vừa tốt. Mổi người không giống nhau, không có tiêu chuẩn. Nên các vị tông môn đại đức nói câu này rất hay, lạnh nóng tự biết, chính ta tự hiểu.

*Vãng sanh luận xưng Cực Lạc tam chủng trang nghiêm*. Ở trước đã nói qua là Phật, Bồ tát, Quốc độ. *“Tế luận tắc hữu nhị thập cữu chủng trang nghiêm”* . Có hai mươi chín loại này trong nguyên văn Vãng Sanh luận. Hai mươi chín loại đó chính là ba loại này triển khai ra, quy nạp lại là ba loại này, “văn phồn bất dẫn”. Xem “Vãng Sanh Luận” sẽ biết, *“kim bổn kinh viết nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”*. Câu này nói, Phật A Di Đà tại đây tu hành. Ngài xác thực nhất tâm nhất ý. “Nhất hướng” là một phương hướng, một mục tiêu kiến tạo thế giới Cực Lạc, cũng chính là kiến tạo chổ tu học này. Vì sao kiến tạo? Giúp chúng sanh có duyên sớm ngày thành Phật, sớm ngày thành tựu. Đây là phát vô thượng bồ đề tâm. Giúp người có duyên trong biến pháp giới hư không giới.

Như thế nào là người có duyên? Có thể tin, có thể hiểu, có thể phát nguyện, có thể hành. Như vậy là có duyên với Phật A Di Đà. Ở trong một đời, thời gian dài ngắn là do mổi người, A Di Đà Phật nhất định tiếp dẫn họ, nhất định hoan nghênh họ, một người cũng không sót.

Có người sơ học hoài nghi. Trước đây khi tôi ở Đài Trung học với thầy Lý, có người bạn học hoài nghi. Người trong mười phương thế giới rất nhiều, Phật A Di Đà có thể mắm bắt hết sao? Lở ngài quên tôi thì biết làm sao? Quý vị nói Phật A Di Đà có quên không? Bây giờ chúng ta biết sẽ không quên. Vì sao? Ý niệm chúng ta vừa nhất động, ở đây giống như điện đài vậy, luồng điện phát xạ qua là chúng ta nhận được liền. Thì làm sao mà nhầm lẫn được! cũng như vi tính vậy.

Trong Hoàn Nguyên Quán chúng ta nhìn thấy, đó là thật không phải giả. Ý niệm của tâm chúng ta, còn vật chất của chúng ta. Vật chất là cơ thể này của chúng ta. Cơ thể này của ta cũng có dao động. Tế bào của cơ thể này, mổi tế bào nó đều đang động. Dao động này với ý niệm của chúng ta là nhất trí. Ý niệm của chúng ta nhất tâm chuyên chú thế giới Cực Lạc. Tế bào toàn thân đều chuyên chú, mổi tế bào, tế bào còn nói rất lớn. Bây giờ giới khoa học nói gì? tiểu quang tử chính là lượng tử. Trong Phật Pháp gọi là vi trần, mổi hạt vi trần, Bồ Tát Di lặc nói rất rỏ ràng, *“niệm niệm thành hình”,* hình ở đây là vi trần. *“Hình giai hữu thức”,* trong mổi hạt vi trần đều có thọ tưởng hành thức. Nên khi những thứ này dao động, thì con người chúng ta cơ khí rất lớn. Một ý niệm của chúng ta dao động, thì khiến tất cả cùng dao động, đều tập trung hướng đến một mục tiêu, một phương hướng. Sức mạnh này rất lớn, Phật A Di Đà có thể nhận được. Năng lượng của ngài không thể nghĩ bàn. Năng lượng của ngài là tự tánh viên mãn phát huy. Năng lượng chúng ta có thể nói chín mươi chín chấm chín phần trăm, bị tập khí phiền não làm chướng ngại, nên nó không phát ra được.

Khi chúng ta thật sự có thể khởi tác dụng với chư Phật Bồ Tát, năng lượng này rất ít, nhưng năng lượng chư Phật rất lớn, nên năng lượng chúng ta lập tức chu biến pháp giới, các ngài sẽ nhận được, đây chính là cảm ứng. Chúng sanh có cảm các ngài lập túc có ứng. Chúng ta mổi tiếng đều niệm A Di Đà Phật, thì mổi tiếng đều có cảm ứng. Nên “nhất niệm tương ưng, nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng, niệm niệm Phật”. Vì sao chúng ta không nhận được sự cảm ứng của Phật A Di Đà? Có hồi ứng.

Thân thể của chúng ta là cơ quan phát xạ, cũng là cơ quan tiếp nhận. Chúng ta có tiếp nhận được chăng? Có. Nhưng vì sao không có cảm giác? Vì phiền não tập khí quá nặng. Nếu tâm chúng ta chân thành, thanh tịnh, bình đẳng. Phật A Di Đà cảm ứng, chúng ta sẽ nhận được. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn, khi nào ta mạng chung ngài đều biết, và đến lúc đó ngài sẽ xuất hiện, chúng ta sẽ nhìn thấy, ngài đến tiếp dẫn chúng ta. Chứng minh trong kinh nói vè ngài là thật không phải giả. Ngài không gạt chúng ta.

Ngài nói, người niệm Phật trong mười phương, khi sắp mạng chung. Thật sự nhớ ngài , cầu nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, ngài đều tiếp dẫn. Tiếp dẫn của ngài là hoá thân. Hoá thân đó vô lượng vô biên vô tận vô số. Nên trong mười phương thế giới một người cũng không sót. Vi tính, máy tính, nếu so với Phật A Di Đà thì kém xa, không cách nào để so sánh. Bây giờ mọi người đối với vi tính đều thừa nhận, đều tin tưởng, vậy tại sao không thừa nhận tánh đức của tự tánh? Nên không thể hoài nghi. Thật sự hoài nghi, hoài nghi ngài làm hay. Như đánh cược vậy. Tôi làm như vây xem có được không? Nếu vãng sanh tôi có lợi, còn không thể vãng sanh thì thôi vậy. Thái độ đó, Phật cũng sẽ đến tiếp dẫn, họ cũng được vãng sanh nhưng sanh về biên địa.

Nên thế giới Cực Lạc cũng có biên địa. Biên địa là gì? chính là thái độ này đi vãng sanh, họ vẫn được vãng sanh. Nhưng họ phải ở biên địa năm trăm năm. Năm trăm năm là năm trăm năm của cõi nhân gian chúng ta. Nhân gian năm trăm năm, ở thế giới Cực Lạc chỉ mấy ngày. Đây là nói chúng ta và họ có khác biệt về thời gian, nên họ đã bỏ lở thời gian như vậy. Năm trăm năm họ không thể thấy Phật, nhưng họ ở trong biên địa có thể nghe được Phật pháp. Cũng rất hạnh phúc, như Dạ ma thiên vậy, giống niềm vui của chư thiên. Chỉ là không thể đi đến găp Phật.

Do đây mà biết, hạ hạ phẩm vãng sanh, đến thế giới Cực lạc đều thấy Phật. Nếu chúng ta hiểu đạo lý này, thì cần phải học Phật A Di Đà. Làm sao học ngài? Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Ngay lúc này đây phải chuyên chú phải nhất tâm, không nên nghĩ gì khác. Tưởng A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật. Đây chính là thế giới tây phương trang nghiêm Cực lạc. Chúng ta dùng danh hiệu Phật A Di Đà, trong danh hiệu bao hàm trí tuệ công đức vô lượng. Trí tuệ công đức này là thế giới trang nghiêm Cực lạc. Cũng chính là nói thế giới Cực Lạc chủng chủng trang nghiêm, có tôi một phần ở trong đó. Điều này rất quan trọng.

Chúng ta trang nghiêm đạo tràng này, tương lai chính chúng ta đi đến đó. Ở thế gian này chúng ta phải buông bỏ tất cả, và kết duyên với thế giới đó. Ở thế gian này và trang nghiêm thế gian này. Nhưng chúng ta chỉ trang nghiêm để người thế gian này thọ dụng,chúng ta không thọ dụng, giống như Đức Thế Tôn vậy. Cúng dường đại chúng, chúng ta trang nghiêm thế giới tây phương Cực Lạc, thì ở đó chúng ta có thọ dụng.

Chúng ta niệm một tiếng Phật hiệu, giống như dán lên một miếng vàng thiếp ở thế giới tây phương Cực Lạc. Còn niệm hai tiếng thì dán lên hai miếng vàng thiếp, giống như dán vàng vậy. Thật sự hiểu rỏ ràng minh bạch, quý vị sẽ làm thật sự! “Trang nghiêm chúng hành”, Hành là hành vi trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta. Hành vi trong sinh hoạt hằng ngày đều xưng tánh. Như thế nào mới không xưng tánh? Ta dùng tâm vọng tưởng phân biệt chấp trước là không xưng tánh. Chúng ta làm việc, đối nhân xử thế, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày. Chỉ cần thật sự có thể làm được không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, là xưng tánh!

Có thể làm được không phân biệt, không chấp trước sẽ xưng tánh. Không khởi tâm, không động niệm là hoàn toàn xưng tánh, gọi là tánh viên mãn. Điều này chúng ta không dể dàng làm được, chúng ta có thể làm một nữa. Một nữa này chính là không phân biệt không chấp trước, khi ở cùng mọi người một nơi, không nên thường nghĩ đến cá nhân. Vì có bản ngã thì có phân biệt chấp trước, chúng ta sẽ bị phiền não xoay chuyển. Sống chung với mọi người phải học điều gì? Vô ngã. Tôi với họ là nhất thể. Tôi với chúng sanh là nhất thể. Tôi với cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa là nhất thể. Không có phân biệt, như vậy rất tốt, và lâu ngày sẽ quên bản ngã, đã phá ngã chấp. Ngã chấp phá liền sanh thế giới tây phương Cực Lạc, không phải ở cỏi đồng cư, mà sanh lên cỏi phương tiện hữu dư, đã nâng lên rất cao.

Còn không khởi tâm không động niệm, thì sanh vào cỏi thật báo trang nghiêm. Đến thế giới Cực Lạc là thành Phật, hoàn toàn tương ưng với Phật A Di Đà. Nên những việc này nó hiện tiền trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Đối nhân xử thế tiếp vật đều có thể học tập. Vấn đề là ta phải biết trang nghiêm chúng hành.

*“Hựu Phật dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hành”.* Đây là Phật nói ở trong kinh. Trang nghiêm, có thể trang nghiêm là bồ đề tâm, thật phát tâm. Chính là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Khi nào khởi tác dụng? Khởi tác dụng trong sinh hoạt hằng ngày. Mặc áo ăn cơm khởi tác dụng. Ở nhà làm việc nhà khởi tác dụng. Quét nhà lau bàn khởi tác dụng. Trên công việc cũng khởi tác dụng. Đối nhân xử thế tiếp vật không có cái nào là không khởi tác dụng. Tâm chân thành không phải hư nguỵ. Tâm thanh tịnh không nhiễm ô. Tâm bình đẳng không cống cao ngã mạn. Tâm chánh giác không mê hoặc. Tâm từ bi chính là lòng yêu thương, không có tự tư tự lợi. Tất cả đều dùng hết. Đây là có thể trang nghiêm. Chúng ta dùng tâm niệm này,câu Phật hiệu này, niệm ở đây. Chúng ta thật sự đã trang nghiêm hoàn cảnh trước mắt, cũng trang nghiêm thế giới tây phương Cực Lạc. *“Cực Lạc quốc độ như thị công đức trang nghiêm bất khả tư nghị”.*

Trong thập phương thế giới mổi ngày có bao nhiêu chúng sanh, vãng sanh vào thế giới Cực Lạc. Chúng ta phải buông bỏ tất cả tham - sân – si – mạn – nghi, nhất tâm chuyên chú. Đối với thế giới tây phương Cực Lạc, nhất định không hoài nghi, không nên vọng tưởng. Mổi ngày có bao nhiêu người đi đến thập phương thế giới, Cực Lạc thế giới! Quá nhiều, đếm không hết. Như vậy thế giới Cực Lạc có phải là quá tải rồi chăng? Ta cứ tưởng giống như địa cầu của chúng ta vậy. Hiện tại là sáu trăm bảy mươi ngàn ức người, quá nhiều không thể tưởng được. Tương lai bảy trăm ngàn ức quá ghê gớm phải không? Nếu ta cứ dùng thái độ này để hoài nghi thì ta không thể đến đó được. Tại sao? Chúng ta nhất định phải hiểu mới có thể đoạn nghi sanh tín.

Thế giới Cực Lạc là cỏi pháp tánh, còn thế giới của chúng ta là cỏi pháp tướng. Thể chất không giống nhau. Pháp tướng có hạn, nhưng pháp tánh vô hạn. Pháp tướng có lớn nhỏ, pháp tánh không có lớn nhỏ. Trong kinh Hoa Nghiêm nói rất rỏ ràng. Trong kinh này cũng giảng rất rỏ ràng. Phải hiểu rỏ đạo lý này, mới có thể đoạn trừ được nghi vấn. Nếu không cứ suy nghĩ lung tung, nghĩ rằng thế giới Cực Lạc cũng như chúng ta ở đây, thì khuyết điểm lại đến. Hoàn toàn không giống nhau. Tánh đức không thể nghĩ bàn.

*“Hựu bỉ Cực Lạc giới, vô lương công đức, cụ túc trang nghiêm, như thượng sở dẫn, chánh hiển kinh đề trung trang nghiêm chi nghĩa. Cái pháp tạng nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”.*

Hết giờ rồi, chổ này ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục học. Chúng ta hôm nay học đến đây.

# Tập 78

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn  
Biên tập: Bình Minh  
Thời gian: ngày 13 tháng 07 năm 2010  
 Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”*, trang 83 hàng thứ 6. Chúng ta bắt đầu xem từ đoạn giữa.

*“Cực lạc quốc độ như thị công đức trang nghiêm bất khả tư nghị. Hựu, bỉ cực lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm. Như thượng sở dẫn, chánh hiển kinh đềtrung trang nghiêm chi nghĩa”.* Chúng ta xem đến chổ này. Đây là chúng ta tiếp tục học hai chữ trang nghiêm trong đề kinh.

Trong kinh Di Đà Đức Phật thường nói đến *“kỳ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm”.* Cực lực tán thán thế giới Cực Lạc, công đức tu hành của chư Phật chư Bồ Tát, đây là “năng trang nghiêm”. Còn quả báo y chánh của thế giới Cực Lạc là “sở trang nghiêm”. Trong kinh đại thừa Đức Phật thường nói: *“tướng do tâm sanh, cảnh tuỳ tâm chuyển, cực lạc thế giới A Di Đà phật, thân hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo”.* Như vậy thế giới Cưc Lạc là thế giới bình đẳng, Phật thọ vô lượng. Người sanh đến tây phương thế giới Cực Lạc, bất luận là phẩm vị nào, cho dù là cỏi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh. Thì thọ lượng, tướng hảo, trang nghiêm của họ với Phật A Di Đà không có gì sai biệt.

Từ chổ này hiển thị công đức giáo hoá của Phật và công đức tu học của chư Bồ Tát, thù thắng biết bao nhiêu! Cho nên trong quả báo chúng ta nhìn thấy công đức tu hành, nhân quả bất nhị. Từ nhân thấy quả, từ quả thấy nhân. Chúng ta sẽ hiểu rỏ, “năng trang nghiêm” là tu công đức\_công đức tu hành. Chúng ta quy nạp lại nói, vô lượng công đức đều không ngoài bồ đề tâm. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi đều đạt đến cứu cánh viên mãn.

Người vãng sanh về cỏi phàm thánh đông cư, chúng ta biết phiền não của họ chưa đoạn. Cỏi phương tiện, đã đoạn kiến tư phiền não, nên công phu của họ, chí ít cũng tu đến tiểu thừa tu đà hoàn, Bồ Tát sơ tín vị của đại thừa. Họ vãng sanh vào cỏi phương tiện hữu dư. Cỏi phương tiện hữu dư cũng có tam bối cữu phẩm. Như vậy chúng ta có thể thấu triệt, tiểu thừa tứ quả tứ hướng. Tứ hướng là sơ quả hướng bất đàm, quả này vẫn ở trong cỏi đồng cư. Sơ quả trở lên đến A la hán là bảy giai cấp, phân phối trong chín phẩm. Chúng ta đại khái cũng biết giai cấp vãng sanh này. Lên cao hơn nữa thì phân biệt cũng đoạn, phân biệt là trần sa vô minh. Chấp trước là kiến tư vô minh. Vô minh chính là phiền não, còn phải phá nhất phẩm vô thỉ vô minh. Không khởi tâm không động niệm, mới có thể sanh vào cỏi thật báo trang nghiêm. Nhưng thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng.

Oai thần đại nguyện của Phật A Di Đà, gia trì cho những người đới nghiệp vãng sanh. Tuy phẩm vị không cao, nhưng có trí tuệ- đạo lực- đức năng- phước báo. Đức Phật thường giảng “trí tuệ đức tướng”, đều đồng với A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điểm này thật không thể nghĩ bàn! Vì sao? Vì ở thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà có thể gia trì. Chư Phật Như Lai của thế giới tha phương tại sao không thể gia trì những chúng sanh đới nghiệp này? Người học Phật chúng ta đều hiểu, Phật Phật đạo đồng. Vì sao Phật A Di Đà thù thắng?

Phật Phật đạo đồng là không sai, trí tuệ cũng đồng, đức tướng tương đồng, tướng hảo tương đồng. Họ có bất đồng, nhưng bất đồng điều gì? Ở chổ phát nguyện bất đồng. Phật A Di Đà phát ra hoằng nguyện xác thực là rất thù thắng. Khi ngài chứng đắc quả vị cứu cánh, những nguyện mà ngài phát tất cả đều hiện thực, không có nguyện nào là hư nguyện, nên thành tựu vô cùng thù thắng trang nghiêm. Ở thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà chưa từng gián đoạn việc giáo hoá. Bồ Tát vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, không có gián đoạn học tập, mổi ngày đều học. Ngạn ngữ có câu: “*Sống đến già, học đến già học không hết”*. Chư Phật Bồ tát ở thế giới Cực lạc.

Đây là ba loại trang nghiêm mà Vãng sanh luận nói, Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm, Quốc độ trang nghiêm. Giáo hoá của Phật không có trung đoạn, không có kết thúc. Học tập của Bồ Tát không có gián đoạn cũng không có kết thúc. Quốc độ thù thắng trang nghiêm, quả báo bất khả tư nghị! Những thứ cần học có thể học hết được chăng. Xưng tánh, tánh đức là viên mãn. Khi chứng đắc là viên mãn. A Duy Việt Trí Bồ Tát, thông thường mà nói thì đã chứng đắc viên mãn. Họ đã buông bỏ khởi tâm động niệm, thật sự đã nhập vào cảnh giới bình đẳng tánh\_ bình đẳng chính là Phật.

Khởi tâm động niệm không còn, đương nhiên cũng không có phân biệt chấp trước. Ở trong cảnh giới này, lên lớp mổi ngày không gián đoạn. Đạo lý này chúng ta có thể lãnh hội chăng? Chư vị trong Tông môn nói “biết không”. Nếu thể hội được, chúng ta thử nghĩ xem, đem nhân sự của ta, nói “*nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý”.* Ở thế giới này của chúng ta, lớn tuổi rồi. Lúc còn trẻ học rộng hiểu nhiều, tuổi đã lớn, ta còn thể lực rất tốt, còn hoàn cảnh rất tốt, thì ta làm sao để tiêu khiển thời quang? Dùng phương thức nào? Trên thế gian này chúng ta thấy, Đức Thế Tôn tuy đã lớn tuổi. Người xưa nói *“đời người sống đến tuổi bảy mươi là xưa nay hiếm”.* Thời cổ đại bảy mươi là tuổi nghĩ hưu. Sau khi nghĩ hưu thì làm gì? dạy học. Thời xưa có gia học, đa số là lợi dụng từ đường để mở lớp dạy học, chính là trường tư thục. Người già đến học đường để dạy học, là việc mà họ vui nhất. Điều này khiến chúng ta có thể từ từ lý giải được, Phật A Di Đà giáo hoá chưa từng gián đoạn. Vì học sinh mới, mổi ngày không biết bao nhiêu, có bao nhiêu người đến. Học sinh mới này, tuy là A Duy Việt Trí Bồ Tát, nhưng được oai thần của Di Đà gia trì, nên họ vẫn còn học tập.

Vì sao? Vì phiền não tập khí của họ chưa đoạn hết, chỉ là trí tuệ thần thông đạo lực của họ, hình như gần giống với Phật, nên Phật gia trì. Khi nào tự mình thật sự đạt được công phu này, mới không cần Phật gia trì. Lúc này ta thật sự chứng được pháp thân, thật sự chứng được pháp thân. Cũng chính là nói ta thật sự đoạn tận vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Không còn nương vào sự gia trì của Phật, tự mình đã thật sự đoạn tận. Điều này phải cần một thời gian mới đoạn tận. Như các vị đại Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí ở thế giới Cực lạc khẳng định là giúp Phật A Di Đà. Giúp đở cỏi phàm thánh đồng cư và cỏi phương tiện hữu dư. Vì Bồ Tát của hai cỏi này chưa kiến tánh.

Có thầy giáo tốt, Phật là thầy giáo. Các vị pháp thân Bồ Tát, Đẳng giác Bồ Tát đảm nhiệm việc trợ giảng, giúp Phật A Di Đà, giúp các vị Bồ tát mới vãng sanh. Quý vị xem, công đức này thù thắng biết bao, hình ảnh này thù thắng biết bao! Trong thập phương thế giới tìm không thấy.

Chúng ta muốn học Phật, muốn ở trong Phật pháp thành tựu viên mãn. Cơ hội này không thể bỏ qua, bỏ qua cơ hội này quả là đáng tiếc. Đức Phật A Di Đà đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Người xưa thường nói, học không chán dạy không mệt. Ở đây chúng ta thấy, ta thử nghĩ học tập của chúng ta, một vấn đề học vài lần là đã không muốn học nữa. Cho rằng học như vậy là không tệ, kỳ thật còn kém quá xa. Vì sao? Bởi chúng ta đã hiểu đạo lý này , bất cứ một sự việc nào, bất cứ cuốn sách nào, không nhất định là kinh Phật. Một số người chỉ học vài lần là đã hiểu. Ở trong pháp đại thừa nói, không có. Vì sao? Học đã hiểu là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh mới được coi là học hiểu*. “Nhât kinh thông, nhất thiết kinh thông”*. Bất luận sách giáo khoa nào đều có thể kiến tánh, nếu không làm sao có thể nói, các pháp bình đẳng không có cao thấp?

Các pháp này chưa hề giải thích đây là Phật pháp. Chưa giải thích là Phật pháp, thì các pháp này chính là tất cả pháp. Vì sao có thể kiến tánh? Nó từ tự tánh hiện ra. Tại sao không thể trở về tự tánh? Trở về tự tánh là kiến tánh. Cho nên pháp không thể nghĩ bàn. Phật không thể nghĩ bàn, pháp không thể nghĩ bàn. Học tập Phật pháp được xưng là Tăng, Tăng là người xuất gia, học tập lục hoà kính, được xưng là Tăng. Bốn người trở lên ở một chổ gọi là tăng đoàn. Tăng đoàn của lục hoà kính cũng không thể nghĩ bàn. Chuyển phàm thành thánh, như vậy thật quá tuyệt! Hiểu rỏ đạo lý này thì có gì mà không thông?

Các cửa đều thông đạo vô thượng. Đạo vô thượng chính là minh tâm kiến tánh. Cửa cửa đều thông, không có thế xuất thế pháp. Thế xuất thế pháp là đối với ai mà nói? Đối với lục đạo phàm phu mà nói. Vì sao họ có thế xuất thế pháp? Là do vọng niệm của họ tạo thành. Nếu họ giác ngộ, thì thế xuất thế pháp sẽ không còn. Nhưng pháp thế xuất thế không còn. Về không gian, thập phương không còn. Về thời gian, tam thế không còn. Đây mới thật sự gọi là nhất chân pháp giới. Quý vị nói pháp nào không bình đẳng? Pháp pháp đều bình đẳng. Nên chúng ta nói thanh tịnh bình đẳng giác. Bình đẳng là pháp bảo, thanh tịnh là tăng bảo, giác là Phật bảo.

Trong danh đề này có tam bảo, có tam học. Tam học là giới định tuệ. Thanh tịnh là giới học, bình đẳng là định học, giác là huệ học. Giới định tuệ tam học, danh đề này đã bao hàm tất cả Phật pháp. Nên bất luận học gì, học đến khi đạt được tam muội, đại triệt đại ngộ, thì môn này mới gọi là thông. Mới như trong kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri”.* Vô tri là gì? Vô tri là tam muội. Trong tam muội nó vốn đầy đủ, gọi là căn bản trí. Từ tam muội khởi dụng, khởi dụng là hậu đắc trí. Hậu đắc trí là “vô sở bất tri”. Nên pháp là bình đẳng, dù bất cứ pháp nào.

Có thể xem thường “Đệ Tử Quy” chăng? “Đệ tử Quy” có thể minh tâm kiến tánh. Khi kiến tánh thì bình đẳng với Hoa Nghiêm, không có gì khác, trước sau bất nhị. “Đệ Tử Quy” là bài học mở đầu. “Hoa Nghiêm Kinh” là bài học cuối cùng. “Kinh Đại Phương Quảng Học Hoa Nghiêm” là thực hiện tánh đức viên mãn cuối cùng, trước sau là một, không phải hai.

Hay nói cách khác, đơn giản như Đệ Tử Quy cũng có thể minh tâm kiến tánh. Quý vị có thể tin tưởng không? Là thật không phải giả. Nên chúng ta phải dùng tâm bình đẳng, thanh tịnh bình đẳng giác, để nhìn tất cả pháp trong thế xuất thế gian. Ta không nên có so sánh, so sánh thì biết khi nào ta mới thâm nhập cảnh giới? biết đến ngày nào ta mới khai ngộ? Dùng thanh tịnh bình đẳng giác, thì pháp nào cũng có thể thành tựu, đều có thể chứng được cứu cánh viên mãn. Ta không thể không biết điều này.

Nên bên dưới ngài dạy: *“Hựu bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm. Như thượng sở dẫn, chánh hiển kinh đề trung trang nghiêm chi nghĩa. Cái pháp tạng nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Trang nghiêm chúng hành, thị kỳ thù thắng nguyện hạnh dã”*. Điều này chúng ta cần phải học. Học như thế nào? Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Học bằng phương pháp nào? Về lý, trong Hoàn nguyên quan Hiền Thủ Quốc sư nói: *“hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến”\_*đây là lý. Rỏ về lý rồi, nên phải đem lý này, ứng dụng trong sinh hoạt hằng ngày. Thì sinh hoạt đó chính là sinh hoạt của Chư Phật Bồ Tát, không phải Bồ Tát thường , mà là pháp thân Bồ Tát.

Khi pháp thân Bồ Tát khởi dụng, Đại Sư căn cứ “Kinh Hoa Nghiêm”, quy nạp có bốn đức. Thực hành tứ đức phải tuỳ duyên diệu dụng. Mổi điều trong tứ đức này. Trong đó cảnh giới không có biên tế, vô lượng vô biên. Nhưng cái đầu tiên phải biết là tuỳ duyên diệu dụng. Tuỳ duyên nói cho dể hiểu là tuỳ thuận chúng sanh, là tuỳ hỷ công đức\_đây là tuỳ duyên.

Còn diệu dụng là gì? Nó ở trong tuỳ duyên, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là người như thế nào? Là Chư Phật Như Lai, là pháp thân đại sĩ, chứ không phải là người thường, có thể hoà quang đồng trần với tất cả chúng sanh, lại không bị nhiễm ô. Vĩnh viễn thường trú trong thanh tịnh bình đẳng giác.

Chúng ta dùng câu đơn giản hơn để nói đó là hằng thuận chúng sanh. Nhất định không bị chúng sanh làm ảnh hưởng. Năng lực này quá tuyệt. Chúng ta thử nghĩ xem, chúng ta rất nhiều phiền não, rất nhiều ưu tư. Tại sao? Vì chúng ta bị hoàn cảnh ảnh hưởng. Đặc biệt là hoàn cảnh nhân sự. Trong cảnh duyên, chỉ một dao động vi tế tâm chúng ta đã bất an. Đây là phàm phu, tâm tuỳ cảnh mà chuyển. Chúng ta bị hoàn cảnh xoay chuyển, chúng ta bị hoàn cảnh khống chế. Hoàn cảnh nhân sự khống chế chúng ta, hoàn cảnh vật chất cũng khống chế chúng ta, hoàn cảnh tự nhiên cũng khống chế chúng ta. Không phải chính là như vậy sao? Khổ không nói hết. Điều này là thật sao? Không, là giả.

Vì sao? Trong kinh điển Đức Phật dạy “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhất thiết hữu vi pháp, như mọng huyễn bào ảnh”. Nó làm sao ảnh hưởng ta được? Không phải cảnh bên ngoài ảnh hưởng chúng ta, mà do vọng niệm của chúng ta. Vọng niệm phân biệt chấp trước, ảnh hưởng thanh tịnh bình đẳng giác của chúng ta, chính là đạo lý này. Thực tế nói thì bên ngoài không ảnh hưởng, bên ngoài thật sự có thể ảnh hưởng, thì chư Phật chư Bồ Tát đều bị ảnh hưởng mới đúng. Vì sao các ngài có thể không bị ảnh hưởng.

Chúng ta bị ảnh hưởng không? Sở dĩ các ngài không bị ảnh hưởng, vì họ đã hoàn toàn thấu triệt thật tướng các pháp. Từ nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến. Đây chính là thấu đáo triệt để thật tướng các pháp. Thấu triệt rồi thì sao? Thấu triệt thì sẽ buông bỏ. Chúng ta ngày nay đã học đại thừa giáo, cũng có thể nói ra được. Ở chổ chúng ta cũng nói qua nhiều lần. Chúng ta đây không phải là chân trí tuệ, chúng ta là nghe nói, nghe chư Phật Bồ Tát nói, chứ không phải cảnh giới của chính mình.

Cho nên ngộ ở đây là giải ngộ, không phải là chứng ngộ. Chứng ngộ mới có kết quả, sẽ không bị ảnh hưởng. Bây giờ chúng ta đã biết là giải ngộ, không phải thân chứng, mà sự chứng đắc của chư Phật Bồ Tát. Nói ra để chúng ta nghe và hình như tôi cũng đã hiểu. Tôi cũng có thể nói ra, nói cũng gần như Chư Phật chư Bồ Tát, không nói sai. Nhưng chúng ta vẫn như vậy, vẫn bị ảnh hưởng. Như vậy là sao?

Nếu là trước đây thì Chương Gia Đại Sư sẽ nói, chúng ta chưa buông bỏ. Nếu thực sự đã buông bỏ, thì chúng ta sẽ không bị ảnh hưởng, mà được đại tự tại. Đó mới gọi là chân ngộ, nếu buông bỏ được gọi là chứng ngộ. Đã biết chưa buông bỏ là giải ngộ. Tín giải hành chứng, ta đang giải. Chúng ta phải thông qua hành. Hành là gì? là trãi qua việc luyện tâm. Người nào cũng đều phải tiếp xúc. Nếu ta không tiếp xúc, lở có người ở hoàn cảnh đó làm chướng ngại ta, thì ta sẽ không thể khai ngộ. Tiếp xúc để làm gì? Rèn luyện! trãi qua việc luyện tâm. Không có trãi qua rèn luyện, chúng ta làm sao có thể chứng quả? Cho nên phải hành, hành là thật sự làm. Thật sự làm chính là thật sự tiếp nhận rèn luyện. Tiếp nhận rèn luyện của người, tiếp nhận rèn luyện của sự việc, tiếp nhận rèn luyện của vạn vật. Giống như Thiện Tài Đông Tử năm mươi ba lần tham học ở trong Kinh Hoa Nghiêm, tiếp nhận rèn luyện của năm mươi ba vị thiện tri thức.

Chịu không được khảo nghiệm, chịu không được rèn luyện, thì vẫn phải lăn lộn trong luân hồi lục đạo, không biết bao giờ mới ra khỏi được. Dù Phật pháp có thông đạt đến đâu, giảng có lưu loát đến đâu cũng vô dụng.

Trước đây, thầy Lý thường nói với chúng tôi, chúng ta sanh tử như thế nào, vẫn là sanh tử như thế đó. Chính là nói chúng ta cũng phải lăn lộn trong lục đạo luân hồi. Trong lục đạo không có gì khác, báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, vẫn là làm những chuyện này. Chúng ta chưa buông bỏ. Điều này nói rỏ, buông bỏ được mới là công phu chân chánh, không còn tính toán. Đối nhân, đối sự, đối vật quyết định sẽ không khởi ý niệm khống chế chiếm hữu. Điều này rất quan trọng. Quyết định sẽ không đối lập với tất cả nhân sự vật. Vì sao? Biến pháp giới hư không giới với chính mình là nhất thể, nhất thể thì làm sao đối lập?

Người xưa dùng răng và lưỡi làm ví dụ. răng và lưỡi có thể đối lập chăng? Răng cắn trúng lưỡi làm lưỡi chảy máu. Lưỡi có cần báo thù không? Nó sẽ không báo thù. Vì sao? Vì nó không đối lập, nó là nhất thể. Hiển nhất thể, khởi nhị dụng. Nhị dụng là y chánh trang nghiêm và duyên khởi của sanh mạng vũ trụ. Nó sanh ra từ đây, và trở về với nhất thể.

Học Phật không có gì khác. Học Phật để biết trở về với nhất thể. Thực sự đã trở về nhất thể, thì gọi là thành Phật.

Hôm nay chúng ta tu học đại thừa, chính là đi trên con đường này. Ta cũng biết, đích thực là chúng ta không có năng lực đoạn trừ phiền não. Cũng chính là chúng ta chịu không được khảo nghiệm. Vậy phải làm sao? Tìm Phật A Di Đà. Đây là bất đắc dĩ mới cầu Phật A Di Đà, đến thế giới Cực Lạc tiếp nhận giáo huấn của Phật A Di Đà. Kỳ thật giáo huấn của A Di Đà Phật, cũng không ra ngoài phạm vi của Đức Thế Tôn. Phật Phật đạo đồng. Cũng không ra ngoài những phương pháp của Phật Thích Ca. Chẳng qua ưu điểm lớn nhất của thế giới Cực Lạc là mỗi trường tu học. Trong nhân sự không có người ác.

Không có người ác, nhưng phải làm sao đoạn trừ phiền não tập khí? Ở thế giới tây phương Cực Lạc, mổi ngày chúng ta có thể tuỳ thời đến mười phương quốc độ học tập. Quốc độ của chư Phật trong mười phương, có thập pháp giới, có lục đạo. Chúng ta đi đâu để tham học, và đến đâu để tiếp nhận khảo nghiệm. Sẽ có Phật lực của Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Ta mê thì Phật sẽ khiến chúng ta hồi đầu. Đây là tình hình tu học ở thế giới tây phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc tu học rất đặc thù. Bản thân ta ở trước Phật A Di Đà, nhưng phân thân ta thì đến tha phương thế giới tham học. Đồng thời có thể phân thân vô lượng vô biên. Đương nhiên năng lưc này, là Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Kỳ thật đây là bản năng tự tánh, có thể đồng thời phân rất nhiều thân. Ở một nơi, ở một thế giới, cũng có thể đồng thời phân vô lượng thân, đồng thời ở vô lượng cỏi của chư Phật, không có một chút chướng ngại nào gọi là sự sự vô ngại. Một mặt là học tập, một mặt là giáo hoá chúng sanh.

Giáo hoá chúng sanh bằng cách nào? Chúng ta đang học tập chính là thị hiện cho người khác thấy. Người căn tánh lợi, vừa thấy liền hiểu rỏ, liền giác ngộ, chính là đạo lý này. Đây là những gì chúng ta phải học. Học như thế nào nhưng phải nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ, chúng ta phải thường ghi nhớ. Bốn đức nhập thế của chư Phật bồ Tát. “Tuỳ duyên” cần phải học “diệu dụng”. Diệu dụng là không bị cảnh duyên làm phiền. Phải học “oai nghi hữu tắc”, oai nghi hữu tắc là giữ quy củ. Như vậy là sao? Đây là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, làm cho chúng sanh thấy.

Trong oai nghi hữu tắc, quan trọng nhất là trì giới, phải làm cho được. Phải thực hành theo “Đệ Tử Quy”, thực hành theo “Cảm ứng Thiên”, và phải thực hành theo “Thập Thiện nghiệp”. Đó là oai nghi hữu tắc. Làm như vậy để mọi người xem. Người đã học Phật, nhìn thấy quý vị như vậy, họ sẽ tinh tấn không giải đãi. Còn người không học Phật, nhìn thấy như vậy, họ sẽ bị cảm động mà phát tâm học Phật. Tự hành trì và hoá độ người khác. Dùng ngôn giáo độ tha được xếp thứ hai, còn thân giáo đứng đầu. Chư Phật Như Lai đều trước dùng thân giáo sau dùng ngôn giáo. Khởi tâm động niệm, ngôn đàm cử chỉ của ta làm họ cảm động . Họ sẽ đến thỉnh giáo chúng ta, và chúng ta giải thích cho họ. Họ phục.

Còn chúng ta chỉ dùng ngôn giáo mà tự mình không làm được. Họ không phục. Điều này ta không thể không biết. Đối nhân tiếp vật “nhu hoà chất trực”, điều này phải học. Nhu hoà thì phải học Bồ Tát Di Lặc, đối đãi với tất cả chúng sanh luôn luôn hoan hỷ vui vẻ, luôn luôn thân thiết như vậy. Vì sao? Bồ Tát biết được là một thể. Trong nhu hoà này có oai nghiêm chăng? Có. Không phải nhu hoà một cách mê muội. Nhu hoà mê muội ta cũng không thể dạy chúng sanh. Nên dạy chúng sanh, như cha mẹ day con cái, và trẻ em. Ân cần và oai nghiêm đều quan trọng, điều này có đạo lý, như vậy mới thật sự nhu hoà chất trực. Nhưng cũng phải tuỳ thời, tuỳ người, tuỳ chổ và tuỳ sự việc. Sự việc gì phải dùng phương pháp nào, để giúp đở tất cả chúng sanh, đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ. Khi nên dùng oai\_oai nghiêm, khi nên dùng nhu\_từ tường. Khi nào nên dùng phương pháp gì, đó là trí tuệ. Trí tuệ để ở trước mắt, “thay chúng sanh khổ”.

Chúng ta ở trên thế gian này, đã sống đến một trăm tuổi, cho dù là một sát na. Một sát na này không thể sống uổng phí trôi qua, mà phải thành tựu trí tuệ đức tướng cho chính mình. Giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, tự lợi lợi tha. Chuyến đi này không uổng phí. Xác thực là đề cao chính mình và giúp đở người khác, đây chính là công đức, đối mình đối người công đức vô lượng, cụ túc trang nghiêm. Đây cũng là Pháp tạng tỳ kheo nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ, trang nghiêm chúng hành. Trong tất cả, chúng ta nói khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đây gọi là chúng hành. Bất cứ hành vi nào, khởi tâm động niệm đều tương ưng với pháp tánh, đều tương ưng với tứ đức.

Tứ đức này chính là tuỳ duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, nhu hoà chất trực, đại chúng sanh khổ đều tương ưng với những điều này. Nếu nói tỷ mỷ hơn nữa, thì ngôn ngữ tạo tác, khởi tâm động niệm tương ưng với “Đệ tử quy” , tương ưng với “Cảm ứng thiên” , tương ưng với “Thập thiện nghiệp” . Đây là điều mục. Tứ đức này là tổng cương, tổng cương lĩnh. Tổng cương lĩnh biết, nhưng ta không biết phải làm sao, phải tỷ mỷ liệt ra từng điều từng điều cho chúng ta. Đây là hạnh nguyện thù thắng. Chư Phật Bồ tát ứng hoá tại thế gian, và biểu hiện ra tất cả, “nhân hành hoạch quả”. Quả chính là chứng.

*“Cố viết, ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hành, quả cảm lạc sát”*. Chúng ta thấy câu này của ngài. Ngã ở đây chính là Phật A Di Đà tự xưng. *“Tại thế giới Cực Lạc, tha dĩ kinh thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hành. Thanh tịnh chi hành năng trang nghiêm, thành tựu trang nghiêm Phật độ thị sở trang nghiêm”.* Tóm lại mà nói, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, phải tương ưng với thanh tịnh bình dẳng giác, thì sẽ xuất hiện thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc là đệ nhất phước địa. Người xưa nói: người có phước ở đất phước, đất phước người có phước ở. Biến pháp giới hư không giới là phước địa đệ nhất. Đệ nhất phước cư, địa phương cư trú. Nên mười phương chư Phật tán thán.

Bên dưới nói: *“cố viết, bỉ cực lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm. Vô lượng công đức thi tập kết đại phước huệ hành. Cụ túc trang nghiêm thị viên mãn quả đức hiện tiền”.* Ở đây, chúng ta cần phải yên tĩnh tư duy và quan sát kỷ càng. Phước của chúng sanh từ đâu mà có? chổ có Phật là có phước. Chổ không có Phật thì không có phước.

Trong kinh Phật nói về bốn châu. Trong kinh Phật giảng Đông tây nam bắc bốn châu. Nam thiệm bộ châu, địa cầu cảu chúng ta thuộc Nam thiệm bộ châu. Đông tây nam châu có Phật Pháp. Bắc câu lô châu không có Phật pháp. Một số kinh nói người ở đó phước báo lớn, thọ mạng dài, đều sống trên một nghìn tuổi. Rất ít đoản mạng, cũng rất ít chết yểu . Tài nguyên vô cùng phong phú, cuộc sống không phải lao lực. Vì thế cuộc sống của họ rất thoải mái, không muốn tu đạo. Nên đây chính là điều đạo Phật nói “*phú quý học đạo nan*”. Cuộc sống của họ quá nhàn nhã, không muốn học điều này. Vậy phước họ hưởng hết rồi thì sao? Phước hưởng hết thì không còn nữa. Dù phước có lớn đến đâu thì cũng đến lúc hưởng hết. Sau khi hưởng hết, phước đã hưởng hết, thì những nghiệp đã tạo trong quá khứ lại hiện tiền. Họ vẫn luân hồi trong lục đạo, vẫn tuỳ nghiệp thọ báo.

Người có phước báo sanh đến cõi trời hưởng phước trời. Trên trời tuy không tạo nghiệp, nhưng phước trời hưởng hết thì phải làm sao? Trong quá khứ ở nhân gian, trong la sát, trong súc sanh, trong ngạ quỷ tạo không ít ác nghiệp, như vậy thì phải thọ báo. Trong địa ngục chỉ thọ báo không có tạo nghiệp, giống như ở thiên đường. Thiên đường cũng chỉ có thọ báo, không có tạo nghiệp. Nhưng cõi trời là phước báo, thiện báo. Còn địa ngục là ác báo, khổ báo. Phước hưởng hết, tội cũng thọ hết. Sau khi tội báo trả xong từ địa ngục ra.

Khi giảng pháp chúng tôi, thường cảnh tỉnh mọi người. Lục đạo không phải một người nào đó kiến lập, mà từ ý niệm của chính mình biến hiện ra. Đúng là nhất thiết pháp từ tâm tưởng sanh. Thiện niệm của ta sẽ biến thành thiên đường, còn ác niệm thì biến thành địa ngục. Thiên đường làm tiêu hao phước báo của ta. Chúng ta có phước phải mất đi. Còn địa ngục tiêu tội nghiệp của ta, gọi là tiêu thọ. Tội tiêu hết, thoát địa ngục. Phước hưởng tận, rời thiên đường . Trong A lại da thức vẫn còn tội nghiệp. Tội tiêu hết, trong quá khứ tạo được thiện nghiệp trong A lại da, do vì thiện nghiệp không lớn, đến không được thiên đường, nhưng sẽ ở lại nhân gian hưởng thụ.

Nhân gian thiện ác hổn tạp, thiện ít ác nhiều. Ngày tháng như vậy làm sao mà sống? Nếu gặp được phật pháp, phước báo lớn nhất, họ được giải thoát. Trong đời này họ đã biết, nhất định phải duy trì thiện niệm không có ác niệm. Chỉ có thiện niệm, chỉ có thiện hành, không còn tạo ác nghiệp, tâm địa từ từ thanh tịnh bình đẳng. Xem tất cả chúng sanh đều là Phật Bồ Tát. Vì sao? Lời Phật nói là thật không phải giả. Tất cả chúng sanh vốn là Phật, vốn là Bồ Tát.

Các bậc cổ thánh tiên hiền nói: *“nhân tánh bổn thiện*”. Tự tánh của tất cả mọi người vốn là thiện. Phật nhìn tất cả chúng sanh, không phải nhìn pháp tướng của họ, mà là nhìn pháp tánh của họ. Từ tánh mà nhìn thì toàn là Phật, không còn khởi phân biệt chấp trước. Phàm phu không có năng lực này, mê và chấp tướng, không kiến tánh! Kiến tánh chính là bình đẳng, chỉ kém một chút. Một chút sai biệt này nhưng ảnh hưởng quả báo thì rất lớn. Đúng là sai chi hào ly, thất chi thiên lý.

Một niệm sai biệt này, đúng là thiên thượng nhân gian, không giống nhau. Nên chúng ta phải khẳng định, chổ nào có Phật pháp là chổ đó có phước. Chổ Phật Pháp hưng thịnh nhất là thế giới Cực Lạc. Làm sao biết nó thịnh nhất? Thập phương chư Phật đều tán thán. Trong Kinh Di Đà chúng ta cũng thấy sáu phương Phật tán thán. Còn trong kinh Vô Lượng Thọ nhìn thấy mười phương Phật tán thán .Những lời Phật nói nhất định không phải là vọng ngữ, quyết định không phải là ỷ ngữ.

Kinh Kim Cang nói: *“Chư Phật Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, bất cuồng ngữ giả, bất vọng ngữ giả”.* Quý vị tin chăng? Sở dĩ không tin Phật nên nghiệp chướng rất nặng. Chúng ta tự mình phải hiểu rỏ là chúng ta tin Phật. Tin ở đây cổ nhân nói là “lộ thuỷ đạo tâm”. Chịu không được khảo nghiệm, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần hiện tiền. Họ sẽ không tin và đã quên Phật. Đây không phải là thật sự tin

Thật sự tin từ đâu đến? Chúng ta là người thường, không phải bậc thượng căn lợi trí, là người bình thường. Tín tâm chúng ta kiến lập phải dựa trên kinh giáo. Chỉ có thông qua học tập kinh giáo, từ từ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mà đạo Phật gọi là tánh tướng lý sự nhân quả, lý giải rỏ ràng minh bạch. Thì chúng ta sẽ thật tâm buông bỏ. Lúc này gọi là tín tâm chân thật. Vì sao? Chúng ta đã thật sự làm.

Chúng ta thấy đại tạng kinh của Phật giáo rất nhiều. Đời này của ta có thể đọc hết chăng? Tôi tiếp xúc qua rất nhiều người sơ học, bàn đến điều này họ đều lắc đầu, tôi làm không được. Chúng ta làm sao để giúp họ? giúp họ cần phải có trí tuệ, và còn phải có kinh nghiệm. Chúng ta đã học nhiều năm như vậy, đã hơn nữa thế kỷ, và hiểu “nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”. Phật giáo nhiều kinh điển như vậy, bất cứ bộ kinh nào cũng được. Tìm một bộ kinh văn tự ít đơn giản, một bộ kinh là có thể giúp ta minh tâm kiến tánh. Vậy giới thiệu bộ nào đây? Ta phải xem căn cơ, vì căn cơ chúng sanh bất đồng. Như một số người bình thường, có thể phổ biến hợp với khế cơ của đại chúng.

Trước đây tôi ở Đài Trung, học kinh giáo với thầy Lý. Tôi tham gia lớp của thầy. Lớp đó thầy dạy đến tháng thứ hai rồi. Thầy đã mở lớp một tháng, tôi đi học vào tháng thứ hai. Lớp này một tuần thầy lên một tiết. Trên thực tế tôi chỉ thiếu có bốn tiết học. Mới bắt đầu thầy dạy kinh gì? Là “A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh”\_kinh điển tiểu thừa, trong kinh A Hàm. Chúng ta nghe tên này thì sẽ hiểu, kinh này rất hợp căn cơ chúng sanh “A Nan Vấn Sự Phật”. Cũng chính là hỏi chúng ta học Phật có gì tốt không? Là lành hay là giữ? Kiết là tốt.

Cuối cùng chúng ta học Phật là kiết hay là hung? Trong kinh này Phật dạy chúng ta học Phật như thế nào sẽ được kiết lợi. Còn học như thế nào, nếu học sai thì bị hung tai. Điều này nói với người mới học Phật rất hay. Thực sự trong kinh này giảng về bốn sự việc.

Đoạn lớn thứ nhất giải đáp vấn đề này. Đoạn lớn thứ hai là dạy không sát sanh. Đoạn thứ ba là giảng về đạo của Thầy trò. Sau cùng là tán tụng của Tôn giả A Nan, cũng chính là chia sẻ học tập tâm đắc của ngài, dùng kệ tụng để nói ra. Đây là giới thiệu cho những người sơ học, rất tốt. Nhưng từ trước giờ chưa tiếp xúc qua Phật pháp. Chúng ta cần giúp họ nhân thức Phật pháp, điều này rất quan trọng. Sau khi làm quen với Phật giáo họ sẽ muốn học. Chúng ta có thể giới thiệu họ bắt đầu từ “A nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh”. Kiên định tín tâm của họ, giúp họ nhận thức sâu hơn nữa.

Nếu họ thật muốn học, thì giúp họ lựa chọ pháp môn. Ở đây có điều kiện chủ quan, và điều kiện khách quan, đều cần phải suy nghĩ đến. Sau đó phải quan sát căn cơ của họ. Nếu người này thật thà, nghe lời, chịu làm, thì người đó thiện căn lớn, nhất định họ sẽ thành công. Gặp đươc, phải giúp đở. Không giúp đở sẽ có lổi với người này. Từ vô lượng kiếp đến nay, lần này đến nhân gian và gặp được rồi, đây gọi là hữu duyên. Có duyên không giúp dở, là có lỗi, đó là không nên. Nhất định nên giúp đở họ. Giúp đở mà họ không tiếp nhận, không sao. Chúng ta phải biết chủng tử Phật đã trồng trong A lại da thức. Đời sau chủng tử này khẳng định gặp duyên sẽ khởi tác dụng. Cho nên Phật độ chúng sanh, tiếp dẫn chúng sanh, giáo hoá chúng sanh là một công việc lâu dài. Không phải nhất thời, mà đời đời kiếp kiếp. Hiển thị đại từ đại bi của Chư Phật bồ Tát. Phật pháp là ở chổ này, giống như trong đã nói *“nhật nguyệt thanh minh, tai lợi bất khởi”*. Sẽ không có tai nạn.

Chúng ta hôm nay nói về hoá giải xung đột, từ từ xã hội an định, thế giới hoà bình. Phật pháp đại thừa thật có hiệu quả! Nên ngày xưa, niên đại bảy mươi, tiến sĩ Thang Ân Tỷ người nước Anh nói. Ông ta nói phải giải quyết vấn đề của xã hội thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa là hiểu biết đúng đắn và thấu triệt. Điều này không phải người thường có thể nói được.

Bây giờ là thế khỷ 21, quả nhiên là một cục diện hổn loạn. Hổn loạn này và thiên tai của địa cầu, trong lịch sử mấy ngàn năm trước không hề có, chưa từng có đại nạn. Điều gì có thể giải quyết? Văn hoá truyền thống xưa có thể giải quyết. Phật pháp đại thừa có thể giải quyết. Cá nhân ta có thể tiếp nhận, có thể thâm tín không thay đổi, có thể thâm nhập kinh tạng y theo giáo pháp mà hành trì. Như vậy thì vấn đề cá nhân sẽ được giải quyết, cá nhân được lợi. Được lợi gì?

Thứ nhất là thân tâm mạnh khoẻ, thứ hai gia đình ấm êm, thứ ba sự nghiệp thuận lợi, thứ tư là chổ ở thuận hoà. Vì sao? Vì ta có phước. Chúng ta có phước thì ở tại chổ này, người ở chổ này cũng có phước, người có phước ở đất phước. Nhờ đó mà xã hội êm ấm, chổ này không có tai nạn. Chúng ta ảnh hưởng, cũng chính là thật sự có thể giúp thế giới được yên bình. Lợi ích rất nhiều, nói không thể hết!

Đây là nói một cách dể hiểu, chúng ta lập tức có thể đạt được, như nhà Phật thường nói *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* . Đây hoàn toàn là sự thật

Lúc tôi mới học, Chương Gia Đại Sư dạy tôi, nếu ta cầu mà không ứng. Đó không phải không ứng, là tự mình có nghiệp chướng. Sám trừ nghiệp chướng. cảm ứng sẽ hiện tiền. Cho nên phải khẳng định thế giới Cực lạc là phước địa thứ nhất, là phước cư đệ nhất. Người sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, là người có phước báo nhất trong biến pháp giới hư không giới. Chúng ta hy vọng chính mình cũng được tham dự vào hàng ngũ này. Điều này chúng ta có thể làm được chứ không phải làm không được.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai bên dưới. Đoạn bên dưới này hoàn toàn là kinh văn, mà Hoàng Niệm Lão đã dẫn chứng ra. Hãy sem sự trang nghiêm thù thắng của thế giới tây phương Cực Lạc. Trang nghiêm những gì? Chúng ta đọc qua nó một chút, giảng giải để lại ở sau.

*“Hựu kinh trung, vinh sắc quang diệu, bất khả thắng thị”.* Thị là xem. Phong cảnh ở đó rất đẹp chúng ta xem không chán. *“Vô lượng quang viêm, chiếu diệu vô cực”.* Thế giới Cực Lạc không cần nhật nguyệt đăng quang. Vì sao? Trên thân mổi người đều có ánh sáng. Tất cả hiện tượng vật chất đều phóng quang, quang minh thế giới. Ánh sáng này nhu hoà không chói mắt, thanh lương. Giống như người trên thế gian này hình dung về ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng mọi người đều thích, nó không nóng. Còn ánh sáng của mặt trời quá nóng, nó là hoả cầu. Quang minh của thế giới tây phương Cực lạc, là nhiều màu sắc, là thanh lương.

“*Bạch châu ma ni dĩ vi giao lạc minh diệu vô tỷ”.* “Ma ni” là tổng xưng của bảo châu. Đây là nói màu trắng trong bảo châu. “Giao lạc” là hệ thống, là trang sức, trang sức phổ biến, minh diệu vô tỷ. *“Hoa quả hằng phương, quang minh chiếu diệu”.* Hoa không tàn, quả sẽ không thay đổi. Nó là thực vật, thực vật trong thế giới này của chúng ta có sanh trụ dị diệt. Thế giới Cực Lạc không có. Tại sao? Sanh trụ dị diệt là biến hoá. Tại sao thế giới này của chúng ta bị biến hoá? Người ở thế gian này có vọng niệm, có phân biệt, có chấp trước. Nên động vật là sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không. Điều này nhà Phật gọi là tứ tướng, bốn loại hiện tướng. Thế giới Cực Lạc không có.

Phàm là người sanh đến thế giới Cực Lạc, mặc dù là đới nghiệp vãng sanh, nhưng do nguyện lực oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Ở thế giới Cực lạc tìm không thấy duyên của vọng tưởng phân biệt chấp trước. Trong A lại da tuy có nhân, chính là ta có tập khí này. Không có duyên, tập khí không phát ra được, không khởi tác dụng. Người thế giới tây phương Cực Lạc không có sanh lão bệnh tử. Nên cây cỏ hoa lá sẽ xanh mãi, trái cây chín hoài, ta có thể hái xuống ăn. Trái cây vĩnh viễn không bị biến hoại. Đây đều là trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

“*Tuỳ phong tán phức, duyên thuỷ lưu phân”.* Đây là nói hoa giữa không trung. *“Vô lượng quang minh, bách thiên diệu sắc, tất giai cụ túc”.* Thế giới này đẹp vô cùng. *“Kỳ diệu trân dị, châu biến hiệu sức, quang sức hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ”.* “Kỳ diệu trân dị” là chúng ta không thể tưởng tượng. Nhưng ở thế giới Cực Lạc đến đâu cũng có thể nhìn thấy. “Hiệu sức” là trang sức ngày nay chúng ta gọi là bố trí. *“Hàm hiển bỉ Phật thế giới cụ túc trang nghiêm châu biến kỳ quốc. Thị trang nghiêm nhất từ trung sở hàm giao sức chi nghĩa”.* Những câu trên kinh này là trích tại đây, nói rỏ ý nghĩa của hai chữ trang nghiêm. Một là giao sức, một là cụ đức. Điều này là hôm nay chúng ta giảng về trang sức, nói rỏ ý nghĩa này.

*“Chí ư cụ đức giả, tắc như kinh đệ cửu phẩm trung như thật an trú cụ túc trang nghiêm”.* Đệ cửu phẩm là “Viên mãn thành tựu phẩm”. Trong kinh văn có như thật an trú cụ túc trang nghiêm. Những điều này ai bố trí? ai thiết kế? Nói với quý vị, thế giới Cực Lạc không có người thiết kế, cũng không có ai đi làm những công việc này, hoàn toàn là tự nhiên. Cảnh giới này thật không thể nghĩ bàn. Trong kinh Phật có nói *“tự tánh pháp nhĩ như thị”*, đây là hiển hiện tánh đức viên mãn, tuyệt đối không phải do người làm.

Thế giới Cực Lạc có, Thế giới của chúng ta có chăng? Chúng ta cũng có, có ở nơi bản thân của chính mình, là thân thể này của chúng ta. Thân thể rất kỳ diệu. Khi cha mẹ sanh ra. Quý vị xem bên ngoài thì mắt, tai, mũi,lưỡi, thân. Còn bên trong thì lục phủ ngũ tạng. Ai thiết kế? ai chế tạo? Nó ở ngay trước mắt. Vấn đề trước mắt tại sao ta không hoài nghi, lại đi hoài nghi thế giới Cực Lạc? Việc trước mắt này quý vị thấy đích thực là không thể nghĩ bàn. Chúng ta cũng có thể dùng câu nói của Phật “tự tánh pháp nhĩ như thị”. Không có ai thiết kế cả. Tự nhiên như vậy. Thế giới Cực Lạc như vậy, thế giới Cực Lạc không có ai thiết kế. Ở đó không có nhà thiết kế công trình, cũng không có nhân viên kỷ thuật trang hoàng, không có! Đẹp không thể tưởng. Nhà thiết kế cao minh đến đâu cũng thiết kế không được như vậy.

Những điều kỳ diệu này đến bao giờ chúng ta mới hiểu được. Minh tâm kiến tánh sẽ biết, lúc hoát nhiên đại ngộ sẽ biết. Như thế nào mới có thể minh tâm kiến tánh? Trong kinh điển giảng rất nhiều, buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, ta sẽ thấy chân tướng. Chân tướng của biến pháp giới hư không giới hoàn toàn sáng tỏ. Thấy được thật tướng các pháp là đại triệt đại ngộ, là minh tâm kiến tánh.

Chúng ta ở thế gian này nghiệp chướng sâu nặng. Trong tâm mổi người đều tự hiểu, ở nơi thế giới này tu hành, muốn đạt đến cảnh giới này là điều không thể. Không có thọ mạng dài như vậy. Nên Phật dạy chúng ta đổi địa điểm, nói theo cách nói bây giờ gọi là di dân. Chúng ta di dân đến thế giới Cực Lạc. Điều kiện mà thế giới Cực Lạc cần là đức hạnh, không cần mang theo tài sản. Những vật cần dùng trong cuộc sống không cần đem theo bất cứ thứ gì. Vì ở đó đã quá viên mãn.

Điều kiện thiết yếu là tín nguyện hạnh. Đó là chúng ta tin tưởng, muốn đi và chịu niệm Phật. Chỉ cần một câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này chính là tín hiệu liên lạc của chúng ta với thế giới tây phương Cực Lạc. Chỉ cần chúng ta niệm không ngừng, thì tín hiệu này sẽ thông, sẽ nhận được. Khi đã nhận được, thì thật sự khi nào muốn đi thì lúc đó đi. Không có hạn chế thời gian, nhưng cần phải tin mới được.

*“Cố tri cực lạc thế giới như thị trang nghiêm giả, cái do ư như thật nhi an trú dã”*. “Như thật an trú” này, làm cách nào an trú? Đem chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi an trú trong tam nghiệp thân khẩu ý của chúng ta. Đây chính là “như thật an trú”. Tâm của chúng ta chân thành, ngôn ngữ chúng ta chân thành, hành vi chúng ta chân thành. Tâm chúng ta thanh tịnh, ngôn ngữ ý niệm chúng ta thanh tịnh. Bình đẳng, chánh giác, từ bi cũng như vậy, Chúng ta đã thật sự an trú. Vì sao phải làm như vậy? Vì người người ở thế giới tây phương Cực Lạc đều như vậy, đều như thật an trú, nên họ cụ tức trang nghiêm.

Như thật an trú là nhân, cụ túc trang nghiêm là quả báo. Nên nguyện thứ 19 “phát bồ đề tâm” trong 48 nguyện, nguyện thứ 18 “nhất hướng chuyên niệm”, như thật an trú. Chúng ta có thể nhất hướng chuyên niệm, làm gì có lý không vãng sanh!

Hôm nay chúng ta niệm Phật, nhưng tại sao không tương ưng? Chính là tâm chúng ta không chân thành. Mặt trái của chân thành là hư nguỵ. Mặt trái của thanh tịnh là ô nhiễm. Mặt trái của bình đẳng là ngạo mạn. Mặt trái của từ bi là tự tư. Mặt trái của chánh giác là mê hoặc, hồ đồ. Chúng ta dùng tâm như vậy nên nó không tương ưng, niệm Phật làm sao niệm tốt được? Vấn đề là ở đây. Nên thế giới Cực Lạc như thật an trú, chúng ta bây giờ cần phải học. Đây chính là tam bối vãng sanh.

Bất luận là thượng trung hạ tam bối, hay là nhất tâm tam bối, đều dạy chúng ta phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm. Tám chữ này chúng ta phải làm được. Phát bồ đề tâm chính là như thật an trú. Đem chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi an trú trong tam nghiệp thân khẩu ý của chúng ta. Như vậy là sao? Chúng ta đã thật sự hạ quyết tâm muốn cầu sanh tịnh độ. Chúng ta không muốn trôi lăn trong lục đạo luân hồi nữa. Lần sau đến thế giới này là vì nguyện lực mà đến, không phải thân nghiệp báo. Giống như chư Phật bồ tát ứng hoá để đến thế gian này. Khẳng định sẽ đến.

Vì sao? Vì có duyên với người thế giới này. Chúng sanh có cảm nhất định có ứng, không phải tự mình muốn hay không muốn đến. Trong muốn hay không muốn đến đó còn có phân biệt chấp trước. Khi phân biệt chấp trước này không còn, chúng sanh ở đây có cảm tự nhiên có ứng. Điều này ở sau khó giải thích,

*“Thật giả, chân thật chi tế dã, thị vị cụ đức”.* Chúng ta đem điều này để vào trong bồ đề tâm. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi\_Đây là đức. *“Hựu đệ thập ngũ phẩm trung”.* Phẩm bồ đề đạo tràng có hai câu như vậy *“nhất thiết trang nghiêm, tuỳ ứng nhi hiện. Thử chánh hiển sự sự vô ngại pháp giới chi viên minh cụ đức dã”.* Ở trước trong thập huyền chúng ta học qua.

“Sự sự vô ngại”, đây là giảng đến cứu cánh viên mãn. Còn trong các kinh đại thừa khác giảng đến lý sự vô ngại. Chỉ có Hoa Nghiêm giảng đến sự sự vô ngại. Ở trong kinh này, cũng có rất nhiều kinh văn, ví dụ sự sự vô ngại. Trang nghiêm chúng ta học đến đây. Câu ở dưới là thanh tịnh, chính là thanh tịnh bình đẳng giác.

*“Thanh tịnh giả, thân khẩu ý tam nghiệp, ly nhất thiết ác hành phiền não cấu nhiễm chi vị”.* Đây là tổng thuyết cái gì gọi thanh tịnh. Thân, tạo tác của thân, ngôn ngữ của miệng, ý niệm của ý. Đây gọi là ba nghiệp. Ly nhất thiết ác hành, không có hành vi ác. Tiêu chuẩn của ác này là mặt trái với thập thiện \_thập ác. Như vậy chúng ta sẽ hiểu, thân lìa sát đạo dâm. Khẩu lìa vọng nghiệp, ỷ ngữ, ác khẩu. Ý niệm lìa tham sân si\_ không tham, không sân, không si. Như vậy gọi là tu thập thiện. Người tu thập thiện chơn chánh chính là Bồ Tát.

Còn ác hạnh là loại phiền não thứ hai. Phiền não thông thường chỉ kiến tư phiền não, trần sa phiền não. Kiến tư phiền não trong Hoa Nghiêm gọi là chấp trước. Trần sa phiền não là phân biệt. Do đó tất cả pháp trong thế xuất thế gian không còn chấp trước. Không còn chấp trước, tâm chúng ta được thanh tịnh.

Tâm vì sao không thanh tịnh? Vì không lìa được chấp trước. Tâm vì sao không bình đẳng? Do không lìa được phân biệt. Chúng ta đều biết, buông bỏ chấp trước , tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền. Buông bỏ phân biệt, tâm bình đẳng hiện tiền. Chúng ta cần phải ở chổ này nổ lực, không nên chấp trước quá đáng. Bất cứ việc gì có thể bỏ qua được thì rất tốt. Trong sinh hoạt hằng ngày, trong công việc và đối nhân xử thể tiếp vật.

Đạt đến một tiêu chuẩn, nên người xưa nói lễ tiết. Cái gì là lễ? có tiết độ, có tiêu chuẩn. Đạt đến tiêu chuẩn này là được, không nên vượt qua, cũng không nên không đạt được. Như vậy là tốt. Ở chổ này, công việc, tiếp vật, đối nhân xử thế trong sinh hoạt, phải học tâm thanh tinh, tu tâm bình đẳng. Cũng chính là nói cố gắng buông bỏ phân biệt chấp trước

Cái sau cùng là giảng về cấu nhiễm. Cấu nhiễm ở đây gọi là nhiễm ô. Nhiễm ô chỉ điều gì? Phải làm nhạt thất tình luch dục. Thế giới này của chúng ta gọi là uế độ. Thế giới tây phương Cực Lạc gọi là tịnh độ, tịnh độ chính là không có nhiễm ô. Trong nhiễm ô quan trọng nhất là tình chấp, rất nặng nề. Tham sân si mạn là nhiễm ô. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần. Những thứ này nhiễm ô tự tánh, nên nhất định phải lìa bỏ nó.

“*Thám huyền Ký vân, tam nghiệp vô quá vân thanh tịnh”.* Tam nghiệp là thân khẩu ý. Bên dưới nói: *“Cái vị thân khẩu ý tam nghiệp giai vô quá thất dã”,* đây là Bồ Tát. Địa vị thấp nhất là A la hán. A la hán đã làm được. “Hựu thanh tịnh độ”, chỉ tịnh độ. Thân thanh tịnh, chỉ thân Phật. Người thanh tinh, chỉ Như Lai. Đây là giảng về thanh tịnh. Tiêu chuẩn chính là tam nghiệp không sai lầm. Tam nghiệp không sai lầm là người. Người này là ai? Người này là Phật. Thân thanh tịnh là thân Phật.

Phật ở đây, Thiên Thai đai sư giảng có sáu loại Phật. Lý tức Phật, nghĩa là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả chúng sanh bản lai là Phật, rất gần với cách nói của người xưa nói: “nhân chi sơ tánh bổn thiện”. Tánh người vốn thiện, đây là tự tánh. Biến thành bất thiện là tập tánh, không phải bản tánh của chúng ta. Nên Phật Bồ Tát nhìn người, tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh. Vì sao? Các ngài nhìn bản tánh của con người chứ không nhìn tập tánh. Vì sao? Vì bản tánh mới là thật, vĩnh hằng không thay đổi.

Chúng ta hiện tại tuy bất thiện, bất thiện tương lai sẽ trở thành thiện. Vì sao chúng ta bất thiện? Vì ta mê. Sẽ có ngày ta giác ngộ. Giác ngộ rồi, thì những bất thiện đều buông bỏ hết. Nên thiện là thật, bất thiện là giả. Như chúng ta thấy một người, người rất tốt, người tốt. Uống rượu say rồi quậy phá. Chúng ta biết người này rất tốt, nên khi tĩnh rượu là không còn việc gì nữa, hà tất phải tính toán?

Ngày nay chúng ta thấy người tạo tội nghiêp sâu nặng, cũng không nên để trong tâm. Giống như chúng ta thấy người rất tốt vậy. Phật Bồ tát nhìn tất cả chúng sanh làm ác này, đều dùng cách này. Nên các ngài luôn luôn từ bi, không đem những người ác, việc ác, hành vi ác này bỏ trong tâm, tuyệt đối không có. Nếu các ngài để trong tâm thì tâm họ sẽ bị nhiễm ô. Chỉ có người mê muội tự tánh, mới đem sai lầm của người khác để trong tâm của mình, thật không đáng! Chính mình làm sao? Tâm chính mình là lương thiện, biến thành thùng rác của người khác. Quý vị nói như vậy thông minh chăng? Lương tâm thiện tâm của chính mình, lại đem bỏ rác của người khác, bỏ nhiễm ô của người khác. Như vậy là sai.

Chúng ta học Phật, phải học Đức Phật nhìn chúng sanh như thế nào. Phật nhãn nhìn tất cả chúng sanh toàn là Phật, nhìn mọi việc đều việc tốt. Người người đều người tốt, việc việc đều việc lành. Làm ác cũng là việc tốt. Vì sao? Vì tốt xấu hai nhị biên đều không thể được. Có pháp thân Bồ Tát nào không nhập bất nhị pháp môn? Nhập bất nhị pháp môn, nhị biên đều đã rời, trung đạo cũng không có, tâm thanh tịnh chơn chánh hiện tiền. Vì vậy trên A la hán thì tam nghiệp đều đã thanh tịnh. Càng hướng lên trên thì trình độ thanh tịnh càng sâu. Dưới đây đưa ra   
 “Vãng Sanh Luận”, *“hựu Vãng Sanh Luận vị, tam chủng trang nghiêm nhập nhất pháp cú, nhất pháp cú giả thanh tịnh cú”.* Ba loại trang nghiêm này, ở trước chúng ta đã học qua: Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm, Quốc độ trang nghiêm. Ba loại trang nghiêm này nhập nhất pháp cú. Nhất pháp cú là thanh tịnh cú. *“Thanh tịnh cú chân thật trí huệ vô vi pháp thân”.* Đây là tự tánh đầy đủ trí tuệ đức tướng. Sau khi khai ngộ Ngài Huệ Năng có nói: đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ. Chính là ý này.

*“Thử dữ kinh đề trung, trang nghiêm thanh tịnh diệu hợp thiên nhiên. Tam chủng trang nghiêm giả, vô lượng trang nghiêm dã. Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm, Quốc độ trang nghiêm”.* Mổi loại đều vô lượng trang nghiêm. *“Kim tề nhập nhất thanh tịnh cú trung”,* tam chủng trang nghiêm nhập nhất thanh tịnh cú, *“thị nhất thiết tức nhât”,* đảo ngược lại nhất tức nhất thiết. Đây gọi là bất nhị pháp môn.

Thanh tịnh, từ trong ý này mà nói, chính là tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ đức tướng. Trong kinh Hoa Nghiêm Thế Tôn thường nói, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai , không phải từ bên ngoài tu vào. Trong tự tánh vốn đầy đủ. Khi nào chúng ta buông bỏ hết chướng ngại, nó sẽ hiện tiền. *“Hựu kinh vân, tâm tịnh tắc Phật tịnh độ, biểu nhất tức nhất thiết. Hoa Nghiêm huyền chỉ, hựu ư thử xứ kiến chi”.* Tâm tịnh tức Phật tịnh độ, câu này xưa nay chư vị tổ sư trong khi giảng dạy chú giải dẫn chứng rất nhiều. Nên chúng ta đối với câu này rất quen thuộc.

Chúng ta biết, nhưng không làm được. Vì tâm chúng ta không thanh tịnh, nên hoàn cảnh cư trú của chúng ta cũng không thanh tịnh. Nếu tâm chúng ta thanh tịnh, thì hoàn cảnh cư trú của chúng ta hiện nay sẽ thanh tịnh. Ta cần phải có tín tâm, phải khẳng định cảnh tuỳ tâm chuyển, tướng do tâm sanh. Cũng chính là nói tướng tuỳ ý niệm của chúng ta mà đang chuyển biến. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. “Nhất” ở đây chính là tâm. “Nhất thiết” chính là tất cả pháp. Tất cả pháp từ đâu đến? Từ tâm tưởng sanh. Tất cả pháp không rời nhất tâm, nhất tâm hiện tất cả pháp. Đây là diệu chỉ của Hoa Nghiêm. Huyền là huyền diệu.

Chúng ta tu học bất luận tu pháp môn nào, thì đó là phương pháp, là con đường. Tu điều gì? Tu tâm thanh tịnh. Chúng ta sẽ thật sự hiểu chúng ta tu là gì. Tâm thanh tịnh hiện tiền là vô lượng công đức. Tâm người thanh tịnh, thân đương nhiên thanh tịnh. Thân tâm mạnh khoẻ, không có bất cứ bệnh gì. Hiện nay người phương tây rất coi trọng chữa lành bệnh. Đau bệnh như vậy làm sao tri liệu? Làm sao trị lành nó? Tâm thanh tịnh thì toàn bộ đều tốt. Bây giờ họ đã hiểu đạo lý này. Đây là nền khoa học vừa mới hưng khởi. Đều chú ý đến và làm qua rất nhiều lần thực nghiệm, chứng minh ý niệm này có năng lượng rất lớn. Nếu không ngừng tiếp tục làm thực nghiệm, tôi tin tưởng hai ba năm, nhất định sẽ khẳng định, xác định thành lập khoa học mới hưng khởi này.

Ý niệm có thể trị lành tất cả, không những bệnh của thân thể, mà vấn đề trong gia đình, thậm chí nói đến những thiên tai của địa cầu ngày nay. Ý niệm có thể chuyển biến được nó. Bây giờ mọi người coi trọng việc cầu đảo, địa cầu thiên tai quá nhiều. Phát động mọi người cùng nhau cầu nguyện, có hiệu quả không? Có hiệu quả. Tôi không hoài nghi chút nào, nhưng đây là tri ngọn, không phải trị góc. Chỉ vài ngày không cầu nguyện, thì đâu lại vào đấy. Nên đây không phải trị gốc, trị ngọn có hiệu quả.

Trị gốc, trị gốc phải giáo dục. Giáo dục của đức Phật, giáo dục Khổng Mạnh. Giáo dục Khổng Mạnh với giáo dục Phật học đại thừa, mới có thể giải quyết tất cả vấn đề. Điều này ta không thể không biết, không thể không siêng năng học tập.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 78**

# Tập 79

Chuyển ngữ: Nhật Chí

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: ngày 14 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. mời quý vị xem “*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”,* trang 84, bắt đầy xem từ câu thứ hai, hàng thứ sáu từ dưới lên.

*“Hựu Hán dịch xưng A Di Đà Phật vi Vô Lượng Thanh Tịnh Phật*”. Trong năm bản dịch, bản dịch của triều Hán. Đề kinh là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Đề mục này khi Hạ Liên Cư hội tập đã áp dụng, nghĩa là nửa sau của đề kinh hiện nay.

Trong kinh Phật xưng A Di Đà Phật, chính là *“Vô Lượng Thanh Tịnh Phật”.* Bốn chữ A Di Đà Phật này là tiếng Ấn Độ, tiếng Phạn của Ấn Độ xưa, có thể phiên dịch thành “*Vô Lượng Thanh Tịnh Phật”*. A dịch là VÔ, DI ĐÀ dịch là LƯỢNG, PHẬT dịch là GIÁC. Trong đề kinh chúng ta thấy Thanh Tịnh – Bình Đẳng – Giác. Dùng một chữ GIÁC này, tức Thanh Tịnh Bình Đẳng ở trên, đều bao gồm cả trong đó rồi. Cho nên, chúng ta gọi Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, cũng chính là hàm nghĩa Phật A Di Đà. Cho nên trong đề mục này, tên của Phật, tên của Bồ Tát đều mang ý nghĩa rất thâm sâu. Nó là tượng trưng, tượng trưng cho pháp môn này. Pháp môn cũng giống như các khoa mục ở nhà trường của bây giờ vậy. Quí vị nghiên cứu hạng mục nào, thì nó đại diện cho hạng mục đó.

Trong hạng mục này có 3 cấp bậc. Thứ nhất là Thanh tịnh, thứ hai là Bình đẳng, thứ ba là Giác mà không mê. Chổ này vẫn đang giảng đề kinh. Trong đề kinh bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Ba ý nghĩa này là đại diện cho ba sự thành tựu của việc tu học. Ba cái đều coi là thành tựu, giống như học vị ở nhà trường hiện nay vậy. Tức là nói đến Tiến sĩ, Thạc sĩ và Cử nhân. Trường học bây giờ đều chia thành như thế.

Trong đạo Phật cũng có học vị, học vị cao nhất là Đức Phật, học vị thứ hai là Bồ Tát và học vị thứ ba là A La Hán. Trong đề kinh này, vừa đúng đã hiển thị ba học vị này. Nếu quí học Phật đạt được tâm thanh tịnh, vậy quí vị là A La Hán. Học vị thứ nhất quí vị đã đạt được.

Thế nào gọi là thanh tịnh tâm? Kiến Tư phiền não ở trong lòng quí vị buông xả hết, không còn nữa. Nếu lấy tiêu chuẩn trong kinh Hoa Nghiêm để nói, thì đối với mọi việc của thế gian không còn chấp trước nữa. Vì sao? Bởi ta đã hiểu rõ tất cả pháp trong thế gian đều không thật. Như trong kinh Kim Cang nói: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyển bào”. Nó không phải thật. Đến thân của chính mình cũng không phải thật, huống gì là vật ngoài thân.

Vậy tại sao ta không buông xả? không buông xả là sai. Tâm ta đã bị nhiễm ô, trong tâm có phiền não chính là nhiễm ô. Cho nên tâm thanh tịnh, phải thành tựu công phu này, thì thật sự đạt được thanh tịnh. Đây là học vị thứ nhất.

Lên cao hơn nữa, chẳng những chúng ta không còn chấp trước đối với tất cả pháp mà đến ý niệm phân biệt cũng đều không có. Điều này quả thật rất cao, đây là Bồ Tát. Quí vị đã đạt được học vị thứ hai.

Cao lên hơn nữa. Chẳng những không còn phân biệt, mà khởi tâm động niệm cũng đều không có, như như bất động. Đây chính là GIÁC, giác mà không mê. Đây là học vị cao nhất, là Phật. Cho nên thanh tịnh là A La Hán, bình đẳng là Bồ Tát và giác là Phật.

Giáo dục của đức Phật dạy điều gì? Mục tiêu cuối cùng chính là khiến ta đạt được điều này. Đây là tự tánh. Trong tâm thanh tịnh của tự tánh, vốn đầy đủ. Mọi người đều có. Cho nên đức Phật nói hết thảy chúng sanh vốn là Phật. Bởi vì tánh Phật này quí vị đã có sẵn. Đã có, tại sao bây giờ lại không có? Vì mê. Mê trong cảnh giới của hư vọng, ở trong đó ta khởi lên tự tư tự lơi, khởi lên ý niệm này, khởi lên thị phi nhân ngã , khởi lên tham sân si mạn. Quí vị đã bị ô nhiễm. Ô nhiễm, thì gọi là phàm phu. Ta vốn là Phật, bây giờ gọi là phàm phu. Phàm phu trong mắt Đức Phật, vẫn là một vị Phật. Bởi vì Phật nhìn vào tự tánh của quí vị, chứ không nhìn vào tập khí của quí vị.

Trong Tam Tự Kinh nói: “*Nhân chi sơ tánh bổn thiện*”. Bổn thiện là gì? Thanh tịnh Bình đẳng Giác là bổn thiện. Đó không phải do ta giác ngộ được. Trong bản tánh của ta vốn có, bây giờ mê mất bản tánh, nên bản tánh không thể khởi tác dụng. Không phải không khởi tác dụng, cũng khởi tác dụng, nhưng khởi tác dụng lệch lạc. Tác dụng đã lệch lạc, thanh tịnh biến thành phiền não. Trong giáo lý Đại thừa nói biến thành Kiến tư phiền não, Bình đẳng biến thành Trần sa phiền não, Giác biến thành Vô minh phiền não. Tất cả đều đã biến chất. Cho nên, giáo lý Đại thừa dạy chúng ta “phiền não tức Bồ đề”. Khi đã giác ngộ, thì ba loại phiền não sẽ trở về Thanh tịnh Bình đẳng Giác vốn có.

Hiện tại quí vị đang mê, nên đã biến chất. Biến thành 3 loại phiền nào này, chính là ý nghiã này. Phiền não là giả. Vì sao? Tánh của nó có thể thay đổi. Nó sẽ biến đổi. Còn Thanh tịnh Bình đẳng Giác là chân thật vĩnh hằng không thay đổi. Mặc dù chúng ta bây giờ đang ở trong nhân đạo, trong phàm phu. Hoặc giả trong tương lai quí vị đọa vào cõi Súc sanh, Ngã quỷ hay đọa vào Địa ngục thì Thanh tịnh Bình đẳng Giác này có còn hay không? Thưa, vẫn còn. Nó không bao giờ thay đổi, chỉ là ta càng mê càng sâu, nên phiền não đã gây ra biết bao khổ đau. Khổ đau như trong giấc mộng, không phải chân thật, thức tĩnh rồi thì không sao cả. Thức tĩnh chính là giác ngộ.

Ở trước tôi có nói với quý vị, Thanh tịnh tâm hiện tiền tức là quí vị đã thức tĩnh. Thức tĩnh thì Lục đạo không còn nữa. Vì Lục đạo này vốn không thật, là giả, giống như một giấc mộng mà thôi. Tĩnh ngộ là thuộc thế giới nào? Tĩnh ngộ rồi là pháp giới của tứ Thánh, vượt ra ngoài Lục đạo, không còn Lục đạo nữa. Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật, 4 pháp giới này sẽ hiện ra. Nhưng 4 Pháp giới này vẫn còn ở trong mộng. Lục đạo là mộng trong các mộng. Điều này chúng ta không thể không biết. Không còn khởi tâm, động niệm nữa thì mới là chân thật tĩnh ngộ. Tĩnh ngộ thì mười Pháp giới không còn. Mười pháp giới là giả, không phải thật. Từ đâu có mười pháp giới? Từ vọng niệm sanh khởi vậy. Đạo lý này rất thâm sâu. “Kinh Hoa Nghiêm” đã nói rõ ràng rồi. Điều này, cũng như những gì thầy Phương Đông Mỹ nói. Triết học tối cao, khoa học tối cao , Khoa học và Triết học đều muốn giải giải quyết vấn đề này. Bây giờ khoa học đạt tới đỉnh cao, chúng ta rất bội phục, khoa học và Phật pháp càng ngày càng xích lại gần nhau. Từ từ trong kinh Phật nói trong ba ngàn năm trước, bây giờ Khoa học đã chứng minh. Tuy đã chứng minh, nhưng với Phật pháp vẫn còn cách một bậc. Đạo lý này trong kinh Phật nói rất rõ ràng. Giới khoa học và các nhà triết học trên thế gian, họ sử dụng tâm như thế nào? Họ dùng tâm phân biệt để nghiên cứu. Dùng tâm chấp trước, tâm phân biệt. Chấp trước là Mạt na thức, Phân biệt là Đệ lục Ý thức. Trong 8 thức, công năng của 2 thức này rất lớn, phạm vi hoạt động của nó vô cùng rộng. Trong kinh đã nói cho chúng ta biết, Ý thức, đối với bên ngoài có thể duyên đến Hư không pháp giới. Ngày nay chúng ta gọi là Thế giới vĩ mô, đối bên trong có thể duyên đến A lại da. Đó là Lượng tử lực học\_ Vi mô thế giới. Hiện giờ Khoa học đang đi trên hai loại cực đoan này. Hai cực đoan này, trong kinh Phật đã nói rõ hơn so với các nhà Khoa học . Giới khoa học đã duyên đến A lại da, rất lợi hại, chúng ta không thể không khâm phục. Họ cho chúng ta biết, trong vũ trụ chỉ có 3 loại, ngoài 3 loại này ra, cái gì cũng không có. Ba loại đó là gì? Vật chất, Năng lượng và Thông tin. Ba loại này là 3 tướng nhỏ nhiệm của A lại da. Nghiệp tướng của A lại da chính là Năng lượng mà Khoa học gia đề cập đến. Chuyển tướng của A lại da chính là Thông tin mà họ đã nói và Cảnh giới tướng của A lại da chính là Vật chất mà họ từng nói. Tên tuy bất đồng nhưng sự việc lại giống nhau.

Ba ngàn năm trước, thời của Đức Phật Thích ca Mâu ni không có công nghệ gì cả, nhưng tại sao Ngài lại biết rõ ràng như vậy? Nhà khoa học phát hiện được 3 loại này, rất giỏi. Nhưng 3 loại này từ đâu mà có? Họ không nói được. Họ chỉ có thể nói 3 loại này đột nhiên phát sinh, nhưng tìm không ra nguyên nhân. Trong kinh Phật nói, nó có nguyên nhân. Điền này Khoa học và Triết học không thể với tới. Tại sao vậy? Bởi vì, vấn đề này phải dùng đến tâm thanh tịnh mới có thể quan sát được. Do đâu đức Phật có thể biết? Nhà Phật tu thiền định. Trong thiền định, nếu đạt được trạng thái lắng đọng thâm sâu thì có thể thấy được, bởi vì thiền định có thể đột phá rào cản của không gian, cảnh giới hiện lượng, tự mắt họ nhìn thấy được. Một tí cũng không giả dối.

Quí vị tu thiền định đạt đến trình độ đó, quí vị cũng thấy được. Họ tu đạt đến trình độ như thế, họ cũng có thể thấy. Đạt trình độ nào? Trong kinh Hoa Nghiêm, hàng Viên giáo sơ trụ Bồ tát sẽ thấy được. còn trong Biệt giáo thì nói Sơ địa Bồ tát. Có loại công phu này, cũng chính là điều chúng tôi thường giảng.

Sáu căn của chúng ta: mắt nhìn sắc, tai nghe tiếng; sáu căn tiếp xúc với cảnh vật bên ngoài, nếu không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì quí vị sẽ thấy cảnh giới này hiện ngay trước mắt. Kinh Hoa Nghiêm nói, cấp bậc của Bồ tát trong Thế giới Hoa tạng, có tất cả 41 cấp bậc. Chúng ta thử nhìn lại Tịnh độ xem, Cửu phẩm, Tam bối, Tứ độ trong thế giới Tây phương cực lạc, cùng với ý nghĩa của Hoa Tạng là một không khác. Nhưng thế giới của Cực lạc và Hoa Tạng, có nhiều điểm không tương đồng.

Ở thế giới Hoa Tạng, nhất định không được khởi tâm động niệm, thì mới có thể chứng được. Cấp bậc của Tây phương Tịnh độ thì không cao như thế. Chỉ cần quí vị lắng đọng phiền não, không đoạn chỉ lắng đọng thôi, thì quí vị có thể sanh về thế giới Cực lạc, sự khác biệt này vô cùng lớn. Cho nên, được mười phương chư Phật khen ngợi. Hôm qua tôi đã nói với các vị, học Phật tu Tịnh độ, một lòng cầu sanh thế giới Cực lạc. Còn hôm nay, chúng tôi nói vấn đề di dân, di dân sang thế giới Cực lạc. Nơi đó, hoàn cảnh rất tốt, đó là không gian vũ trụ. Mọi thứ trong quốc độ của chư Phật, phước báo vô cùng lớn, không có phước báo nào lớn hơn ở đây. Vậy thì quí vị hiểu được, chúng ta phải tu tập phước báo rất lớn, phước báo vô lượng vô biên. Tu pháp môn nào đây? Niệm Phật A Di Đà, chính là phương pháp này. Chúng ta, mỗi người đều niệm A DI ĐÀ PHẬT, phước báo của mỗi người vẫn có sự sai khác. Sự sai khác này, do đâu mà có? Do dụng tâm không giống nhau. Chúng ta dùng tâm tạp loạn để niệm Phật, còn họ thì dùng tâm thanh tịnh niệm Phật. Vậy chúng ta có phước báo, nhưng phước báo của ta không bằng họ. Tâm họ thanh tịnh. Người kia dùng tâm bình đẳng niệm Phật, phước báo của họ lại lớn hơn. Còn có người dùng tâm Thanh tịnh Bình đẳng Giác để niệm Phật, như vậy càng lớn hơn nữa. Không giống nhau. Phật hiệu thì giống, nhưng công đức của họ cảm được thì không giống. Đây là do sự dụng tâm của chúng ta. Cho nên, trong Kinh luôn khuyên bảo chúng ta: “Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Điều này rất quan trọng, phải chú tâm, một lòng chuyên chú. Lúc niệm Phật, hãy buông bỏ tất cả, trong tâm đừng nhớ nghĩ điều gì khác, chỉ nhớ A DI ĐÀ PHẬT, “nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”, chỗ nào có Phật thì có phước báo, chỗ nào không có Phật thì không có phước báo. Điều này nhất định phải biết. Những nơi không có phước báo, chúng ta là người niệm Phật, hãy đem phước báo niệm Phật của mình hồi hướng cho ở đó, phải giúp đỡ nơi đó. Nơi nào không có phước báo, như vùng quê. Có thể giúp được sao? Có thể. Bây giờ khoa học đã chứng minh, ý niệm của chúng ta, thường hay nghĩ đến một nơi nào đó, thì ý niệm này lập tức đi đến đó. Phước báo của chúng ta, trí tuệ của chúng ta, công đức của chúng ta cũng vậy, sẽ bay đến nơi đó. Người ở bên đó có thể tiếp nhận không? Chúng ta không phải lo vấn đề này. Khẳng định họ sẽ nhận được tin tức của chúng ta. Nhưng có tác dụng hay không, thì phải xem mức độ phiền não của họ. Phiền não của họ dày quá, nghiệp chướng nặng quá, tuy nhận được nhưng họ cũng chẳng có cảm giác gì. Như chúng ta bị tê liệt vậy. Nếu phiền não của họ nhẹ, họ có trí tuệ, thì họ sẽ cảm nhận được. Cái này, Phật, Bồ tát gọi là Phật lực gia trì. Phàm phu chúng ta đích thực cũng có loại năng lực này. Chỉ cần tâm chúng ta thanh tịnh, chỉ cần chúng ta thật sự có nguyện lực này, chúng ta hãy hồi hướng việc tu học của mình cho họ, thì họ có thể được lợi ích. Những sự việc này, trước đây rất khó nói, vì quá huyền nhiệm, ai có thể tin đây? Chỉ có người chân thật hiền lành mới có thể tin tưởng.

Khoa học bây giờ giải quyết được nhiều việc, đặc biệt là ngành Lượng tử lực học. ngành khoa học này mới phát triển, vừa mới bắt đầu, rất tân tiến. Sở dĩ chúng ta có thể lãnh hội được, sau 3 đến 5 năm nữa, ngành khoa học này sẽ được tuyên truyền rộng rãi với công chúng. Nó khẳng định ý niệm chi phối tất cả. Đây chính là chỗ mà trong kinh Đại thừa Phật thường nói: “Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh”. Môn khoa học này nếu như được phổ biến phát huy, thì xã hội của chúng ta sẽ được cứu, những thiên tai trên trái đất của chúng ta cũng được cứu. Bây giờ mọi người không có biện pháp nào, không biết phải làm sao. Các nhà lượng tử lực học chứng minh, sơn hà đại địa là có cơ thể, cùng với chỗ nói trong kinh Phật không khác. Bồ tát Di Lặc cũng cho chúng ta hay rằng: “Một khảy mống tay này có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”, mổi niệm được hình thành. Đây chính là vật chất. Vật chất từ đâu đến? Từ nơi ý niệm chứa nhóm mà biến hiện ra, “Hình giai hữu thức”. Thức là cái gì? Nó có tác dụng tinh thần, vật chất và tinh thần không bao giờ tách rời nhau. Trong vật chất có tinh thần. Tinh thần có thể thu nạp thông tin từ bên ngoài. Nếu như thông tin ấy tốt lành, là thanh tịnh, là thiện, thì những thiên tai trong sơn hà đại địa này cũng không còn, có thể khôi phục lại bình thường. Nhiệt độ quả đất tăng cao, rắc rối to rồi. Sức mạnh nào có thể khiến nó khôi phục bình thường? Ý niệm.

Nếu trên thế gian của chúng ta, thế giới này, có một phần ngàn người, trong 1000 người có một người, suy nghĩ lương thiện, suy nghĩ trong sạch, thì thiên tai có thể giảm bớt đi. Còn nếu như nói thế gian của chúng ta đây, có thể làm được 1/100 thôi, trong 100 người, hết 99 người là tà tri tà kiến, còn một người có chánh tri chánh kiến, thì tai họa trên trái đất này có thể sẽ không còn. 99 người tạo nghiệp, họ hưởng phước báo từ nơi một người có chánh niệm. Tại sao? Chúng ta có thể tin tưởng. Ông bà thường nói, tà không thắng chánh. Vậy 99 người kia đều tà, không thắng được một người chánh, chuyện này rất có đạo lý. Cho nên chúng ta hãy tin tưởng chớ nghi ngại.

Chúng ta muốn thay đổi mình, thì tu học Phật pháp là một thực nghiệm, làm thực nghiệm chính với bản thân mình. Suy nghĩ của mình thiện, hiện tại chúng ta nói tâm rất tốt, tâm thiện lương, không có ác niệm, không có phiền não, không có lo âu, không bị trói buộc, không bị áp lực, như vậy Bạn là người rất tự tại, sức khỏe trường thọ, không bị già yếu, không dùng bất cứ thứ gì để tẩm bổ, chẳng cần thiết. Không cần dùng đến thuốc men. Có bệnh, có bệnh thì tự nó sẽ khỏi. Bệnh từ đâu có? Bệnh từ nơi ý niệm bất thiện sanh ra. Phật nói cho chúng ta biết, tham, sân, si là Tam độc. Cái này rất tai hại. Trong bạn có 3 phiền não độc hại này, bên ngoài rất dễ bị cảm đau nhức. Nếu như hiểu được đạo lý này, thì bệnh của ta từ đâu mà có? Là do trong tế bào của ta có siêu vi trùng. Ta hãy thay đổi cái suy nghĩ của mình, thì những tế bào siêu vi trùng của ta đang mang, sẽ có thể biến mất và khôi phục lại bình thường. Chẳng phải không có đạo lí.

Các nhà khoa học bây giờ đã từ nơi thuyết Lực học lượng tử nói ra điều này. Đã có khoa học chứng minh rồi, không phải là mê tín.

Phật giáo chúng ta đã 3000 năm, lịch sử Trung Quốc chúng ta đã từng ghi lại. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay là 3037 năm. Người ngoại quốc nói thì mới hơn 2500 năm thôi. Điều này không cần phải tranh luận. Vấn đề này nếu tranh luận, thì không bao giờ có đáp án, trừ khi tìm được đức Phật Thích Ca, nếu không thì ai có thể biết! Cho nên không cần phải tranh cãi.

Ngày trước, con người được lợi ích của Phật pháp. Vì nguyên nhân gì? Vì họ thật thà, họ chánh tín nên họ được thọ lợi ích. Ngày nay, con người đòi hỏi phải đem chứng cứ ra mới tin tưởng . Không có chứng cứ thì không tin tưởng, còn nói ta là người mê tín.

Chúng ta là người học Phật, cần phải cảm kích những khoa học gia Lượng tử cận đại này. Họ đứng trên khía cạnh thế giới Vi mô, đem những điều đức Phật từng nói chứng minh hết thảy, đặc biệt, chứng minh ý niệm chi phối tất cả. Vấn đề này khoa học vừa phát minh, vừa phát hiện. chúng tôi hi vọng rằng, sau vài ba năm nữa nó sẽ được công bố rộng rãi. Ý nghĩ quyết định tất cả. Toàn bộ xã hội này cũng như thế. Mọi người trong xã hội cần phải tin tưởng thiện tâm. Xã hội Trung Quốc, tại sao trước đây tốt đẹp như thế? Người Âu châu trước 2 cuộc thế chiến, có một số học giả đã nghiên cứu về lịch sử Trung Quốc, họ hết sức khâm phục. Trung Quốc được thống nhất từ thời nhà Tần, mãi đến bây giờ vẫn còn giữ được sự thống nhất này. Trên thế gian này, không thể tìm thấy ở quốc gia thứ hai. Âu châu bị La mã thống trị 1000 năm, sau khi mất nước, họ không thể thống nhất. Mấy ngàn năm nay, quốc gia này lãnh thổ rộng lớn như thế, nhân khẩu nhiều như thế, sắc tộc phức tạp như thế, tại sao được an ổn lâu dài? Họ đã nghiên cứu, kết luận của nghiên cứu chỉ ra rằng: người Trung Quốc, có thể là vì coi trọng mối quan hệ giáo dục gia đình. Tôi nghe được, tôi nói với họ là, điều này hoàn toàn đúng, kết luận này là chính xác. Câu chuyện này là do thầy hiệu trưởng trường đại học Queensland nói cho tôi biết.

Hôm nọ, thầy hiệu trưởng mời tôi dùng cơm ở phòng khách của ông ta, nói cho tôi nghe về sự việc này. Không sai, nhưng vẫn còn thiếu sót nhỏ, chính họ không thể nói được. Người Trung Quốc đã dạy những gì? Họ không nói được. Những gia đình của người Trung Quốc, là gia đình như thế nào? Họ cũng không nói cụ thể. Nên biết, nhà của người Trung Quốc là đại gia đình. Người Trung Quốc thời nay không còn nhà nữa. Thật là bi ai. Người Trung Quốc trước khi kháng chiến, vẫn còn, nhưng không nhiều. Khi tôi ở quê nhà, trong thôn làng mọi thứ rất rõ ràng, thôn này gọi là Vương thôn, người trong thôn này được xem như là người một nhà. Thôn bên kia là Lý thôn, ở đó cũng là người nhà, “Ngũ đại đồng đường bất phân gia”. Cho nên, các vị đã từng xem qua Hồng Lâu Mộng, Hồng Lâu Mộng chính là miêu tả một gia đình, gia đình cộng đồng. Gia đình này, nhân khẩu đại khái khoảng 300 người. Lượng nhà mất dần, con người suy yếu, một hai trăm người, căn nhà này rất lạnh lẽo. Muốn dân tộc mạnh mẽ, mỗi gia đình có khoảng 700 người. 500 đến 700 người thì mới vọng tộc được. Gia đình là một tổ chức của xã hội. Gia đình lớn như thế, nếu không có quy cũ có tồn tại được không? Nó có lộn xộn không? Cho nên người xưa nói: tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Quí vị có khả năng trị gia, thì quí vị có sức mạnh trị nước. Gia, nói rộng ra cũng chính là nước. Nó có đạo lý. Gia có gia đạo, có gia quy, có gia học, có gia nghiệp. Nghiệp là sự nghiệp. Sự nghiệp kinh doanh của quí vị . Gia học, chính là trường tư thục. Tư thục, chính là trường học của con em một nhà chúng ta. Nó không cần phải chiêu sinh ở bên ngoài. Những em nhỏ trong gia tộc của ta cùng chung học một trường. Trường học, phần nhiều dùng Từ đường, bởi vì Từ đường ngoài việc dùng cúng quảy trong năm ra, thì ở đó không còn hoạt động gì nữa, cho nên, Từ đường đều biến thành trường học. Lúc nhỏ tôi cũng học ở Từ đường. Lúc đó học trường Tư thục, học ở nhà.

Gia quy, bây giờ còn gọi là Đệ tử quy, một bộ phận trong gia quy, tức là một bộ phận của cộng đồng học tập, mỗi nhà đều có gia quy đặc biệt riêng của nó. Tại sao? Sự nghiệp làm ăn của họ không giống nhau. Sự nghiệp bất đồng, cho nên, nó có những quy định bất tương đồng mà buộc phải tuân thủ. Vì đây là cộng đồng, bất kể bạn làm ngành nghề nào, nhất định phải tuân theo nó. Quy cũ là nền tảng. Ngôi nhà không những lo nuôi dạy trẻ em mà còn phải chăm lo cho người già nữa. Cho nên, người sống trên thế gian này, tại sao? Mọi người đều biết nhau, vì nhà. Làm cho tổ tông sáng ngời, cửa nhà rộng lớn. Làm nhà, làm ở khu đất này, nhà của tôi chính là khu vực này. Họ đã yêu nước, yêu nước từ nơi việc yêu nhà mà ra. Nếu con người không thích nhà thì họ sao có thể yêu nước được? Không bao giờ có chuyện gì. Người Trung Quốc ở khắp nơi trên thế giới, bạn xem những Hoa kiều, họ biết gắn bó với nhau. Từ đâu mà được vậy? Từ nhà. Người ngoại quốc rất ái mộ, nghiên cứu, họ đi tìm hiểu những nơi xa xôi, nhưng chưa thâm nhập, họ thâm nhập được có hiệu quả, nó sẽ có tác dụng.

Gia giáo của người xưa rất quan trọng. Bắt đầu dạy từ lúc nào vậy? Từ ngày người mẹ mới mang thai, gọi là thai giáo. Quí vị thử nghĩ xem, lợi hại biết là bao. Bây giờ loại thai giáo này, được người Tây phương chứng minh. Họ dùng cái gì để chứng minh? Họ dùng thôi miên. Thôi miên kêu quí vị quay lại, quay lại khi đang còn ở trong tử cung của người mẹ, quí vị có cảm giác như thế nào, sẽ nói ra. Người mẹ khởi tâm động niệm, nó cũng có cảm giác. Người mẹ ăn uống nó cũng có cảm giác. Cho nên, thai giáo có ý nghĩa rất lớn.

Khi người mẹ mang thai, không nên có tà niệm. Tư tưởng, suy nghĩ phải trong sạch, chơn chánh. Không nên có phiền não, không nên u buồn. Nếu bạn có phiền não, có âu sầu, tức là đã gieo hạt giống bệnh hoạn cho thai nhi rồi. Người mẹ phải chú ý vấn đề này. Đứa nhỏ vừa ra đời, cha mẹ nhất định phải thực hành được đệ tử quy , làm để cho đứa bé xem, trẻ con nhìn. Nó vừa sanh ra, con mắt mở to nó có thể nhìn, tai nó có thể nghe, nó đã được học tập, bắt chước. Cho nên người xưa dạy trẻ con, lúc trẻ con bắt đầu học tập, cái gì không hay thì không để cho nó nhìn thấy. Không nên để nó nghe được, không nên cho nó tiếp xúc. Những gì nó thấy, đều là chơn chánh, hoàn toàn tốt đẹp. Nếu để nó nhìn 1000 ngày, thì lúc lên 3 tuổi, từ khi sanh đến lúc 3 tuổi là 1000 ngày, giai đoạn này gọi là cội rễ giáo dục . Dạy người của người xưa là dạy như thế đó.

Sau giai đoạn giáo dục kiểu này xong, đứa trẻ bắt đầu có thói quen. Người Trung Quốc nói: “Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”. Có nghĩa là, cự li giữa thói quen và bản tánh rất gần nhau. Không thể phân biệt. Nên ngạn ngữ có câu: “3 tuổi tưởng 80”. 3 tuổi nuôi dưỡng thành công, thì 80 tuổi cũng không thay đổi. Khả năng này quá lớn.

Bây giờ nền giáo dục này không còn nữa, đã mất bốn đến năm đời nay rồi. Chúng ta không thể trách ai cả. Tại sao ta không học được? vì cha mẹ của quí vị không được học. cha mẹ của quí vị không biết. Trước đó nữa, ông bà nội của quí vị cũng không biết, cho nên cha mẹ quí vị không học được. Ngược về trước nữa, ông bà cố của quí vị cũng lơ là vấn đề này, nên ông bà nội không được học. Đại khái là phải truy tìm đến đời ông sơ nữa kìa! May ra ông mới hiểu.

Tôi chừng này tuổi, sống ở quê hương tôi, bởi vì văn hóa ở quê nhà rất tốt, bắt nguồn của phái Đồng thành, cho nên không khí học hành rất là thịnh, người ở quê đó đều được học. Chúng tôi còn ở vùng sâu vùng xa, biết được sự việc này, chính mắt mình nhìn thấy, sau khi kháng chiến thắng lợi thì không còn nữa, đến Trung Quốc đi rất nhiều địa phương. Tôi rất để tâm đến vấn đề này. Nhà có còn hay không? Còn. Giống như ở Giang Nam Trung Quốc, những dãy nhà vẫn còn đó, nhưng người không có, không ai tới lui nữa. Cho nên di tích xưa còn không ít, quí vị đến đó có thể thấy, không có người.

Chúng ta chiến tranh 8 năm với người Nhật Bản, tổn thất lớn nhất của chúng ta là cái gì? Nhà chúng ta không còn nữa. Chết bao nhiêu người, mất biết bao nhiêu tài sản, điều này không thành vấn đề. Truyền thống xưa của chúng ta, tinh thần nhà chung của ta không còn, đây mới là tổn thất không gì thay thế được. Xã hội hôm nay của chúng ta đây, xảy ra bao tai họa lớn như thế, căn nguyên chính là ở chỗ này. Giáo dục gia đình kiểu như vậy, bây giờ không còn nữa. Sở dĩ tinh thần giáo dục nhà của người xưa, mạnh mẽ như thế, là bắt nguồn từ Tề gia trị quốc bình thiên hạ. Chính là điểm này. Bây giờ làm sao khôi phục đậy? Chúng tôi nghĩ không thể nào được, không có biện pháp khôi phục. Cho nên chúng tôi suy nghĩ rất nhiều, và thường nghe người ta nói: “Nhà xí nghiệp”, nó đã nhắc nhở cho tôi rất lớn. Nếu như xí nghiệp chơn chánh, có thể đem tinh thần và truyền thống xưa, tinh thần của nhà, gia đạo của nhà, gia quy, gia học, gia nghiệp, nếu như có thể khôi phục trở lại, thì dân tộc ta , ít nhất vẫn còn 1000 năm nữa hưng thịnh ở đời.

Giáo dục thuở ban sơ dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Đây chính là điểm cơ bản của 3 nhà Thích, Đạo và Nho vậy. Gốc rễ truyền thống văn hóa của chúng ta. “Đệ tử quy” của Nho gia; “Thái thượng cảm ứng biên” của Đạo giáo; “Thập thiện nghiệp đạo” của Phật giáo . Ba điều cơ bản này. Hồi trước người ta đi học, lúc nhỏ không thể không tiếp nhận 3 điều đó. Ba điều cơ bản này, đều do cha mẹ chỉ dạy, sáu bảy tuổi đi học, đến trường Tư thục, những quy cũ này, nó đã học được rất thành công, đến trường học, thầy giáo thay thế cho cha mẹ. Thầy giáo cũng đem những khuôn phép này, làm lại cho học sinh xem, học sinh mới phục, mới bội phục quí vị .

Thầy giáo làm tấm gương, thầy giáo giảng giải, tại sao phải hiếu thuận. Cho nên, giảng giải phải từ 6 tuổi trở về sau. Trước 6 tuổi chỉ có học, không giảng giải. “Đệ tử quy” là trước 6 tuổi phải hoàn thành rồi. Đặc biệt, trước 3 tuổi đã làm xong. Điều này, người ngoại quốc không thể nào biết được. Lúc chúng tôi nói chuyện với họ, sau khi nghe xong họ vô cùng kinh ngạc, mới hiểu tại sao Trung Quốc có được mấy ngàn năm an bình thịnh trị. Vấn đề này ắt có đạo lý của nó. Không phải ngẫu nhiên mà có được. Trung Quốc mấy ngàn năm nay, xã hội đã lấy việc giáo dục đặt lên hàng đầu. Nhà cũng như thế. Gia giáo là số một. Tại sao? Vì mọi người được giáo dục tốt, thì họ đều là người tốt. Việc của mỗi người làm đều là việc tốt, người tốt làm việc tốt, cho nên xã hội phồn vinh, xã hội hưng thịnh. Cuộc sống đích thực của nhân dân chính là cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn.

360 nghề. Người Trung Quốc ưa nói 360 nghề. Tại sao? Vì một năm có 360 ngày. Từ chỗ này mà ra. Đây, chính là nói về nghề nghiệp trong xã hội. tất cả nghề nghiệp, nghề nào tốt đẹp nhất, người ta ưu thích nhất? Nói cho quý vị biết, chính là làm quan. “Học không giỏi thì làm lính”, đánh giặc. Tại sao vậy? Vì nghề này có địa vị rất cao. Họ là quan viên, đối xử không tệ. Khó khăn nhất là cái gì? Không có việc gì làm. Vì sao không có việc? Vì không có vụ án nào. Không có ai phạm tội. Cho nên làm quan là nghề thoải mái nhất, nghề nhàn rỗi nhất. Chúng tôi đọc Tứ Khố Toàn Thư, những tập trong Tứ Khố Toàn Thư là văn học, quí vị hãy xem bên trong đó, hơn một nữa đều là ghi chép lại việc làm quan, họ không có việc làm, ở trong nhà làm thơ, viết từ, viết văn chương, du sơn ngoạn thủy, cả tháng trời mới được mấy vụ án, là quá lắm rồi, nhiều lắm rồi, thế mới hiểu được sự tốt đẹp của xã hội lúc đó, chính là nhờ gia giáo của mỗi người dạy họ sống tốt. Trong xã hội không có ai hại ai, không gây án mạng. Cho nên làm quan rất nhẹ nhàng; làm vua thì gọi là “Buông tay mà trị”. Vua cũng không có việc làm, thiên hạ thái bình. Đó là Thái bình thiên tử. Giáo dục làm thành công.

Ngày nay, chúng ta xem xã hội bây giờ. Xã hội hôm nay, trong các ngành nghề, khổ nhất là nghề gì? Là làm quan. Vô cùng khổ sở, giải quyết vụ án không hết. Trước đây làm quan không có vụ án nào cả, bây giờ thì giải quyết hoài cũng không xong. Tại vì sao? Vì giáo dục lơ là, người học hư hỏng, đặc biệt là do hai thứ, đem dạy dân chúng hỏng hết, dạy cho toàn thể xã hội rối thêm. Hai thứ ở đây là cái gì? Thứ nhất là truyền hình, thứ hai là Internet bây giờ, gặp mỗi người, quí vị hỏi thử xem, một ngày xem ti vi bao nhiêu tiếng đồng hồ? Đây là làm giáo dục, truyền hình đã dạy họ cái gì? Dạy họ bạo lực tình dục, sát đạo dâm vọng. Điều này có thật, không phải giả. Chỉ cần những thứ này còn tồn tại, muốn xã hội được hòa bình yên ổn, thì vĩnh viễn không bao giờ làm được. Vấn đề này không thể không biết. Hai thứ này sẽ hủy diệt một quốc gia, sẽ hủy diệt một dân tộc, sau cùng là hủy diệt cả thế giới. Quá nguy hại.

Vấn đề này, chẳng phải tôi cảnh giác đâu, mà do thầy của tôi là Phương Đông Mỹ tiên sinh – ngài nói cho tôi biết. Thời trai trẻ tôi ở Đài Loan, lúc đó tôi còn nhỏ tuổi, khi đó đại khái khoảng 40 tuổi, ba bốn mươi tuổi, Đài Loan từng có một lần, đề xướng phục hưng văn hóa Trung Hoa. Một hôm nọ, có 3 vị quan viên của Bộ giáo dục, đến nhà của thầy Phương, thỉnh giáo người nhà của thầy, ngay hôm đó tôi cũng ở đấy, tôi ở tại nhà thầy. Những quan viên này đã đề xuất một vấn đề, rằng, chính phủ đang đề xướng phục hưng văn hóa Trung Hoa, nên làm như thế nào cho chu đáo? Sau khi thầy Phương nghe xong câu hỏi này, ít nhất là 5 phút đồng hồ, biểu lộ dáng vẽ nghiêm túc, một câu cũng không nói. Sau 5 phút thầy bắt đầu nói, thầy nói có, phương pháp thì có. Họ bèn hỏi phương pháp đó là gì? Ngài nói: thứ nhất, lúc đó ở Đài Loan có 3 đài truyền hình. Truyền hình phải đóng cửa. Đài Loan còn có mấy mươi đài truyền hình vô tuyến. Tất cả phải dẹp bỏ. Báo chí ngừng phát hành, tạp chí ngừng xuất bản. Ba vị quan viên này la lên. Thầy, việc này không thể làm được! Thầy Phương bèn nói: những thứ này, hằng ngày đang phá hoại văn hóa truyền thống của Trung Quốc, chỉ cần tồn tại những thứ này, anh lại muốn phục hưng ư? Làm không được đâu. Lời này là chân thật, một chút cũng không giả dối. Cho nên, hiện tượng xã hội của Đài Loan, mãi đến bây giờ, vẫn còn hỗn loạn. Cảnh báo của thầy Phương, lúc đó những quan viên này lại hỏi: nước Mỹ bây giờ là cường quốc số một của thế giới. Họ đặt câu hỏi khá hay. Thầy nói: La mã sẽ có một ngày diệt vong. Xin hỏi thầy: nước Mỹ tương lai diệt vong, nhân tố đầu tiên là cái gì? Ngay lập tức thầy Phương trả lời: Truyền hình. Nước Mỹ tương lai sẽ diệt vong. Nguyên nhân của nó là do truyền hình. Sau đó, đặc biệt nói rõ cho họ biết, Đài Loan chưa đạt đến mức độ này. Truyền hình Đài Loan, nếu cuồng vọng như Hoa Kỳ, không có hạn chế của nó, thì sau những chương trình vừa xuất hiện đó, Đài Loan cũng sẽ tiêu luôn. Giáo dục! Nên biết, điều quan trọng ở đây là cái gì? Là làm chủ giáo dục. Ngày nay, giáo dục hôm nay không còn là vấn đề quan trọng của quốc gia nữa, phương tiện truyền thông mới là quan trọng. Cho nên, những người làm quan, đáng thương, vô cùng đau khổ, giải quyết công việc không xong.

Bây giờ tự do dân chủ rồi. Thời xưa không có đâu. Lúc đó là thời đại quân chủ, ngôn luận không được tự do, phát hành báo chí cũng không được. Chính phủ phải bảo đảm đời sống tinh thần của nhân dân. Họ có sứ mạng đó. Cho nên, họ có tiêu chuẩn. Những tiết mục văn nghệ trình diễn phải có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn của nó, như trong Luận ngữ đã nói: “Tư vô tà - Suy nghĩ không tà”. Những tiết mục muốn biểu diễn, đều phải phù hợp tiêu chuẩn này. Không thể để quần chúng sau khi xem xong khởi lên tà tư tà niệm. Họ áp dụng tiểu chuẩn đó. Bạn xem, thời xưa họ đã dùng đến 3 chữ này. Tiêu chuẩn của 3 chữ này, tại Trung Quốc đã dùng nó mấy ngàn năm rồi. Chỉ cần để người ta tiếp xúc được, nhìn thấy được, nghe được rồi mà sinh ra tà niệm thì quyết định cấm hẵn. Bây giờ bắt chước người ngoại quốc, cái này phải là tự do dân chủ thì xong rồi; nhân dân phải chịu khổ, phải chịu nạn.

Trong cuộc sống của chúng ta, vận may vô cùng ở đây là gặp được Phật pháp. Gặp được Phât pháp rồi thì cuộc sống này không còn khổ nữa. Cuộc đời này sống rất hạnh phúc, rất viên mãn. Điều này, thầy Phương ban đầu đem Phật pháp gới thiệu cho tôi; học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Tôi học được, năm tới là tròn 60 năm. Tôi giảng kinh, dạy học đã 52 năm. Năm tới là “Ngũ thập tam tham”, tức là 53 năm. Hạnh phúc mỹ mãn vô cùng. Lời của thầy Phương là thật, không chút giã dối.

Phật pháp đã giảng cái gì? Chân tướng của nhân sanh và vũ trụ. Chân tướng của nhân sanh và vũ trụ là mục tiêu cuối cùng của triết học cần phải học, cũng là mục tiêu sau cùng của khoa học. Nhưng mục tiêu sau cùng này, kỹ thuật khoa học trước mắt, so với trong kinh Phật nói vẫn còn lạc hậu rất nhiều. Trí tuệ của đức Phật do đâu mà có? Phật nói: trí tuệ của Phật, mỗi người trong chúng ta ai ai cũng có. Một chút cũng không nghi ngờ. Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như Lai. Do vậy, giáo học của Phật không có gì khác, tức chính là đem tự tánh của quí vị , đức tướng trí tuệ vốn có của quí vị khôi phục lại. Điều ngài muốn giảng là cái này. Đức tướng trí tuệ của chúng ta, sao mất tiêu rồi? làm sao quên mất rồi? Ngài nói: chính là do Kiến tư phiền não, Trần sa phiền não, Vô minh phiền não, 3 loại phiền não này đã làm chướng ngại. Cho nên Phật dạy chúng ta phải buông xả. Buông xả Kiến tư chính là không chấp trước, bất luận đối nhân, xử sự, tiếp vật, không có suy nghĩ đối lập. Có đối lập thì sai rồi. Không có đối lập, thì nó hài hòa. Tự tánh vốn hài hòa, không có đối lập. không có khống chế, không có chiếm hữu. Khởi tâm động niệm là vì người khác. Không phải vì mình. tại sao vậy? vì mình và người vốn không hai. Lợi ích cho người khác đích thực chính là lợi ích cho mình. Lợi ích cho xã hội, chính là lợi ích chơn chánh cho gia đình . Điều này, Phật pháp nói là phước báo, quí vị tu phước. Đạo lý này rất là thâm sâu. Chúng tôi học 59 năm, mới hiểu rõ ràng, mới thông suốt được; cát hung, họa phước có, nhân của mình, thì quả cũng của mình, chẳng liên quan gì đến người khác cả. Cho nên, hôm nay chúng ta học được chỗ này, dạy bạn niệm A Di Đà Phật. niệm A Di Đà Phật lợi ích rất nhiều, kể không hết. Lợi ích đầu tiên xin nói cho bạn biết, đó là thân tâm khỏe mạnh. Ở tuổi trung niên trở lên, hạnh phúc thật sự chính là thân thể khỏe mạnh. Quí vị giàu có, địa vị cao, nhưng thân thể của quí vị không được khỏe, thường hay sanh bệnh. Đây là khổ. Giàu mà không vui, sang trọng mà chẳng vui, thì không bằng nghèo mà vui sướng, bần tiện mà an nhàn, vui vẻ. Con người ở trên đời này cần niềm vui. Niềm vui và phú quý không liên can. Vậy liên quan với cái gì? TRÍ TUỆ. Đối với nhân sinh vũ trụ, tánh tướng, lí sự, nhân quả đã hiểu tường tận rồi, thì vui sướng biết bao! Tôi từ đâu sanh ra, tương lai tôi chết rồi sẽ đi về đâu, cần phải hiểu rõ ràng tường tận, một tí cũng không mơ hồ, vấn đề này, nói chung người thế gian không cách nào làm được. Phật nói cho chúng ta biết, cái này là thật, không phải giả. Chính xác muôn ngàn, một chút chẳng giả. Quí vị nghĩ xem, môn học này tốt đẹp nhường nào, viên mãn biết bao. Đáng được học tập.

Xin tiếp tục xem.

Lại như nguyện thứ 18 trong đó viết rằng: “khi tôi làm Phật”. “Tôi” là tên tự xưng của đức Phật Thích ca Mâu ni. “Nhân dân trong quốc độ chư Phật, thực hành đạo Bồ tát, thường dùng tâm tịnh khiết niệm ta”. Tịnh khiết tâm chính là Thanh tịnh tâm; “thì khi lâm chung, ta cùng vô số chúng Tỷ kheo hiện đến tiếp dẫn họ, đứng ở trước ta, tức sanh về nước ta, làm A duy Việt trí ”. Nguyện này rất hay. Ngài phát ra nguyện này. Nhưng mà nguyện của Ngài đã thực hiện xong. Nếu không làm tròn lời nguyện thì Ngài không thành Phật. Phật A Di Đà ở thế giới Tây phương Cực là đã thành Phật, thuyết minh về 48 lời nguyện của Ngài, nguyện nguyện đã thực hiện xong. Ở đây thì 18 lời nguyện thôi. Mỗi lời nguyện trong đó rất hay.

Trước kia, ngài hành đạo Bồ tát. Hành đạo Bồ tát là học Phật, làm Phật tức là đã thành tựu rồi, tu học viên mãn. Đạt được học vị này, học vị cao nhất này, đức Phật, ngài đã đạt được. Cho nên, Phật pháp không phải là tôn giáo. Trong tôn giáo chỉ có Thần, con người không thể thành Thần, không thể bình đẳng với Thần. Phật giáo không phải vậy. Phật giáo là giáo dục. Đức Phật là một học vị cao nhất, mà mọi người đều có thể đạt được, cũng giống như học vị Tiến sĩ ở trường. Bạn chỉ cần tu học đàng hoàng, thì nhất định bạn sẽ lấy được nó. Cho nên, Phật thì rất nhiều. không giống như thượng đế, chỉ có một. Thần cũng chỉ có một. Phật thì ở đâu cũng có. Phật ở trong các ngành nghề, Phật ở trong nam nữ già trẻ bé lớn. Do vậy, cần phải hiểu rằng, nó là danh xưng của học vị. Bồ tát cũng như thế, A la hán cũng như thế, đều là tên gọi của học vị mà thôi.

“Nhân dân trong nước của chư Phật”, “cõi nước chư Phật chính là hết thảy chư Phật – lãnh thổ ngài dạy học”, nhân dân trong lãnh thổ này, được học tập với Ngài. Vấn đề này, ở trong kinh, chúng ta thấy rất rõ ràng rồi. Rất nhiều bạn đồng học, tụng kinh Địa Tạng rất giỏi. Ở trong kinh Địa Tạng, quí vị sẽ phát hiện, phát hiện cái gì? Phát hiện rất nhiều tín đồ tôn giáo đã học Phật với Phật. Nhưng Phật không kêu họ phải từ bỏ tôn giáo của họ, thì bạn mới biết được, Phật chỉ dạy học. Bất luận tín ngưỡng tôn giào nào, đều có thể đến học Phật, đến cầu học, giống như ở nhà trường vậy. nhà trường học sinh rất nhiều, tín ngưỡng tôn giáo cũng không giống nhau. Nó đều đi đến trường, nó cũng được đến lớp để học tập với thầy giáo. Điều này bạn cần phải biết, bạn đã đọc rõ ràng rồi.

Bà la môn nữ, là một tín đồ của Bà la môn giáo. Bà la môn giáo chính là Ấn Độ giáo bây giờ. Tiền thân của Ấn Độ giáo là Bà la môn giáo. Không cần dạy họ cãi đạo. Cô ấy là học sinh giỏi của Phật, đệ tử giỏi. Cô ấy cũng là tín đồ tốt của Bà la môn giáo. Phật không bảo cô ta phải từ bỏ tôn giáo, rồi đến đây học. Điều này nhất định phải hiểu.

Đạo Phật là dạy học, là giáo dục. Dạy cái gì? Dạy quí vị khai mở trí tuệ, dạy quí vị làm sao hiểu rõ được thật tướng của nhơn sinh vũ trụ, dạy quí vị biết, phải làm thế nào để khơi dậy tánh linh của chính mình, làm như thế nào để thay đổi phẩm chất cuộc sống của bạn. Cái để học ở đây rất nhiều. Phong phú hơn so với đại học ngày nay rất nhiều.

Kinh Địa Tạng, chính là giáo án dạy học của đức Phật Thích ca Mâu ni khi còn tại thế. Điều này quí vị nên biết, lúc Ngài còn tại thế, chưa có chữ viết, những giáo án này, là sau khi Ngài qua đời, do những học sinh của ngài, từ trong trí nhớ của mình ghi chép ra, lưu truyền cho hậu thế. Giống như Khổng tử vậy.

Khổng lão phu tử, khi còn sống dạy học, không có giảng nghĩa, cũng không có tài liệu văn tự phát cho mọi người. Không có. Luận ngữ, là sau khi Khổng tử chết rồi, học sinh mới đem những lời nói của ông ghi chép lại, thành một cuốn sách, lưu truyền hậu thế. Thích ca ra đời sớm hơn Khổng tử một chút. Đại khái cùng thời đại với Lão tử. Cho nên, chúng ta đối với Phật đà phải hiểu biết, quí vị không hiểu biết, mù quáng tin theo, nói sao làm vậy, thì thành ra mê tín rồi. Tôn chỉ dạy học của Phật pháp là phá mê khởi chánh tín. Tại sao quí vị còn mê tín? Đâu có đạo lý này! Điều này chúng ta không thể không biết. Đặc biệt là xã hội bây giờ, còn rất nhiều người nảy sinh hiểu biết sai lạc đối với Phật giáo. Cách nhìn sai lầm. Thời chúng tôi còn trẻ tuổi cũng không ngoài lệ ; cũng chịu sự ảnh hưởng của thầy giáo nhà trường. Thầy dạy học nói cho chúng tôi biết: tôn giáo là mê tín. Phật giáo là tôn giáo. Đứng trên phương diện tôn giáo, Phật giáo là tôn giáo thấp nhất. Tại sao vậy? Vì tôn giáo cấp cao thì chỉ có 1 ông Thần, chỉ có một ông thôi. Phật giáo thì phiến thần giáo, đa thần giáo, cái gì cũng bái lạy. Đây là tôn giáo cấp thấp. Từ nhỏ chúng tôi đã bị dụ dỗ bởi lí luận này. Cho nên, cả đời không có ý muốn đi tìm tôn giáo. Không tiếp cận, không gặp nó. Nhân duyên học Phật của tôi, là bắt nguồn từ khi tôi học triết học với thầy Phương Đông Mỹ, thầy dạy cho tôi một bộ Triết học khái luận. Môn học sau cùng nhất là “Triết học kinh Phật”. Tôi cảm thấy kỳ lạ. Phật giáo là một tôn giáo cấp thấp, nhưng tại sao nó lại có triết học? Thầy giáo Phương nói với tôi: “anh còn trẻ không hiểu”. Thầy lại nói: :Thích ca Mâu ni Phật, là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới này. Anh học triết học, thì đây là triết học gia rồi.” Ồ! Hồi giờ chưa nghe qua.

Triết học kinh Phật, là đỉnh cao nhất của nền triết học trên toàn thế giới. cũng chưa nghe ai nói qua. “Học Phật là sự hưởng thụ tối cao của đời người”. Ngay tại lớp học này, tôi bị thầy Phương xoay chuyển cách suy nghĩ của mình. Tôi bèn hướng về ông ấy thỉnh giáo. Tôi nói: “Thầy học được điều này từ đâu vậy?” Thầy nói với tôi: Trong thời kỳ kháng chiến, thầy dạy học ở đại học Trung Ương. Thầy là một triết học gia. Lúc hai mươi mấy tuổi thì trở thành giáo thọ nỗi tiếng, giáo thọ lừng danh rồi. Có một thời gian thầy bị bệnh, nằm dưỡng bệnh tại núi Nga Mi. Thời gian kháng chiến, chính phủ đặt ở Trùng Khánh, nên đại học Trung Ương cũng giống như một thành đô vậy. Thầy ở núi Nga Mi dưỡng bệnh. Thầy nói, lúc đó ở trên núi, trên núi rất thanh tịnh. Về sau, tôi lại đến đó 2 lần. Trên núi không có báo, không có tạp chí, sách gì cũng không có, chỉ có kinh Phật. Thầy bèn lấy kinh Phật làm niềm vui, mỗi ngày đều xem kinh Phật, càng xem càng thú vị. Từ đó về sau, thầy không thể xa rời kinh Phật. Hằng ngày thầy đều xem kinh Phật. Thực sự phải nói là chúng tôi đã mê, mê với kinh Phật. Phát hiện kinh Phật là đại tri thức. Phát hiện trong triết học, có rất nhiều vấn đề không thể nào giải quyết được, nhưng ở trong kinh Phật đều có, đều tìm được đáp án. Do đó, thầy Phương nói với tôi, ông nói: “triết học trong kinh Phật, anh cần phải học nó. Không ở trong các chùa. Chùa miếu không có nó. Tôi hỏi tại sao vậy? Chùa chiền trước đây, người xuất gia thực học, có đạo đức, lại có học vấn. Thầy nói, hiện tại chùa chiền, những người xuất gia này họ không học. Tôi mới hiểu ra rằng, ông ta nói anh cần nên học, anh hãy học từ trong kinh điển, lời này, thật sự mà nói, vô cùng quan trọng. Nếu không nói lời này, nếu tôi đi đến chùa miếu gặp những người xuất gia này, đi thảo luận với họ, cầu học nơi họ, họ trả lời không xong, thì tôi sẽ hoài nghi, thầy giáo nói lời này là có vấn đề. May mà thầy nói ra trước. Anh nên đi tìm kinh điển, không nên đi hỏi người xuất gia.

Sau này, tôi cũng gặp được người xuất gia, gặp được Chương Gia đại sư, tôi xin cầu học với vị này. Người này rất đặc biệt, có duyên đặc biệt với tôi. Đại sư rất hiền lành. Sự tu hành của vị này, đã cảm động đến những người thanh niên như chúng tôi.

Có một hôm, tôi tiếp xúc với đại sư, câu nói đầu tiên tôi thỉnh giáo đại sư; tôi nói: “con từ thầy giáo Phương biết được, Phật pháp là nền triết học cao thượng, là đại tri thức, con xin hỏi đại sư: trong nhà Phật, có phương pháp gì khiến con nhanh chóng thể nhập được nó hay không?” Với vấn đề của tôi vừa hỏi, Chương Gia đại sư chỉ nhìn tôi, tôi cũng nhìn ngài, cả hai chúng tôi nhìn nhau hơn nửa tiếng đồng hồ, một câu cũng không nói. Hơn nửa tiếng đồng hồ trôi qua, đại sư mới cất lời, nói một câu: CÓ. Chữ có này, đã khiến chúng tôi chấn động. Đại sư lại im lặng, sau bảy tám phút đồng hồ, đại sư mới nói, cách nói của đại sư rất chậm, từng chữ từng chữ một, “nhìn được thấu, buông được xuống”.cuộc hội ngộ lần thứ nhất, thời gian khoảng 2 tiếng đồng hồ, nói chuyện không quá 10 câu. Mười mấy hai mươi năm sau, tôi mới hiểu được sự việc tại sao lại như vậy. Đây là cách thức dạy học của Phật pháp. Thanh niên như chúng tôi, nóng lòng thấp thỏm, đặt vấn đề như thế, nhưng không trả lời quí vị , cứ nhìn quí vị , đợi khi cơn nóng vội của quí vị lắng dịu xuống rồi, tâm của quí vị định trở lại rồi mới nói cho quí vị hay, lúc này, những gì nói với quí vị , quí vị nghe mới tiến bộ, nghe rồi sẽ khai ngộ, sẽ nhớ lâu hơn, cuộc đời của quí vị sẽ không còn thoái chuyển nữa. Từ chỗ này, chúng ta mới thấy được, cách dạy học của các bậc đại đức thời xưa.

Sau khi tôi hiểu được, tôi cũng từng dạy học ở nhà trường mấy năm, nhìn thấy tâm tánh nóng vội của học sinh bây giờ, mức độ vội vàng lo âu đó, vượt hơn tôi gấp mười lần. Tôi lúc đó, thầy giáo quả trách tôi tâm vội vàng thô tháo, muốn tôi phải định tâm trở lại. Tâm tánh nóng vội của học sinh thời nay muốn định tĩnh cũng không thể được. Do vậy, tôi không muốn làm thầy giáo nữa. Tôi không đi dạy nữa. Nhưng tôi rất muốn, thường được nói chuyện với các vị thầy giáo. Các vị đó còn dạy. Học sinh bây giờ, thật sự mà nói, rất khó dạy, nó bị truyền hình, internet làm hư rồi. Quí vị làm sao có thể dạy chúng nó hồi đầu đây? Thật khó khăn vô cùng! Những tình trạng này bây giờ, chúng ta không thể không giải quyết, cho nên, việc dạy học hôm nay của chúng ta, cách thức chọn lựa là dùng truyền hình mạng internet. Chúng ta sử dụng mạng lưới internet, đến nay đã được 15 đến 20 năm. Sử dụng cách thức này. Chúng ta dùng truyền hình vệ tinh đã được 8 năm nay. Công cụ này rất hay. Điều này, cũng được thầy Phương nói cho tôi biết, công cụ đó rất tuyệt vời, trong tương lai nếu có điều kiện thì sẽ dùng đến nó. Dùng công cụ này để dạy học, thì nó như một người thầy có thể đứng ngang hàng muôn ngàn thầy giáo khác. Có loại phương tiện này, quốc gia, xã hội sẽ được nhờ, mấu chốt là ở nơi người lãnh đạo quốc gia; người lãnh đạo phải chơn chánh giác ngộ, thỉnh mời vài vị thầy giáo giỏi, bồi dưỡng cho năm sáu mươi học sinh, lúc này có thể sử dụng truyền hình, nhưng truyền hình này, luôn luôn ở một tần số nhất định. “Truyền thông giáo dục”, để cho những người dạy học này ngày đêm không ngừng, một môn học là một giờ đồng hồ, 24 tiếng đồng hồ không bị gián đoạn, cả thế giới đều học được. Thầy giáo không đủ, có thể cho phát lại, giống như chúng ta bây giờ chia ra phát lại 3 lần, mỗi lần 8 tiếng, 8 tiếng, 8 tiếng, phối hợp với thời gian bất đồng của từng khu vực trên toàn thế giới, thì họ có thể xem được. Hiện tại chúng ta, mỗi ngày phát ra 8 tiếng đồng hồ, nhưng phát lại có 2 lần thôi. Nếu như nhà nước kêu gọi, toàn dân phải học tập, giống như xã hội xưa, thì tôi nghĩ rằng một năm, xã hội sẽ ổn định, thiên tai cũng không còn. Do đâu mà thiên tai không còn? Đây chính là câu hỏi lớn. Trong kinh, đức Phật đã giảng tường tận rồi, chẳng phải một hai câu nói rõ ràng được. Bởi vì suy nghĩ của con người, có thể ảnh hưởng đến cỏ cây hoa lá, ảnh hưởng đến núi đất sông ngòi. Những nguyên lý nguyên tắc này, chân tướng sự thật của nó, đã được kinh Hoa Nghiêm giảng giải rõ ràng tường tận rồi. Đây là “đệ nhất kinh” của nhà Phật. Vắn tắt đơn giản nhất nữa chính là bộ kinh “Vô Lượng Thọ”. Trong đây nói, nhân dân các nước, có người hành Bồ tát đạo, tức là đã học Phật. Người học Phật, chính là đang đi trên đường đạo Bồ tát.

Bồ tát là tiếng Ấn Độ, nghĩa của nó là giác ngộ. Chúng ta không muốn mê mờ nữa. Chúng ta muốn đi con đường giác ngộ. Giác ngộ là đối với tất cả sự vật trong vũ trụ này. Đạo lí quá rõ ràng minh bạch. Chúng ta tiếp nhận lới giáo huấn của đức Phật, nương theo phương pháp của ngài dạy để học tập. Điều này thật vô cùng quan trọng. Nếu quí vị muốn đời mình thăng hoa, không còn cách nào khác, phải buông bỏ phiền não, xả bỏ tập khí. Điều này rất quan trọng. Tập khí phiền não của bạn, không buông xuống những chướng ngại đó, chướng ngại gì? Chướng ngại sự giác ngộ của quí vị , chướng ngại sự thăng tiến của quí vị .

“Thường niệm ngã tịnh khiết tâm”; tịnh khiết tâm, phía sau đã nói, chính là thanh tịnh tâm. Nên biết rằng, Phật A Di Đà, tâm của ngài rất thanh tịnh, vì ngài đã giác ngộ, ngài đã buông xả. Tâm của ngài rất bình đẳng. Ngài đã làm tấm gương cho chúng ta noi theo. Chỉ cần chúng ta niệm Phật, niệm đạt đến tâm thanh tịnh, thì sẽ tương ứng với tâm của đức Phật A Di Đà. Thanh tịnh tâm của ngài, ta cũng có tâm đó; tâm tâm tương ứng. Quí vị cho rằng, thế giới Cực lạc không có vấn đề. Nguyện vọng của bạn đạt được rồi. Khi thọ mạng hết, Ta và chúng Tỷ kheo nhiều vô số… Ta là chỉ cho Phật A Di Đà, dẫn theo chúng Tỷ kheo nhiều đông không thể kể hết, “bay đến rước họ”, Ngài đến đón tiếp quí vị , đứng ở trước mặt quí vị , dìu dắt quí vị sang thế giới Cực lạc, tức là sanh về nước của ngài, dẫn quí vị đến thế giới Cực lạc. Đằng sau câu nói, có thể dễ dàng. “làm A duy việt trí”. A duy việt trí là tiếng Ấn Độ, Phạn văn, nghĩa của nó thế nào? Là Bất thối chuyển Bồ tát. Ở đây không phải là Bồ tát thông thường. Do đó, một nguyện này bạn phải ghi nhớ; trong nguyện thứ 18 nói, mười niệm tất sanh, ở đây Hán dịch là làm A duy việt trí Bồ tát. A duy việt trí Bồ tát tức là đã thành Phật.

Kinh Hoa Nghiêm thuộc hệ giáo lý Đại thừa thường nói, có 3 loại phiền não. Không chấp trước, tức là quí vị đã chứng được A la hán; không phân biệt, quí vị chứng được Bồ tát; không khởi tâm, không động niệm, quí vị là Phật rồi. A duy việt trí không khởi tâm động niệm. Nên biết, chúng ta vãng sanh là mang nghiệp vãng sanh; chúng ta không có năng lực cao như thế. Thậm chí, đến như chấp trước cũng không chịu buông xả hết, chỉ có thể nói rằng, chúng ta còn phân biệt chấp trước chút ít thôi, không còn nhiều giống như trước đây nữa. Bây giờ giảm bớt đi tí rồi, thì sự công phu này sẽ có thể vãng sanh. Vãng sanh về thế giới Cực lạc, sẽ làm A duy việt trí Bồ tát. Đây là nhờ vào sự gia trì thần thông, uy đức và trí tuệ của Phật A Di Đà. Nói cách khác, điều này là do Ngài ban cho ta, chẳng phải do ta tu mà được. Vấn đề này rất hay. Trong tất cả các kinh Phật, xưa nay chưa từng nói qua, chỉ có trong kinh này nói. Chúng ta tin rằng Phật không bao giờ nói dối, từng câu từng chữ của đức Phật đều là chân thật.

A duy việt trí là quả vị bất thoái, địa vị này của Bồ tát không còn thoái chuyển, hành bất thoái, niệm bất thoái. Do do, viên chứng Tam bất thoái. Chứng đắc viên mãn Tam bất thoái. Nói một cách nghiêm túc, đến lúc này mới là thật chân chánh. Sự tu hành của Bồ tát, tu đến địa vị nào mới là chơn chánh, viên mãn chứng đắc Tam bất thoái? Địa vị thứ 7. Địa vị cao. Nhưng vấn đề chứng đắc, ở hàng Sơ trụ của Viên giáo thì đã chứng đắc rồi. Siêu việt Thập pháp giới. Những người như thế, sanh về thế giới thật báo trang nghiêm, không ở Đồng cư độ, hay Phương tiện nữa. Do vậy có thể biết, sanh ở Đồng cư độ là thuộc Hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng là A duy việt trí Bồ tát, hoàn đắc trở lại.

Tại sao Bồ tát trong mười phương muốn vãng sanh về thế giới Cực lạc, đạo lý chính là ở chỗ: không có phân biệt. Bạn đang ở trong cõi nước của đức Phật khác, mong muốn tu đạt đến cấp bậc này thật không dễ, thời gian tu rất dài. Về thế giới Cực lạc rồi, vừa bước vào cõi này thì sẽ chứng đắc, cho nên pháp môn này còn gọi là pháp môn khó tin. Đoạn sau có nói, Hoàng lão còn ghi chú ở trong đây; Tịnh khiết tâm tức là Thanh tịnh tâm, cũng là câu thanh tịnh ở trong Vãng sanh luận. Phật danh, Vô lượng Thanh tịnh Phật. Phật tâm, là Vô lượng Thanh tịnh tâm. Tóm lại, câu Nhất pháp tức là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh này, tức là chỉ cho Pháp thân vô vi trí tuệ chân thật, cũng tức là câu Phật hiệu. Quy kết lại không ngoài bốn chữ A DI ĐÀ PHẬT. A Di Đà Phật chính là Thanh tịnh trí tuệ. A di đà Phật chính là thanh tịnh. A di đà Phật chính là Vô vi Pháp thân. Người niệm Phật nên hiểu được những ý nghĩa này. Người ta muốn hỏi, tại sao phải niệm A di đà Phật? Không biết. Niệm A di đà Phật, có lợi ích gì chăng? Trả lời không được. Vậy ai dám tin tưởng quí vị đây? Muốn tin tưởng quí vị , nhưng người kia bảo là mê tín, cũng chẳng sai. Anh ta mê tín. Mê tín nên nghĩ: có thể đạt được lợi ích gì không? Thật không phải dễ. cho nên các bạn đồng học phải biết, học Phật, không đến lớp biết đâu mà hành trì?

Khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, cả đời Ngài lên lớp dạy học, không dạy chúng ta tụng kinh. Lúc đó chưa có kinh sách. Một quyển cũng không có. Ngày ngày chỉ nghe Ngài thuyết giảng, nghe rõ ràng, nghe hiểu rồi, thì đem tất cả những suy nghĩ bất thiện sửa đổi trở lại, vậy gọi là tu hành. Cho nên, “tu hành”, hai chữ này: tu là sửa đổi, hành là hành vi. Hành vi sai lầm, sửa đổi trở lại gọi là tu hành. Danh từ này phải hiểu cho rõ; hành vi có 3 loại lớn: Thứ nhất là tư tưởng.Thứ hai là lời nói. Thứ ba là sự tạo tác của thân thể.

Tư tưởng chính là hành vi của tâm. Lời nói là hành vi của miệng. Sự tạo tác của thân thể là việc làm của thân. Hành vi thì còn nhiều, nhưng không ngoài 3 loại thân khẩu ý này. Ý chính là tâm, bao quát tất cả rồi.

Ba loại hành vi bất chánh, sai lầm này, hãy sửa đổi nó chân chánh trở lại, đây gọi là tu hành. Ngày nay, rất ít người hiểu được, ý nghĩa đích thực của danh từ này. Cái gì gọi là tu hành? Mỗi ngày gõ mõ, tụng kinh lạy Phật gọi đó là tu hành ư? KHÔNG PHẢI! hàng ngày tụng kinh, hàng ngày lạy Phật, nhưng còn suy nghĩ lung tung, hành vi của bạn hoàn toàn chẳng liên can gì. Vậy làm sao có thể được lợi ích? phải thực sự thay đổi trở lại. Những ý nghĩ ích kỷ riêng tư là hành vi sai lầm, danh văn lợi dưỡng là hành vi sai lầm, tham luyến Ngũ dục Lục trần là sai lầm, đem những suy nghĩ sai lầm này tu sửa trở lại. Từ đâu mà tu? Xin thưa quý vị, phải từ nơi căn bản mà tu. Đức Phật thường giảng: nhờ giới được định, nhờ định khai tuệ. Ba nguyên tắc này, hôm nay chúng ta nhìn lại xem, hàng đệ tử tại gia của Phật, Thập thiện nghiệp đạo vẫn chưa làm được. Đệ tử xuất gia của đức Phật, Sa di Luật nghi vẫn chưa làm xong. Chưa làm được là còn giả, chẳng phải thật. Tại sao họ vẫn chưa làm được? Họ không có nền tảng. Do đó, muốn học, học cả đời cũng học không giống. Tu hành nhất định phải có nền tảng. Nền tảng thứ nhất là Đệ tử quy. Đệ tử quy quí vị làm chưa xong, thì Thập thiện nghiệp đạo sao có thể làm được? Không thể nào. Sau đó nữa, quí vị làm càng không được. cho nên, chúng ta phải biết, trước tiên phải có nền tảng. Hiện giờ không có nền tảng, mà muốn tu hành, hay theo từ những nền tảng trước mà khởi, cũng giống như một ngôi nhà vậy. Ở trong Phật pháp, Đệ tử quy là cơ sở của chúng ta, giống như cái móng của ngôi nhà. Cảm ứng thiên như là làm móng nhà vậy. Hai loại này, nền móng đã vững rồi mới xây nhà lầu được. Thập thiện nghiệp đạo là tầng thứ nhất. Sa di luật nghi là tầng thứ hai, tầng trên của nhà lầu. Lên cao nữa, Tỷ kheo là tầng thứ ba. Bồ tát là tầng thứ tư. Do đó, hôm nay, một tầng cũng không thể thành tựu. Cơ sơ là không có Nho và Đạo.

Khi xưa Phật ở Ấn Độ, người thời đó tại sao tu dễ thành công? Lúc đó có Tiểu thừa, có Tiểu thừa Phật giáo. Trong Tiểu thừa giảng lí luận, nói đạo đức, nói nhân quả. Cho nên trong kinh Phật dạy cho chúng ta, ở trong “Phật tạng kinh” có đoạn nói: Phật tử trước không học Tiểu thừa, sau học Đại thừa, thì chẳng phải Phật tử. Phật nói mấy câu này rất quan trọng.

Học Phật không từ trên cơ sở nền tảng, mà bắt đầu học từ Đại thừa, Phật nói, Phật không tán đồng, Phật không công nhận. Cũng giống như đi học, khi nhỏ quí vị phải học từ mẫu giáo, tiểu học, trung học, đại học. Đâu phải bỗng dưng lên đại học liền, mà trước đó không học gì cả. Không ai thâu nhận quí vị đâu. Cho nên kinh Tiểu thừa, trong đại tạng kinh rất đầy đủ. “Tứ A hàm” chính là kinh Tiểu thừa. Tôi không được học những kinh đó. Chương Gia đại sư nói với tôi: ngài nói, Tam tạng văn tự Pali của Nam truyền, so với Tứ A hàm bằng kinh điển chữ hán của chúng ta, chỉ nhiều hơn 50 bộ, vậy mà phiên dịch rất hoàn chỉnh, tổng cộng gần 3000 bộ. 3000 bộ kém hơn 50 bộ, khoảng cách sai lệch này vô cùng nhỏ. Do đó có thể biết, kinh Tiểu thừa truyền sang Trung Quốc thì đã hoàn bị rồi.

Tiểu thừa ở vào thời kỳ nhà Tùy nhà Đường đã có hai tông phái, đây là cơ sở để học Phật, khoa mục mang tính chung, không thể không học, đó là Câu xá tông và Thành thật tông. Nhưng hai tông phái này, cuối đời nhà Đường đã bị suy yếu. Đời nhà Tống thì không còn nữa. Bây giờ, rất nhiều người không biết đến sự tồn tại của hai tông phái này, thế là, giữa thời nhà Đường về sau, người Trung Quốc chúng ta rất thông minh chẳng học Tiểu thừa. Vậy đã học gì? Dùng Nho và Đạo thay thế. Nho và Đạo là “sản phẩm” của Trung Quốc. Nội dung của nó, không thua kém Phật giáo Tiểu thừa. Những gì trong đó nói còn viên mãn hơn Tiểu thừa. Do đó, người xuất gia, và cư sĩ tại gia ở Trung Quốc, không ai không đọc Tứ thư ngũ kinh, mọi người đều đọc sách của Lão Trang, Lão tử, Trang tử. Họ đã dùng cái cơ sở này, để học Đại thừa Phật giáo, cho nên một chút chướng ngại cũng không có. Quí vị xem, đời Tùy, Đường đến này đã hơn 1700 năm rồi. Hơn 1700 năm nay, đã bao triều đại trôi qua, các bậc cao Tăng thạc đức, những cư sĩ tại gia, người tu hành thành công không ít, hơn hẵn Hán Đường. Ở đây muốn nói lên rằng, phương pháp này là hiệu quả chính xác. Chúng ta có thể tiếp nhận nó. Cho nên ngày nay, chúng ta học Đệ tử quy, học Cảm ứng thiên; ban đầu có người đến hỏi tôi, họ nói: những thứ này là của Nho giáo, là của Đạo giáo, chúng ta học Phật tại sao phải học nó? Đặt câu hỏi này, tức là đối với Phật giáo Trung Quốc đã có 2000 năm lịch sử, họ không hiểu. Nếu họ hiểu thì đã không đặt câu hỏi này. Dùng Nho dùng Đạo để làm nền tảng tu học, cái này chẳng phải tôi đề xuất, mà do các bậc Tổ sư ở thời kỳ giữa nhà Đường đề xuất. Ba nhà Thích, Đạo, Nho, từ hình thức bên ngoài bạn thấy đó, chiếc áo mặc tuy không giống, hoàn cảnh sống cũng chẳng giống, ngoại trừ hình thức ra, nội dung bên trong thì luôn dung hòa nhất thể. Người học Nho cũng có thể đọc kinh Phật. Quyển Tứ thư của Chu Hi biên soạn rất là hay. Cảm hứng của ông ta từ đâu mà có? Tôi rất hoài nghi, có thể ông ta có được nhờ đọc kinh Hoa Nghiêm. Cách lý luận của kinh Hoa Nghiêm rất đầy đủ, có phương pháp tinh tế, phía sau còn kèm theo cả luận chứng. Chúng ta xem, Tứ thư của ông ta sáng tác và kinh Hoa Nghiêm rất giống.”Trung dung” là lí luận. “Đại học” là phương pháp, “Luận ngữ”, “Mạnh tử” là luận cứ. Quí vị xem, lí luận và phương pháp, đi sát với thực tế của cuộc sống. Khổng tử làm sao chu đáo đến vậy? Luận ngữ. Mạnh tử sao hay vậy? Khổng tử là thánh nhân, Mạnh tử là hiền nhân. Thánh hiền làm thế nào có được những phương pháp lí luận phù hợp với cuộc sống như thế. Tức là họ làm để cho quí vị thấy. Vậy chẳng phái giống với kinh Hoa Nghiêm đó sao? Đạo lí và phương pháp của kinh Hoa Nghiêm, lấy Thiện Tài đồng tử làm nhân vật chính, thực hiện tham vấn với năm mươi ba vị thiện tri thức. Họ làm để cho quí vị thấy. Cho nên, càng đọc Tứ thư càng thấy giống kinh Hoa Nghiêm. Khẳng định như thế, vì Chu Hi đã từng học Phật. và trong giới tu sĩ Phật giáo, có không ít Cao tăng thạc đức thường qua lại rất thân thiết với ông ấy. Chúng tôi cho rằng, có đạo lí của nó. Viết một tác phẩm hay như thế, từ đoạn sau của cuốn sách ta thấy được, trong quá khứ, người Trung Quốc đọc sách, họ không đọc Tứ thư này. Nói chung, Tứ thư có thể học thuộc nó.

Ngày nay, ở Luân Đôn, chúng tôi thấy các trường đại học Niu Tân, đại học Kiếm Kiều và đại học Luân Đôn, học sinh khoa Hán học của ba ngôi trường này, đều có thể học thuộc lòng Tứ thư, chúng tôi không thể không khâm phục; nói chuyện với nhau đều sử dụng tiếng Bắc Kinh làm tiêu chuẩn, đọc những cổ văn của Trung Quốc. Không hổ thẹn là Hán học gia của Âu châu. Tôi thấy vậy vô cùng hoan hỉ, cũng rất lấy làm khen ngợi.

Đoạn sau nói, “Cho nên phát tâm Đại thừa, trì danh niệm Phật, khi sắp qua đời, được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm chính là tôn chỉ của bổn kinh”. Câu này dễ hiểu. nghĩa lý bên trong rất thâm sâu. Phía trước đã nói qua, phía sau vẫn còn lặp lại mấy lần nữa. Sự lặp lại này là có đạo lí của nó; tức là muốn gây ấn tượng sâu sắc cho chúng ta, thời thời khắc khắc thức tĩnh chúng ta. Thuyết minh những lời khai thị này vô cùng quan trọng. Phát tâm Đại thừa rất quan trọng. Phát Đại thừa tâm chính là phát Bồ đề tâm.

Thế nào là Bồ đề tâm? Những năm gần đây, chúng tôi đem Bồ đề tâm ở trong kinh luận đã nói, làm mới lại, tức là nương vào nghĩa lí trong kinh điển để chỉnh sữa lại, viết thành 10 chữ, mong mọi người dễ hiểu hơn. Thể của Bồ đề tâm, Bản thể, chính là Chân thành. Chúng ta học Phật, là mong tương lai thành tựu. Nếu quí vị không dụng tâm chân thành, thì quí vị sẽ không bao giờ thành tựu. Người khác dùng tâm giả dối để đối xử với ta, ta lại dùng tâm chân thành vậy chẳng phải thiệt thòi sao? Vâng, bị thiệt thòi. Người xưa nói, thiệt thòi là phước. Quí vị muốn có phước không? Phước là cái gì? Tức là quí vị đã đến thế giới Cực lạc làm Phật rồi. Nếu quí vị không muốn làm Phật, muốn bị luân hồi, được rồi, khi họ dùng tâm giả dối đối xử ta, ta cũng dùng tâm giả dối đối xử lại với họ, vậy thì bạn vẫn còn luân hồi trong Lục đạo rồi. Không thoát khỏi Lục đạo. Nên biết, thiệt thòi là phước. Người bị thiệt thòi có thể đến thế giới Cực lạc. Người không thiệt thòi thì tiếp tục luân hồi trong sáu nẽo. Vậy hãy suy nghĩ xem, quí vị có muốn chịu thiệt thòi không? Được thiệt thòi mới thật là vui sướng! Lợi dụng thì không tốt, lợi dụng thì trong lòng thường hay lo sợ, tâm hồn bất an. Thiệt thòi mới tốt. Cho nên, học Phật phải học chịu sự thiệt thòi. Ai không học thiệt thòi thì không có cách nào học Phật được. Không nên chống trái người khác. Họ chống trái với ta cũng được, nhưng ta không nên chống trái với họ. Họ hủy báng ta cũng được, ta không nên hủy báng lại họ. Họ sỉ nhục ta cũng được, ta không nên sỉ nhục họ. Họ hãm hại ta cũng được, ta không được hãm hại họ. Vì sao vậy? Vì ta là Bồ tát. Bồ tát đâu có thể làm hại người khác! Chỉ có Bồ tát mới có thể đến thế giới Cực lạc.

Lợi ích của thế giới Cực lạc; lợi ích thứ nhất là Vô Lượng Thọ. Thọ mạng của chúng ta ở thế gian này rất ngắn ngủi. Vô lượng thật sự, chẳng phải Vô lượng giả. Thật Vô Lượng Thọ. Nên dùng Đại thừa tâm, chân thành tâm để đối xử với mọi người. Thanh tịnh tâm, Bình đẳng tâm, Chánh giác tâm, tự thọ dụng, tức là đối với chính mình. Đối với người khác, dùng tâm từ bi, tâm yêu thương. Đối đãi người, phải từ bi. Nên học theo hạnh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Khi đức Thích ca Mâu ni Phật còn ở nhân địa hành Bồ tát đạo, thời kỳ học Phật, bị vua Ca Lợi cắt sẻ thân thể, bị sỉ nhục không gì bằng, vô cùng tàn khốc. Vua Ca Lợi đưa Ngài đến chỗ chết. Ca Lợi tức là tiếng Ấn Độ, dịch ra tiếng Trung Quốc là Hung Bạo. Ca Lợi vương, người Trung Quốc chúng ta hay nói là Bạo quân. Bồ tát bị ông ta giết. Nhưng Bồ tát, một chút oán hận cũng không có, lại còn nói với vua Ca Lợi: tương lai tôi thành Phật, việc đầu tiên tôi làm là đến độ ông. Điều này chúng ta nên học tập. Nghịch cảnh khiến phải chịu cái chết như thế, cũng có thể chịu được. Ngày nay, người khác hủy báng quí vị vài câu, sỉ nhục quí vị vài câu, quí vị đã chịu không nỗi rồi, vậy quí vị có thể học Phật được không? Không thể được. Nên nhẫn nhục. Trong cái nhẫn có niềm vui. Không có gì không thể nhẫn. Cho nên, nhẫn nại đổi thành nhẫn nhục. Đây là do các pháp sư thời nay phiên dịch. Đặc biệt dùng danh từ này, bởi vì người Trung Quốc rất coi trọng chữ Nhục. Quí vị xem, trong sách xưa thường nói “sĩ khả sát bất khả nhục”. Bị nhục không thể chịu đựng nhưng chặt đầu thì không vấn đề gì. Không chấp nhận bị làm nhục. Người Trung Quốc có khuyết điểm này. Cho nên, chữ nhẫn nại đổi thành nhẫn nhục. Nhục có thể nhẫn, thì không có gì không thể nhẫn được. Nhẫn nhục, hoàn toàn là đối với người Trung Quốc (TQ) mà nói. Gốc của danh từ này, nó vốn là Nhẫn nại. Bởi vì người xưa rất coi trọng chữ Nhục, cho nên dịch thành Nhẫn nhục. Học Phật phải buông xả, buông xả là bố thí. Chân thành buông xả, siêng năng nhẫn nhục, thì quí vị dễ dàng thành tựu.

Buông xả không nỗi. Cái gì không buông xả được? Danh, lợi. Hai thứ này không buông không được. Người khác hại quí vị , hủy báng quí vị , quí vị bất năng nhẫn, như vậy làm sao thành tựu được? Khi quí vị đang bước đi trên mãnh đất Bồ đề đạo, một tí cũng không thể vươn lên cao, vậy thì sai rồi. Tu hành, tức là tu sữa những hành vi sai trái. Không thể coi việc nhẫn nhục là hành vi sai trái. Không thể coi việc buông xả là việc làm sai lầm. Đối đãi với người chút từ bi, đặc biệt là đối với người hại ta, nên đối xử từ bi đặc biệt với họ. Tại vì sao? Vì người hại ta, sẽ có lợi ích cho ta. Lợi ích gì đây? Họ đến thử thách ta, xem công phu của ta đạt đến giai đoạn nào rồi. Ta nên vui mừng. Họ thật sự có lợi ích với ta. Nhưng có điều, tâm của họ chẳng phải là thiện tâm, họ tạo nghiệp. Họ tạo nghiệp tương lai sẽ có ác báo. Người giúp đỡ ta thăng hoa trên đạo lộ tu hành, nhưng tương lai sẽ chịu ác báo. Ta phải xử lí thế nào đây? Dùng công đức tu hành của mình để hồi hướng cho họ. Hi vọng họ, trong tương lai khi chịu quả báo hiện tiền, cái khổ họ chịu sẽ giảm nhẹ. Khi chúng ta đã thành tựu rồi, phải nâng đỡ dìu dắt họ, để báo ân. Đây là Phật pháp. Đây gọi là học Phật. Quí vị nên làm! Cho nên, Phật Bồ tát, việc đầu tiền là cảm ơn, chính những người gây phiền phức, những người gây chướng ngại khắp nơi cho ta, ta bỏ qua tất cả thì mới dễ dàng thành tựu. Do đó, trong ánh mắt của Bồ tát, mọi người đều là người tốt, mọi việc là việc tốt. Sự thật là vậy. Một tí cũng không giả.

Phát tâm Bồ đề, có được tâm này rồi, chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi. Nhất hướng chuyên niệm. Dùng cái tâm này, chỉ một phương hướng, đó là Tây phương Cực là thế giới, chuyên niệm A di đà Phật. Ngay trong ý muốn niệm A di Đà Phật đó, chính là đã di dân sang Cực lạc thế giới rồi. Chúng ta được di dân đến thế giới Cực lạc. Chúng ta được thân cận với đức Phật A di đà, đó là vị thầy tốt nhất. Phật Thích ca Mâu ni vì chúng ta mà giới thiệu. Mười phương chư Phật cũng vì chúng ta mà giới thiệu. Thế giới Cực lạc là hoàn cảnh tốt nhất cho việc học Phật. Chúng ta đến đó rồi là coi như đã thành tựu. Ở thế giới này, thành tựu rất khó, thời gian rất dài, đến nơi ấy thì rất nhanh. Vãng sanh về thế giới Cực lạc, cũng như cách nói ngày nay là Di dân; di dân qua đó rồi thì không còn sanh tử nữa.

“Lại như câu Thanh tịnh, là biểu thị lí thể thực tế”. Lý thể thực tế này chính là Chân như bản tính, cũng giống như chỗ nói trong Tam tự kinh của chúng ta, “Nhân chi sơ tánh bổn thiện”. Lý thể thật tế là bổn thiện. Chữ thiện này chẳng phải thiện của thiện ác. Các vị nên hiểu rõ vấn đề này. Chữ thiện này, ý nghĩa của nó là khen ngợi. Vì nó không có chút tơ hào nào khiếm khuyết; hoàn mỹ, viên mãn, nó có ý nghĩa như vậy. Một chút khiếm khuyết cũng không có. Bất luận là nói về trí tuệ, nói về đức hạnh, hay nói về tướng hảo. Bất luận nói về cái gì, nó đều hoàn toàn viên mãn, nó đều Thanh tịnh Bình đẳng. Nó có ý nghĩa như vậy đó.

Từ câu Thanh tịnh nảy sinh ra 3 loại trang nghiêm. 3 loại trang nghiêm đồng nhập vào một câu Thanh tịnh. 3 loại trang nghiêm, phía trước đã nói qua rồi. Đây là nói về thế giới Cực lạc. Cho nên, Cực lạc thế giới, chúng ta phải biết rằng, Cực lạc thế giới chẳng phải là một quốc gia. Nó chỉ là một khu vực. Vì sao vậy? Vì nó không có chính phủ, nó cũng chẳng phải giống như thiên đường của tôn giáo. Trong thiên đường có Thiên chủ, có Thiên vương, nó có tổ chức chính trị, nó có bá quan văn võ. Thế giới cực lạc không có những thứ đó. Cực lạc thế giới, như chúng ta thấy trong tất cả các kinh đã giới thiệu. Chúng ta học nhiều năm nay cũng biết rồi. Cực lạc thế giới người rất đông, nhưng chỉ có 2 loại: một là thầy giáo, hai là các học sinh. Do đó, nó là nơi để học. Điều này chúng ta phải nắm bắt cho rõ. Chưa từng nghe nói ở thế giới Cực lạc, nào là quốc vương, nào là thiên chủ. Không có. Chỉ nhắc đến Phật A di đà, Phật A di đà là thầy giáo. Ngoài thầy giáo ra, còn lại toàn là học sinh. Học sinh đều có cấp bậc; có sinh viên Đại học, có học sinh Trung học và học sinh Tiểu học. Nhưng, những học sinh này không cần chia lớp, họ cùng nhau ngồi chung một lớp. Thật không thể nghĩ bàn! Vì vậy thế giới Cực lạc không có tổ chức. Học sinh tuy rất đông, nhưng họ rất có quy cũ. Họ có trật tự một cách rất tự nhiên. Họ đều giữ quy cũ, không có ồn ào. Không cần tổ chức. Vậy nên chúng ta biết, cấp bậc Bồ tát, A la hán đều có ở trong đó, không cần phân ban. Không nói lớp này, người nào làm Trưởng lớp, không có. Vấn đề này, lúc đức Phật Thích ca Mâu ni còn tại thế, đã từng biểu hiện cho chúng ta thấy rồi. Chúng ta muốn học Phật, nên học với Phật Thích ca Mâu ni. Điều này Chương Gia đại sư dạy cho tôi đó. Quí vị mới thực sự học được mọi thứ. Đức Thích ca Mâu ni Phật khi còn tại thế, phương pháp dạy học của Ngài giống với Phật A di đà. Học sinh rất nhiều. Quí vị thấy trong kinh điển đã ghi chép lại cho chúng ta biết, thường theo chúng học, không rời khỏi thầy giáo. Thầy giáo đi đến đâu thì học sinh đi đến đó. 1255 người, lúc nào cũng theo thầy giáo. Tôi tin rằng, sẽ không ít người như vậy, Tăng đoàn của đức Phật Thích ca Mâu ni, ít nhất là 3000 người. Một Tăng đoàn lớn như thế, nhưng không nghe nói nó có sự tổ chức, chia thành bao nhiêu lớp, người nào lớp trưởng của một ban. Không có. Hoàn toàn là trường tư dạy học, nghiêm chỉnh một cách tự nhiên, người trình độ cao thì dìu dắt người trình độ thấp. Người trình độ cao là Bồ tát. Chúng Bồ tát, các vị này đã lấy được bằng cấp học vị. Người thấp hơn một bậc là A la hán. Thấp hơn A la hán, là những phàm phu chưa được khai ngộ. Đây chính là chỗ chúng tôi thường giảng, Phàm thánh đồng cư độ của nhũng người đới nghiệp vãng sanh. Trong Phàm thánh đồng cư độ không có A la hán, không có học vị, nó tương tự như học sinh Trung học và Tiểu học. Gặp được người nào, Phàm thánh đồng cư độ gặp được A lá hán nào thì A la hán đó sẽ dạy họ. gặp được Bồ tát nào thì vị Bồ tát đó sẽ dạy họ, đều có thể giúp đỡ họ, vô cùng thân thiết, giống như chị em huynh đệ vậy. Thế giới như vậy, chúng ta không thể không biết. Chúng ta nên học, học với Phật Thích ca Mâu ni. Cho nên, Phật pháp không cần có tổ chức. Không giống với tôn giáo khác. Tôn giáo khác có tổ chức, từng bậc từng bậc. Thiên chúa giáo và Cơ đốc giáo, Giáo hoàng Vatican là chính phủ Trung ương của chúng họ, mỗi quốc gia đều có cơ quan Giám mục, người lãnh đạo của khu vực của họ. Ở Trung Quốc chúng ta, mỗi tỉnh đều có chủ giáo Giám mục địa phận, mỗi huyện cũng có Giám mục. Nó có tổ chức hành chính. Trong Phật giáo không có. Quí vị nói xem, như vậy có tốt hay là không? Không tốt. Nếu có, thì trong lòng bạn có phân biệt, có chấp trước, vậy là không buông xả được. Nó không có. Quí vị nghĩ xem, Phật giáo khuyên chúng ta hãy đem những chướng ngại đang gồng gánh này, tất cả rủ sạch trống trơn . Không cần tổ chức. Cho nên chúng ta đến thế giới Cực lạc mới đúng thân phận của học sinh. Đến nơi đó thành Phật. Thành Phật chính là hết nghiệp. Sau khi hết nghiệp, quí vị không thể ở lại thế giới Cực lạc nữa, mà nơi nào có duyên thì đến nơi đó để giáo hóa chúng sinh. Hết nghiếp rồi thì đi phân phát. Không phải phân phát, mà ở địa phương nào có duyên với quí vị thì tự nhiên quí vị đến nơi đó. Chúng sanh có cảm thì quí vị mới có ứng. Đi đến nơi đó dạy học; dạy học nhất định phải giống với Phật A di đà, cũng giống với Phật Thích ca Mâu ni. Thanh cao biết nhường nào! Tự tại biết bao! Nếu bạn có tổ chức, thì quí vị sẽ bị loạn tâm, có phân biệt, có chấp trước, thế là hỏng rồi. Những việc quí vị làm, là thế gian pháp, không ra khỏi Lục đạo luân hồi. Đạo lí này không thể không hiểu. Từ đó quí vị có thể thấy, đây mới là trí tuệ chân thật. Thành tựu chân thật.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

# Tập 80

Chuyển ngữ: Tử Hà  
Biên tập: Bình Minh  
Giảng ngày: 15 tháng 07 năm 2010  
Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 85, hàng 2.

*Bình đẳng giả, ly sai biệt dã. Kinh vân, tâm Phật chúng sanh, tam vô sai biệt, chánh hiển bình đẳng chi nghĩa.*

Đề kinh này là bình đẳng giác. Chúng ta phân chia danh đề này làm ba câu để đọc. Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác.

Bình đẳng nghĩa là không sai biệt. Tâm Phật chúng sanh đồng một thể tánh. Đều do tự tánh biến hiện ra. Trong kinh điển đại thừa đức Phật thường dạy: “mười phương ba đời Phật, cộng đồng một pháp thân”, chính là ý nghĩa này.

Ba đời Phật là nói về quá khứ, hiện tại, vị lai. Quá khứ đã thành Phật. Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta một bộ phận. Kinh Tam Thiên Phật Danh có ba quyển- thượng trung hạ. Quyển thượng là quá khứ thiên Phật, quyển trung là hiện tại thiên Phật, quyển hạ là vị lai thiên Phật. Phật vị lai nghĩa là chưa thành Phật. Ở đâu? Tất cả chúng sanh trong lục đạo hiện nay, đều là Phật vị lai. Trong Phật pháp gọi là hữu tình chúng sanh.

Hữu tình chúng sanh. Tình, trong duy thức nói là thọ tưởng hành thức. Có cảm thọ, cảm thọ khổ lạc ưu hỷ xả, có tư tưởng, chấp trước, ký ức. Gọi là hữu tình.

Ngày nay chúng ta biết được động vật có tình, thực vật có tình, khoáng vật cũng có tình. Thật hiếm có, chúng ta thấy được báo cáo của giới khoa học lượng tử, họ cho chúng ta biết, trong hư không cũng có tình. Đây là điều các nhà khoa học thời cận đại nói, họ khẳng định không có cái không thật sự. Đạo Phật nói chắc chắn không có không vô. Ở trạng thái chân không, trong đó còn có nguyên tử, nó hoạt động rất mạnh, nhục nhãn của chúng ta không thấy được.

Trên thực tế họ đã phát hiện ra những thứ này, rất giống trong kinh đức Phật nói về ý niệm, chính là một niệm bất giác. Đạo Phật nói vô thỉ vô minh. Vô thỉ nghĩa là không bắt đầu. Giới khoa học cũng phát hiện ra rồi, thật sự không có nguyên nhân. Thật sự không có bắt đầu, họ cũng nói sát na sanh, sát na diệt. Giống như Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, mỗi niệm đều độc lập riêng biệt.

Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Chính là những ý niệm này tích lũy liên tục mà sanh ra huyễn tướng, nó không có thật. Cho nên hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, hiện tượng đại tự nhiên trong vũ trụ, đều do đây mà có.

Các nhà khoa học cho rằng, có thể đây là nguồn gốc của vũ trụ và sanh mạng. Họ đã phát hiện ra. Nhưng nói rõ ràng nhất, minh bạch nhất là kinh điển đại thừa.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, chưa có nhiều dụng cụ khoa học, sao ngài biết được? Ngài dạy chúng ta, hiểu rõ tất cả là bản năng của mỗi chúng sanh. Quí vị vốn nhìn thấy. Ngày nay khoa học muốn thấy được nguyên tử, điện tử, phải dùng kính hiển vi tối tân. Chư Phật Bồ Tát thì không cần. Trong kinh nói chúng ta có ngũ nhãn viên minh. Chúng ta có ngũ nhãn: chúng ta có nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn. Chúng ta đều có đủ. Nhưng bây giờ nó ở đâu? Nếu có đủ năm loại nhãn này, thì đâu cần kính hiển vi! Không cần!

Đức Phật dạy , do chúng ta mê thất tự tánh. Giống như trong Tam Tự Kinh vậy. Phật pháp thật sự làm cho nền văn hóa xưa thêm phong phú. Nếu dùng cảnh giới Hoa Nghiêm để giảng về tam tự kinh, có thể giảng thông. “Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”. Thiện ở đây không phải thiện đối với ác. Thiện ở đây là danh từ tán thán, khen ngợi. Hay quá, viên mãn quá, không hề khiếm khuyết tí nào. Trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Kiến văn giác tri của quí vị, không có điều gì chẳng viên mãn.

Quí vị có thể thấy, có thể thấy được điều gì? Thấy được tiểu quang tử mà giới khoa học ngày nay nói, lạp tử cơ bản. Quí vị có thể thấy được tiểu quang tử này phát sinh như thế nào. Do nhất niệm bất giác biến hiện ra. Niệm niệm bất giác, đó chính là tiểu quang tử tích lũy lại, tiểu quang tử là ý niệm, ý niệm tích lũy lại biến thành hiện tượng vật chất. Trong hiện tượng vật chất có kiến văn giác tri. Kiến văn giác tri vốn sẵn có trong tự tánh.

Động vật do tự tánh biến hiện ra, thực vật do tự tánh biến hiện ra, khoáng vật cũng do tự tánh biến hiện ra, hư không pháp giới đều do tự tánh biến hiện ra. Mỗi lạp tử trong đó, đều có đầy đủ kiến văn giác tri, quí vị có thể thấy được từng lạp tử. Trong đó có âm thanh, diệu âm, âm thanh vi diệu, quí vị đều có thể nghe được. Nó có hương, có vị, quí vị có thể ngửi được, nếm được. Điều này trong kinh đức Phật có nói.

Những điều khoa học ngày nay phát hiện ra, vi trần trong Phật pháp gọi là cực vi chi vi, có thể là lượng tử mà giới khoa học ngày nay nói. Nhưng lượng tử nó có thể tích, bởi nó là vật chất, nó có hiện tượng tinh thần, họ đã nhìn thấy. Họ thấy được sắc, nhưng hương và vị thì chưa phát hiện ra. Sắc thanh hương vị, họ cũng chưa phát hiện được âm thanh.

Đức Phật nói viên mãn hơn. Vũ trụ do vật chất cơ bản cấu thành, đem nó phân tích thấy đều giống nhau, pháp bình đẳng mà, không hề có chút sai biệt. Vì sao biến hiện ra vũ trụ phức tạp như vậy?

Đức Phật dạy, từ ý niệm sanh ra, ý niệm phức tạp. Phức tạp đến mức nào thì bản thân chúng ta không biết được. Vì sao? Bởi tâm chúng ta quá thô. Nếu thanh tịnh bình đẳng giác của chúng ta hiện tiền, thì chúng ta sẽ biết được, sẽ hiểu rõ. Tâm chúng ta quá thô. Mình động niệm nhưng bản thân mình không biết được. Chẳng những cực kỳ vi tế ta không biết được. Trong kinh đức Phật nói rất rõ ràng. A Lại da là ý niệm rất vi tế. Ai biết được? Trong kinh nói, Bồ tát Bát địa biết được, đã chứng minh được!

Các nhà khoa học hiện nay đem so với Bồ tát Bát địa, không được đâu, còn kém xa lắm! Khoa học mới phát hiện ra có những thứ này, nhưng chưa rõ ràng. Bồ tát Bát địa thấy được rõ ràng rồi.

Những vị Bồ tát dưới Bát địa giống như chúng ta, chúng ta cũng biết, nhưng là nghe nói. Học kinh điển đại thừa, trong kinh có nói đến. Chúng ta biết chắc chắn đức Phật không vọng ngữ. Những điều đức Phật nói chắc chắn là chân, chứ không phải giả. Điều này chúng ta tin tưởng, chúng ta tin được, đức Phật không vọng ngữ.

Đức Phật dạy chúng ta, phù hợp khoa học, chứ chẳng phải do đức Phật nói là chúng ta tin. Đây không phải ý của đức Phật.

Đức Phật dạy, bây giờ các ngươi tin tưởng, các ngươi lý giải được rồi, nhưng đức Phật yêu cầu ta phải chứng thực, mới gọi là cái của chúng ta. Nếu không chứng thực được, thì đó không phải của chúng ta, mà là của chư Phật Bồ tát nói. Tuy quí vị biết, nhưng chẳng được lợi ích. Nếu quí vị chứng thực được- hành chứng. Hành nghĩa là gì? Là buông bỏ. Vì sao quí vị không thể chứng thực? Phải hỏi quí vị, vì sao tâm của quí vị không chân thành? Không buông bỏ vọng tưởng, quí vị không chân thành.

Vọng tưởng là vô thỉ vô minh, chính là khởi tâm động niệm. Ý niệm của quí vị, ý niệm này diệt, ý niệm kia khởi, miên viễn không ngừng lại. Có cái này thì không có chân thành. Vì sao? Bởi cái này là giả. Khởi tâm động niệm là giả chẳng phải chân.

Trong tự tánh, đại sư Huệ Năng nói rất hay: “vốn không dao động”. Vốn không dao động, trong kinh điển đại thừa đức Phật thường gọi là tự tánh bổn định. Ngươi xưa nói rằng tự tánh bổn thiện. Bổn định là bổn thiện, không dao động.

Chẳng những chúng ta có vọng tưởng, nghĩa là có khởi tâm động niệm, mà còn phân biệt, chấp trước nữa. Tiêu rồi! Khởi tâm động niệm là gợn sóng, phân biệt là sóng, chấp trước là sóng lớn. Tâm của quí vị không định được.

Tu học Phật pháp, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Bất luận pháp môn nào cũng phải tu định. Nếu không định thì chẳng thể khế nhập. Cho nên trong Phật pháp định là cốt lõi tu tập. Những phương pháp khác là giúp cho quí vị được định. Dạy quí vị trì giới, giới giúp cho quí vị được định, đây là phương pháp. Nhân giới được định, định đến trình độ nhất định, sẽ hoát nhiên đại ngộ, trí huệ khai, đó gọi là chứng đắc. Định không chứng được. Muốn chứng được trước bắt buộc phải có định.   
 Sau khi khai trí huệ, đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, chúng ta nói tất cả muôn vật, tánh-tướng, lý-sự, nhân-quả của muôn vật ta đều hiểu rõ.

Tâm kinh nói: “Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không.”

Ngũ uẩn là gì? Ngũ uẩn là vũ trụ. Sắc là vật chất, thọ tưởng hành thức là tinh thần. Gọi là ngũ uẩn. Đây là đứng về mặt A lại da mà nói, chứ tự tánh thì không có. Trong tự tánh không hiện tướng. Tự tánh bổn định khi không hiện tướng, có ngũ uẩn chăng? Có! Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đó là khi không hiện tướng. Cho nên không hiện tướng chẳng thể nói nó là không có. Có thọ tưởng hành thức nhưng là ẩn không hiện.

Tự tánh không phải là vật chất cũng chẳng phải là tinh thần, nhưng có thể hiện vật chất, có thể hiện tinh thần.

Gặp được duyên, duyên ở đây chính là một niệm bất giác. Gặp được duyên này thì năng sanh vạn pháp. Hoàn Nguyên Quán gọi là “xuất sanh vô tận”.

Vô tận, nhưng có một cái làm chủ nó. Vì sao nó sanh? Ý niệm! Cho nên Phật pháp nói: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Ý niệm đấy! Sức mạnh của ý niệm rất lớn. Ý niệm có sức mạnh. Sức mạnh của chúng ta không lớn bao nhiêu, nguyên nhân vì sao? Bởi ý niệm của chúng ta tán loạn. Nghĩa là ý niệm của ta không thể tập trung. Ý niệm tập trung sẽ sanh ra một sức mạnh rất lớn.

Tu tập trong Phật pháp, bảo quí vị nhất tâm xưng niệm. Nhất tâm ở đây là gom ý niệm tán loạn tập trung lại, năng lượng đó đúng là không thể nghĩ bàn.

Lễ phép đầu tiên của Phật giáo là chắp tay. Chắp tay tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho nhất tâm. Bình thường 10 ngón tay đều tán loạn, tâm tán loạn, thu tâm tán loạn lại thành nhất tâm. Nó tượng trưng cho ý nghĩa này. Cho nên khi chắp tay phải chắp sát, bởi nó tượng trưng cho nhất, nó tượng trưng cho tán loạn thu lại thành một.

Cảnh giới nhất tâm biến ra, chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, gọi là nhất chân pháp giới. Tâm tán loạn biến thành mười pháp giới, biến thành lục đạo, biến thành tam đồ. Đều do tâm tán loạn biến ra.

Chúng ta không nói đến một đời, chỉ nói một ngày thôi, từ sáng đến tối có bao nhiêu vọng niệm? “Niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức”. Vũ trụ từ đâu mà có? Do tự tánh biến hiện ra. Tự tánh của ai? Tự tánh của chính mình! Không liên quan gì đến người khác. Mỗi người biến hiện cảnh giới của riêng mình, hỗ tương trùng điệp. Trong sự trùng điệp đó có cộng nghiệp và bất cộng nghiệp.

Cộng nghiệp, nghĩa là chúng ta có thể thấy được. Bất cộng nghiệp là chỉ có mình biết được, chứ người khác không biết được. Người có định sẽ biết được. Vì sao? Bởi định công đột phá không gian duy thứ. Cho nên không gian duy thứ nếu đứng về mặt lý luận mà nói, như các nhà khoa học nói, là vô hạn lượng. Đây là lời chân thật. Không gian duy thứ từ đâu mà có? Từ vọng niệm mà có, nghĩa là từ phân biệt chấp trước mà có. Có phân biệt chấp trước là có không gian duy thứ. Không còn phân biệt chấp trước thì sẽ phá được không gian duy thứ. Sự việc là như vậy.

Cho nên tu tập chú trọng công phu. Thế nào là công phu? Chẳng phải ta đọc bao nhiêu bộ kinh, ta đọc bao nhiêu danh hiệu Phật, không phải như thế, đây không phải là công phu. Công phu là gì? Đây là phương pháp. Dùng những phương pháp này thành tựu công phu của quí vị. Công phu nghĩa là buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm, gọi đó là công phu. Khó quá!

Ngày nay chúng ta sử dụng phương pháp trì danh niệm Phật, đây cũng là pháp môn. Dùng pháp môn này thành tựu công phu của chính mình. Đầu tiên chúng ta niệm để buông chấp trước. Phương pháp nay hay quá, chỉ chấp trước A Di Đà Phật. Quí vị xem, trong kinh nói, “chấp trì danh hiệu”. Chấp chính là chấp trước, trì là bảo trì, không cho nó mất. Chấp trì danh hiệu này, còn những thứ khác buông bỏ hết đừng chấp trước. Dùng một chấp trước để buông bỏ tất cả chấp trước. Bởi vì bảo quí vị buông bỏ hết tất cả chấp trước, không dễ dàng gì, khó có thể làm được, luôn luôn phải chấp trước. Đây là pháp phương tiện. Trong vô lượng pháp môn đây là pháp môn số một. Dùng câu Phật hiệu này, bởi câu Phật hiệu này thật sự rất hay, trong tất cả thời, tất cả xứ đều có thể niệm được, không bị trói buộc vào bất cứ hình thức nào. Niệm tiếng lớn, niệm tiếng nhỏ, niệm thành tiếng hay mặc niệm đều được hết, niệm trong tâm cũng được. Quí vị xem, rất dễ!

Mục đích ở đâu? Dùng một niệm để gạt bỏ tất cả vọng niệm. Nếu ta niệm câu Phật hiệu này, vẫn còn xen lẫn tạp niệm khác, thì công phu niệm Phật của quí vị bị phá hoại hết rồi. Như vậy là công phu không đắc lực.

Hôm qua có người hỏi tôi: Niệm Phật mà tạp niệm nhiều quá, dùng phương pháp nào để gạt bỏ tạp niệm? Công phu không đắc lực! Nếu công phu đắc lực thì sẽ ít tạp niệm.

Điều này liên quan đến tín nguyện. Nếu thật sự phát nguyện: đời nay buông bỏ hết tất cả, chỉ hướng đến một mục tiêu, cầu sanh tịnh độ, thấy được đức Phật A Di Đà. Nếu quí vị chỉ đơn thuần có một mục tiêu như vậy, một phương hướng như vậy, thì những thứ khác tự nhiên sẽ buông bỏ hết.

Nếu nghĩ rằng, tôi muốn ở thế gian này làm cái này làm cái khác, thì vọng niệm của quí vị rất nhiều. Đến khi nào mới có thể đạt được tâm thanh tịnh? Sự thật này chúng ta chẳng thể không biết.

Trong kinh Vô Lượng Thọ đức Phật dạy chúng ta: “phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Ngài đem phương pháp cầu sanh về thế giới cực lạc, thân cận đức Phật A Di Đà xếp vào vị trí số một, chứ không nói về những điều khác. Vì sao? Bởi chỉ có sự thành tựu này mới gọi là thành tựu viên mãn.Vãng sanh, phàm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng là chân thật thành tựu viên mãn. Vì sao? Bởi đến thế giới cực lạc là địa vị Bồ tát A Duy Việt Trí.

Chúng sanh khổ, chúng sanh có nạn. Ai đến cứu họ? Đây là việc làm của chư Phật Bồ tát. Chúng ta là Phật, Bồ tát chăng? Không phải. Vì sao? Bởi chư Phật Bồ tát không có vọng tưởng.

Ở thế gian này chẳng phải không có Phật Bồ tát. Có! Chư Phật Bồ tát thừa nguyện thị hiện rất nhiều. Thật sự có các ngài. Thị hiện ở thế gian này. Quí vị hỏi các ngài có vọng tưởng chăng? Không có! Các ngài có phân biệt chấp trước không? Không có! Các ngài thật sự không có. Phân biệt chấp trước của các ngài là hòa quang đồng trần. Các ngươi chấp trước, ta thuận theo sự chấp trước của các ngươi. Các ngươi phân biệt, ta thuận theo sự phân biệt của các ngươi. Như vậy sẽ dễ nói chuyện với quí vị, dễ qua lại với quí vị! Tâm các ngài thanh tịnh, không nhiễm một bụi trần. Đó thật sự là Bồ tát.

Quí vị cần nên biết. Vào thời đại chúng ta, bất luận trong nước hay nước ngoài, rất nhiều chuyện bịa đặt .

Năm xưa, khi tôi sống ở Mỹ. Có người nói với tôi rằng: người kia là Bồ tát Văn Thù thị hiện, người này là Phật gì đó thị hiện. Một số học trò đến hỏi tôi. Tôi nói với họ, chư Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian này, là thật có chứ không phải giả. Nhưng có một quy định, nếu thân thế các ngại bị tiết lộ, thì các ngài lập tức nhập niết bàn. Đó là thật, chứ không phải giả. Nếu thân thế các ngài bị tiết lộ, mà vẫn ở thế gian này chứ không nhập niết bàn, thì đây là giả, tuyệt đối không phải thật. Từ đây, từ chỗ thị hiện này, lưu lại cho hàng đệ tử chúng ta, làm tài liệu tham khảo chính xác.

Bố Đại hòa thượng, thật sự có nhân vật này. Truyện ký của ngài trong Cao Tăng Truyện, Ngài chính là Bồ Tát Di Lặc chúng ta thờ ngày nay. Ngài xuất hiện vào triều đại nhà Tống, cùng thời đại với Nhạc Phi, vào thời Tống Cao Tông. Trong truyện ký có ghi chép một số việc của ngài. Không ai biết họ tên ngài, cũng không ai biết tuổi tác của ngài. Chỉ biết rằng, khi đó ở Phụng Hóa có một người xuất gia như thế. Hàng ngày khoác túi vải lớn trên vai đi hóa duyên. Người ta cúng dường cho bất cứ vật gì ngài cũng bỏ vào túi, không nhòm ngó tới. Cho nên người ta mới gọi ngài là Bố đại hòa thượng. Lỗ tai to và dài. Gặp người là cười múm mím. Khi sắp lâm chung, ngài tuyên bố với mọi người, ngài là Bồ tát Di Lặc thị hiện. Nói xong ngồi xếp bằng mà vãng sanh. Đây là thật chứ không phải giả.

Hoặc là người khác tuyên bố thân thế của các ngài, người khác vừa tuyên bố là các ngài nhập niết bàn ngay. Đó cũng là thật.

Hòa thượng Phong Can chùa Quốc Thanh, là đức Phật A Di Đà thị hiện. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù Phổ Hiền. Thị trưởng khi đó, mẫu thân bị bệnh. Hòa thượng Phong Can chữa khỏi bệnh cho mẹ ông ấy. Ông biết ơn vô cùng, thỉnh giáo với vị hòa thượng này. Đúng lúc ông được phân đến địa phương làm thái thủ, nghĩa là làm thị trưởng ở đây. Ông thỉnh giáo với hòa thượng: Núi Thiên Thai là khu vực con trông coi, trong đấy có bậc cao tăng chân chánh chăng? Có! Hòa thượng nói có. Là ai vậy? Là Hàn Sơn, Thập Đắc. Ông đến ngôi chùa đó thân cận hai vị này. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền. Đây là do hòa thượng Phong Can nói ra.

Ông thị trưởng đi đến đó, người ta đến lễ bái tham học, muốn gặp được thánh hiền tăng. Nói đến Hàn Sơn, Thập Đắc mọi người đều cười. Họ nói: Sao ông lại tìm hai người đó, hai người đó khùng khùng điên điên, thần kinh mà! Sao lại tìm họ? Trong đây có rất nhiều cao tăng. Hai người đó chỉ là người làm việc trong bếp thôi. Một người gánh nước, một người đốt lửa. Sao ông lại tìm hai người này? Ông thị trưởng không nói gì, ông biết hai vị này là Bồ tát thị hiện, nhất định phải đến đảnh lễ. Hai vị khùng khùng điên điên này cười ông. Chạy ra ngoài, ông chạy theo sau, đuổi theo. Chạy đến bên ngọn núi, ngọn núi tách ra, hai vị đó đi vào trong, nói một câu: “ Di Đà bẻm mép”. Nói xong ngọn núi khép lại, không thấy nữa. Đó là thật.

Ông ta nghe nói câu “Di Đà bẻm mém”. Hòa thượng Phong Can nói với ông, như vậy Phong Can chính là Di Đà. Thân thế của hòa thượng Phong Can bị bại lộ. Ông trở về tìm hòa thượng Phong Can, hòa thượng Phong Can đã viên tịch rồi, không còn nữa.

Trong lịch sử TQ, hiện tượng này rất nhiều. Nói xong là niết bàn. Nói xong mà vẫn còn là lường gạt người đấy! Làm gì có lý như vậy! Người xưa làm cho chúng ta thấy. Nhiều thời đại thật sự có, chẳng những có người xuất gia, mà có cả người tại gia nữa.

Chúng ta học đến Phó Đại Sỹ, vị cư sỹ triều đại nhà Đường, ông cũng là hóa thân của Bồ Tát Di Lặc. Những thường thức này, khi chúng tôi mới học Phật, thầy giáo phó chúc cho chúng tôi, sau này gặp phải, đừng bị mắc lừa. Những việc này chẳng thể không biết.

Nhất là vào thời cận đại này, khi xã hội bỏ qua nền giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Xã hội thiếu đi chánh khí, khí hạo nhiên. Người nước ngoài gọi là từ trường. Bởi chúng ta làm mất đi nền giáo dục của cổ thánh tiên hiền. Ở nước ngoài cũng làm mất nền giáo dục của tôn giáo. Tất cả đều làm mê tín, nếp sống của xã hội xấu đi. Người nước ngoài nói từ trường xấu đi. Yêu ma quỷ quái xuất hiện. Nếu xã hội có chánh khí. Có yêu ma quỉ quái chăng? Có, nhưng nó không dám xuất hiện. Nó phải ẩn nấp, không dám hiện thân. Ngày nay nó đã hiện ra. Cho nên nhiều chuyện bịa đặt, nhất định chúng ta phải biết.

Khi đức Phật Thích Ca sắp niết bàn. Tôn giả A Nan thỉnh giáo với Phật: Khi Phật còn tại thế, Phật là thầy của chúng con, ngài nhập niết bàn rồi, chúng con tôn ai làm thầy? Chúng con phải học tập với ai đây? Đức Phật trả lời, ngài không giới thiệu ai hết. Đức Phật nói với A Nan, nghĩa là ngài nói với chúng ta, “lấy giới làm thầy”, “ lấy khổ làm thầy”.

Nếu muốn thật sự thành tựu đạo nghiệp, nhất định phải đem những chuyện ở thế gian, như danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tài sắc danh thực thùy, buông bỏ hết. Vì sao? Nếu không buông được những thứ này, thì làm sao có thể đạt được thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác là tánh đức. Người xưa nói, tự tánh bổn thiện, bổn tánh bổn thiện. Tam tự kinh nói, nhân chi sơ tánh bổn thiện. Tự tánh của quí vị là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Hiện nay mê thất tự tánh, cho nên mới có tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn. Trong tự tánh không có những thứ này. Đó là gì? Là tập tánh, trong tập tánh có, không có trong tự tánh. Tam tự kinh nói tiếp: “tánh tương cận tập tương viễn”.

Đứng về mặt tự tánh mà nói thì mọi người đều là Phật. Đức Phật dạy: tất cả chúng sanh vốn là Phật. Cổ thánh tiên hiền nói: tất cả chúng sanh đều là thánh hiền - “ai ai cũng có thể làm Nghiêu Thuấn”, Nghiêu Thuấn là thánh nhân. Tự tánh của quí vị là như vậy, tánh giống nhau. Ngày nay chúng ta gọi là bình đẳng, nhưng tập thì tương viễn.

Tập là tập tánh, là thói quen, “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Khái niệm giáo dục từ đây mà có. Vì sao phải dạy? “Nếu không dạy, tánh bèn dời”. Nếu không dạy dỗ cẩn thận, tập tánh với bổn tánh càng ngày càng xa, xa đến mức không còn thấy thiện, mà chỉ thấy ác thôi. Phiền phức lớn đấy.

Từ đó quí vị sẽ biết được, mục đích giáo dục từ xưa đến nay là gì? Là hy vọng tập tánh của quí vị sẽ tương ưng với bổn tánh. Như thế là đúng. Mục đích cuối cùng là trở về bổn tánh, giống như Phật pháp vậy. Phật pháp dạy học là dạy chúng ta trở về tự tánh. Tự tánh là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Trở về chỗ này, thì sự giáo dục này viên mãn, thành công rồi!

Chỉ cần trở về tự tánh, thì đối với vũ trụ, nhân sinh, muôn sự muôn vật, chẳng có điều gì quí vị không thông đạt, không hiểu rõ. Vì sao? Bởi tự tánh có trí huệ viên mãn, tự tánh có đức năng viên mãn, ngày nay chúng ta gọi là tài nghệ, tự tánh có phươc báo viên mãn. Tướng hảo chính là phước báo. Không cần cầu, có đủ hết.

Ba loại phước báo này giống ai? Như đức Phật A Di Đà trong kinh đức Phật nói. Thế giới cực lạc của đức Phật A Di Đà, quí vị xem, phước báo của ngài lớn biết bao. Phước báo của quí vị giống như ngài vậy, so với ngài ta không thiếu một điều gì. Đức Phật A Di Đà, thân có vô lượng tướng, tướng vô lượng vẻ đẹp. Chẳng phải chỉ có 32 tướng 80 vẻ đẹp đâu. Đó là cõi nhân gian này. Bản thân mình là thân kim cang bất hoại, thật sự là vô lượng thọ.

Ngày nay chúng ta ra nông nỗi này, đó là gì? Là tập tánh. Tập tánh biến hiện ra, vọng tưởng trong tập tánh. Những đạo lý và chân tướng sự thật này, đều phải hiểu rõ ràng minh bạch. Mê thất tự tánh thì con người sẽ rất khổ. Trí huệ trong tự tánh không thể hiện tiền. Phải làm sao đây? Học tập, cầu học khắp nơi. Những điều ta học được ngày nay là tri thức chứ không phải trí huệ. Đó là sự khác biệt lớn nhất giữa người phương tây và người phương đông.

Phương đông từ xưa đến nay, như TQ, Ấn độ, mục đích dạy học là trí huệ. Phật giáo nói khai ngộ, Nho giáo và Đạo giáo cũng nói đến khai ngộ. Chú trọng ngộ tánh, chú trọng đức hạnh, chú trọng sự điềm tĩnh. Điềm tĩnh gần với định công. Trí huệ giải quyết được mọi vấn đề nhưng không để lại di chứng về sau. Tri thức có thể giải quyết được vấn đề cục bộ, nhưng có nhiều hậu di chứng, đó chẳng phải là phương pháp.

Cho nên đầu tiên chúng ta phải hiểu, Phật pháp thật sự vô cùng viên mãn, bất luận là lý luận, phương pháp, hiệu quả hay kinh nghiệm, đều đáng để cho chúng ta học tập.

Sự thành tựu của Phật pháp không phải thành tựu người khác mà là thành tựu chính mình. Sự y cứ của Phật pháp đều là tánh đức của chính mình. Chúng ta học với ai? Chẳng phải học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng phải học với đức Phật A Di Đà, mà là học với tự tánh của chính mình. Phật A Di Đà là tự tánh biến hiện ra.

Quí vị xem thiền sư Trung Phong khai thị trong tam thời hệ niệm, ngài nói rất rõ ràng: “Tâm con tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm con”. Phật A Di Đà từ đâu mà có? Tâm ta biến hiện ra. Do tâm gì biến hiện ra? Thanh tịnh bình đẳng giác biến hiện ra. Phật A Di Đà chính là thanh tịnh bình đẳng giác của tự tánh. Nơi đây là tịnh độ, tịnh độ là nơi đây. Ngài nói vô cùng rõ ràng minh bạch. Tự tha bất nhị, tánh tướng nhất như. Đây là sự thành tựu của Phật pháp.

Ý niệm khác biệt của hàng phàm phu chúng ta, khác biệt chính là phân biệt, rất khó đoạn. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cần phải học. Học điều gì? Học không khác biệt, cũng có nghĩa là học không phân biệt, cố gắng làm phai nhạt phân biệt, phai nhạt chấp trước, như thế là tiến bộ. Thật sự không phân biệt nữa, chúc mừng quí vị, quí vị đã chứng được quả vị A La Hán, đã siêu việt được lục đạo rồi. Luân hồi lục đạo từ chấp trước mà có, không còn chấp trước thì lục đạo sẽ không có. Không còn phân biệt thì mười pháp giới không còn.

Đến khi nào mới biết mình thật sự đoạn được phân biệt chấp trước? Không còn mười pháp giới là quí vị thật sự đoạn được phân biệt chấp trước. Nếu lục đạo và mười pháp giới vẫn còn, quí vị sẽ biết được mình vẫn còn chấp trước, vẫn còn phân biệt, vẫn chưa đoạn! Đức Phật nói lời chân thật, không giả dối.

Nhưng về lý nhất định chúng ta phải biết. Tâm là thể, năng sanh năng hiện, bao gồm cả năng biến của A lại da.

Phật và chúng sanh, Phật là giác ngộ, chúng sanh thì mê hoặc. Đều là sở sanh sở hiện sở biến. Giác và mê là hai, nhưng đều từ tâm sanh, tam vô sai biệt. Đây gọi là chân bình đẳng.

*Nhập Phật Cảnh Giới Kinh viết: Bồ đề giả, danh vi bình đẳng. Bình đẳng giả, danh vi chân như, nãi chí bình đẳng giả tức thị nhập bất nhị pháp môn. Cố tri hữu sai biệt tức thị nhị, tức bất như. Cố vân bình đẳng tức nhập bất nhị, tức thị chân như. Khả kiến bình đẳng chí nghĩa thẩm thâm.*

Đoạn kinh này hay quá, giống như kinh Hoa Nghiêm nói: “một là tất cả, tất cả là một”. Nếu ta ngộ nhập Phật pháp, trong đó là thông. Người xưa nói rất hay: “ thông được một bộ kinh sẽ làu thông tất cả kinh”. Thông được một pháp môn, sẽ thông tất cả các pháp môn. Còn một pháp không thông, nghĩa là pháp môn đó quí vị chưa thấu triệt. Thật sự thấu triệt rồi thì đâu có lý chẳngthông!

Bồ đề là tiếng Ấn độ, dịch thành tiếng Hán có nghĩa là giác ngộ. Người thật sự giác ngộ, tâm là bình đẳng. Trong tâm còn vọng niệm nghĩa là chưa giác ngộ. Vẫn còn bất bình là chưa giác ngộ. Vẫn còn chấp trước cũng chưa giác ngộ. Bình đẳng là giác ngộ. Bình đẳng chính là chân như trong kinh nói. Chân như chính là bổn tánh.

“Nãi chí bình đẳng giả tức thị nhập bất nhị pháp môn”. Câu này nói hay quá. Nhị là có sai biệt, chúng ta khởi tâm động niệm là nhị, lạc vào hai rồi. Khi nào nhập được pháp môn bất nhị? Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thấy rõ ràng, nghe minh bạch, mà không khởi tâm động niệm, đây gọi là nhập pháp môn bất nhị. Cảnh giới này, trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật nói rất hay. Kinh Lăng Nghiêm nói xả thức dụng căn. Phương pháp tu tập này, phải là bậc thượng căn lợi trí, chúng ta không làm được đâu.

Chúng ta thấy sắc nghe âm thanh là dùng nhãn thức, nhĩ thức. Thức là phân biệt. Không dùng phân biệt là tánh thấy tánh nghe, đó là dùng bồ đề. Tánh thấy thấy là sắc tánh, tánh nghe nghe là thanh tánh. Là tánh chứ không gọi là trần.

Phàm phu nhãn thức thấy là sắc trần, nhĩ thức nghe là thanh trần. Trần có nghĩa là gì? Là nhiễm ô.

Tánh là chân thành, là chân như, không nhiễm ô. Đó gọi là gì? Là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Kiến tánh có nghĩa là như vậy. Mắt thấy sắc tánh, tai nghe thấy thanh tánh.

Tánh có nghĩa là gì? Kinh Bát Nhã nói: “tất cả pháp”, tất cả pháp ở đây chính là cảnh giới lục trần, lục căn lục trần, năng kiến sở kiến. “Tất cả pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Đức Phật giảng kinh Bát Nhã 22 năm, ngài giảng về điều gì? Trí huệ chân thật, vô thượng bồ đề. Ngài nói về chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Những bộ kinh hay như thế, ngày nay dần dần các nhà khoa học đã chứng minh. Đó là việc tốt. Giới khoa học dùng phương pháp thực nghiệm, từ việc thực nghiệm này họ có được kết luận, đức Phật nói không sai. Nhất là nói về duyên khởi của vũ trụ, vạn vật, sinh mạng, nhân sinh, những thứ này từ đâu mà có. Sự việc này cho đến ngày nay, quí vị xem trên thế giới, biết bao nhiêu nhà khoa học, triết học, bao gồm cả các nhà tôn giáo. Mấy ngàn năm rồi nghiên cứu về vấn đề này. Nếu tính cả đạo Bà la môn vào đó, thì phải là hơn 10 ngàn năm rồi, nhân loại nghiên cứu về vấn đề này.

Đạo bà la môn rất giỏi, họ dùng phương pháp tuyệt, họ dùng thiền định đấy. Nhập thiền định thẩm thâm, trong cảnh giới thiền định, đột phá không gian duy thứ. Lục đạo do họ phát hiện ra. Điều này cần nên biết.

Trong công phu thiền định, họ có thể thấy được 28 tầng trời, bên dưới thấy được ngạ quỷ, địa ngục. Là cảnh giới hiện lượng. Hiện lượng nghĩa là tận mắt thấy được, chứ chẳng phải người khác nói cho họ biết, cũng chẳng phải lý luận suy đoán. Họ thật sự nhìn thấy.

Quí vị nhập được cảnh định này, quí vị sẽ thấy được, họ nhập được cảnh định này, họ cũng thấy được. Cho nên người thấy được rất nhiều. Hầu như tất cả tôn giáo ở Ấn độ, đều tu tứ thiền bát định. Học phái Ấn độ, học phái triết học cũng tu thiền định. Cho nên ở Ấn độ, lục đạo được phổ biến khẳng định. Vì sao? Bởi rất nhiều người thấy được rồi.

Năm xưa đức Phật Thích Ca Mâu Ni, 19 tuổi ngài rời vương cung đi tham học. Nền tảng công phu là tứ thiền bát định, dĩ nhiên ngài học rất giỏi. Ngài cũng rất rõ ràng minh bạch. Khi giảng kinh ngài thường đưa ra những điển hình này. Ngài cũng dạy chúng ta hạ thủ công phu từ đây, vì sao? Đây gọi là thế gian thiền định. Xuất thế gian thiền định càng cao hơn. Đây là nền tảng. Nếu không có thế gian thiền định, thì làm sao có thể tu xuất thế gian thiền định?

Xuất thế gian thiền định thấp nhất là A la hán. Trong hội Lăng Nghiêm, định của bậc A la hán tu, gọi là cửu thứ đệ định. Tứ thiền cộng Tứ Không Định, định này có 8 đẳng cấp. Định thứ 9 siêu việt rồi. Bậc A la hán chứng được. Siêu việt luân hồi lục đạo. Lên trên nữa, định của hàng Bồ tát càng sâu hơn. Bồ tát tiến lên nữa, có khoảng hơn 40 đẳng cấp. Chúng ta tính từ bậc A la hán, định thứ chín, đẳng cấp thứ chín. Bích Chi Phật là 10. Trong mười pháp giới, Bồ tát là thứ 11, Phật là thứ 12. Lên trên nữa vẫn còn 41 đẳng cấp, 41 vị pháp thân đại sỹ ở hội Hoa Nghiêm. Cấp bậc từ từ hướng thượng nâng lên. Đây gọi là chân tu hành, chân công phu.

Bất luận tu tập pháp môn nào, quí vị chẳng thể nói không cần trải qua những gian đoạn này, không thể được. Bất luận tu pháp môn nào, đều phải theo thứ lớp này tiến lên. Đấy là Phật pháp, Phật pháp cao thâm mà.

Xã hội của chúng ta ngày nay, ngay cả giới triết học và khoa học, có trí huệ của bậc A la hán, nhưng không có đức hạnh của A la hán. Đức hạnh chính là định, họ không có định của bậc A la hán. Họ nghiên cứu, dùng máy móc tinh vi quan sát được. A la hán thấy được, thiên nhãn, huệ nhãn của bậc A la hán thấy được, không cần dùng máy móc, họ còn thấy được rõ hơn quí vị nữa. Lên cao nữa như các vị Bồ tát thì chẳng cần phải nói.

Đến chỗ nhập pháp môn bất nhị, hàng Bồ tát Sơ trụ trong hội Hoa Nghiêm mới nhập được. Cũng chính là điều trong đạo Phật thường nói: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là nhập pháp môn bất nhị.

Trong mười pháp giới có nhị, bởi họ vẫn còn vi tế phân biệt. Đến cõi thật báo, siêu việt mười pháp giới, thật sự không còn ý niệm đối lập nữa. Điều này ngày nay chúng ta đang học, họ cách nào? Học không đối lập với người, họ đối lập với ta, ta không đối lập với họ. Không đối lập với sự việc, cũng không đối lập với tất cả vật. Từ trong nội tâm hóa giải đối lập.

Làm cách nào để đạt đến chỗ công phu như thế? Khi đạo Phật chưa truyền sang TQ, người xưa đã đưa ra vấn đề, không khác gì lời Phật dạy.

Lão tử nói: “thiên địa với ta đồng căn, vạn vật với ta nhất thể”. Ta và thiên địa vạn vật đồng căn một thể, thì làm gì có hai nữa? Đây chẳng phải là điều đức Phật nói sao? Đó chính là nhập pháp môn bất nhị mà đạo Phật nói. Cho nên người xưa, tôi cho rằng họ đều là chư Phật bồ tát tái lai, đến TQ hóa độ chúng sanh.

Người xưa không tin có thần, quí vị đọc lịch sử xưa xem, người xưa không mê tín, ở đó không có tôn giáo. Nước ngoài có tôn giáo, ở đó không có tôn giáo. Ở đó có thánh nhân, có hiền nhân. Những điều các vị thánh hiền này dạy chúng ta, có nhiều chỗ tương ưng với Phật pháp. Cho nên Phật pháp truyền vào TQ, được người TQ vô cũng hoan nghênh. Đạo lý là ở chỗ này.

Tôn giáo truyền vào TQ, người TQ tỏ ra lạnh nhạt với nó, không hoan nghênh cho lắm. Nhưng người xưa rộng lượng, từ bi, bao dung không bài xích, đối xử rất tốt. Chúng ta có thể hòa bình chung sống. Thật sự đã bao dung tôn giáo.

Ở đây cho thấy ý nghĩa bình đẳng vô cùng thâm sâu. Trong Phật pháp trước nói về thanh tịnh, sau nói về giác, đều có nghĩa lý vô cùng thâm sâu.

*Kim đề trung viết bình đẳng giác, khả hữu tứ giải.*   
 Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ hợp bình đẳng giác lại. Tôi giảng kinh đem bình đẳng giác phân ra. Ở đây ông hợp bình đẳng giác lại, cũng được. Vì sao? Bởi bình đẳng là định, nhân định khai ngộ, giác là khai ngộ. Thanh tịnh là giới. Bình đẳng là định. Giác là trí huệ. Khai ngộ rồi.

Nếu đứng về mặt thể dụng mà nói, bình đẳng là thể của khai ngộ, từ đây mà khai ngộ. Khai ngộ là dụng của bình đẳng. Bình đẳng là thể, giác là dụng. Chúng ta đang nói về thể- tướng -dụng. Thanh tịnh là tướng. Bình đẳng là thể. Giác là dụng. Đây là đứng về mặt thể-tướng-dụng mà nói.

Bình đẳng giác có bốn nghĩa.

*Nhất viết bình đẳng phổ giác nhất thiết chúng sanh.* Câu này có nghĩa là *phổ linh nhất thiết chúng sanh bình đẳng thành Phật chi pháp.*

Ý nghĩa này hay quá. Đức Phật nhìn chúng sanh đều là Phật. Bồ tát thấy chúng sanh đều là Bồ tát. Pháp bình đẳng đấy. Đây là thật sự đã giác ngộ. Phàm phu thì thấy Phật Bồ tát cũng là phàm phu. Từ đó cho thấy, trong kinh nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, không sai tí nào.

Pháp chẳng phải là chân, nó hoàn toàn do cách nhìn của quí vị. Nếu quí vị thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, thì tâm của quí vị sáng tỏ, tự tại và thanh tịnh biết bao. Nói cách khác, thanh tịnh bình đẳng giác trong tự tánh của quí vị đã xuất hiện rồi.

Tất cả chúng sanh thật sự là Phật chăng? Đúng là Phật! Chúng ta thấy họ không phải là Phật, là do chúng ta nhìn nhầm, Phật không nhìn nhầm đâu. Đây là sự thật.

Vì sao đức Phật không nhìn nhầm? Bởi ngài nhìn về tánh, tánh là bình đẳng. Vì sao chúng ta nhìn sai? Bởi chúng ta nhìn về tướng. Tướng không giống nhau.

Người xưa đưa ra ví dụ: lấy vàng làm đồ trang sức, đồ trang sức đều là vàng. Chúng ta thấy như nhẫn, lắc tay, dây chuyền, không giống nhau! Nhẫn chẳng phải là lắc tay, lắc tay chẳng phải là dây chuyền. Chúng ta nhìn từ hình tướng. Đức Phật thấy thế nào? Đức Phật thấy đều là vàng ròng. Nhẫn là vàng ròng, lắc tay là vàng ròng, dây chuyền cũng vậy, tất cả đều là vàng ròng. Bình đẳng mà!

Chấp tướng thì không thấy tánh, thấy tánh thì không chấp tướng. Nếu chúng ta không chấp tướng, không riêng gì con người, mà muôn sự muôn vật đều là bổn tánh hiện ra. Bình đẳng giác hiện tiền. Chấp tướng thì không được, sẽ khác nhau rất nhiều. Trong tâm quí vị vọng niệm sẽ nhiều. Nếu thanh tịnh bình đẳng giác, trong tâm sẽ không có vọng niệm. Không có vọng niệm được lợi ích lớn, là chân tự tại.

Đức Phật dạy chúng ta, phàm phu lục đạo chấp tướng. Pháp giới tứ thánh tuy không chấp tướng, nhưng họ có phân biệt, cho nên cũng chưa thấy tánh. Họ không chấp tướng nhưng có phân biệt. Nhất định phải buông bỏ hết phân biệt chấp trước, sau đó mới có thể đạt được không khởi tâm không động niệm. Đó là thấy tánh.

Đức Phật lấy *bình đẳng phổ giác.* Phổ biến giác ngộ tất cả chúng sanh. Chúng ta đem câu này, dùng ngôn ngữ hiện nay để giải thích. Đức Phật dùng phương pháp bình đẳng phổ biến, giúp cho tất cả chúng sanh giác ngộ. Như thế mọi người sẽ dễ hiểu. Đây gọi là chân từ bi.

“Phổ linh nhất thiết chúng sanh bình đẳng thành Phật chi pháp”. Đây là phương pháp gì? Chính là phương pháp mà kinh Vô Lượng Thọ nói. Phương pháp này nói đơn giản chỉ có 8 chữ: “phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm”. Bất luận nam nữ già trẻ, phú quí bần tiện, thượng trí hạ ngu, dùng phương pháp này đều sẽ thành Phật. Đây là bình đẳng, chân bình đẳng. Về đến thế giới tây phương cực lạc, đức Phật A Di Đà bổn nguyện oai thần gia trì, ai ai cũng là Bồ tát A Duy Việt Trí, đây gọi là bình đẳng thành Phật. Không giống những phương pháp khác.

Tông chỉ tu tập này được viết trên đề kinh. Dưới đây nói: *Kim kinh trung phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm chi pháp, phổ bị tam căn. (*Thượng trung hạ tam căn) *Bổn kinh vị đương lai nhất thiết hàm linh giai y thử pháp nhi đắc độ thoát, chánh hiển bình đẳng phổ giác chi nghĩa.*Đây là ý nghĩa thứ nhất.

Pháp môn này thù thắng không gì sánh bằng! Chúng ta phải tin tưởng đức Phật. Không được có cảm giác tự ti, tôi tạo nhiều nghiệp, tội lỗi sâu dày, e rằng không thể vãng sanh. Như vậy quí vị đã cô phụ đức Phật A Di Đà rồi. Hiện nay đức Phật A Di Đà giúp cho quí vị một đời thành Phật, vì sao quí vị không dám làm? Như thế là sai. Quan trọng nhất là phải nhận lấy.

Khoa học lượng tử ngày nay cũng cho chúng ta biết, bất luận quá khứ quí vị tạo tội nghiệp nặng cách mấy, khi ta chuyển đổi ý niệm, thì tất cả sẽ được hóa giải. Vì sao? Bởi tội và phước đều không có thật. Tất cả mọi hiện tượng đều chẳng phải là chân. Tất cả mọi hành vi cũng chẳng phải chân. Nếu nó thật có thì phiền phức rồi. Những việc này từ đâu mà có? Đều từ ý niệm mà có. Một niệm bất giác là ác, một niệm giác là thiện.

Khi nói đến chỗ cao hơn nữa, nói cho quí vị biết, không có tướng tương tục thật sự. Giống như chúng ta xem phim vậy, phim nhựa ngày xưa, từng tấm phim nhựa. Ở chỗ này tôi có đạo cụ đây. Quí vị xem từng tấm từng tấm phim. Nó có tương tục chăng? Nó không tương tục. Mỗi tấm đều khác nhau, độc lập riêng biệt. Ý niệm của chúng ta cũng như vậy, mỗi ý niệm đều độc lập riêng. Niệm trước và niệm sau có tương tợ, nhưng hoàn toàn không tương đồng. Nếu hoàn toàn tương đồng, thì Giang Bổn Thắng làm thí nghiệm nước, ý niệm trước của ta, ta dùng tâm thương yêu kết thành tinh. Ngày mai ta vẫn dùng tâm thương yêu của mình để làm thí nghiệm, thì kết tinh đó phải tương đồng, vì sao nó lại không giống nhau? Một giây trước và giây sau không giống nhau. Cho nên tiếng sỹ Giang Bổn Thắng nói với tôi, ông ấy làm mười mấy năm rồi, chưa phát hiện có hai tấm hoàn toàn tương đồng. Ông hỏi tôi vì sao như vậy? Tôi đem đạo lý của Phật pháp giảng cho ông ấy nghe. Tuy nói một mình ông làm, tình thương yêu của ông, giây phút trước và sau không giống nhau. Tuyệt đối không có tương đồng. Có bằng chứng trong Phật pháp. Ngày nay trong khoa học lượng tử cũng có bằng chứng. Khoa học lượng tử cũng nói như vậy, họ cũng dùng phim nhựa làm ví dụ. Thật sự là như vậy.

Cho nên một niệm giác, một niệm là thiện, những bất thiện đằng trước không còn nữa. Đây gọi là chân sám hối. Vì sao thường xuyên sám hối mà không hết tội? Quí vị cho rằng tội nghiệp của mình trước đây sâu nặng, thường nghĩ như vậy. Ý niệm đó khởi lên, ác niệm lại xuất hiện, không có cách nào làm sạch được. Quí vị hiểu rõ đạo lý này rồi, ý niệm của chúng ta niệm niệm không tương đồng. Ý niệm này của ta thiện, không nghĩ đến những ý niệm trước thì tự nhiên nó sẽ không còn. Vì sao cứ nghĩ đến nó vậy? Sai lầm rồi!

Người học Phật nghĩ đến điều gì là tốt nhất? Nghĩ đến đức Phật A Di Đà là tốt nhất. Vì sao? Phật A Di Đà là tượng trưng cho tự tánh viên mãn, tượng trưng toàn thể của tự tánh. Một câu A Di Đà Phật là bao gồm tất cả. Không nên tản mát tu tất cả những tán thiện đó. Quí vị như vậy là đại viên mãn.

Muốn học kinh, một đời đức Phật giảng bao nhiêu kinh. Quí vị nên biết, đó chẳng phải đức Phật nói với chúng ta, mà ngài nói với những người thời đó. Những người đó không liên quan gì đến chúng ta. Đức Phật ứng cơ thuyết pháp. Nếu năm nay chúng ta gặp đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài nói với ta bộ kinh này, đó là ngài độ ta. Nhưng đức Phật rất từ bi, tất cả kinh đều có đối tượng. Có một bộ kinh không có đối tượng, ai cũng thích hợp, đó chính là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà.

Nói cách khác, tuy bộ kinh này đức Phật nói cách đây 3 ngàn năm về trước. Nhưng ta có thể nói là ngài nói với ta. Vì sao? Pháp bình đẳng mà. Những bộ kinh khác không bình đẳng, có đối tượng đặc biệt. Căn tánh quí vị không tương đồng. Đó là nhân bệnh mà cho thuốc. Bộ kinh này là thuốc vạn linh, bệnh gì cũng chữa được. Không cần chẩn đoán, chắc chắn chữa khỏi bệnh cho quí vị. Đây là bài thuốc phổ thông, bệnh gì cũng thích hợp. Cho nên trong kinh được ví là thuốc A Già Đà. A Già Đà là tiếng Ấn độ, giống như TQ gọi vạn linh đơn vậy. Bất luận căn bệnh gì, chỉ cần có được thuốc này thì chắc chắn chữa khỏi bệnh.

Thứ hai *Dĩ bình đẳng pháp giác ngộ chúng sanh.*

Thứ nhất là bình đẳng phổ giác nhất thiết chúng sanh. Ở đây thêm một pháp nữa. Pháp là phương pháp, là môn đạo.

*Tịnh Ảnh Sớ viết, vô tác vô sở hữu đẳng, vi bình đẳng pháp. Trì danh chi pháp, tâm tác tâm thị, ám hợp đạo diệu, xảo nhập vô sanh. Tùng hữu niệm nhập vô niệm, nhân vãng sanh chứng vô sanh. Niệm đắc năng sở lưỡng vong, tức thị Kim Cang Bát Nhã chi ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Diệc tức Tịnh Ảnh Sớ chi vô tác vô sở hữu. Dĩ như thị pháp giáo đạo chúng sanh hoành xuất tam giới, thành cứu cánh giác, thị vị dĩ bình đẳng pháp giác ngộ chúng sanh.*

Đoạn kinh này cũng nói rất rõ ràng. Tịnh Ảnh Sớ là một bộ chú giải kinh Vô Lượng Thọ, do vị pháp sư đời nhà Đường viết. Trong đó giải thích về hai chữ bình đẳng. “Vô tác vô sở hữu đẳng” gọi là pháp bình đẳng.

Có tác là có phân biệt, có chấp trước. Có sở hữu cũng là có phân biệt, chấp trước, như thế là không bình đẳng rồi.

Chư Phật Bồ tát ứng hóa tại thế gian, có tác chăng? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta mà ngài giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm. Trong lòng chúng ta là ngài có tác, có sở hữu. Nhưng với Phật thì ngài vô tác, vô sở hữu. Câu này giải thích thế nào?

Phàm phu chúng ta, bảo quí vị dạy một tiết, thì phải chuẩn bị trước, chuẩn bị là có tác, có sở tác. Năm xưa đức Phật giáo hóa chúng sanh, quí vị nên biết, ngài không có bài giảng, không có sách, tùy khẩu thuyết. Nguồn gốc của kinh là sau khi ngài niết bàn, học trò của ngài từ chỗ nhiều năm tiếp nhận sự dạy dỗ, tự mình nhớ lại, đức Phật đã dạy như thế nào, đem viết ra thành sách lưu truyền lại đời sau. Nguồn gốc là như vậy.

Đức Phật Thích Ca như vậy, Khổng lão phu tử còn tại thế cũng như vậy. Khổng lão phu tử còn viết mấy bài, không nhiều. Chúng tôi biết Dịch Kinh Hệ Từ Truyền, là bài viết của Khổng lão phu tử. Xuân Thu, bộ sách này do Khổng tử viết. Truyện là giải thích, là chú giải. Có ba nhà chú giải. Tả Khưu Minh có Cốc Lương Truyện. Khổng tử viết một số sách.

Đức Phật thì không. Đức Phật không viết một bài nào hết. Cho nên ngài nói, ai nói ngài thuyết pháp suốt 49 năm, là phỉ báng Phật. Đức Phật phủ định những điều mình nói trong suốt 49 năm. Ngài không nói pháp, ngài thật sự không nói pháp. Vì sao nói nhiều như vậy mà nói thật sự không nói pháp? Bởi nói mà không nói, không nói mà nói. Cái này diệu đấy, càng nói càng huyền rồi. Thế nào là không nói? Ngài không khởi tâm động niệm mà!

Khi chúng ta nói pháp, trong đó có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Ngài thì không có. Ngài không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Sao ngài nói được? Tự nhiên lưu xuất ra, từ tự tánh lưu xuất ra. Quí vị xem kinh sách ghi chép lại hay như thế, trong tự tánh có điều lý, có thứ tự, không hề loạn tí nào. Pháp nhĩ như thị, tự nhiên mà!

Chúng ta nghĩ lại xem, thân thể của mình, thân thể này do cha mẹ sanh ra. Đầu tiên là tế bào đơn, vì sao ở trong thai mẹ lại lớn lên thành một cơ thể phức tạp như thế này? Bên ngoài có nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, bên trong có ngũ tạng lục phủ, kinh mạch hoàn chỉnh không thiếu cái nào. Ai tạo ra ? Ai thiết kế ? Ai chế tạo vậy? Không có! Pháp vốn như vậy.

Đức Phật thuyết pháp vô cùng viên mãn, cũng giống như cơ thể của chúng ta, từ tự tánh tự nhiên lưu xuất ra. Cơ thể của con người thật sự cũng có sự khác biệt nào đó, như sức khỏe bất đồng, diện mạo bất đồng. Trong đời phú quí bần tiện bất đồng. Những khác biệt này là do nghiệp lực biến hiện ra. Ở đây nói, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh.

Đời quá khứ tu phước, đời này đến hưởng phước. Đời quá khứ tạo nghiệp, thì đời này đến thọ tội, chịu khổ chịu nạn. Đức Phật dạy: nhân sinh thù nghiệp! Tuy có nghiệp lực, nhưng có thể thay đổi, chứ chẳng phải không thể thay đổi.

Liễu Phàm Tứ Huấn là điển hình dạy chúng ta thay đổi vận mệnh hay nhất. Số không có tiền của, có thể có tiền. Số không được thông minh trí huệ có thể được thông minh trí huệ. Số không thọ có thể được trường thọ. “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”. Những lời này khi tôi mới học Phật, thầy giáo dạy tôi - Chương Gia đại sư dạy tôi. Trong đây có đạo lý, có phương pháp. Cầu như lý như pháp, thì cảm ứng không thể nghĩ bàn.

Tôi học Phật 59 năm, hoàn toàn thực hiện, tôi nương vào lời dạy dỗ của thầy, hoàn toàn thực hiện, cho nên không hề có chút nghi ngờ nào.

Có phước báo, khi hưởng phước vẫn phải tu phước, thì phước báo của quí vị đời đời kiếp kiếp hưởng không hết. Nếu hưởng phước mà không biết tu phước, sẽ hưởng hết phước. Ngạn ngữ có câu: “Giàu không quá ba đời”. Đó chính là hưởng phước mà không biết tu phước. Nếu biết tu phước, thì phước báo của họ đời đời kiếp kiếp không hết.

Ở TQ, ngài Ấn Quang đưa ra hai người, một là Khổng lão phu tử. Quí vị xem Khổng lão phu tử, Khổng Đức Thành bảy mươi mấy đời rồi. Gia đạo không suy, đấy là tích đức lớn. Đức lớn ở đây là dạy học. Một đời Khổng tử không làm việc gì khác chỉ dạy học. Dạy điều gì? Dạy đạo thánh hiền. Phu tử là người thật thà. Chúng ta dùng từ thật thà, nghe lời, làm thật, ông đã làm được sáu chữ này. Những điều ông học, ông tu, ông dạy, ông truyền lại, chẳng phải của mình. Ông không nói dối, ông thật thà. Là của ai? Của cổ thánh tiên hiền. Cho nên người đời sau tôn xưng ông là Tập Đại Thành Giả.

Từ xưa đến nay, mấy vạn năm về trước rồi, khi đó chưa có văn tự, chưa phát minh ra văn tự, tất cả đều là khẩu truyền. Đời đời kiếp kiếp truyền lại, đến đời Phu tử thì có văn tự rồi, dùng văn tự ghi chép lại truyền cho đời sau. Cho nên ông là Tập Đại Thành Giả.

Bản thân ông nói là những lời chân thật chứ không phải là khiêm hạ. Chúng ta phải lãnh hội được điểm này, ông nói bản thân mình một đời là “thuật nhi bất tác”. Điều này nói lên rằng ông không sáng lập, không phát minh ra. Những điều ông tu, ông học, ông truyền lại, hay dạy học, đều là của cổ thánh tiên hiền, bản thân ông không sáng lập ra.

“Tín nhi hiếu cổ”, thái độ này thật hiếm có. Ông tin tưởng cổ thánh tiên hiền. Thích những lời dạy của cổ thánh tiên hiền. Ông nghiêm chỉnh học tập, ông lý giải được, và thật sự làm được.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không khác Khổng tử, cũng là nhân vật nhất lưu. Trong kinh Hoa Nghiêm, trên đề kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm. Đại sư Thanh Lương chú giải. Trong đó có mấy câu: Tất cả pháp mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm , đều là những điều cổ Phật từng nói. Đức Thế Tôn không thêm một chữ nào vào kinh điển của cổ Phật. Ngài còn nghiêm khắc hơn Khổng lão phu tử nữa. Chúng ta có thể tin được những lời này chăng? Tin được. Nương vào đâu? Ngài thấy tánh mà. Chỉ cần thấy tánh thì kim Phật như cổ Phật tái lai. Mọi người đều thấy tánh, những người thấy tánh nói ra đều giống nhau, làm sao khác được! Ngài là cổ Phật, quí vị là kim Phật, quí vị thấy tánh rồi, đương nhiên sẽ nói giống như ngài thôi. Không tăng không giảm.

Từ đó cho thấy, mục đích Phật pháp dạy con người, chính là minh tâm kiến tánh.

Chúng ta niệm Phật cầu sanh về thế giới cực lạc, đến đó làm gì? Ở thế gian này, môi trường này, chúng ta không thể thấy tánh, không thể thành Phật. Đến môi trường ở thế giới cực lạc, đến đó để làm gì? Để minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đến đó để làm việc này. Điều này chúng ta chẳng thể không biết.

Cho nên Phật Phật đạo đồng. Quí vị xem, ở TQ, chúng ta ở đây thuộc về Quảng Đông, có duyên sâu dày với thiền tông Lục Tổ Huệ Năng. Ngài đã khai ngộ. Chúng ta biết, ngài không biết chữ, không đi học. Chỉ cần thấy tánh, thì trí huệ của ngài, đức năng của ngài, không khác gì cổ Phật cả. Thực tế mà nói, tướng hảo cũng không khác.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Ấn độ, hiện Phật thân, Lục Tổ Huệ Năng hiện thân Tỳ kheo. Giống như 32 ứng nói, cần lấy thân gì để độ, bèn hiện thân đó để hóa độ. Đều là viên mãn không khiếm khuyết. Cần lấy thân gì để độ bèn hiện thân đó. Tất cả kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, đĩ nhiên ngài không đọc qua, cũng chẳng cần đọc. Quí vị đọc cho ngài nghe, ngài giảng lại cho quí vị nghe. Khi quí vị đọc không khai ngộ, nghe ngài giảng rồi bèn khai ngộ. Vị thầy này quá tài giỏi!

Chư vị lịch đại tổ sư, nói thiệt nhé, ngài là người độ chúng sanh giỏi nhất, không ai hơn được ngài. Học trò của ngài rất đông, những người đại triệt đại ngộ, đạt được cảnh giới như ngài, có 43 người. Trước thời Lục Tổ không có, sau thời Lục Tổ cũng không có, đây là không tiền tuyệt hậu đấy!

Điều này chứng minh cho ta thấy Phật Phật đạo đồng, chứng minh chân tướng sự thật này. Cho nên thái độ “tín nhi hiếu cổ”, là đại thánh đại hiền, là chư Phật Bồ tát làm gương cho chúng ta.

Nếu bản thân mình nương vào sự tưởng tượng của mình mà làm, thì đều đi đường vòng. Các ngài đi đường thẳng chứ không đi đường vòng. “Tín nhi háo cổ, thuật nhi bất tác”. Tuyệt đối không có tâm danh lợi, chân thật học tập, đều thành thánh thành hiền, thành Phật thành Bồ Tát.

Đây là Tịnh Ảnh Sớ giải thích về ý nghĩa chân thật của pháp bình đẳng.

*Bổn kinh trì danh chi pháp, tâm tác tâm thị.* Phương pháp trì danh là tâm làm Phật, tâm là Phật. Tâm là Phật là tánh đức, tâm tác Phật là tu đức. Tánh tu bất nhị. Tánh tu viên mãn tương ưng. Tu đức là Bồ tát, tánh đức là Phật. Quí vị vốn là Phật, ngày nay lại phát tâm làm Phật. Dùng phương pháp nào phát tâm làm Phật? Phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm, là phát tâm làm Phật.

*Ám hợp đạo diệu.* Đạo ở đây là nói đạo thiền tông, đạo mật tông, không dễ tu đâu. Nhưng niệm Phật phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm thì dễ dàng. Đạo hoàn toàn tương ưng.

*Xảo nhập vô sanh.* Xảo diệu, từ hữu niệm niệm đến vô niệm. Mới bắt đầu thì có, vì sao? Bởi có phân biệt có chấp trước. Niệm đến ba năm năm năm, thật sự nhất tâm, ngoài câu Phật hiệu ra không có niệm thứ hai nào khác. Cuộc sống sinh hoạt, tùy duyên diệu dụng.

Diệu dụng là gì? Tùy duyên thôi, Phật hiệu không gián đoạn. Miệng không niệm thành tiếng, nhưng trong tâm không gián đoạn, diệu dụng đấy! Xảo nhập vô sanh rồi!

Từ hữu niệm niệm đến vô niệm, vô niệm mà niệm, mới đầu là hữu niệm mà niệm, niệm đến cuối cùng là vô niệm mà niệm. Vẫn là niệm Phật. Vì sao nói vô niệm? Không còn phân biệt chấp trước, niệm này không còn nữa. Không còn khởi tâm động niệm. Vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc, trực tiếp sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Công phu này có cao thấp. Vô niệm, nếu niệm không chấp trước, thì sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư. Không khởi tâm không động niệm, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chỉ dùng một phương pháp. Nếu còn hữu niệm, thì sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tất cả đều được vãng sanh. Niệm đến chỗ vô niệm, tiêu chuẩn của vô niệm là không khởi tâm không động niệm, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Thời gian mấy năm thôi là thành công rồi.

Làm thế nào để niệm đến chỗ vô niệm? Niệm đến chỗ vô niệm nghĩa là gì? Nghĩa là chúng ta niệm hết tập khí phiền não, chứ không có gì khác.

Ấn Quang đại sư dạy chúng ta một phương pháp, rất hay: Dán chữ tử trên trán, thường xuyên nghĩ rằng, mình sắp chết rồi. Nghĩ xem khi lâm chung quí vị mang được thứ gì? Quí vị hiểu rõ ràng rồi, hiểu thông rồi, chẳng phải buông bỏ hết rồi sao? Phương pháp này hay quá!

Tôi thường dạy mọi người, bản thân tôi cũng làm như vậy, mỗi ngày tôi đều coi là ngày cuối cùng của đời mình. Hôm nay là ngày cuối cùng của tôi, tôi nên làm điều gì đây? Chân thật niệm Phật, những thứ khác đều buông bỏ hết. Cho nên vì sao tâm thanh tịnh, chính là đạo lý này. Tôi sắp chết rồi, không mang theo được gì, chỉ có câu A Di Đà Phật là mang theo được. Những thứ không mang theo được phải buông hết. Như thế quí vị mới có thể đạt được tâm thanh tịnh.

Đối với thế gian này còn một chút lưu luyến, thì phiền phức lớn đấy. Khó buông xả nhất là thân tình.

Tôi may mắn, khi mới học Phật Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, nên không bị cửa ải thân tình này. Ngài dạy tôi học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp, ngài không kiến lập đạo tràng, không có một đạo tràng nào hết. Cho nên ngài không bị vướng mắc. Học trò ai ai cũng học theo ngài, đệ tử ngài khi đó đều học theo ngài, không ai kiến lập đạo tràng.

Phương thức sinh hoạt, đều là ngày ăn một bữa, tối ngủ dưới gốc cây, sống đời sống đơn giản nhất, cũng chính là cuộc sống hạnh phúc nhất, mỹ mãn nhất. Vì sao? Bởi nó giúp cho quí vị đạt được tâm thanh tịnh bình đẳng giác. Quí vị nghĩ xem hạnh phúc và vui sướng biết bao!

*Nhân vãng sanh chứng vô sanh.*  Sanh về thế giới tây phương cực lạc, đại triệt đại ngộ là chứng vô sanh. Niệm đến chỗ năng sở lưỡng vong. Lưỡng vong nghĩa là không chấp trước hai đầu nữa. Tâm là năng niệm và Phật là sở niệm dung thành một phiến, năng sở bất nhị, sanh Phật bất nhị. Như kinh Kim Cang nói: “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Quí vị xem, tương ưng với bát nhã đấy. Thiền tông đạt được cảnh giới này không dễ dàng đâu, nhưng niệm Phật dễ dàng đạt được cảnh giới này. Làm được mà.

Đây cũng chính là “vô tác vô sở hữu” mà Tịnh Ảnh Sớ nói. Hoàn toàn là bát nhã, vô tác mà tác, tác mà vô tác.

*Dĩ như thị pháp giáo đạo chúng sanh hoành xuát tam giới.* Không phải thụ xuất. Thụ xuất là từng lớp từng lớp đi lên. 28 tầng trời, từng tầng từng tầng leo lên, như leo cầu thang vậy. Leo lên rồi, trên là tứ thánh, Thanh Văn- Duyên Giác- Bồ Tát- Phật. Vẫn còn bốn tầng. Siêu việt mười pháp giới mới gọi là thật sự thành tựu. Chứng được Bồ tát Sơ trụ của viên giáo. Đây chính là điều thiền tông nói : đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Bồ tát Sơ trụ, trong kinh đại thừa nói, các ngài lấy địa vị là Phật để xuất hiện ở thế gian. Cần lấy Phật thân để độ, các ngài có thể hiện 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, lấy thân này để giáo hóa chúng sanh. Thật sự làm được không khởi tâm, không động niệm. Lên cao nữa, chúng ta thấy trong hội Hoa Nghiêm nói rất rõ, các ngài và cứu cánh Phật quả thật sự bình đẳng, còn kém một chút gì? Chưa đoạn tập khí vô thỉ vô minh. 41 phẩm, 41 địa vị này, là nói về tập khí dày hay mỏng, chứ không nói về điều gì khác. Cho nên trong cảnh giới đó, nghĩa là trong cõi Thật báo, 41 vị pháp thân đại sỹ và cứu cánh viên mãn Phật, trí huệ, đạo lực, thần thông, tướng hảo đều bình đẳng hết. Hoạt động của các ngài là biến pháp giới hư không giới. Chúng sanh có cảm, các ngài có ứng.

Cho nên trong đây, trong kinh luận thường nói, đức Phật không độ người vô duyên với ngài. Cảm ứng nghĩa là có duyên. Bất luận thiện duyên hay ác duyên đều bình đẳng, thiện duyên cũng được, ác duyên cũng được, quí vị thành Phật rồi thì dễ dàng độ cho họ, họ có duyên với quí vị. Đến khi đó tất cả đều trở thành pháp duyên.

*Hoành xuất tam giới, thành cứu cánh giác*. Về thế giới tây phương cực lạc, chắc chắn chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Đó chính là pháp bình đẳng. Giác ngộ chúng sanh.

*Thứ ba:* *Bình đẳng giác chỉ Như Lai chi chánh giác, chánh giác vô nhất thiết cao để thâm thiển chi biệt. Cố viết bình đẳng giác.*

Nghĩa là thấy tánh, thấy tánh thì bình đẳng. Thấy tánh rồi chắc chắn không còn phân biệt chấp trước.

*Thứ tư: Chuyên tựu bổn kinh bình đẳng giác diệc tức cực lạc giáo chủ chi thánh hiệu.*

Bình đẳng giác chính là Phật A Di Đà, biệt hiệu của đức Phật A Di Đà là Bình Đẳng Giác.

*Dĩ thượng chư nghĩa,* Bốn ý nghĩa, *đề trung cụ nhiếp,* đều bao gồm trên đề kinh này. Đề kinh này phía sau vẫn còn một đoạn nữa. Cuối cùng nói về chữ kinh. Giảng chữ kinh xong rồi, chúng tôi sẽ tập hợp lại để giải thích.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.